

# SỒ-SỐ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ  
TA THÊM CỦA

**3 LÔ ĐỘC ĐẮC**  
mỗi lô :

**1.000.000\$**

Xổ Thứ Ba Hàng Tuần  
mỗi vé 10\$

Thần-Tài chẳng vị riêng ai  
cứ mua vé số  
thì Thần-Tài sẽ đến thăm

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961  
Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ  
In tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN  
231-233, Phạm Ngũ-Lão - Saigon



*Chiêu Đăng*

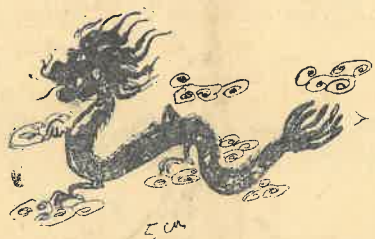
**PHỔ - THÔNG**  
TẠP-CHÍ

*Thần mến chíu toàn thê Bạ Đợc  
nhiên Hạnh-Phúc, Thặng-Lợi trong năm  
GIÁP - THÌN*

# PHỔ - THÔNG

SỐ TÂN NIÊN (121)

sẽ ra ngày 1 - 3 - 1964



sắp xuất bản

## HOA MÁU

Thơ mùa Cách-Mạng

Những bài thơ đã bị cấm đăng trong  
thời kỳ Phật-giáo bị đàn-áp, và những  
bài thơ làm trong thời Cách-mạng tháng II.

của Nguyễn - Vỹ

Phổ - Thông tùng - thư

# PHỔ THÔNG

TẠP - CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM  
PHỔ BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Giám-đọc, Chủ-bút: Nguyễn - Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài Gòn — Đ.T. 25.861

Ty Quản-lý: 531, Đại-lộ Trần-hưng-Dạo — Saigon

NĂM THỨ VI ★ SỐ 120 ★ 1-2-1964

1.— Hàn lâm viện Việt-Nam . . . . .	Nguyễn-Vỹ	7 — 9
2.— Hy vọng một mùa xuân nhân loại . . .	Thiếu-Son	10 — 16
3.— Một chiến công vẻ vang của Quân Đại Việt. . . . .	Nguyễn-tử-Quang	17 — 27
4.— Con Rồng qua Đông-Tây kim-cổ . . . .	Từ-trâm-Lệ	28 — 40
5.— Tâm sự của nhà phê-bình trước lên năm mới . . . . .	Thâm-thệ-Hà	41 — 46
6.— Sao anh không về. Đêm (thơ) . . . .	Hương-Viên	47
7.— Chưa tàn diều thuốc (truyện ngắn) . . .	Lam-Hồ	48 — 52
8.— Giọng thơ hôm nay (thơ) . . . . .	Tạ-Kỷ	53
9.— Những năm Thìn lịch sử . . . . .	Anh-Vũ	54 — 60
10.— Xuân muôn màu . . . . .	Võ-quang-Yến	61 — 68
11.— Cảm nghĩ... ban đêm. . . . .	Bs Anh-Tuấn	69 — 70
12.— Bàn tay nào... đó em (thơ) . . . . .	Tô-Lãm	71
13.— Mùa xuân với thi-nhân. . . . .	Nhược-Băng	72 — 77
14.— Xuân dân tộc (thơ) . . . . .	Phượng-Trình	78
15.— Tuấn, chàng trai nước Việt . . . . .	Nguyễn-Vỹ	79 — 84
16.— Dòng lệ xuân (thơ) . . . . .	Thi thi Hoài-Mộng	85

17.— Tình bướm. . . . .	Minh-Đức	86	—	93
18.— Xuân đoàn kết, Tết trong tù. . . . .	Thiếu-Sơn	94	—	98
19.— Một giai thoại về thơ Tết. . . . .	Nguyễn-ngu-Í	99	—	100
20.— Ngày xuân (thơ). . . . .	Hỷ-Khương			101
21.— Tuần của tình yêu (thơ). . . . .	Lâm-vị-Thủy			102
22.— Chuyện tình (truyện ngắn). . . . .	Nguyễn-Thu-Minh	103	—	109
23.— Ý xuân trong thi ca. . . . .	Trần-tuấn-Kiệt	110	—	124
24.— Xuân bất diệt (thơ). . . . .	Tâm-Tĩnh			125
25.— Rừng là loại gì? . . . . .	Đặng-công-Dỡng	116	—	129
26.— Xuân chung (thơ). . . . .	My-Sơn			130
27.— Thiệp mừng Xuân của người Tàu. . . . .	B. Điều	131	—	136
28.— Xuân với hoa. . . . .	Cô Thủy-Lan	137	—	140
29.— Bức thư xuân của người anh. . . . .	Hùng	141	—	142
30.— Xuân giáp Thìn (thơ). . . . .	Bà Song-Thu			143
31.— Hai lối mộng. . . . .	Nguyệt	144	—	150
32.— Trong màu hoa xuân (thơ). . . . .	Tuệ-Mai			151
33.— Những người con gái hai mươi. . . . .	Hoàng-Thắng	152	—	157
34.— Tình đất mẹ (thơ). . . . .	Hoài-viên-Phương			158
35.— Tiếng nói gái trai thế hệ. . . . .	Phồ-Thông	159	—	168
36.— Xuân không mùa (thơ). . . . .	Thu Nhi			169
37.— Vui ngày hạnh phúc (thơ). . . . .	Phương-Đài			170
38.— Một năm lịch-sử (1963). . . . .	T.P.	171	—	176
39.— Hoài vọng (thơ). . . . .	Thanh-Nhung			177
40.— Thông cảm giữa đồng bào. . . . .	Thích-Liễu-Minh	178	—	184
41.— Tháng năm dài (thơ). . . . .	N. Tuyết-Anh			185
42.— Phật giáo và Công giáo. . . . .	Parrel	186	—	189
43.— Ông Táo là ai? . . . . .	Cô Thanh Thủy	190	—	192
44.— Mơ (thơ). . . . .	Minh-Đức			193
45.— Cuộc đời trong tấm kính. . . . .	Trọng-Tấu	194	—	197
46.— Lặng lẽ (thơ). . . . .	Mạc-lệ-Kiều			198
47.— Khách lạ cuối năm (truyện ngắn). . . . .	Nhã.Ca	199	—	206
48.— Cúc hoa (thơ). . . . .	Viên-Linh			207
49.— Minh ơi! . . . . .	Diệu-Huyền	208	—	216
50.— Thời gian (thơ). . . . .	Phương-Duyên			217
51.— Bức thư Paris. . . . .	Nguyễn-văn-Cồn	218	—	220
52.— Năm Thìn nói chuyện Rồng. . . . .	Thái-ván-Kiểm	221	—	229
53.— Thơ lên ruột. . . . .	Tú-Be			230
54.— Giải thưởng Tao-dân. . . . .	B. Nga	231	—	233
55.— Thơ Đường luật. . . . .	N. V. — Bá			234
56.— Người tù 69. . . . .	Nguyễn-Vỹ	235	—	240
57.— Thư bạn đọc. . . . .	P.T.	241	—	242
58.— Đáp bạn bốn phương. . . . .	Diệu-Huyền	243	—	258
● Tranh vẽ. . . . .	Ngọc-Dũng			

# NGHỊ AN

## thành - lập

### HÀN

### LÂM

## VIỆN VIỆT - NAM

Thuyết-trình của Ó. NGUYỄN-VỸ, Ủy-ban Văn-Hóa, Giáo-Dục, Hội đồng Nhân-sĩ.

Thưa quý bạn Hội-đồng,

Hầu hết những Quốc-Gia văn-minh trên thế-giới, hãnh-diện có một nền Văn-hóa riêng-biệt biểu-dương quá khứ vinh-quang vĩ-đại của mình, đều có một Hàn-Lâm-Viện. Đó không phải một xa-xỉ, phẩm phù-phiếm của một chế-độ hay một thời-đại, cũng không phải một cơ-cấu trường-giả không lợi-ích thiết-thực cho nhân-dân. Hàn-Lâm-Viện là, trước hết, tượng-trưng nền văn-minh cổ-hữu của một Quốc-Gia, uy-lực tinh-thần và thề-thống của Dân-tộc đối với Quốc-tế.

Cho nên, không phải vì sở-hiểu đế-vương mà Vua Lê-Thánh-Tôn đã sáng lập *Tao-dân Nhị-thập bát-tứ*, với 28 nhà văn-học triều Lê: Thân-nhân-Trung, Đỗ-Nhuận, v.v.. đã soạn ra bộ *Thiên-Nam dư-hạ-tập* gồm 10 quyển. Tiếc thay, trải qua lịch-sử văn-học Việt-Nam chỉ có mỗi một vị Vua ấy là đã lập ra một kiểu Hàn-Lâm-Viện tồn-tại đến cuối triều Lê, 1460-1497.

Hàn-Lâm-Viện Pháp lập ra từ 1637, và tồn-tại cho đến ngày nay, kể ra đã được 327 năm, với một quá-trình rất vẻ-vang cho văn-học Pháp. Các nước Đức, Ý, Anh, Mỹ, Nga, Nhật, Tích-Lan, Thái-Lan, Ai-Cập v.v... cũng đều có Hàn-Lâm-Viện của họ, riêng cho mỗi bộ-môn Văn-ngệ, Khoa-học, Hội-họa, Âm-nhạc, Văn-học, chính-trị v.v... Những cơ-quan Quốc-Gia ấy là Trung-tâm-điều-phản-ảnh Văn-hóa và Tư-tưởng của mỗi Dân-tộc văn-minh trên Thế-giới.

Nước Việt-Nam với bốn nghìn năm văn-hiến rất tốt đẹp, không đến nỗi thua kém các nước về văn-minh tinh-thần, nhất là về Văn-học. Việt-ngữ là một trong những sinh-ngữ đẹp nhất thế giới. Nói rằng nó là một sinh ngữ đẹp nhất và dồi dào nhất ở Đông-nam-Á, cũng không phải là quá đáng.

Vì vậy, trong lúc nước Việt-Nam đang vươn mình lên với Quốc-Tế, sự thành lập một Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam không phải quá sớm, cũng không phải là không cần.

Nó cần thiết gấp rút nữa là khác. Vì một Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam phải có nhiệm vụ bảo-vệ và đề cao tiếng nói của người Việt-Nam.

Tiếng nói của người Việt-Nam, từ sau Đệ-Nhị Thế-chiến đến nay, đã biến hóa rất mau lẹ, và Văn-học Việt-Nam cũng đang tiến-triển đến một trình-độ phi-thường. Nhưng sự tiến hóa ấy đang theo một cái đà quá hỗn-độn, thiếu kỷ luật và thiếu liên-hợp chặt chẽ. Sự lạm dụng những từ ngữ mới, sự dùng sai lầm những tiếng đã có, sự xâm-nhập của chữ Pháp, chữ Anh và chữ Tàu, đã gây cho Việt-ngữ một trạng thái hỗn-độn gần-giống như Pháp ngữ thời Malherbe.

Tình-trạng bê bối của Việt-ngữ hiện nay sẽ kéo dài mãi nếu không có một Hàn-Lâm-Viện đề đặt ra một quy chế của ngôn-ngữ chúng ta, để bảo vệ những đức tính tốt đẹp của ngôn-ngữ ấy.

Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam sẽ có bổn-phận soạn-thảo gấp rút một bộ Tự-điền Việt-Nam mà hiện nay nước ta chưa có. Tôi nói một bộ « *Tự-điền của tiếng nói Việt-Nam* » (un Dictionnaire de la Langue Vietnamienne) với tất cả những tiếng nói thổ-ngữ và quốc-ngữ của toàn xứ, cũ và mới, với tất cả những tên người và tên đất

của Lịch-sử và Địa-dư Việt-Nam từ xưa đến nay, phổ-diễn sự tổng-hợp toàn-vẹn của 4000 năm Văn-hóa Việt-Nam.

Nó phải được như một bộ Tự-điền Pháp-ngữ của Littré, hoặc ít nhất như Larousse du XX<sup>e</sup> Siècle.

Ngoài ra, Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam còn có nhiệm-vụ biên soạn :

- một bộ Sử-ký Việt-Nam đầy đủ,
- một bộ Văn-học-sử Việt-Nam đầy-đủ và xác-thực.
- một bộ Văn-phạm Việt-Nam.

Cần phải kê-cứu, và duyệt lại, các tài-liệu Sử-học và Văn-học mà hiện nay đa số đều sai lầm, nhất là trong các sách giáo-khoa thông-dụng ở học đường từ Tiểu-học đến Đại-học.

Bảo-vệ Việt-ngữ, đặt cho Tiếng nói Việt-Nam một quy-tắc nhất-định mà mọi người đều phải tuân-theo, soạn-thảo các bộ sách vừa kê trên, là một công tác lớn lao, cần thiết và gấp rút. Tôi thiết tưởng không có một người trí-thức Việt-Nam nào mà không công nhận rằng ngoài một Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam gồm có 40 hoặc 50 nhà học-giả Nam-Trung-Bắc, sẽ không có một cá nhân nào, hoặc một nhóm tư-nhân nào, có đủ khả năng để đảm-đương các việc vĩ-dại ấy.

Liên-tiếp trên 15 năm, chúng tôi đã dùng tạp-chí Phò-Thông và một số Cơ-quan Văn-hóa để kêu gọi các Chính-quyền thành-lập gấp rút Hàn-Lâm-Viện Quốc-Gia. Nhưng chẳng một Chính-phủ nào sốt sắng lo đến việc ấy cả.

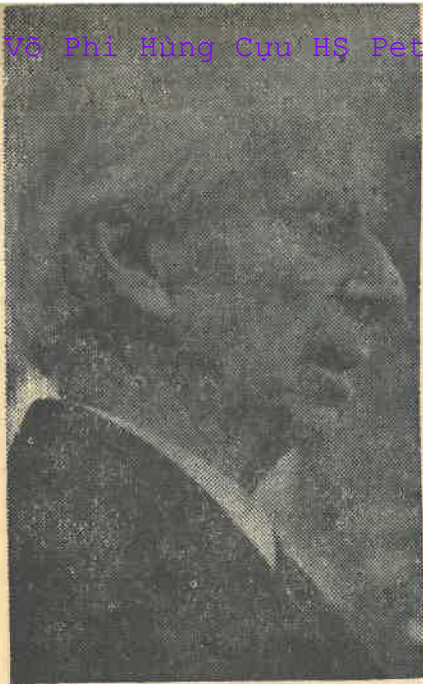
Thưa quý bạn.

Hôm nay, chúng tôi xin đưa bản nghị-án này ra, mong Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và Chính-Phủ Lâm Thời, gấp rút thành lập Hàn Lâm Viện Việt-Nam.

Ngoài chúng tôi ra, còn một số đông các vị học giả danh tiếng trong nước và ở Hải-ngoại cùng nhiệt liệt hưởng ứng nghị án này.

Tôi tin rằng nếu một ngày gần đây Hàn Lâm Viện Việt-Nam thành-lập được giữa những điều tàn tang tởc của chiến-Tranh, thì đó sẽ là một vinh-dự lớn lao cho Hội-Đồng Quân-Nhân Cách Mạng, cũng như cho Chính-Phủ Lâm-Thời. Và Hội-Đồng Nhân-Sĩ chúng ta cũng làm được một việc có tiếng vang tốt đẹp với Quốc-tế.

★ Nguyễn-Vỹ



Bertrand  
RUSSELL

**hy vọng  
một  
mùa xuân  
nhân - loại**

**D**ƯỚI triều-đại Ngô-quyển Trần-Lệ-Xuân đã ông óng miệng công-kích một nhà triết-học đại-danh trên thế-giới.

Ông này là huân-tước Bertrand Russell, một ông cụ già 90 tuổi, một văn-hào được giải thưởng Nobel về văn-chương năm 1950. Ngoài ra ông còn có một sự-nghiệp vĩ-đại về khoa-học và triết-học. Nhân-dân Anh kính-trọng và

yêu-mền ông, trên cả Thủ-tướng.

Nhưng ông còn là một chiến-sĩ hòa-bình, ghét chiến-tranh và chống vũ-khí nguyên-tử. Hễ ở đâu có chiến-tranh là ông xen vào can-thiệp. Năm ngoái ông đã tuyên-bố về chiến-cuộc ở Việt-Nam sao đó mà bị Trần-Lệ-Xuân mạt-sát với những lý-lẽ hồ-đồ và những lời vô-lẽ. Thật là tủi nhục cho nước Việt-Nam có

một người đàn bà thất-giáo đến thế là cùng. Nước nào lại chẳng có bọn người mất dạy nhưng dưới triều-đại Ngô-quyển bọn này lại chiếm những địa-vị tột-đỉnh và có quyền thay mặt cho chánh-phủ mà tuyên-bồ om-sòm. « Đệ nhứt phu nhân » Việt-Nam đã thất kính với một danh-nhân thế-giới. Hôm nay, tôi thầy có bọn phạn phải giới thiệu bậc danh nhân đó với độc giả Phô-Thông.

★

Huân-tước Bertrand Russell năm 1950 đã được giải thưởng Nobel về văn-chương,

# BERTRAND RUSSELL

**nhà triết - học 90 tuổi, một  
chiến-sĩ HÒA - BÌNH**

\* T H I Ế U - S Ơ N

bắt cứ do Mỹ hay Nga gây ra.

Năm 1955 ông cùng nhà bác học Einstein kêu gọi những nhà khoa-học thế-giới cùng hội-nghị ở Pugwash (Gia-nã-đại) để cùng nghiên cứu những phương-tiện cản-trở việc chế-tạo vũ-khí hạch-tâm.

Đầu năm 1961, ông tổ-chức một « Ủy-ban một trăm người » (Comité des cent) để cổ động nhân-dân chống lại những ý định của chánh-phủ Anh muốn dùng bom nguyên-tử để phục vụ chiến-tranh.

Năm 1962, ông được 90 tuổi, nhưng cũng là năm ông hoạt động tích-cực hơn hết. Ông phản đối kịch liệt những cuộc thí nghiệm nguyên-tử của bất cứ nước nào.

Pháp-luật Anh không cấm- đoán những cuộc biểu-tình không bạo động. Nhưng chánh phủ Anh cũng có quyền bắt buộc giải tán biểu-tình. Có khi nhà bác-học không tuân-lệnh giải tán và bị cầm tù. Chính có lần hai ông bà đã ở tù mất 7 ngày, làm xúc-động dư-uận thế-giới và càng làm cho dân Anh thêm yêu-mến và tin tưởng vào người chiến-sĩ hòa bình đã gần đất xa trời mà còn hăng say chiến-đấu.

Kroutchev lúc đầu có ý coi thường nhà bác-học và cho là một ông già không-trưởng nhưng lần lần thầy ông thành thật, hăng say, trong sạch và can-đảm nên cũng phải kính-trọng và nhia nhận việc làm của ông bổ-ích cho hòa-bình. Trong cuộc khủng-hoảng Cuba vào tháng 10 năm rồi, chính Huân-tước đã biên thư cho cả Tổng-Thống Mỹ lẫn Thủ-Tướng Nga yêu-cầu hai ông phải cố gắng cứu vãn hòa-bình.

Bertrand Russell đã nói :  
*« Đòi thượng-cô người ta bán linh-hồn cho Quỷ-sứ để có phép thần-thông. Bây giờ người ta có phép thần thông bằng khoa học và người ta thấy như bắt buộc phải trở thành Quỷ-sứ. Thế-giới sẽ tuyệt vọng nếu phép thần-thông đó không được khắc phục, để cho nó phục vụ những nhóm độc-tại cuồng tín khi nó phải phục-vụ tất cả loài người, trắng, vàng, đen, phát-xít, cộng-sản hay dân-chủ. Khoa-học đã làm cho tất cả mọi người liên đới chặt chẽ với nhau. Họ phải sống chung hay chết chung ».*

Khoa-học tác giả nói trên đây là khoa-học nguyên-tử đã cho người ta phép thần-thông

để làm mưa, làm gió, làm đảo lộn càn-khôn, làm bá chủ thế giới nhưng cũng có thể tiêu diệt loài người trong khoảnh-khắc. Chỉ 6 trái bom nguyên-tử có thể làm tan vỡ cù-lao Anh-quốc. Bởi thế nên nhà bác-học Bertrand Russell tranh đấu đòi chấm dứt thí nghiệm nguyên-tử, đòi ngăn chặn cuộc thi đua vũ trang nguyên-tử, đòi dùng nguyên-tử để phục sự hòa bình chứ không cho nó phục vụ chiến-tranh.

Ông là một nhà bác-học, ông biết rõ hơn ai hết những phép thần thông của thứ bừu bởi lợi hại đó.

Nhà bác học thầy mình không thể khoan tay mà chờ chết. Thật ra thì khi người ta đã trên 90 tuổi sự chết sống còn có nghĩa lý gì. Ông không sợ chết nhưng ông sợ loài người chết nên ông phải đem thân già lao mình vào cuộc thánh-chiến cùng nhân loại tranh đấu để đoạt phép thần thông của mây ông « quỷ-sứ ».

Việc làm rất khó vì họ là những nhà lãnh đạo quốc gia hợp pháp. Hơn nữa họ lại là bá chủ hoàn cầu. Nhưng nhà bác-học nghĩ rằng nhân dân

thế giới có thể đoàn kết lại để ngăn ngừa những tai hại của bom Nguyên-tử. Ông bắt đầu những tuyên ngôn, hiệu triệu, bằng những bài báo, những cuốn sách để kêu gọi loài người, trước hết kêu gọi nhân nhân Anh-quốc. Kề tới là ông diễn thuyết ở nơi công cộng, ông tổ-chức những cuộc biểu-tình. Có khi ông lại xúi người ta bắt tuân pháp luật để rồi chính ông được ngồi tù. Mỗi lần như thế là mỗi lần ông làm sôi nổi dư luận trong nước và thế giới.

Gần đây một tờ tuần báo ở Milan ( Ý-Đại-Lợi) đăng tin 1 phi công trong các phi công đã thả bom nguyên-tử xuống Nhật-bôn là Leroy Lehman đã đi tu tại nhà Dòng khổ hạnh Serra San Bruno ở một khu rừng hẻo lánh. Lehman đã biến thành tu sĩ Antoine. Tu sĩ mỗi ngày chỉ ngủ 4 tiếng đồng hồ. Những giờ nào không đọc kinh chung hay làm việc chung thì ông tự giam mình trong phòng kín để lo việc cầu nguyện. Và ông vẫn chưa quên được cảnh tượng hãi hùng mà ông đã nhìn thấy sau khi chiếc phi cơ B-29 của ông đã thả trái

bom xuống Quang.đảo ngày 6-8 năm 1945.

So sánh với những bừ. bời hạch tâm ngày nay thì hai trái bom nguyên tử năm 1945 chỉ là những đồ chơi con nít.

★

Hai bá chủ thế-giới thi đua võ trang nguyên tử để uy hiếp lẫn nhau và để gây ảnh hưởng.

Nhưng nhờ hai bên cũng có võ-khí nguyên-tử với sức mạnh tương-đương thì cả hai bên đều không ai dám đi vào con đường tự-sát vì sẽ không còn kẻ thắng, người bại. Họ không muốn sống chung thì họ sẽ chết chung và có thể đốt cháy cả địa-cầu.

Nhà bác học Russell đã thấy rõ chỗ đó nên cảnh-cáo cho họ thầy rằng họ không nên chơi với lửa, dùng bừ. bời nguyên-tử để làm việc ngoại-giao.

Có thể họ chưa muốn ra tay mà họ buộc lòng phải ra tay. Có thể họ không ra tay mà cái không-khí họ tạo ra sẽ làm cho những kẻ thừa-hành điên đầu làm ầu rồi bắt buộc người lãnh-đạo phải làm theo. Chỉ nhận một nút là những

nút khác hướng - ứng và những nút của đôi-phương cũng được nhận để trả đũa tức thì. Bừ. bời tung lên không có bừ. bời thu hút hoặc công đờ và tất cả đều thi-đua làm công-việc khủng-khiếp chưa từng có trong lịch sử loài người. Và, sau đó, không riêng gì Mỹ hay Nga mà có thể tất cả loài người đều chết chum. Loài người có những điểm dị đồng, có da đen, da đỏ, da trắng, da vàng và cũng có cộng-sản, phát-xít hay dân-chủ. Còn có những xung-đột về chủng-tộc, về quyền lợi, về giai-cấp hay về ý-thức-hệ nhưng không nên dùng phép thần - thông nguyên-tử để giải-quyết vì một lẽ rất dễ hiểu là chẳng nên biến thế-giới thành một bãi tha ma.

Năng-lực nguyên - tử chỉ được khai thác để phát-triển khoa-học, khám-phá địa - cầu và vũ-trụ, phục-vụ nhân-loại và hòa-bình.

Phong - trào chống võ-khí nguyên-tử đã được phát-động mạnh mẽ ở nước Anh và đã ảnh-hưởng sâu rộng trong thế-giới. Hầu hết nhân-dân trong hai khối đều chia xẻ nỗi lòng

của nhà chiến-sĩ già Bertrand Russell.

Còn ở những nước không liên-kết, nhứt là trong khối Á-Phi thì không những nhân-dân mà cả chánh-phủ của họ cũng nhiệt-thành lên án võ-khí nguyên-tử.

Áp-lực của nhân-dân Thế-giới ảnh-hưởng tới nhân-dân Nga, Mỹ. Trước hết họ tự-hào rằng nước họ là những đại-cường vô-địch vì có những kho võ-khí nguyên-tử đủ sức tiêu-diệt loài người. Nhưng rồi họ đâm hoăng vì nếu phải đụng-độ với nhau thì họ là những người bị hy-sinh trước hết. Họ không muốn chết và không bằng lòng để cho những nhà lãnh-đạo của họ đưa họ vào chỗ chết. Trái lại, họ còn bằng lòng và cho phép chánh-phủ của họ nói chuyện hòa-bình với nhau.

Cuộc nói chuyện hòa-bình giữa hai nước đã kết thúc bằng một hiệp định ngưng thí-nghiệm nguyên-tử mở màn cho một cuộc tổng giải-giới ở tương-lai.

Toàn thế-giới như được thở một hơi thở khoan-khoái. Chính Tổng-Thống Johnson đã tuyên-bổ phải học-tập

sống chung vì sống chung cũng khó-khăn đáo-đề giữa những ý-thức-hệ khác nhau và giữa những mâu - thuẫn quyết - liệt về quyền-lợi và tư-trường.

Nhưng những chiến-sĩ tiên phong của phong-trào hòa-bình từ lâu đã có một quan-điểm giản-dị hơn. Họ chỉ thấy trước mắt nhân loại có hai con đường : một là sống chung, hai là chết chung.

Họ lựa con đường sống chung để khỏi phải chết chung. Và quan-điểm của họ đã thắng.

★

Huân-trước Bertrand Russell là một nhà quý-tộc nhưng ông không phong-kiến mà sống rất bình-dân. Ông là một nhà bác-học có một sự-nghiệp lớn-lao nhưng ông chẳng hề khoa-trương tự-đắc. Ông được giải thưởng Nobel về văn-chương nhưng ông không tự-hào. Đáng lẽ ông phải nghỉ-ngơi để hưởng-thú thanh-nhàn khi ông đã trên 90 tuổi.

Nhưng ông quên hết, bỏ hết để chuyên lo một việc là bảo - vệ hòa-bình bị hăm dọa, bảo-vệ sự sống của loài người.

Ông bỏ tháp ngà, bỏ phòng thí-nghiệm, bỏ sự thanh-nhàn để chông gậy đi biểu-tình với mọi người và để chớ bị bắt, bị tù chung với những thanh niên trai trắng.

2.500 năm trước đây Mặc-Tử đã từng mòn gót đi khắp thiên-hạ để dạy cho người ta đạo kiêm-ái và thuyết phục những Vua Chúa đang sửa-soạn chiến-tranh.

Tới nay người ta còn nhắc tới Mặc-Tử như một chiến-sĩ tiên-phong của Hòa-Bình.

Nhưng thiên-hạ của Mặc-Tử nhỏ hơn thiên-hạ của chúng ta ngày nay. Và lại Mặc-Tử cũng không sống dai như nhà Bác-Học Russell để được biết sự vật-và của một ông già 90 tuổi.

Mặc-Tử có lòng kiêm-ái bao

la thì ông Russell cũng mang nặng một khối tình nhân-loại.



Năm mới thiên-hạ lại có dịp chúc nhau. Mỗi cá-nhân, mỗi gia-đình, mỗi quốc-gia đều có những nguyện vọng khác nhau. Nhưng tất cả đều không muốn chết và mong được sống lâu. Và bởi thế nên ai cũng cần biết nỗi lòng và hoạt-động của lão chiến-sĩ Russell.

Với sự ủng-hộ của nhân-dân thế-giới, ông đã bắt đầu thầy sự thành-công vì ông đã bắt buộc qui-sứ biến thành Thiên-Thần để khoa-học có thể hóa phép thần-thông biến nơi địa-ngục ở dương-gian này thành một Thiên-đàng của Nhân-Loại.



★ **VÌ LỄ GÌ ANH BỊ BẮT?**

*Trong Lao-xá, ông Luật-sư hỏi một can phạm:*

— Anh mời tôi đến đây để cãi cho anh, vậy anh có tiền sẵn để trả thù lao cho tôi không?

*Can phạm:*

— Tôi không có tiền nhưng tôi có một chiếc Renault Floride.

— Tốt lắm! Vậy anh vui lòng cho tôi mượn xe ấy để đi lo việc cho anh. Bây giờ thì anh cho tôi biết vì lễ gì anh bị bắt?

— Vì tôi đã lấy trộm chiếc Floride ấy.

*Luật sư:*

— ...!

**MỘT CHIẾN CÔNG VÊ  
VANG VÀO NĂM THÌN  
TRONG LỊCH-SỬ VIỆT-NAM**



**QUÂN ĐẠI-VIỆT**

**SANG DÁNH TÀU**

**VÀ THẮNG TÀU**

★ Nguyễn-Tử-Quang



**T**RONG « Đại-Việt sử-ký toàn thư », sử gia Ngô-Sĩ-Liên đời Hậu-Lê có viết :

« Nước ta đánh với Tàu nhiều phen. Từ Lý Nam-đế về trước, thắng bại bất thường, nhưng việc cũ dẫu mờ, không cần nhắc lại. Chỉ kể từ lúc Ngô-Vương-Quyền thắng trận Bạch-Đằng, Lê-Đại-Hành thắng trận Lạng-son, Trần Nhân-Tông đánh bại Thoát-Hoan, giết chết Toa-Đô, bắt sống Ô-Mã-Nhi đều là những trận oanh liệt, phá quân cường địch đương lúc hung hăng, tỏ ra nước nhà không dễ xâm phạm; bấy lâu đồng bào ta vẫn lấy cuộc thắng lợi rực rỡ ấy làm câu chuyện bàn nói hằng ngày

« Nhưng đây toàn là giặc đến nước mình, mình phải ứng chiến; tình thế chủ khách khác nhau, mình thắng không phải sự lạ. Đến như trống trận vang trời, ngọn cờ phất gió, mười vạn quân ngang nhiên vào nội địa Trung-quốc phá vỡ binh Tống ở 3 châu dễ dàng như bỡn. Lúc ta còn trong cõi, chẳng ai dám kháng cự; lúc ta kéo quân về nước, chẳng ai dám đuổi theo. Dùng binh như thế, không phải là một việc lạ nhất trong lịch sử nước nhà ư? Cho nên ta cho việc đánh Khâm, Liêm là võ công thứ nhất ».

Ông Ngô-Sĩ-Liên cho đó là

một « võ công thứ nhất » « một việc lạ nhất trong lịch sử nước nhà » vì đó là lần thứ nhất, quân Đại-Việt sang đánh Tàu, một nước không lớn, ta đại thắng về vang.

Từ mùa đông tháng mười năm Ất-Mão (1075) đến cuối năm Bính-Thìn (1076), cuộc chiến tranh có thể chia làm hai giai đoạn, quân Tống chết có trên 20 vạn người, lương thực khí giới tồn thất vô kể. Và cũng vì chiến cuộc này, một nhà văn học lỗi lạc mà cũng là một chính trị gia có tài của Tống triều bị cách chức.

Nay nhân dịp năm Thìn, ta cũng cần nhìn lại « võ công thứ nhất » của năm Thìn lịch sử này.

### ★ Nhà Tống âm mưu xâm lược...

Nước Đại-Việt dưới triều Lý-Nhân-Tông (1072-1127) nước Tàu dưới triều Tống-Thần Tông (1068-1078).

Bây giờ, phía đông bắc nước Tàu có nước Liêu, tây bắc có nước Tây-Hạ. Cả hai cùng cường thịnh chọi đấu với Tống. Nhà Tống bị uy hiếp, thế nước bản nhược, Thần Tông mưu đồ cường thịnh mới

## QUÂN ĐẠI-VIỆT

dùng nhà đại chính-trị Vương An-Thạch làm Tể-Tướng. An Thạch ra sức trừ hoạch làm cho nước giàu binh mạnh, bèn thi hành việc biên pháp.

Lây con mắt của người thế kỷ XX mà nhìn, thì tân pháp của họ Vương thi hành đời nhà Tống (thế kỷ XI) toàn là những chính sách hay, lợi dân ích nước (1). Nhưng với bộ óc khur khur thủ cựu của người đời bấy giờ thì họ Vương biên pháp chỉ là nhiều dân hại nước, trái phép tổ tiên, không thể nào dung thứ được.

Phản đối tân pháp dữ dội nhất là các trọng thần trong triều và nhà Nho. Họ đứng tât cả bên kia chiến lũy. Hàng ngũ này, ta thấy có những trọng thần danh nho : Phú Bật, Hàn Kỳ, Âu-Dương-Tu, Tô-Đông-Pha, Tư-Mã-Quang, Trình-Di, Trình-Hạo, v.v...

Tân pháp vừa thi hành bị ngay một phong trào phản đối sôi nổi. Họ Vương vội tìm một hai võ công ở biên thùy để trấn áp dư luận, hy vọng lay chiến công làm hậu thuẫn cho việc thi hành tân pháp. Dòm quanh quất, nhìn về miền Nam thấy nước Đại-Việt; định chắc nước nhỏ, binh ít

hẳn là ngon xơi nên mưu toan xâm lược.

Bọn quan lại ở biên cương đón biết ý muốn cấp trên như thế lại tìm cách ton hót thêm vào, nào « đất Nam man bé như lỗ mũi thê kia, muốn chiếm lúc nào chả được »!

Độ chi phán quan Thâm Khởi được trần nhậm Quê-châu, vâng theo chỉ thị của họ Vương, chăm lo dự bị công cuộc tiên đánh nước Nam.

Ở Quê-châu, Khởi ngầm chiêu tập thổ dân các động ra làm lính, đóng thuyền chiến; tập thủy sư định do hai mặt thủy lục đánh vào nước Đại-Việt. Khởi lại dụ dỗ biên dân nước ta, bọn Nùng-Thiện-Mỹ hơn bảy trăm người, sang ở nước Tàu có dụng tâm nay mai tấn công thì sai bọn ấy

(1).— TÂN PHÁP gồm có :

- 1.— Nông điền thủy lợi
- 2.— Phép thanh miêu
- 3.— Phép quân thâu
- 4.— Phép mộ dịch,
- 5.— Phép thị dịch,
- 6.— Phép phương điền quân thuế,
- 7.— Phép bảo giáp,
- 8.— Quân khí giám,
- 9.— Phép tam xá.

đi tiên phong và làm việc do thám, vì chúng thông thuộc địa thế.

Khỏi làm chưa xong thì Tông triệu cho Lưu Di ra thay. Tiếp tục công việc xâm lăng và muốn gây chuyện để lấy cơ tiên binh, Lưu-Di cảm dân ở châu huyện biên thù không cho đi lại buôn bán với người Đại-Việt.

Lý triều ta thấy sự tình như thế, viết thư đưa sang hỏi Tông triều. Lưu Di giữ lại, không trả lời, quyết định sinh sự với ta.

Việc bắt binh chỉ còn có cách giải quyết bằng máu với sắt.

★

**« Tiên phát chế nhân », « phụng thiên thảo tội »**

Vua Lý Nhân Tông còn bé. Quốc-gia đại sự đều ở trong tay Ý Lan Thái-phi cùng Thái sư Lý Đạo-Thành và Tướng quân Lý - Thường -

Kiệt là hai người lão luyện về chính trị và quân-sự.

Mấy năm nay, Tông rắp mưu đánh ta, nhưng dùng dằng chưa dám đánh, vì nội tình của họ còn bận việc đòi phó Tây Hạ, không thể một lúc dùng binh hai nơi. Đó là cơ hội rất tốt cho ta là « tiên phát chế nhân », đem binh sang tận nhà họ mà đánh họ trước.

Nhưng phần nhiều đình thần lo sợ lực lượng nhà Tông mạnh. Nếu đem binh xâm phạm nội địa là việc rất mạo hiểm, rủi có bề nào thì nguyên khí đất nước tổn thương. Nhưng hai ông Lý Đạo Thành và Lý Thường Kiệt lại nghĩ khác.

Bây lâu, Vương An Thạch thi hành tân pháp gay gắt, sĩ phu phản đối, dân chúng than van; lại thêm chiến tranh với Tây Hạ luôn luôn, hao binh tổn của vô kể. Chính



vì cơ ấy mà họ chưa dám đánh ta. Giờ ta đánh trước, hẳn là nắm phần quyết thắng.

Trước sự lý hiển nhiên ấy, triều đình ta quyết định cử binh đánh Tông.

Mùa đông, tháng 10 năm Ất-Mão (1075), niên hiệu Thái Ninh thứ tư, hai tướng Lý Thường Kiệt và Tôn-Đản phụng mạng đem 10 vạn quân chia làm hai đạo: Lý Thường Kiệt do đường thủy đánh vào ven biển Quảng-Đông; lục quân do Tôn-Đản từ biên giới tấn công Quảng-Tây.

Chiến lược của Lý Thường Kiệt là đem bộ binh vào quây rồi các trại địch, như Hoành Sơn, Vinh-Bình v.v... để Tông quân chú ý về mặt này mà kéo xuống miền tây và tây nam để cứu viện. Còn nhiên mặt đông nam Châu Ung (thuộc tỉnh Quảng-Tây) sẽ bỏ ngõ.

Quân Tông quả trúng kế.

Trong khi quân Tông đổ xô vào các ngõ trên thì thủy quân của Lý Thường Kiệt đổ bộ lên hai châu: Khâm, Liêm (thuộc tỉnh Quảng Đông) rồi tiên thẳng đến châu Ung.

Trước khi tiến vào nội địa nước Tàu, Lý Thường-Kiệt dùng « Lộ bá » (2) kẻ tội Vương An-Thạch cảm quyền bấy lâu, bỏ phép tổ tiên, bày đặt tân chính, thi hành những phép Thanh-miêu, Miễn dịch làm khổ muôn dân; nay nước Đại Việt đem quân sang, chính là nghĩa cử « phụng thiên thảo tội » (vâng mạng trời, đánh kẻ có tội), cứu vớt dân Tàu v.v... Vì lời phỉ dụ đó, dân chúng Tàu, nhứt là ở

(2) Đòi xưa xuất binh, lấy vải hay lụa viết rõ mục đích của mình, buộc trên đầu một cần tre cao để cho mọi người thấy, gọi là « Lộ bá », tức là lời bá cáo thiên hạ để mọi người xem.



biên giới lầy lăm mừng rỡ. Họ còn bày hương án bên đường đón tiếp quân Đại-Việt coi như là quân cứu tinh, và suy tôn Lý Thường Kiệt là « Cha Lý ».

Lý Thường Kiệt hạ được 2 châu Khâm, Liêm, giết hơn 8 ngàn người.

Tôn Đản vây châu Ung, Đô-giám tỉnh Quảng-Tây là Trương Thủ-Tiết đem binh xuống cứu. Được tin, Lý Thường Kiệt đem quân chặn đánh ở Côn-lôn quan, Quân Tống tan rã, Thủ Tiết bị giết tại trận.

Thành châu Ung nhờ địa thế cao, Tống triều xưa nay tin tưởng là rất vững chắc. Viên Tri Châu là Tô Đam vốn có tài điều binh khiển tướng lại quyết tử giữ thành. Quân ta đánh mãi không được.

Tháng 5 năm Bình Thìn (1076) Tôn Đản truyền quân ra sức đắp đất chung quanh thành, rồi nhứt tề leo lên, đánh rất hăng. Cuối cùng thành vỡ. Quân lính và dân cư bị giết trên 5 vạn người. Tô Đam tự tử.

Kể cả trận đánh châu Khâm và châu Liêm, binh dân nhà

Tống thiệt hại đến vài chục vạn.

Đốt phá những cơ cấu quân sự của địch, Lý Thường-Kiệt rút quân về nước, đồng thời bắt một số dân ba châu đem theo.

Chủ đích của quân Đại-Việt dĩ nhiên không phải mở cuộc xâm lăng Trung-quốc, mà là để phá mưu mô đề quốc của Tống triều. Tân công Trung quốc là cốt để tự vệ.

Năm Bình Thìn đánh dấu một năm vẻ vang trong lịch-sử Việt-Nam.

★  
**Bốn câu thơ chẹn  
đứng liên quân xâm  
lược**

Tể tướng Tống triều Vương An-Thạch nghe hai châu Khâm, Liêm thất thủ đã lầy lăm bất bình; lại thấy tờ « Lộ bá » của ta kể tội tàn phá làm khổ sinh dân. Vương càng bực bưng tức giận.

Nều xưa kia Tào Mạnh-Đức đời Tam-quốc xem bài nhật của Trần-Lâm mà khỏi bệnh nhưc đầu, thì bây giờ Vương An-Thạch đọc « Lộ bá » của Lý Thường-Kiệt ắt hẳn vạn máu lên mặt, để rồi... làm cho

binh Tống chết thêm một mớ nữa.

Thật thế, « Nam man » (!) kia là gì mà dám chệ bai tàn phá của ông? Ông không thể dung tha!

Ý của họ Vương như vậy.

Còn ý của Tống triều?

Bị một tiểu quốc rần rộ, hiên ngang xông pha vào lãnh thổ, tự do chém giết, đốt phá lại còn bắt dân đi, Tống triều cho là một sỉ nhục ghê gớm nên cũng quyết định trả thù. Mua chuộc được hai nước kề cận miền Nam nước Việt là Chiêm thành và Chân-lạp, Tống triều đã có bạn đồng minh nên cuối năm Bình Thìn (1076), sai tướng Quách-Quy làm Nguyên soái chiêu thảo sứ cùng với phó tướng Triệu Tiết đem 8 vạn quân sang đánh Đại-Việt.

Lý Thường Kiệt đem quân cự địch.

Quân Tống bị chẹn ở sông Như-nguyệt (tức là sông Cầu ở tỉnh Bắc-ninh bây giờ), và bị chết hại rất nhiều. Quách Quy phải rút quân về đóng ở sông Phú-lương để chờ liên quân Chiêm thành, Chân-lạp tiếp viện.

Lý Thường-Kiệt đem binh thuyền đùn chận không cho quân Tống sang sông. Nhưng quân của Quách-Quy biết dùng máy gỗ bắn đá vào thuyền quân ta, nên bên ta có nhiều lính bị tử trận.

Nhân tình thế, quân Tống mở cuộc phản công.

Khí thế địch bây giờ hăng quá. Tinh thần quân ta bắt đầu giao động. Để trấn tĩnh lòng quân, Lý Thường-Kiệt đặt ra một bài thơ 4 câu, truyền trong quân lính, bảo là của thần cho:

*« Nam quốc san hà Nam đế cư,  
Tiết nhiên định phận tại thiên thư.  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư »*

Nghĩa :

*« Non sông Nam quốc sẵn vua rồi,  
Đã định ranh rành ở sách trời.  
Bọn giặc có sao xâm phạm tới,  
Rồi đây bây sẽ bị toi bời ». (1)*

Bài thơ có một mãnh lực phi thường; tạo cho quân lính có một tin tưởng tât thẳng. Vì thế, mặc dù quân Tống đánh rất hăng nhưng binh ta chông cự ráo riết làm giặc tổn

(1) Bản dịch của Từ Ngọc Nguyễn-Lân.

hại nhiều mà không sao tiền lên được. Số quân đem sang hơn 8 vạn, trận mạc và lam chướng làm chết quá nửa. Rốt cuộc, Phó tướng Triệu Tiết phải lui quân lên mạn ngược, chiếm lấy châu Quảng-nguyên ở Cao-bằng, gọi là rứa mặt đôi chút, rồi rút lui có trật tự về bản-quốc.

★  
**Đại bại, một Tể tướng bị cách chức!**

Liêng chuột sợ bê đồ.  
Cướp vào nhà dù có đuôi  
được cướp cũng phải hao tổn  
tài vật. Lý triều sợ đánh lâu  
bất lợi nên sai sứ sang Tống  
giảng hòa.

Quách-Quy đánh lâu cũng  
ngán. Tống triều nghe tin thất  
bại cũng ê càng, nên bằng  
lòng giảng hòa. Điều kiện,  
Tống triều trả lại châu Quảng-  
nguyên; còn Lý triều trả  
những người ở châu Khâm,  
châu Liêm và châu Ung đã  
bị bắt khi trước.

Lý triều phóng thích 221  
người.

Nhưng con trai thì bị thích  
3 chữ vào trán: từ 15 tuổi  
trở lên thì thích « Thiên tử  
binh », 20 tuổi trở lên thì  
thích « Đầu Nam triều ».

Còn phụ nữ thì thích  
vào tay trái hai chữ « Quan  
khách ».

Thật là trêu gan, nhưng  
Tống triều đành bóp bụng,  
méo mặt cô chịu.

Tống triều trả lại châu  
Quảng nguyên để đổi những  
người bị bắt, có người cho  
rằng châu này có nhiều vàng.  
Người Tống tiếc của « xâm  
lãng », làm 2 câu thơ:

« Nhân tham Giao chỉ tượng,  
Khước thất Quảng - nguyên  
kim. »

Căn cứ theo lời nhà văn  
hào Tô Đông - Pha, kể từ  
Thảm Khởi, Lưu Di gây nên  
chiến sự với Đại Việt cho đến  
đây, quân Tống chết hại có  
trên mười vạn người, lương  
thực khí giới tổn thất vô kể.

Tể tướng Vương An-Thạch,  
người chủ trương tân pháp  
và chủ trương « đánh », bị  
cánh phản đối có dịp tha hồ  
công kích. Dù Thần Tông hết  
sức binh vực tin dùng nhưng  
cũng không binh vực tin dùng  
được nữa.

Sau trận Như-nguyệt và  
chính năm Bình Thâm ấy, nhân  
dân Đại-Việt hò reo khúc ầu  
ca thì Vương An-Thạch bị  
cách chức Tể tướng.

**Thử tìm vài lý do...**

Cuộc chiến thắng năm  
Thìn nẩy đã ghi một điểm  
vàng rực rỡ trong lịch-sử  
nước Việt. Sử gia Ngô-sĩ-Liên  
cho đó là một « võ công thứ  
nhứt », « một việc lạ nhứt ».  
Và cũng vì võ công này, ca  
dao ta có câu:

« Nực cười châu chấu chống xe,  
Tưởng là chấu ngã, ai dè xe  
nghiêng ».

Châu-chấu làm sao cho xe  
nghiêng được?

Mặc dù so sánh có tính  
cách tượng trưng, nhưng so  
sánh như thế thiếu thực tế.  
Ta có thể nhận được là nước  
ta đối với nước Tàu ở vào  
giai-đoạn bầy giờ: Ta như  
một con hổ, sức mạnh đang  
lên; mà Tàu là một con voi  
khổng lồ đang bệnh hoạn.  
Mỗi tương quan lực lượng  
giữa đôi bên có phần chênh  
lệch; nhược điểm hay khuyết  
điểm của một nước này có  
mà nước kia không có. Nhưng  
nó chỉ có trong một giai đoạn  
lịch sử nào thôi.

Nước Tàu đã có một nền  
văn minh lâu đời.

Sau cuộc chiến loạn thời  
Ngũ Đại (Hậu Lương, Hậu

Đường, Hậu Tần, Hậu Hán,  
Hậu Chu), nhà Tống thống  
nhứt lãnh thổ. Thừa hưởng  
được dư ba của cuộc phát  
triển văn vật đời Tùy (589-  
617), Đường (618-907) nên  
thủ công nghiệp ngày càng  
tinh tế, thương nghiệp phát  
đạt, văn học Tống nho tinh  
vẻ lời học huân hồ, biểu hiện  
được tinh thần phê bình.

Về nông nghiệp, số ruộng  
tuy được khai khẩn nhiều  
nhưng lại khiến cho hào gia  
tăng sức kiêm tính. Sản  
xuất ở nông-thôn có tăng  
tiên, nhưng so với trạng thái  
kinh tế phát đạt của các  
đô thị thì kinh-tế nông thôn  
có phần suy yếu. Thế mà  
phụ đảm của nông dân quá  
nặng. Ngoài thuê ruộng còn  
có thuê « gia thái », tức là  
thuê phụ gia, thuê nhân khâu  
và nhiều tạp thuê. Do đó,  
trong nhân gian ngấm ngấm  
phát sinh những mối biên  
loạn. Đời Thái Tông (993),  
Vương Tiểu-Ba khởi loạn ở  
Tứ-xuyên...

Nông-dân là lực lượng trụ  
cột của quốc-gia. Nông-dân  
bị áp bức, bị bắt cùng héra  
tức làm cho quốc-gia suy yếu.  
Và hàng ngũ khởi loạn ngày  
càng to lớn mạnh mẽ hơn.

Giữa lúc ấy, thì ở biên thủy đông bắc lại có bọn rợ nổi lên thành lập nước Liêu, đánh lẫn vào Trung-nguyên. Triều Tống chẳng những không làm gì nổi mà lại còn phải dâng công vật hằng năm (10 vạn bạc, 20 vạn tâm lụa) để giữ hòa bình. Bên cạnh sự uy hiếp của Liêu, Tống triều còn bị nạn uy hiếp của Tây Hạ, giồng người Tây-tạng. Thế là diễn thành cuộc Tống, Liêu, Hạ đối trị.

Trong cuộc mưu đồ thịnh vượng cho đất nước, tân pháp của Vương An-Thạch tuy hay như trước đã nói, nhưng vì tư tưởng bất đồng nên gây mỗi mâu thuẫn giữa họ Vương với phái nhà nho thủ cựu và nhân-dân.

Một hậu quả tại hại không tránh khỏi: thế nước càng suy yếu.

Trái lại, nước Đại Việt dưới triều Lý đã thụ hưởng được một thành tích, một truyền thống của quá khứ. Cái quá khứ đó là lịch sử của dân-tộc Việt đã có một dòng máu anh dũng, đã bao lần quật khởi của tổ tiên trong mấy thời đại Trưng (40-43),

Triệu (248), Ngô (939-965), Tiền Lê (980-1009).

Quốc gia Việt-Nam tuy bắt đầu thành hình từ đời Ngô nhưng vẫn còn trong thời ấu trĩ. Đền triều đại nhà Lý, sự tổ chức quốc gia được hoàn bị hơn.

Sau khi dời đô từ Hoa-lư ra Thăng-long, vua sáng nghiệp nhà Lý (Lý Công-Uân) chăm lo sắp đặt triều nghi, tổ-chức cơ-quan cai trị, chỉnh bị quân đội, sửa sang mọi việc cần thiết. Nhờ công cuộc về thủy lợi (đắp đê Cơ-xá), nông nghiệp càng bành trướng, sinh sản lượng của đất ruộng tăng lên bội phần. Dân gian được sung túc, đồng thời dân số cũng theo nhịp bành trướng của nông-nghiệp mà tăng lên rất mau. Về công-nghiệp cũng tiên-bộ. Nghề gốm đèn chõ toàn thịnh, có thể cạnh tranh với nghề gốm của Tàu.

Về học thuật và tư tưởng, mở rộng việc tuyên truyền Tam giáo (Phật, Khổng, Lão) trong nhân-dân (đúc chuông, xây dựng đền chùa, lấy kinh Tam-Tạng, dựng Văn miếu), lập Quốc-tử-giám, mở khoa

thi Tam giáo để tuyển người tài giỏi trong nước vào các ngạch quan lại của triều đình. Về mặt xã-hội, luật-pháp, hủy bỏ tục buôn bán nô lệ, giảm tù tội...

Về võ bị, binh chế tổ chức thật quy mô. Quân đội chia làm bộ binh và thủy binh, và lập thành bốn loại: chính-binh (đơn vị xử dụng cung tên và kỵ mã) trú chiến (quân chiến đầu trong khi đóng giữ), thác chiến, (quân chuyên việc tấn công) và phiên binh (từng đội riêng, không cho lẫn lộn nhau).

Tóm lại, triều Lý đã nhồi nặn cả dân-tộc Việt-Nam thành một dân-tộc hùng-cường về mọi phương-diện.

So sánh tương-quan lực-lượng giữa nước Tàu và nước ta lúc bấy giờ, không phải chủ quan và tự hào, ta có thể

đoán được đòn cân thắng lợi nghiêng hẳn về ta.

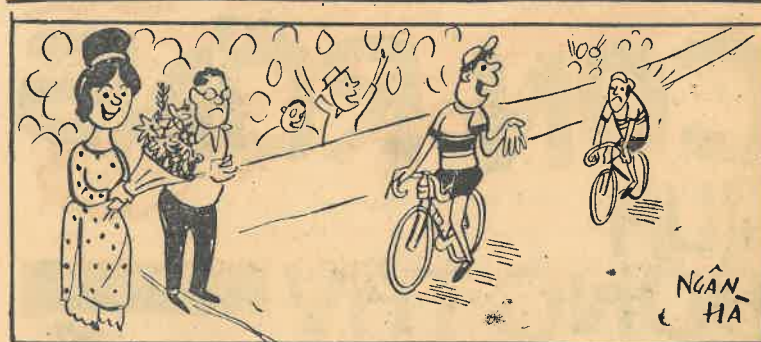
Tuy vậy, ưu thế vẫn có, nhưng không nắm lấy thời cơ và khéo léo mưu lược thì cũng không thể đoạt lấy chiến công được. Ở đây, vai trò cá nhân lại rất quan-trọng. Giả sử không có thái-sư Lý Đạo-Thành và Tướng quân Lý Thường-Kiệt nắm lấy thời cơ ấy với một chiến lược «*tiên phát chế nhân*», theo bèn khẩu hiệu «*phụng thiên thảo tội*» thì làm sao tạo nên một chiến công rực rỡ về vang năm Thìn?

Một con voi bình hoạn làm sao chông nổi một hổ con sức mạnh đang vươn lên?

Bại là lẽ tất nhiên.

Thắng cũng là lẽ tất nhiên.

(Năm Thìn — 1964)



— Trời! tưởng ai hóa ra em gái của tao. Nhưng mày về nhất đó...

**k**

È các loại thú trong trời đất, bốn con thú sau đây được xem là thú linh hơn hết, gọi là tứ linh : rồng, lân, rùa, phượng. Đứng đầu tứ linh là con rồng, như vậy rồng cũng là con thú đứng đầu trong muôn thú. Con rồng sở dĩ được liệt hàng đầu muôn vật, là bởi nó có thể làm ra mây mưa, lợi cho muôn vật.

Phượng Tây cũng như phượng Đông đều đầy đầy chuyện tích, hình ảnh con rồng, nhưng thật ra, không có ai thấy con rồng bao giờ. Ngay như thử tìm trong các con thú dị hình quái tướng của những thời tiền sử, cũng không thấy có con nào hình dáng giống con rồng. Thật ra thì con rồng chỉ là một con vật thần thoại, được « ném ra » trước tiên do óc tưởng tượng của người Trung-Hoa thượng cổ. Nó là

một sản-phẩm thuần-t túy Á-Đông rồi dần dần du nhập sang Tây-phương vào thời thượng cổ. Hồi thời ấy, vùng Cận-Đông đã có tiếp xúc với nước Trung-Hoa trong công việc buôn bán, và chính người Ba-Tư đã mang về con vật hoàn toàn Á-Đông ấy. Rồi người La-Mã sang đánh phá Cận-Đông và đem con rồng về Trung-Âu. Dưới thời Jelús César, có những đạo quân tiên phong gọi là quân « Đầu Rồng » (Dragon), cán giáo của những toán-quân này đều chạm hình đầu rồng. Về sau triều vua Louis thập tứ có những đạo kỵ-binh cũng gọi là quân « đầu Rồng » mà họ đội hình đầu rồng.

Theo quan niệm người Trung-hoa, có sách cho con rồng là do sự kết hóa của khí biến sách, cho là do khí mây sách thì bảo là vừa do khí biến lẫn khí mây hóa thành. Đến đời nhà Tấn, có thuyết của Diên-Băng được nhiều nhà thần

# CON RỒNG

## QUA ĐÔNG TÂY

### KIM CỔ

học công nhận, bảo rằng con rồng là biến thể của loài khúc-ngư, một giống cá lớn và dài ở bể Đông. Đến ông Quách-Tử, trong bộ « Hoàn hải kỳ văn », ông này bác tất cả những thuyết trên, bảo rằng rồng là một con vật nguyên thủy, có trước hết các loài và sinh hồi thuở Hổ-mang. Về sau, có những thuyết có tánh cách thần thoại hơn, nói rằng rồng là một thiên vương trên trời bị biến hình do một cơn thịnh nộ của Ngọc-Hoàng, rằng rồng chính là con măng-xà chín khúc ở núi Bồng Linh tu luyện hóa thành.

Về hình thể con rồng của Đông phương, như hình rắn, to và rất dài, đầu lạc-đà, có sừng ngắn giống kỳ lân và bờm lông giống sư-tử, râu bờm xồm xàm, mình phủ vảy lớn, chân có móng vuốt. Rồng của Tây phương cũng na ná như thế, nhưng lại có hai cánh rất lớn như cánh dơi. Quan niệm về đức tánh của con rồng, Tây phương và Đông phương lại trái hẳn nhau. Ở Đông phương rồng tượng trưng cái gì cao quý, linh-thiên, một linh thú

mà người ta sùng bái, trái lại, rồng của Tây phương tượng trưng sức mạnh của ma quỷ, những chướng ngại vật cần phải thắng. Trong pho thần thoại Hy-lạp. Có chuyện ba nàng Hespérides, con thần Atlas, có một vườn táo sinh trái bằng vàng. Vườn này do một con rồng trăm đầu canh giữ. Thần Hercule đến giết chết con rồng đó, cướp lấy những quả táo vàng, đó là công tác thứ 11 trong 12 công tác của thần. Cũng như trong chuyện bộ lông cừu bằng vàng mà Dhríxos tặng cho vua xứ Colchide, vua này đem treo trên một cây to, và kẻ « gát đan » bộ lông cừu quý ấy là một con rồng không bao giờ ngủ. Cháu vua Délias xứ Thessalie là Jason, nhờ tình yêu của Médée, công chúa con vua Colchide, thắng được con rồng không ngủ ấy và chiếm được bộ lông cừu vàng. Thiên chúa giáo cho con rồng là hiện thân của ác quỷ Satan. Trong sách « Apocalypse » do thánh Jean biên chép, có đoạn nói đến chuyện người đàn bà có thai và một con rồng lửa 7 đầu và 10 sừng. Trong những chuyện cổ tích hoang đường Âu-tây, các nhà hiệp-sĩ phải đánh giết những con rồng là những

★ Từ - Trám - Lê

chương ngại vật trên con đường hành thiện của mình. Có những bài trường thi của Pháp hồi Trung cổ kể lại chuyện thánh Georges giết rồng bằng cây giáo, thánh Michel dẫm chân lên đầu rồng.

Trong những đám rước thời xưa, người ta thường có cầm những lá cờ vẽ hình một con rồng bị giết chết nằm ngửa, đưa bốn cặp lên trời. Và trong sách đoán mộng giờ đây của Tây-phương, nằm mộng thấy rồng là điềm có những khó khăn, rắc rối trên vấn đề tình cảm. Với người Á-Đông, trái lại, mộng thấy rồng là điềm đại phúc. Theo thần thoại Trung-hoa, có « tứ hải long vương » cai quản bốn biển. Bốn ông vua biển ấy là anh em với nhau, họ Ngao, người anh cả là Ngao-Quảng, vua biển Đông. Ông Ngao-Quảng đã từng giúp Tê-thiên-đại-thánh, hóa hình thành con rồng nhỏ vào năm trong cái chảo dầu nấu Tam-Tạng khiến bọn yêu tinh đun lửa mãi mà nước trong chảo vẫn nguội lạnh như thường. Rồng mà có tội vẫn bị xử không tha, như chuyện Kinh-hà long-vương vì chút hơn thua với ông thầy bói mà trái lịnh trời, tráo giờ và rút bớt mực nước mưa, bị thừa

tướng Ngụy-Trung theo sắc chỉ Trời xử trảm giữa ban ngày, Rồng của nhà Trời trấn nhậm ở biển thì làm vua biển, rồng đầu thai xuống thế thì làm vua thế gian. Trong Kinh Dịch, quẻ Kiền được tượng trưng bằng con Rồng. Hào « Sơ-Cửu » của quẻ Kiền nói : « Tiềm long vật dụng », có nghĩa là rồng ẩn không dùng. Nhưng đến hào « Cửu Ngũ » : « Phi long tại thiên », rồng bay trên trời, có nghĩa là con rồng ẩn kia đã có đủ điều kiện, rời bỏ ao tù bay vút lên trời. Hào 5 vốn là phương vị của vua chúa, do đó gọi ngôi vua là ngôi « Cửu Ngũ ». Và do bởi rồng là biểu tượng vua, nên mình vua gọi là long thềm, mặt vua gọi là long nhan, áo vua mặc gọi là long cổn hay long bào, giường vua nằm gọi là long sàng, xe vua ngự gọi là long xa, thuyền vua đi gọi là long thuyền...

Ngoài ra, rồng còn dùng để ví



với những đấng hiền nhân, quân tử, những bậc tài trí phi thường. Trong một buổi luận về anh hùng với Lưu-Bị, nhân nghe quân báo trời chuyền mưa có rồng cuốn nước. Tào-Tháo hỏi Lưu-Bị : « Lưu sứ quân có biết thế nào chăng ? » Bị đáp không, Tháo nói : « Con rồng có lúc to, lúc nhỏ, có lúc hiện hẳn mình ra, lại có lúc ẩn tàng không ai biết. Lúc to thì phun ra mây, nhả ra sương, lúc nhỏ thì che đầu, dấu đuôi. Lúc hiện hẳn mình ra thì bay liệng khắp vũ trụ, lúc ẩn tàng thì ở đáy bể đáy sông. Đương bây giờ tiết hậu cuối mùa xuân, rồng nhân thời mà biến hóa, cũng như người lúc đắc chí mà vẫy vùng bốn bề. Con rồng là một vật thiêng liêng, cũng không khác người anh hùng ở đời vậy » Đức Khổng-Tử thì đã ví Lão-tử như con rồng. Lần nọ, Khổng-tử đến hỏi Lão-Tử về Lễ. Khi về, Khổng-Tử gọi học trò bảo rằng : « Chim thì ta biết nó có thể bay, cá thì ta biết nó có thể lội, thú ta biết nó có thể chạy. Chạy có thể đánh lưới bắt, lội có thể câu, bay có thể đánh bẫy. Đến như loài rồng thì ta không biết nó cưỡi gió mây mà bay lên trời lúc nào. Nay ta gặp được Lão

Tử, tưởng như ta đã thấy rồng vậy ». Những kẻ có tài « làm mưa làm gió », mà chưa gặp cơ-hội thường tự ví mình như con rồng ẩn dật, chờ « hội rồng mây », Khổng-Minh Gia-Cát lúc còn nằm đợi thời trong thảo-lư ở Nam-dương, còn có biệt hiệu nữa là Phục-long. Tư-mã Đứ-Tháo đã tán dương cái tài của Bàng-Thống (biệt hiệu Phụng-Sở) và Khổng-Minh bằng lời tuyên bố như sau : « Phục-Long-Phụng-sở, kẻ nào được một người thôi, đủ bình định thiên hạ ». Đào-Duy-Tử, với bài phú Ngọa-Long-cương, được Chúa Sãi trọng dụng, coi như Gia Cát tái sinh :

*Khổng-Minh phục tự Nam-dương xuất*

*Dục tấn cơ đồ ức vạn niên.*

*(Gia Cát trời Nam nay tái hiện*

*Nghìn thu chống đỡ vững âu vàng)*

Ông thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa là người có văn tài lỗi-lạc nên đã được cái huy hiệu là « con rồng vàng của xứ Đông-Nai » :

*Đông Nai có cặp rồng vàng*  
*Nhứt Bùi-hữu-Nghĩa, nhì Phan công-Thần;*

*Đông Nai có bốn rồng vàng,*

Lộc họa, Lễ phú, Xe đàn,  
Nghĩa thi

Về mỹ thuật, con rồng là một hình trang diềm rất đặc dụng. Ngoài ở nơi cung điện, lăng tẩm mà hình ảnh nó không thể thiếu được vì nó tượng trưng bậc vua chúa, ta còn thấy nó được vẽ, chạm, khắc, ở đền chùa, đình miếu, trên những đồ sứ, đồ thêu, ở sập gụ, tủ trà. Có những cây cảnh được uốn nắn thành hình rồng. Con rồng được trình bày bằng nhiều kiểu. Hai con rồng nằm đối mặt nhau, ở giữa có một trái tròn to bốc khói là kiểu «lưỡng long triều nguyệt», cũng gọi là «long hí châu» nghĩa là rồng giỡn trái châu. Kiểu này thường được xem là biểu hiệu việc cầu mưa, vì trái cầu bốc lửa là sấm sét, còn con rồng là chủ việc mưa. Kiểu «lưỡng long tranh châu» là hai con rồng có dáng điệu đánh nhau chung quanh một trái cầu nhỏ hơn. Kiểu này có lẽ do tích Tôn-Tần trong chuyện Phong-thần quặng cặp gậy trầm hương của ông lên hóa thành hai con rồng cự với trái Châu phép của Hải-Triều thánh nhân.



Kiểu «Long ân vân» là hình con rồng khúc ẩn khúc lộ trong một đám mây. Những đồ sứ đời Thiệu-Trị thường có kiểu này. Kiểu «ngư long hi thủy» trình bày con rồng ở trên mây cao phun nước xuống cho con cá đớp lấy. Đồ mừng hôn lễ có vẽ cặp rồng, phụng, là thay cho chữ song hi, vì con rồng tượng trưng người đàn ông, còn con phụng tiêu biểu người đàn bà. Vẽ con rồng con phụng là ý chúc được hạnh phúc, do chữ «long phượng trinh tường» là con rồng con phụng bày tỏ điều lành.

Trên phương diện y-học, sách thuốc xưa của người Tàu có nói đến món «long diên hương», tức nước dãi rồng, là món thuốc bổ rất quý. Sách «Quảng chí» nói: «ở Tân-An có bãi Long-quyết, những khi mưa gió lớn có rồng nổi lên, phun bọt như vòi nước. Tinh hoa của nước bọt đó đọng lại, nổi trên mặt nước. Thờ dân đua nhau ra tranh vớt vì để lâu nó chìm mất. Chất bọt tinh túy ấy là «long diên hương». Sách «Hương Phô» ghi: «ở những tảng đá to ngoài biển

có rồng ẩn núp. Nó nhả nước dãi ra trôi trên mặt nước. Thờ dân cứ trông lư cá theo đớp mà theo vớt lấy». Sách «Lan-Nam tạp ký» nói: «ở vùng biển nước Đại-Thực, khi Thờ dân thấy mây mù trùm một vùng nào thì biết là có rồng nằm dưới đó. Đợi khi mây tan, tức là rồng đã đi, thì ra vớt «Long diên hương». Sách «Đại chánh Ký» ghi: «ở phía tây xứ Nam-dương, có cù lao Long-diên. Nơi đây, có nhiều con rồng giỡn với nhau, làm bắn nước bọt trôi trên mặt biển. Thờ dân dùng thuyền ra vớt. Thuyền của họ làm giống hình rồng, do đó rồng có gặp, tưởng là đồng loại không làm hại». Đại khái, tất cả đều là chuyện truyền thuyết dị-doan. Những nhà địa học cận đại bảo rằng long diên hương là nước miếng hoặc mở trong bụng cá voi phun ra.

Đời nay, khoa học không nhìn nhận có rồng, mà chỉ có những con rắn biển khổng lồ mà có nhiều thủy thủ và nhà hàng hải đã từng gặp. Cũng có những cái tin thấy rắn biển khổng lồ, như chuyện con rắn khổng lồ ở hồ Loch Ness bên Anh, do một phóng-viên phóng ra năm 1932, báo hại dư luận thế giới sôi nổi.



Loài rắn biển khổng lồ có xác thực. Ngay như ở vịnh Hạ-Long ở miền Bắc nước Việt, vào khoảng đầu thế kỷ này, sĩ quan và thủy thủ trên một tàu binh Pháp có gặp một quái-vật to lớn, mình như mình rắn, nổi trên mặt nước. Quái-vật ấy màu xanh, đầu và lưng lại đỏ rực. Nó ngóc đầu lên cao khỏi mặt nước, đến 2 thước. Đại bác trên tàu liền chia bắn vào nó, thì nó lặn mất. Về sau, hành khách trên một chiếc phi cơ của hãng Air France, khi bay ngang trên vịnh Hạ-Long, cũng thấy một con rắn rất to lội trên mặt nước. Hồi thế kỷ thứ 16, ông Olans Magnus có thấy một con thủy-quái dài độ 60 thước, bề tròn lối 6 thước, khắp mình có vảy lớn và trên đầu có một cái bướu rậm. Ngày 6 tháng 7 năm 1734, cha



Hans Egude cho biết có thấy ngoài khơi đảo Groenland một thủy-quái hình rắn to bằng chiếc tàu nhỏ, mình có vảy, và có bốn cái ví như cánh dơi. Nó ngóc đầu lên cao khỏi mặt nước và phun nước có vòi như cá voi. Tháng 8 năm 1746, thuyền trưởng Lawrence de Ferry thuộc hải quân Na-Uy cùng đoàn thủy thủ của ông có thấy một con rắn biển to lớn, mình có 8 trái bướu to, trái này nằm cách trái kia lối năm tấc, và một cái bờm màu trắng đục. Sự gặp rắn biển khổng lồ ngoài biển khơi còn nhiều, như năm 1948, một con dài 13 đến 14 thước, đường kính độ 1 thước, da màu nâu, bóng láng, bị bắn bị thương ngoài khơi vịnh Lockouk. Và cái giả thuyết đem loài rắn biển khổng lồ để giải thích nguồn gốc của con rồng được xem có lý hơn hết. Ngoài ra, ta vẫn thường mục kích từ trên trời một luồng mây bò xuống giống như một cái vòi voi. Người ta gọi đó là rồng lấy nước do tin tưởng Thần Mưa trên trời sai rồng đi lấy nước ở biển, hồ để làm mưa. Sự thật «vòi rồng» đó chỉ là một khối hơi hoặc nước bốc lên thành hình cột thẳng đứng, hoặc hơi uốn cong. Đi theo nó, thường có một cơn gió mạnh liệt như

bão tố, có chớp nháng, có mưa đá. Đó là một cơn gió lốc, có một đường kính nhỏ, thường rộng độ đôi mươi thước, cũng có trường hợp đặc biệt đến đôi cây số. Gió của «vòi rồng» xoáy từ bên ngoài vào và bốc lên cao, sức gió rất mãnh liệt, có khi đến 100 thước giây. Khi «vòi rồng» di chuyển trên đất liền, nó hút cạn những hồ, ao, trên mặt biển thì nó cuốn lên một cây nước ào ào, rất nguy hiểm cho những tàu bè nào nó gặp. Có trường hợp tôm cá bị «vòi rồng» hút lên, mang đi xa hàng đôi mươi cây số, rồi khi bớt sức mạnh, rơi xuống thành trận mưa «vòi rồng», trên tàu thường dùng đại bác bắn vào cây nước đó để chặn cái trớn của nó, nhưng chỉ làm được cho nó dịu lại tạm thời, rồi chẳng mấy chốc nó đã trở lại hoàn toàn hung mãnh, như trước. Cách hay hơn hết cho tàu bè, là khi gặp vòi rồng, hãy xả hết tốc lực chạy tránh ra khỏi lòng cơn gió bốc ấy. Ở nước ta, «vòi rồng» thường được thấy trong khoảng từ tháng ba đến tháng chín, tháng mười, là khoảng mùa giông mưa. Năm 1956, ở Trung-Hoa, có lần vòi rồng cuốn lên cao một cái nắp bể chứa dầu

nặng hàng 100 tấn và mang đi xa đến 100 thước. Ở Nga-Sô, năm 1904, có một vòi rồng hút cạn hết nước một con sông đến bầy đáy sông ra, và một toa xe lửa chở hàng bị vòi rồng nâng hồng lên cao. Tóm lại, vòi rồng là một cột mây có gió xoáy rất dữ dội, nó có một sức mạnh vô địch, trên bờ thì hút cạn nước hồ ao, bốc tung nhà cửa, đập đổ cả rừng cây, ngoài biển thì bốc sóng lên cao ngất, cuốn cả những tàu bè nào nằm trong tầm hoạt-động của nó. Về màu sắc, vòi rồng có vòi trắng, vòi đen, đó cũng như ta thấy mây có mây đen, mây trắng. Theo tin tưởng, hễ thấy rồng đen lấy nước là được mùa, rồng trắng lấy nước thì mất mùa, và «rồng đen thì nắng, rồng trắng thì mưa».

Trở lại nước Việt ta, những chuyện tương-truyền về rồng liên quan đến chánh sử có rất nhiều. Mở đầu là chuyện ông tổ ta là Lạc-long-Quân vốn là rồng, lấy bà Âu-cơ là tiên, do đó người Việt tự xem mình là «con rồng cháu tiên». Đến đời Triệu-Việt-Vương, có rồng hiện lên và nhà vua cầu xin phù hộ thì rồng rút một cái móng cho. Triệu-Việt-Vương đem móng rồng ấy

cho thợ làm thành cái mào; khi ra trận đội mào ấy, trận nào cũng thắng cả. Rồi đến ông Triệu-Quang-Phục, lúc đem quân về đóng ở đầm Dạ-trạch, trong một cuộc lập đàn kỳ đảo, thấy Chử-Đông-Tử cỡi rồng hiện xuống và cho Triệu-quang-Phục một cái móng rồng. Móng ấy, Triệu-quang-Phục gắn lên mào mình, đánh trận nào cũng thắng và chiếm được thành Long-Biên. Nào chuyện Đinh-tiên-Hoàng lúc còn giữ trâu cho người chú, một hôm vật trâu làm thịt để khao quân sĩ là bọn chặn trâu với mình, bị ông chú hay được vác gậy tìm đánh, ông chạy đến một con sông chắn ngang trước mặt, cùng đường, liền nhào đại xuống sông, thì có một con rồng vàng, nổi lên cổng ông. Nào chuyện ông gạt ông thầy địa-lý Tàu, đánh tráo đem hài cốt của cha mình chôn vào huyệt rồng. Vào tháng 7 năm 1010, vua Lý-thái-Tổ từ thành Hoa-Lư dời đô đến kinh phủ thành Đại-La; khi thuyền vua đến nơi, còn đậu tạm dưới thành thì thấy có con rồng vàng hiện lên, nhân đó đổi tên Đại-La là Thăng-Long. Đời vua Lý-thánh-Tôn, có rất nhiều rồng hiện lên. Bấy giờ,

vua Lý-thánh-Tông thân chinh đi đánh Chiêm-Thành. Vua dùng đường thủy vì đường bộ khó khăn hiểm trở. Tháng 9 năm Mậu-Thìn (1068), có rồng vàng hiện lên ở hai thuyền Vĩnh-Xuân và Thanh-Lân. Khi tới Nghệ-An, rồng vàng hiện lên ở thuyền Kim-Phượng là thuyền riêng của vua. Rồi đến cửa Nam-giới, rồng vàng lại hiện lên nữa ở thuyền ấy. Điềm lành đó ứng vào sự đại bại của quân Chiêm ở trận Nhật-lệ. Thủy là trận đầu tiên. Ba ngày sau đó, rồng lại hiện lên ở thuyền vua ngự. Lý-thường-Kiệt lại đại thắng quân Chiêm. Quân ta tiến luôn, đánh thành Đờ-Bàn. Chiêm vương là Chế-Củ bị bắt, sau đó dâng ba Châu Bử-Chánh, Địa-Lý, Ma-Linh để được tha. Khi vua kéo quân ban sư, thuyền về đến cửa Tư-Minh, rồng lại hiện, ở ngự thuyền. Hồi nước ta thuộc nhà Đường, một tay Cao Biền đã sát hại rất nhiều rồng của nước Nam. Tương truyền rằng, Cao Biền vốn giỏi phép phủ thủy, thấy nước Nam có nhiều cuộc đất để vương, mới làm phép khai quang điểm nhãn một con diều giấy, rồi cỡi đi khắp nơi, hề thấy nơi nào có long-mạch là làm phép ếm hết; khiến cho có nhiều

ngọn sông ngọn suối, rồng bị chặt đứt nên máu hòa đỏ nước. Đến khi ông Nguyễn-Hoàng vào trấn thủ đất Thuận-Hóa. Quảng-Nam, nhân một hôm đi cùng một thầy địa lý tài giỏi tìm đất tốt để dời phủ chúa, khi đến vùng sông Hương, thầy địa lý nhận ra một long-mạch, nhưng nó đã bị Cao Biền ếm ngày xưa, bằng một con đường nước cắt ngang long mạch nằm dưới một ngọn đồi. Thầy địa lý mới làm phù phép gỡ ếm ra, cho lấp cái rãnh nước đó đi. Hồi thăm nơi dân chúng quanh đó, họ kể rằng nơi đây, trước kia, thường có một bà tiên đầu bạc như bông hiện ra mách rằng sau này sẽ có một chơn chúa đến giải thoát cho con rồng bị Cao-Biên ếm. Sau đó, Nguyễn-Hoàng cho xây một ngôi chùa trên ngọn đồi mà bên dưới có long mạch, để thờ vị nữ tiên đó. Ngôi chùa đó được đặt tên là Thiên-Mụ tự, tức là chùa Thiên - Mụ ngày nay. Năm Bính-Thìn (1916), ở Âu-Châu có đại chiến thứ nhất. Ở Việt - Nam, khẩu - hiệu «Rồng Nam phun bạc đánh đờ Đức tặc» do Phạm-Quỳnh đưa ra để cổ-động đồng bào mua vé quốc trái hầu giúp «mẫu quốc»: «Rồng-Nam phun bạc đánh đờ

Đức tặc. Oí hời đồng bào, kíp mua quốc trái, một mai Đại Pháp chiến thắng, nước Nam ta cũng có phần... »

Trong câu hò, câu hát, ca dao Việt-Nam, con rồng cũng được dùng đến không ít.

*Rồng chầu ngoài Huế  
Ngựa tể Đờng-Nai,  
Nước sông trong sao cứ chảy  
hoài  
Thương người xa xứ lạc loài  
tới đây.*

Đó là câu hò chỉ thế hệ người tiên phong đi khai phá đất hoang miền Nam. Nào những câu liên hệ đến chuyện tình duyên của trai và gái :

*Tình cờ anh gặp nàng đây,  
Như cá gặp nước như mây gặp  
rồng,  
Rồng gặp mây bán vắn bán vũ  
Cá gặp nước con ngược con  
xuôi.*

*Chồng nam vợ bắc anh ơi,  
Sao anh chẳng lấy một người  
như em.*

*Vào vườn trầy quả cau non,  
Anh thấy em dòn muốn kết  
nhân duyên,  
Đầu rồng mà gối tay tiên  
Ước gì tay ấy gối lên tay này*

*Như chim loan phụng ấp cây  
ngô đồng,  
Một mai nên vợ nên chồng,  
Như cá gặp nước như rồng  
gặp mây.*

*Hôm qua anh đến chơi nhà  
Thấy mẹ nằm võng, thấy cha  
nằm giường,  
Thấy em nằm đất anh thương,  
Anh đi mua gỗ đóng giường  
tám thang,  
Bốn góc thì anh bịt vàng  
Bốn chân bịt bạc, tám thang  
chạm rồng.*

*Mấy khi rồng gặp mây đây,  
Đề rồng than thở với mây vài  
lời,  
Nửa mai rồng ngược, mây xuôi  
Biết bao giờ lại nối lời rồng  
mây.*

*Ngồi buồn gửi bức thư sang  
Có con rồng bạch chần ngang  
giữa trời.*

*Vậy nên thư chẳng tới nơi  
Trông thư ai biết những lời  
làm sao.*

*Phận gái lấy được chồng khôn  
Xem bằng cá vượt vũ môn hóa  
rồng.*

.. Làm trai lấy được vợ hiền,  
Như cầm đồng tiền mua được  
của ngon.

Đắng cay ngậm quả bồ hòn  
Cửa nhà gia thế chồng con  
kém người

Nói ra sợ chị em cười  
Con nhà nho giáo lấy phải  
người đàn nqu.

Rồng vàng tắm nước ao tù  
Người khôn ở với kẻ ngu bực  
mình.

Em là con gái phụng-thiên  
Bán rau mua bút mua nghiên  
cho chồng

Nửa mai chồng chiếm bán rồng  
Bỏ công tầm tước vun trồng  
cho rau

Ai đi đợi với tôi cùng  
Tôi còn sắp sửa cho chồng đi  
thi

Chồng tôi quyết đồ khoa này  
Chữ tốt như rắn vắn hay như  
rồng...

Có chồng thì phải thương chồng  
Chồng đi hang rắn hang rồng  
cũng theo.

Chồng thầy đi kẻ đã mấy đônq,  
Cho loan nhớ gió, cho rồng chờ  
mưa.

Con công ăn lẫn với qà.  
Rồng kia rắn nọ, coi đã sao nên

— Đó gặp đây như rồng gặp  
hội

Em khá nghĩ chút tình kẻ tội  
bớ em!

— Nghĩ con cá lý ngư nó cũng  
như thân thiếp,

Chờ cho mãn kiếp tu mới được  
hóa rồng,

Thôi anh đừng mong vợ mong  
chồng,

Đề cho em xa lánh bụi hồng gió  
trắng.

Một ngày tựa mạn thuyền rồng,  
Còn hơn muôn kiếp ở trong  
thuyền chài.

Chớ tham ngồi mũi thuyền rồng,  
Tuy rằng tốt đẹp, nhưng chồng  
người ta

Chớ tham vóc lĩnh cừu hoa,  
Lấy chồng làm lẽ người ta dầy vò.

Rồng nằm bề cận phơ râu,  
Mấy lời anh nói đầu đầu hờ  
đuôi.

Bao giờ rồng đến nhà tôm,  
Rồng leo cây ngai thì ôm rồng  
vàng.

Những câu kinh nghiệm về  
thiên văn :

Rồng trắng lấy nước gạo mùa,  
Rồng đen lấy nước cho vua đi  
cây.

Rồng đen lấy nước thì nắng,  
Rồng trắng lấy nước thì mưa.

Về tình bè bạn :  
Bạn vàng lại gặp bạn vàng,  
Long, lân, qui, phụng một đoàn  
tứ linh.

Lòng kẻ làm con mang ơn  
cha mẹ sanh thành dưỡng dục  
như trời bề, mong mãi :

Bao giờ cá lý hóa long  
Đền ơn cha mẹ âm bằng khi xưa

Có lẽ vì chúng ta là con cháu  
rồng, nên nhiều địa diêm trong  
nước được đặt tên có chữ rồng  
trong đó. Ngoài Bắc có cầu  
Long-Biên, vịnh Hạ-Long, huyện  
Hoàn-Long, phố Hàm-Long. Ở  
Trung, có vịnh Kim-Long :

Thuyền về Đại-lược  
Duyên ngược Kim-Long  
Tới đây chỗ rẽ cửa lòng

Gặp nhau còn biết trên sông  
bến nào;  
Nước đầu cầu khúc sâu khúc  
cạn,

Chèo qua Ngọc-Trần đến vịnh  
Kim Long

Sương sa gió thổi lạnh lòng,  
Sóng xao, trăng lặn, gọi lòng  
nhớ thương.

Trong Nam, nào Lòng-Xuyên,  
Vinh-Long, Long-Điền, Long-  
Thành, cù lao Rồng. Sông trên  
nước Việt thì có sông Hắc-Long,  
sông Cửu-Long và sông Hàm-  
Rồng.

Trước đây, năm 1887, ông  
Chủ-tỉnh, tỉnh Tây-Ninh có  
nhận được một phúc bầm của  
ông phó-tổng Triêm-Hóa là  
Nguyễn-văn-Nhu cho biết : trong  
đêm trăng cữu, nhằm ngày 25  
tháng 10 dương lịch, có một  
con rồng lửa từ trên trời bay  
xuống một đám ruộng ở làng  
Thạnh-Đức (tổng Triêm Hóa) rồi  
bay trở lên trời. Sáng ra ông có  
đến chỗ rồng giáng hạ thì thấy  
nơi giữa đám ruộng biến thành  
một cái lỗ to lớn, dài độ 20  
thước, ngang 5 thước và sâu  
4 thước. Tin ấy bấn ra, dân  
chúng nườm nượp kéo đến xem  
nơi rồng giáng hộ, và xôn xao  
bàn tán, kẻ bảo diêm lành,  
người bảo diêm dữ. Nhà đương  
cuộc giải thích đó chỉ là một  
vấn thạch ở trên trời sa xuống  
thôi, nhưng chẳng mấy ai chịu  
tin. Đêm nói trên, không những  
người làng Thạnh-Đức, mà dân  
chúng ở Saigon cũng có thấy

cục lửa đỏ có cái đuôi dài ấy. Ở Saigon có phái đại-úy pháo binh Delaunay lên tận nơi quan sát. Ông phúc trình rằng cái lỗ ở đám ruộng ấy bề dài được 32 thước, bề ngang 6 thước, và bề sâu 2 thước. Đất ở đáy lỗ là đất cứng, không có dấu vết gì chứng tỏ vẩn-thạch chui vào dưới đất. Thật ra, đó là một thứ vẩn-thạch « thát lát » (ricochet), như lối trẻ em chơi đánh thát lát. Cục vẩn-thạch sa xuống ở làng Thạnh-Đức đây, đã rớt xuống rồi văng lên bay đến nơi khác mà người ta không tìm thấy. Có vậy thôi, nhưng dân chúng lúc đó đồn đãi là có rồng giáng hạ rồi bay trở lên trời. Đến như cũng gần đây, năm 1951, ở Bạc-Liêu, người ta có thấy rồng châu ở hai bên mặt trăng trong một đêm nọ. Tin này, các báo hồi đó đều có nói tới.

Trong thời Pháp thuộc, ở Saigon có hãng tàu gọi là hãng

« Nhà Rồng » do chỗ trên mái nhà của ông chủ hãng ở bên Khánh-Hội có xây một cặp rồng « lưỡng long triều nguyệt ». Và trong số những giấy bạc do người Pháp phát hành trước đây có tấm giấy « rồng xanh », năm đồng, do đó ở Hà-Nội lúc bấy giờ có nầy sanh bài hát :

*Mình ơi, có đi bờ Hồ,  
Cùng tôi chén kem kẹo dứa,  
Xin đừng...ừ...ừ... từ chối  
Trong túi tôi có mười « rồng  
xanh »*

*Có đi là đi mình nhé*

Tóm lại Rồng Tây, Rồng Tàu, Rồng Việt, Rồng đời xưa, Rồng đời nay, Rồng già, Rồng thiệt, Rồng năm, Rồng bay... đã được sơ lược đưa ra đủ mặt. Còn có một con vật mang tên có chữ rồng, nhưng xin các bạn đừng lầm, vì nó không chút dính dáng gì đến con rồng. Đó là con... « ma cà-rồng ».

★ KHÔNG CÓ THỨ GIẢ

Nhân ngày lễ sinh nhật của vợ, Kỳ Cóp mua đem về biếu vợ một chiếc hộp nhỏ, vợ Kỳ Cóp mở hộp ra và reo lên mừng rỡ :

— Trời ơi, một sợi giây chuyền nạm hạt xoàn. Anh tiền hoàng quá ! Em mong anh biếu em một máy thu thanh có phải đỡ tốn hơn không ?

— Anh hiểu sở thích em, nhưng tiếc một điều là máy thu thanh không có thứ giả.

Nghe chồng nói câu chót, vợ Kỳ Cóp hiểu lẽ ra, mặt buồn xo.

tâm sự  
của nhà phê-bình

TRƯỚC

• THÊM

NĂM

M Ớ I

TÔI rất ái-ngại khi nhận phụ-trách mục « PHÊ-BÌNH SÁCH MỚI ». Nhiều nhà phê-bình đã than-phiến với tôi rằng : « Phê-bình thẳng-thắn thường hay bị đụng chạm. Nhà phê-bình bị oán ghét nhiều hơn là được khích-lệ. » Chính tôi cũng công nhận điều nhận-xét ấy : phê-bình thiên-lệch, ca ngạo vì tình cảm cá-nhân sẽ bị độc-giả khinh-bĩ ; phê-bình khách-quan, chỉ-trích thẳng tay sẽ bị nhà văn,

nhà thơ ác-cảm. Vậy thì nhà phê-bình biết trọng thiên-chức, sứ-mạng của họ thật khó-khăn và bạc-bèo biết bao !

Tôi thường nghĩ : « Sinh-hoạt văn-nghệ thiếu phê-bình sẽ trở nên tẻ nhạt. Phê-bình rất cần thiết để đem lại sinh-khí mới-mẻ cho vườn hoa nghệ-thuật ». Vì vậy tôi không ngại sứ-mạng khó-khăn và bạc-bèo, vui-vẻ cầm bút phê-bình sách mới cho tạp-chí Phở-Thông.

Khi nhận lấy trọng-trách ấy, tôi chỉ lo-ngại hai điều : một là phân-tích không đúng thành ra xuyên-tạc tư-tưởng, quan-niệm, lập-trường của tác-giả ; hai là

★ Tâm - Thề - Hà

định giá-trị không xác-đáng làm cho tác giả bất-mãn mà người đọc cũng mất cảm-tình. Lầm vào hai trường-hợp đó, ngòi bút phê-bình chẳng những vô duyên, vô giá-trị, mà còn gây tai-hại cho nền văn-học nước nhà không ít.

Vì lo ngại cho nên tôi hết sức thận-trọng khi phân tích tác phẩm, thận-trọng từ lời khen đến lời chê. Khen thế nào để người được khen không tự phụ. Chê thế nào để người bị chê không nãn chí. Quan trọng nhất là phải làm nổi bật đặc điểm nội-dung và nghệ-thuật của từng nhà văn, nhà thơ.

Sau khi phê-bình một tác-phẩm, tôi thường đề tâm theo dõi dự luận của độc giả và của chính tác giả nữa. Không còn gì khoan khoái hơn khi biết độc giả tán thành lời nhận xét của mình và không còn gì thích thú hơn khi chính tác giả cũng công nhận những sai lầm với tinh thần phục thiện. Đó là những phần thưởng quý giá nhất cho người cầm bút phê bình văn-nghệ.



Có nhiều nhà văn rất thành thật và cởi mở. Hai đức tính này rất có ích cho người sáng tác

lẫn người phê-bình. Năm vừa qua, tôi có phê bình tác phẩm **GIÓ THU** của Lan - Giao Trương Quý-Lâm. Sau khi đọc bài ấy, tác giả cho biết ý kiến của ông :

« Trong **GIÓ THU**, truyện *Gió thu quả là một truyện mang inspiration tùy tập. Các truyện khác là truyện người nghèo. Chỉ có hai truyện Đứa con so và Con đẻ mền là hai truyện tâm tình, phân tích tâm lý.*

Về truyện **Con đẻ mền**, anh Thái-Can cũng như anh Nguyễn Khoa Dánh đã tưởng đó là một *esquisse philosophique* với câu : « *Biết đâu con đẻ không có tri giác như người ?* » Tôi đâu có cao vọng đó. Thật ra tôi muốn thử làm công việc như khi Thạch Lam viết truyện ngắn **Sợi tóc**, nghĩa là lấy con đẻ làm vật xúc tác để phân tích những sự thay đổi phi lý (ham muốn, ghen ghét, ích kỷ...) trong lòng mình. Đó quả thật là truyện không có truyện như kiểu Nguyễn thị Vinh đã viết những truyện ngắn **Cắt tiết gà**, **Đợi con về...**

Tôi trân trọng mong ông vui lòng nhận lời cảm tạ nồng nhiệt của tôi. Một cây bút mới như tôi mà được người ta chú ý là

nhờ bài phê-bình giá-trị của ông. *Đã viết cho là quý rồi, ông lại viết rất công phu nữa. Đó là một sự nâng đỡ, khuyến khích giá trị vô bờ...* »

Lời chân thành, cởi mở của bác-sĩ Lan-Giao làm cho tôi vô cùng cảm động. Tác-giả đã đồng ý những điều nhận-xét của tôi trong bài phê-bình, đồng thời khéo léo trình-bày quan-niệm sáng-tác của mình, trong đó có vài khía-cạnh mà tôi chưa kịp nghĩ đến. Ý-kiến của tác-giả giúp ích rất nhiều cho tôi trong công việc mở xẻ tác-phẩm khác sau này.



Có nhiều nhà thơ có tinh thần phục-thiện rất khả-ái. Người đời thường cho rằng thi-sĩ vốn là con người tự cao tự đại, điều phê-phán ấy không còn đúng đối với những kẻ có tinh thần cầu-tiến. Sau khi phê bình « **Saut đê** » của Hà Huyền-Chi, tôi có nhận được ý kiến sau đây của thi-sĩ :

« Trước hết, tôi xin chân thành cảm-tạ ông về những ý-kiến xác-đáng ấy. Quả thật, tôi đã cố gắng thi-vị-hóa cuộc sống quân ngũ của chúng tôi và đi hơi quá lố một chút. Tôi xin hoàn toàn bái-linh tôn-ý. »

Đọc lời lẽ chân-thành của thi-sĩ, tôi cảm thấy sung sướng, không phải sung sướng vì được ca ngợi, mà vì điều nhận xét của mình không sai lệch quan-niệm của tác-giả. Hà Huyền-Chi đã giúp tôi thêm tin-tưởng ở mình để khỏi bị mặc-cảm khi phê-bình nghệ-thuật.



Có nhiều nhà văn, nhà thơ rất khiêm tốn, rất phục-thiện nhưng cũng rất giàu tự-ái. Lòng tự-ái biết xử dụng đúng lúc — nhất là xử-dụng cho có nghệ thuật — thật là có ích như là một công-trình sáng-tác.

Sau khi phê-bình **TUỔI TÌNH YÊU** của Hải-Phương — nhà thơ trẻ tuổi ở Đại-học Văn-Khoa — tác giả có gởi cho tôi một bức thư dài cho biết ý-kiến anh về bài phê-bình, đồng thời minh-xác lại một vài điểm một cách tế-nhị và khéo léo :

« Tôi chậm thư cho anh, khi anh đã viết cho tôi một bài về **TUỔI TÌNH-YÊU** rất long trọng và chính xác. Cái chậm của tôi đó cũng vì bài viết long trọng và chính xác. Tôi phải chờ và suy nghĩ đến lần viết thư cảm ơn này.

Tôi xin anh nhận lòng biết ơn chân thật của tôi. Và, anh là người đầu tiên đã viết và nghĩ

giống như tác giả đã nghĩ và gán cho nó những tầm thước những cái gọi tên y như nó hiện có.

Tôi rất không muốn nghe một ai ca tụng một tác phẩm văn-ngệ (hay triết học) quá cái tầm thước, chất lượng chuyên chở của nó. Vì làm như vậy người ca tụng đã tỏ ra mình vụng về đã bỏ mất cái chân tướng của đối tượng. Còn trường hợp người đọc sách không hiểu tác phẩm hoặc dụng ý khác thì không thành vấn đề.



Anh, anh đã vượt qua hai cách thể trên, anh đã đi thẳng vào tìm phôi của tác - phẩm. Và dù tác - phẩm kém phong phú, kém nghiêm trang (tôi quan niệm rằng một tác phẩm văn-ngệ ngoài cái khả năng truyền cảm (qualité sensible) còn có cái khả năng duyên dáng và nghiêm trang trong cách xử dụng ngôn từ và ý tưởng, nhưng anh đã rất phong phú, nghiêm trang tổ cáo cái tính cách không phong phú, nó duyên ờr ngu trong tác phẩm đó: T.T.Y. cũng vậy.

Cái điều anh nói rằng hạng từ tôn giáo trong tác phẩm TTY tác giả đã lồng nẹp lại tất cả những tôn giáo. Tôi đồng ý với anh nhưng cũng thêm rằng sở dĩ có thái độ ấy vì con người trẻ tuổi của thế kỷ này, rất tham lam, họ muốn vượt lúc này (tôn giáo này) hoặc lúc khác (tôn giáo khác) để họ là mọi lúc (mọi tôn giáo, mọi niềm tin) hay họ là tay không, là vô tôn giáo, là con người đi lang thang khắp cùng niềm tin nhưng cuối cùng chưa tìm thấy vì đã mỗi một vì thần - tượng niềm tin mới đang mê hoặc và dụ dỗ họ chạy xa.

Và, Đặng-Tiến đã bày tỏ cái hiểu biết của mình, bằng cách tổ cáo cái tính cách lồi nhãi danh từ triết học trong TTY chẳng qua cũng chỉ là những danh từ lồi nhãi.

— Đặng-Tiến đã tìm thấy rất đúng, Đặng-Tiến đã gọi tên cùng cớ của những hạng từ đó. Nhưng không phải để bày tỏ niềm vui với tác phẩm (hay tác giả cũng vậy) mà là có dụng ý khác: chê.

— Đើm đó anh không nói đến, tuy có nhắc đến Đặng-Tiến. Và suốt trong bài viết của Đặng-tiến chỉ vồn vồn có một dụng ý là chê cái danh từ lồi nhãi đó. Nhưng Đặng-Tiến rất có tài, vì nếu vô tài thì không thấy những hạng từ lồi nhãi vô duyên cục mịch thô bạo sừng sờ đó.

— Nhưng tôi nghĩ rằng bao lâu còn nói đến triết học và chân lý triết học mãi lui xa đảng phía chân trời, và mãi mãi chân lý (chân lý nào cũng vậy) là một nhân giới, một hứa hẹn, một đợi chờ, một hy vọng, đồng thời chân lý cũng là những hải hùng, những run sợ thì những danh từ lồi nhãi đó vẫn còn nếu không muốn khép kín thành hệ thống bao trùm chụp mũ như kiểu Hegel và những chủ trương isme.

Và nếu muốn mở ra, phóng túng, gạ gẫm đồng thời phải dụ dỗ thì may ra mới chạy quanh được chân lý. Vì chân lý T. H. không thể gọi tên (nếu gọi tên nó bỗng dưng thành môn khác, khoa học hay sử học chẳng hạn) vì nó là cái gì đang sinh thành và người tìm nó mãi mãi chạy theo cái công trường dở dang chưa hoàn tất.

Vì nó như vậy, cho nên con người luận lý hệ thống như kiểu Hegel cũng chưa tìm thấy nó, con người phải giả vờ khùng, điên, giả vờ trẻ con dụ khí, gạ gẫm, cư ngụ trong nó. Nhưng như vậy không phải để nắm chân lý mà là để triết lý. Vì nắm chân lý thì không còn gì để triết lý (philosopher) — Và bao lâu tìm ra chân lý thì con người còn triết lý và còn những danh từ lồi nhãi. Đó cũng là thân phận con người đi tìm vừa luận lý đoan trang, hệ thống vững chắc, đồng thời cũng phải lồi nhãi vô duyên

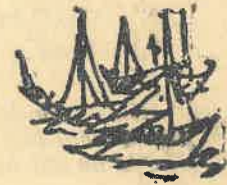
vậy. Tất cả đó đều muốn bày tỏ những nỗ lực cố gắng của con người, con người hữu hạn trong cái nhìn vô hạn, trong niềm tin siêu việt, và con người đó muốn vượt khỏi lúc này, hay lúc khác để trở thành mọi lúc. Cũng như triết học, mọi sự gọi tên hay đặt tên cho nó đều không phải là nó. Vì không phải là nó như là một niềm tin còn triết lý

Một lần nữa, tôi chân thành cảm ơn anh — và những lời dong dài vô duyên, thô kệch trên đây cũng chỉ muốn bày tỏ cái tâm lòng nhỏ hẹp đó. Có điều chi sơ sót còn dám mong chỉ giáo »

Hải-Phương muốn minh-xác lại hai đើm trong bài phê-bình của tôi :

1. Triết-học tổng-hợp
2. Triết-học danh-từ.

Ở đើm nhất, tác-giả công-nhận điều nhận-xét của tôi là đúng, anh chỉ giải-thích nguyên-nhân nào khiến cho con người trẻ tuổi hôm nay có thái độ ấy.



Ở diêm nhĩ, tác-giả dùng phép suy-luận để bênh-vực những « danh từ lai-nhại » mà anh đã dùng trong thơ.

Hải-Phương đã giúp ta hiểu rõ thêm tâm trạng của thể-hệ thanh-niên hôm nay và làm sáng tỏ thêm ý nghĩa thâm trầm của thi-phẩm TUỔI TÌNH YẾU. Riêng về vấn-đề « danh-từ triết-học », Hải-Phương cũng lập-luận rất xác-đáng, chặt-chẽ, nhưng chỉ xác-đáng trong phạm-vi nghị-luận mà thôi. Dem áp-dụng danh-từ triết-học vào thơ một cách quá tham-lam, sẽ làm tổn-hại rất nhiều cho nghệ-thuật. Hải-Phương có công-nhận thế chẳng ?

Trên đây, tôi vừa thổ-lộ vài cảm nghĩ của người cầm bút phê-bình.

Tôi cũng vừa kiểm diêm vài phần thưởng khích-lệ điển hình đã làm cho tôi phấn-khởi, hăng say hoàn-thành trọng-trách vừa khó-khăn, bạc-bẽo, lại vừa lý-thú, say mê.

Đây là lời tâm-sự chân-thành của nhà phê-bình trước thềm năm mới. Mong các bạn có tác-phẩm được khen hay bị chê nhận qua lời đơn-sơ này một niềm thông-cảm thăm-thiết, sâu xa và sẽ tìm được nhiều nguồn cảm-hứng tân-kỳ trong mùa xuân cách-mạng.



★ BẠN CÓ BIẾT: TRÍ KHÔN CỦA LOÀI VẬT

Không chỉ loài người, thú nhất là các ông thực dân, biết bắt kẻ khác làm cho mình ăn, mà loài vật hay sâu bọ cũng có ít giống khôn ngoan như thế.

Quạ và ó-ho là 2 thứ chim thường đi tìm những ổ cu-đất để ăn trứng, rồi đẻ trứng mình vào ổ cu, để cho loài chim sau này ấp. Chúng ta không lạ thường thấy những con cu đất đi tha mỗi nuôi ó-ho hay quạ con. Bởi thế ta có câu phương ngôn: « cu cu nuôi con quạ », để ám chỉ những người vợ kẻ nuôi con chồng của đời vợ trước.

Một loài kiến ở Nam-Mỹ đã biết nuôi một loài bọ chét lớn để lấy sữa và cỡi đi chơi như ta cỡi ngựa. Gặp những lúc mưa gió thiếu mồi, kiến đã hạ thủ những con bọ chét kia để ăn.

sao anh không về thăm qui nhơn?

★ ĐẶNG-THỊ BÍCH-HƯƠNG

Sao anh không về thăm Qui-nhơn anh nhỉ ?  
Gành-Ráng chiều lên Hàn-mặc-Từ ngâm thơ  
Nhạc trùng dương buồn tiếng tơ sầu vạn-kỷ  
Để em buồn em mãi thương nhớ vu vơ !

Mây hoàng-hôn lang thang bên chiều Thị-nại  
Hồn Chiêm-nương còn rên rĩ với Tháp Chàm  
Em nhớ anh sao không thấy anh trở lại  
Để u buồn người em gái xứ Qui-nhơn !

Anh hãy về đây nghe Suối Tiên thỏn-thức  
Em kể anh sự tích chiếc nón Gò Găng.  
Trên bãi-bể mắt nhung em sầu ngơ-ngác  
Áo trắng nữ-sinh lộng lẫy giữa mùa trăng !

Anh nhớ về thăm Qui-nhơn anh nhớ nhé !  
Đường Gia-Long vẫn thềm khát dấu chân anh  
Những buổi tan trường mình em buồn quạnh quẽ  
Anh biết chẳng ? — Em vẫn mộng Đà-thành !

đêm

★ PHAN TRƯỚC VIÊN

(KBC 4720)

Mưa lá chả rơi ngoài hiên tỷ tách  
Trời về khuya nghe ray rứt u buồn  
Đêm trở lạnh gió lùa qua khe vách  
Nhạc côn trùng reo rắc điệu thể lương !  
Chó sủa ma sau mỗi lần cú gọi  
Bé nhà bên khát sữa khóc từng cơn  
Mẹ tỉnh giấc buồn nhìn đôi vú dôi  
Cất giọng ru ngái ngủ đến mỗi mồn.  
Đêm quạnh quẽ, một màu đen man rợ  
Bao trùm lên những mái rạ vườn hoang  
Mấy chồi canh nằm thu hình lặng lẽ  
Tiếng mõ đều đều đếm tiếng thời gian.  
Mây tan dần, từng vì sao thỏn thức  
Quay đầu về trái đất đợi ngày lên  
Vợ chồng Ếch bảo nhau ngoài ruộng nước :  
— Kia nhà ai đã thấp thoáng ánh đèn ..



TRUYỆN NGẮN

\* Lam-Hồ

**T**ÔI tựa đầu vào tường. Khuôn mặt Lan dài ngoẵng ra, cặp mắt to bị xóa nhanh như ảo-thuật. Nước mưa rưng đều trên mái ngói. Tàng lá trước Bar xao động rải nước xuống hè phố rào-rào. Nét nhạc buồn rủ khấp-khểnh trong linh hồn tôi. Mắt khẽ nhắm, tôi muốn tìm chút yên-đỡ. Mùi thuốc Bastos khét lẹt; có tiếng Lan thở dài:

— Mưa! chán bỏ mẹ.

Tôi nhìn ra khi mở đũa ào cười nói dừng lại đấy. Cánh cửa mắc lưới sắt dính đầy hình hoa lá mở toát. Lại thêm bốn năm thằng con trai. Chúng đưa cao tay, gọi tên tôi, rồi chạy đến ngồi xuống. Mặt

kính trên bàn rung lên, những chân ghế nghiêng xuống nền gạch hoa ken-két.

— Uống gì?

— Băm-ba.

— Lan, năm chai nữa!

Đứa con gái đặt những chai la-ve xuống bàn. Khi mở, nàng đánh mạnh tay, từng chiếc nắp sắt bật lên dọt ngọt kêu bôm-bốp. Khói thuốc, tiếng chuyện-trò và không khí đặc biệt khiến tôi chóng mặt. Tôi nhóm điếu thuốc, gục đầu châm lửa, mắt không buồn mở rộng. Tôi để ý-nghĩ soái mình uề-oái. Tiếng ồn-ào mỗi lúc một bay xa. Chúng nó bỏ quên tôi giữa khu chợ.

Tôi thấy nhiều người đàn

CHƯA TÀN ĐIẾU THUỐC

bà qua lại, nhưng tôi chỉ chú ý đến gã đàn ông đội mũ dạ. Hắn cầm ba lá bài tây đòi chỗ thật lẹ trên mặt vải áo mưa.

— Đánh lớn trúng lớn! Đánh nhỏ trúng nhỏ! Đặt vào bà con nè!

Thằng mặc áo răn-ri đặt vào một nắm bạc. Thằng đội mũ lật bài lên và chung tiền: rõ ràng hình gia rô năm tênh hênh trước mặt. Lần thứ hai, nó lại trúng nữa. Những người đàn bà nhìn hắn với đôi mắt thèm thường. Cùng một lúc, họ thò tay móc bạc. Đám đàn bà chờ cho thằng áo răn-ri chõng cọc bạc vào lá bài giữa, và họ đua nhau đặt theo. Số bạc nhiều dần. Người ta nhìn thoáng bối rối nơi mặt thằng nhỏ cái với sự thích thú. Tất cả nín thở khi thằng mũ dạ khoa tay.

— Cất tay!

Lá bài giữa được bật lên: « Trời ». Những mũ đàn bà mồm há hốc: Rõ ràng là lá 10 bích. Mười nốt đen nằm trên trường. Thằng đội mũ dạ lẹ-làng quơ hết số bạc nhét vào túi. Liền khi đó thằng mặc áo răn-ri thét lên:

— Chạy, bà con ơi, chạy!

Cảnh-sát đến!

Hai thằng đàn ông bỏ chạy khi lũ đàn bà ngơ ngác dòm quanh. Chẳng có bóng dáng ông cảnh-binh nào cả. Tôi chạy theo chúng nó. Dưới một gốc cây, hai đứa đang chia tiền với nhau. Chúng xếp tiền vào chiếc bóp da, nhét vào túi áo. Bỗng có tiếng kêu khóc, rồi đứa con gái nhỏ chạy sầm vào chân một thằng. Phía sau nó, mũ đàn bà đánh-ác cầm roi rượt theo. Con bé gào:

— Má ơi! Lạy má đừng đánh con tội nghiệp.

— Tiên sư mày, đồ gái dī, phen này tao giết, không má không con gì nữa!

Thằng mặc áo răn-ri cười nhần-nhở, hai tay ôm con bé vào ngực:

— Thôi mà, cho tôi can.

Mũ đàn bà dừng lại, phân trần huyền-thuyền. Một lát, con bé vụt khỏi vòng tay thằng kia, chạy nữa. Mũ đàn bà vác roi rượt theo. Khi bóng họ mất hút đầu một ngã rẽ thì thằng áo răn-ri ôm ngực la lên:

— Chết cha rồi! Con quỉ cái hắn móc cái bóp tiền của tao!

Hắn đuổi theo hai mẹ con



ng. Chỉ có tôi bắt gặp hai mẹ con trên quăng đường vắng. Con bé ngồi bệt xuống đất, mở bóp ra đếm tiền.

Hắn nhìn tôi cười kiêu-hãnh. Gương mặt hắn thật dễ thương và lương-thiện. Trong một lúc vui vẻ, tôi muốn ngồi xuống đếm hộ nó. Nhưng, hắn xích ra, nói:

— Bà từ năm mươi đồng, một tờ trăm, 10 giấy bạc năm đồng và bốn tờ hai chục. Tất cả có ba trăm tám mươi đồng.

Đứa con gái cầm chặt món tiền khi nói với người đàn bà:

— Nào, chia hai chứ?

Người đàn bà bỗng phát điên. Mụ trợn mắt, hai tay nắm chặt:

— Chia cái gì! Tiên sư mày, đưa cả đây không thì tao vắn cổ. Con bé không vừa:

— A! khốn nạn! Mụ muốn cướp công đấy hả?

Mụ đàn bà xắn quần, nhào vô như con thú. Mụ ta khỏe hơn nên giật phắt được cái bóp, bỏ đi. Con bé tru-tréo vài tiếng rồi cũng rảo bước đi theo mẹ. Tôi lên tiếng gọi người đàn bà, tôi gọi cả đứa con gái. Không ai thèm nghe tôi.

Bác cảnh-binh đứng gần đấy giật mình quay lại khi đứa con gái khóc gào:

— Bà ơi bà! Tội quá, của con đánh rơi, bà cho con lại!

Mụ đàn bà trợn tròn đôi mắt, giăng tay hẳn ra:

— Rõ dơ! Của gì mà, rút đi.

Người cảnh-sát hấp-tấp chạy đến:

— Cái gì! Cái gì thế hả?

Con bé vẫn khóc mếu. Nỗi đau đớn xót-xa thể hiện lên gương mặt hiền dịu của nó. Tôi chợt nghe lòng mình se lại, dù chính tôi là người nhìn hết sự thực. Nó níu áo người đàn bà, giọng náo ruột:

— Con lạy bà, cho lại con, không có về nhà mẹ con giết mất. Rồi, không cần nghe người đàn bà chối cãi, hẳn quay về bác cảnh-binh:

— Lạy ông, nói giúp bà ấy trả lại con bóp tiền. Mẹ con sai đi chợ, con trót đánh rơi, bà ấy nhặt được.

Người đàn bà vẫn chối đây đẩy. Người cảnh-binh nạt:

— Mày mất bao nhiêu, gồm những giấy bạc gì, có nhớ không?

Con bé nức nở:

— Dạ, ngàn lạy ông, giúp con. Dạ, con mất ba trăm tám mươi đồng?

— Gồm những bạc gì?

— Dạ, dạ, đề con nhớ lại... Người đàn bà toan lên tiếng, nhưng mụ bị chặn lại không cho nói.

Con bé sáng mắt lên:

— À, con nhớ ra rồi. Con mất ba trăm tám mươi đồng, gồm có ba giấy năm mươi đồng, một tờ trăm, 10 giấy bạc năm đồng và bốn tờ hai chục. Lạy ông, lạy bà, mẹ con giết mất, hu... hu...

Con bé lại khóc lu-loa, nước mắt nó chảy ngập hai chiếc má trắng lúc đó, nổi se thất trong tôi lan dần làm tôi muốn bỏ đi. Mụ đàn bà bị xét và chiếc bóp có nguyên số bạc như thế lập tức được giao cho con bé. Người ta si-vả mẹ, bác cảnh binh đòi đưa mẹ về đồn. Mẹ tức uất lên, tức đến ứa nước mắt. Bỗng dung tiếng cười lạnh-lạnh của con bé xối mạnh vào tai tôi. Tôi nhìn nó hẳn-học, bao nhiêu sự xúc động ban đầu vụt biến cả. Tôi thấy mình là kẻ bị chế-diệu với sự việc nhìn thấy, tôi tức điên lên, toan xông vào nói hết sự thật. Nhưng, người cảnh-binh với cánh tay rắn-chắc gạt tôi té nhoài. Đầu tôi va mạnh xuống đất...

Tôi mở choàng mắt ra. Mặt bàn ngằn ngang những võ la-ve và ly tách. Vài sợi khói từ mẩu thuốc chưa cháy hết của tôi bay lên. Những hình ảnh trong giấc mơ chập chờn đầu đây, chưa ra khỏi trí óc. Trong khoảng thời gian ngắn-ngủ, không đủ để điều thuốc kịp biến thành tro-tàn, tôi đã đi qua nhiều sự-kiện quá ư kỳ-lạ. Thăng đội mũ dạ, thăng mặc áo rằn-ri, đứa con gái, mụ đàn bà, rồi bác cảnh-binh, sắp hàng tuần tự đi qua linh hồn tôi. Đến lúc này, tôi mới chợt khám phá những gương mặt của từng nhân vật kia đối với mình quá quen thuộc. Nhưng, trong giấc mơ, họ đã cố tình khoát vào người từng bộ y phục, từng hành động khiến đối với tôi quá sức đổi thay. Họ trở thành những kẻ xa-lạ khiến tôi muốn khóc. Tôi đã tìm được ngay tên-tuổi của từng gương mặt ấy đồng thời với niềm đau không tên âm-ỉ, ray rứt trong tôi từ thuở biết yêu thương hờn ghét.

Đêm khuya, mưa gió, quán vắng, và giấc mơ kỳ quái ngắn ngủi mà đầy chi tiết, ngắn ấy thứ làm bóng tôi đổ xuống mỗi lúc như sâu thêm. Tôi rít một hơi cuối cùng và dụi mẩu thuốc vào cái gạt tàn đầy nhóc.



— Mấy giờ rồi Lan ?

Không có tiếng trả lời. Hương thơm da-thịt và tóc con gái quện vào tôi, bàn tay có móng đỏ núu cánh tay tôi xuống ghế.

— Anh ngủ gật. Bọn anh về cả rồi, họ bảo, để anh ngồi lại tính tiền.

Tôi cầm bàn tay người chiêu đãi bằng một linh hồn tang thương, như kẻ đi trong lòng sông còn trơ đất sỏi nhặt lên hòn đá nhỏ. Lan thì thầm :

— Trông anh như hình-ảnh pho tượng cô-độc. Em thương anh quá.

Tôi nhìn vào cặp mắt sâu hun-hút của người con gái, bắt chợt tôi khóc. Chẳng phải vì xúc-động, tôi từng nghe tiếng yêu thương không dưới mười lần trên mười đôi môi con gái. Tôi mang ý nghĩ bị lừa - gạt thăm thương khi tình-cảm đặc-

biệt người ta muốn tôi phải nhận.

Tôi móc hết tiền trong túi để thanh-toán bữa uống mà vẫn thiếu. Tấm giấy cuối cùng được móc ra là thư Trinh :

« Em yêu anh, bây giờ và mãi mãi. Chỉ có anh là người yêu em chân-thành, nhưng, em phải lấy Lưu như sự mong muốn của gia đình và các cô, các chị. Lạy anh, tha tội cho em ».

Bất giác, tôi hình dung những khuôn mặt trong giấc mơ. Tôi cười lớn, bảo Lan :

— Tối mai, anh đến trả nốt chỗ còn lại. Dĩ-nhiên là Lan không thể biết, sáng sớm ngày mai, tôi bỏ thành phố này để đến một vùng thật xa, mang theo cả số-nợ Lan và lòng bình-thản.



(Bình-Định)

## giờng thơ hôm nay

★ TẠ - KÝ  
(Đà Lạt, 1963)

Nghe như mình đã ngủ  
Từ mười mấy năm qua.  
Quờ tay trong bóng tối  
Ngắt vội một cành hoa.

Tuổi em mười sáu nhé,  
Hay đã ba mươi rồi ?  
Cành hoa đêm đã héo  
Hay vài cánh còn tươi ?

Ly cà-phê sánh đặc,  
Đạ-hội tan từ lâu  
Còn gì mà thắc-mắc  
Đời không là của nhau.

Đi giữa lòng thành-phố  
Cúi mặt trông bóng mình,  
Đôi bàn chân xương-xấu.  
Con đường rộng thênh-thênh.

Sẽ có người nhấn mặt  
Đọc giờng thơ hôm nay  
Chút buồn vương khoe mắt :  
— Sao chừ còn đắng cay ?

— Thừa rằng từ lâu lắm  
Chẳng bao giờ quên em,  
Tóc xanh chùng lốm-đốm  
Suốt đời tôi đi tìm.



## NHỮNG NĂM THÌN LỊCH-SỬ CỦA THẾ KỶ 20

★ Anh-Vũ

**T**Ừ ngày xảy ra vụ đàn áp Phật-giáo, thiên-hạ thường hay bàn tán ngấm ngấm về 2 câu sấm:

«Chừng nào ba tháng đủ liền  
Nhà chùa đồ máu Ngô quyền  
têu tan».

Rồi tới khi cuộc Cách-mạng 1-11 thành công, người ta gặp nhau và quả quyết:

— Đó! có sai đâu! Năm Quý-mão có 3 tháng 9, 10 và 11 đủ liền nên chính quyền họ Ngô mới ra tro mà!

Năm Quý-mão có 3 tháng đủ liền sắp qua, bên thềm năm mới, người ta không khỏi giật mình khi thấy năm Giáp Thìn tới đây cũng có 3 tháng 10, 11 và 12 đủ liền, và nếu ngược dòng lịch sử thì cách đây đúng 36 năm,

năm Mậu-thìn (1928) lại có tới 4 tháng 9, 10, 11 và 12 đủ liền và 2 năm Đinh-mão (1927), Kỷ-Tị (1929) cũng có sự kiện 3 tháng đủ liền này.

Ta không đi sâu vào vấn đề sấm ký mà căn cứ vào diễn trình của lịch-sử, đề trình bày những năm thìn của thế kỷ 20.

### NĂM GIÁP THÌN, 1904

Cách đây vừa đúng 60 năm, nhiều sự kiện lịch sử quan trọng đã xảy ra trên trường Quốc-tế và Quốc-nội.

**Pháp.**— Hiệp ước thân hữu Anh Pháp, chuẩn bị từ 1902 đã được ký kết vào tháng 4-1904 do công của Bộ trưởng Pháp Delcassé.

— Chính phủ Pháp đã đoạn

## NHỮNG NĂM THÌN

với Tòa Thánh Vatican vào tháng 5 năm 1904.

**Nga.**— biến chuyển mạnh về chính trị và xã-hội. Vua Nicolas II từ chối mọi cải cách đã đề ra.

**Mỹ.**— chính phủ Hoa kỳ khởi công đào kênh Panama ngày 4-5-1904, hoàn thành ngày 15-8-1914, trị giá 375 triệu Mỹ kim.

**Hòa-Lan.**— Hội nghị Quốc tế và chủ nghĩa xã hội họp tại Amsterdam vào tháng 8-1904.

Khởi-Dân chủ bị rạn nứt trầm trọng vì đảng Xã hội rút lui, tách khỏi khối dân chủ.

**Á-Châu.**— Tư tưởng của các văn hào Pháp trong « kỷ nguyên Ánh sáng » ảnh hưởng tới Trung-hoa và Việt-Nam.

Nga-Nhật chiến tranh bắt đầu.

Nhật thắng Nga tại Lữ-Thận. Gió Á không bị mưa Âu vùi dập nữa.

Toàn thê Á-Châu đã chuyển mình, thứ nhất là sau lời tuyên bố của Bá tước Đại-Ôi (Okuma).

« Nước Nhật phải trở nên linh hồn hướng dẫn các dân-tộc Á-châu »

Ấn-Độ. — phong trào Quốc-Dại LIÊN ẤN nổi dậy mạnh mẽ, tuyên bố tranh đấu cho Độc lập Quốc-gia dưới sự lãnh đạo và đường lối riêng biệt « Bất bạo động » của Thánh Cam-Đja (Gandhi).

Phong trào duy tân bắt đầu tại Việt-Nam. Phan-Chu-Trinh, treo ấn từ quan theo nhà chí sĩ Phan-bội-Châu làm Cách-mạng.

### NĂM BÍNH THÌN, 1916

Cuộc Thế chiến thứ nhất nghiêng dần thắng lợi về phía Đồng-Minh.

Tại miền Ba-nhĩ-Cán, Lỗ-mã-Ni đứng trung lập từ khi cuộc Thế chiến bắt đầu, đã chiến đấu bên cạnh quân Đồng-Minh từ 28 tháng 8.

Trên mặt biển trận hải chiến Intland, hải quân Anh hoàn toàn thắng lợi ngày 31 tháng 5.

Tại Pháp, Liên quân Anh Pháp do tướng Foch (Pháp) và Haig (Anh) chỉ huy đã đẩy lui mọi cuộc tấn công của quân Đức tại mặt trận Verdun và trận sông Somme. Ngày 15 tháng 9 thiết giáp xa của Anh bắt đầu xuất trận, thứ khí giới lợi hại đưa ra sử dụng lần đầu tiên trên chiến trường này, đã đem lại

hiều chiến công rực rỡ. Đồng thời không lực của Liên quân cũng hoạt động ráo riết.

Nivelle thay thế Joffre và Lyautey đảm nhận chức vụ Bộ trưởng chiến tranh từ 13-12.

Tới tháng 12, Vua Guillaume đệ II đề nghị hòa với điều kiện...

Nhưng Đồng-Minh không chấp nhận, ngày 30 tháng 12 đã trả lời cương quyết: « không thể hòa như thế được ».

Mặc dù Tổng Thống Wilson đã cố gắng nhiều đề tiến tới Hòa giải, 2 lần cử ông Hoase sang đề điều đình với hai bên tham chiến, nhưng đề nghị của Wilson đã bị Guillaume II từ khước, một lý do đề Hoa-kỳ nhảy vào vòng chiến, (đầu năm 1917).

Tại Anh nội-các Briand từ chức nội các Lloyd George được thành lập ngày 6-12.

Tại Nga, Hội-nghị Douma nhóm họp ngày 14-11, Hội đồng quý tộc đòi lập chế độ đại nghị.

Rapoastine bị ám sát ngày 29-12.

Tại Trung-Hoa, Viên-thế-Khải thoái vị.

Nội chiến Trung-Hoa kéo dài từ năm Bính Thìn 1916 đến

năm Mậu Thìn 1928 mới chấm dứt.

Phong trào Duy - Tân bùng lên sôi động tại Việt-Nam. Sĩ phu bỏ đường lối bất bạo động, chuyển qua một giai đoạn mới: Võ trang bạo động để cứu nước.



Sau khi Khâm-sứ Pháp đào mồ vua Tự-Đức để lấy châu báu, Vua Duy-Tân cùng quần thần trung kiên là Trần Cao Vân, Thái Phiên chuẩn bị cuộc khởi nghĩa chống Pháp vào ngày 4-5-1916.

Nhưng cuộc khởi nghĩa bất thành, nhiều người bị xử tử, vua Duy-Tân bị đày ra đảo Réunion.

Khải Định kể vị, ngoan ngoãn tuân theo người Pháp đề ra.

« Vua chỉ trị-vì chứ không cai-trị ».

**NĂM MẬU THÌN, 1928**

Một năm có 4 tháng đủ liền.

Trên trường quốc-tế có nhiều biến chuyển quan trọng về phương diện kinh-tế, xã-hội, chính-trị, văn-hóa.

Tại Pháp, luật bảo hiến xã hội được ban hành lần đầu tiên vào ngày 5 3.

Poincaré đắc cử Thủ-tướng, có biện pháp giữ vững giá của đồng franc.

Tại Nga-sô, Troski bị lưu đày lên Tây-bá-lợi-Á. Việc tập trung ruộng đất thành công trường tập thể Kolkhoz và Solkhoz bắt đầu thực hiện.

Tại Trung-Hoa, Tưởng giới Thạch được phong Thống chế tháng giêng năm 1928 và làm Tổng-thống ngày 6-10.

Cuộc nội chiến vừa kéo dài từ 1916 vừa chấm dứt thì chiến tranh chống Cộng lại mở màn.

Trên địa hạt khác, thuốc Pénicilline được A. Fleming tìm thấy đầu tiên. Năm 1928 đã đánh dấu bước tiến của nghệ thuật thứ bảy: Ciné âm lùi xa vào dĩ vãng, kỹ thuật âm thanh đưa màn ảnh thế giới vào một giai đoạn mới.

Cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất thế giới đã mạnh nha từ năm Mậu-Thìn 1928 và bùng nổ trên thị trường

chứng khoán Hoa-kỳ rồi lan ra khắp thế giới.

Tại Việt-Nam, sau vụ lụt kinh khủng năm Đinh Mão 1927, làm ngập trên 20 ngàn hectares ruộng. Tư bản Pháp bắt đầu dồn vốn vào việc khai thác đồn điền.

Pierre Pasquier qua thay thế toàn quyền Varenne. Một sắc lệnh của Toàn quyền Đông-Dương được ban hành: Cấm tư bản các nước trung đất công hoang làm đồn điền, bãi bỏ diện tích tối đa có thể lãnh trưng để tư bản tha hồ chiếm đất.

Đại hội đồng kinh-tế tài chánh được thành lập có quyền quyết định về ngân sách và tư vấn về mọi vấn đề kinh-tế, tài chánh nhưng thực tế chỉ có hình thức tượng trưng mà thôi.

Việt Nam Quốc Dân Đảng thành lập từ năm trước, tới 1928, được nhiều nhà giàu có giúp tiền lập **Việt Nam Khách Sạn** để làm cơ sở hoạt động. Tinh thần kháng Pháp lên cao, thể hiện trong lời thơ: « 10 Thương » hài hước của ông Cường Sĩ chế riễu những kẻ bợ đỡ thực dân Pháp:

*Một thương tóc húi caré  
Hai thương cái vẻ pác-lê tự-do  
Ba thương má trét ci-mo*

Bốn thương răng trắng như  
bò thêm xinh  
Năm thương bờ rơ lóc đeo  
hình  
Sáu thương ô lục soạn che  
mình thuyền quỳên

**Năm Canh Thìn 1940**

Cuộc thế chiến thứ 2 tiếp diễn với sự thắng lợi của phe Trục.

Quân đội Đức quốc xã ào ạt tấn công Bắc-âu, xâm chiếm Đan-Mạch, Na-uy 9-4.

Xâm nhập Tây-âu chiếm Bỉ, Hòa-Lan, Lục xâm Bảo 10-5. Trận Dunkerque mở màn 15-5 tới 3-6 kết liễu, củng cố sự thắng lợi cho Hitler.

Mussolini tuyên chiến với Pháp và Anh ngày 10-6. Tướng Weygand truyền lệnh cho quân đội Pháp rút lui 12-6.

Thành phố Ba-Lê bỏ ngõ, quân Đức xâm nhập ngày 14-6. Thống-chế Pétain thay thủ-tướng Reynaud, được tổng-thống Lebrun ủy nhiệm lập Chính phủ 16-6.

Chính phủ Pétain xin đình chiến 16-6.

De Gaulle kêu gọi nhân dân Pháp kháng chiến, 18-6 lập lực lượng chống Đức được Anh

thừa nhận là lãnh tụ lực-lượng giải phóng quân.

Đức chiếm Lyon 21-6.

Hòa ước Pháp-Đức ký ngày 22-6.

Hòa ước Pháp-Ý ký ngày 24-6.

Hiệp ước phe Trục: Đức, Ý, Nhật ký 27-9 phân chia Thế giới.

**Anh**— lệnh tổng động viên ban hành ngày 1-1. Thủ tướng Churchill thay Chamberlain ngày 7-5.

Nữ giới cũng phải nhập ngũ 22-12.

**Hoa -Kỳ**— Tổng thống Rossevelt tái đắc cử 5-11. Lệnh gọi nhập ngũ ban hành ngày 16-9.

**Đông-Dương**— Lực lượng Pháp suy yếu, uy tín Pháp giảm nhiều. Toàn quyền Decoux đã nhìn thấy sự thật của chính sách đế quốc thực dân :

« Hoạt động kinh tế và thương mại của Đông-pháp bị lệ thuộc hoàn toàn vào chính quốc.

Chính sách kìm hãm việc kỹ nghệ hóa Đông-Pháp làm cho lực lượng suy giảm, tài nguyên không tăng gia, không thể tự cấp, tự túc đề đề phòng chiến tranh. »

**● Năm Nhâm-Thìn 1952**

**Việt-Nam**— Năm Nhâm-Thìn 1952, nội các Nguyễn-văn-Tâm thay thế nội các Trần-văn-Hữu. Có thể nói trong khoảng thời gian này cuộc khủng hoảng chính trị luôn luôn tiếp diễn. Trong vòng 4 năm đã có tới 4, 5 lần thay đổi nội-các.



Trên chiến trường Bắc-Việt, viên Thượng tướng của Pháp là De Lattre de Tassigny bị tử thương ở Hòa-Bình 11-1-1952. Quân Pháp bỏ Hòa-bình 22-2.

Tướng Salan thay thế De Lattre de Tassigny trên mặt trận Tây-Bắc. Cuộc hành quân « Hautes Alpes » thả dù binh đội xuống Đồng Chum, đánh vào Thanh-Hóa.

★  
Nếu như những sự kiện lịch sử đã diễn ra không ngừng theo

Nhật gửi tối hậu thư cho Pháp đòi đóng cửa biên thùy Đông Pháp 19-6, và kiểm soát con đường này.

Tướng Nishihara cầm đầu một ủy ban kiểm soát đến Bắc-việt 29-6, phân phối sĩ quan đóng tại Mong-Cáy, Lạng sơn, Cao bằng, Hà giang, Lao-kay, Hải phòng. 2-7, Toàn quyền Catroux nhượng bộ.

Toàn quyền Catroux bàn giao công việc cho Decoux 19-7. Thỏa ước Nhật-Pháp ký ngày 30-8 tại Đông-Kinh.

Thống chế Pétain gửi mật thư cho Decoux 2-9, giải thích việc cho lệnh chánh phủ ký kết điều đình với Nhật để tránh sự gây hấn tại Đông-Dương, hầu giữ lại những quyền lợi tối thiết của Pháp tại xứ này.

Ngày 15-9-1940 Pibul Songram đòi Pháp trả đất đai trên hữu ngạn sông Cửu-Long, Thái-lan bắt đầu tấn công Đông Pháp.

Nam - kỳ khởi nghĩa 22-11 nhưng thất bại. 22-9 Pháp bị đại bại ở Lạng-sơn, phải ký hòa ước với Nhật tại Hà nội.

Khởi nghĩa tại Bắc-sơn 24-9. Người Việt dùng du kích chiến chống Pháp và Nhật.

từng chu-kỳ liên tiếp, ta có thể bằng cứ vào những năm Thìn đã qua để nhận định là trong thời chiến (qua 2 trận thế chiến và cuộc chiến tranh tại Việt-Nam) những năm Bính Thìn (1916) Canh Thìn (1940) và Nhâm Thìn (1952) là năm có biến chuyển quyết định nghiêng thắng lợi cho một bên.

Trong thời gian không xảy ra chiến tranh, năm Mậu Thìn (1928) là năm nảy ra mầm

khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất thế giới.

Cách đây vừa đúng 60 năm thì Năm Giáp Thìn (1904) có nhiều cuộc hội nghị, ký kết quan trọng, nhiều sự đảo lộn giữa gió Á mưa Âu.

Còn năm Giáp Thìn 1964, ta có thể đoán sẽ có nhiều sự thay đổi quyết định liên quan đến vận mạng Quốc gia.



### MỞ CÔNG-TY

Khách: Thưa ông, tôi có một chương-trình làm ăn vĩ đại...

Chủ: (một nhà tư-bản) Xin ông cho tôi được biết chương-trình ấy!

Khách: Tôi muốn sáng lập một công-ty trồng cao-su.

Chủ: Tôi tán thành chương-trình của ông. Vậy ông có được bao nhiêu gốc cao-su rồi?

Khách: Tôi chưa có gốc nào cả.

Chủ: Vậy ông có được bao nhiêu mẫu đất?

Khách: Tôi cũng không có đất.

Chủ: Vậy hiện giờ ông có gì?

Khách: Tôi có độ mười bao hạt cao-su, loại tốt nhất tôi vừa mang ở Nam-dương về,

Chủ: ...!



LẠI một mùa xuân ! Lại một lần nữa cây cỏ đua nhau trở nụ nở mầm, hoan hi trưng bày biết bao màu sắc tươi đẹp. Trong lúc mọi người vui vẻ đón chào xuân, có nhà thơ ngâm vịnh cạnh chén trà, có nhạc sĩ trở bày cung phiếm, thì cũng có nhiều nhà khoa học cặm cụi tìm hiểu vì sao có màu sắc ; phải chăng chỉ là một

★ Võ-quang-Yến (Paris)

phương tiện tô điểm thiên nhiên hay còn là cả một cơ chế bảo vệ giồng nòi. Cuộc học hỏi đầy hứng thú chỉ vào lúc khởi đầu và còn biết bao nhiều khám phá mới lạ đang chờ đợi các nhà khảo cứu,

**Bông hoa rực rỡ quyền rũ ong bướm**

Thật vậy, trong vòng thảo mộc, những chất sắc chưa được hiểu biết thấu đáo. Người ta biết lá xanh nhờ có chlorophyl nhưng chlorophyl không phải chỉ một chất thuộc nhuộm mà còn có một nhiệm vụ quan trọng hơn: chế tạo đường cho các tế bào thảo mộc. Ngoài chlorophyl ra còn có nhiều chất sắc khác từ các chất tanin mà ra, nghĩa là những phân tử đường rất nhỏ. Chính những chất sắc này đã tô sắc các cánh hoa hay đổi màu các vỏ trái. Tuy có nhiều giả thuyết tương phản, người ta tin những chất sắc này thay đổi với số lượng đường chứa trong cây cỏ.

Một yếu tố khác không kém phần quan trọng là ánh sáng mặt trời. Người ta biết ánh sáng mặt trời có ảnh hưởng nhiều lên màu sắc, nhưng các thực vật học chưa đồng ý về cơ chế: ánh sáng mặt trời đã trực tiếp tác dụng lên các chức năng sinh ra sắc hay chỉ tăng gia đồ ăn và từ đây gián tiếp thay đổi màu của hoa lá? Nhiệt độ cũng góp phần vào

cuộc nhuộm màu: hoa từ đỉnh hương màu hoa cà chẳng hạn, hễ trồng ở bóng tối thì trở nên trắng, nhưng đưa nhiệt độ lên đến 33 độ thì lại trở về màu hoa cà. Nhiều nhà khoa học cũng đã tìm hiểu tác dụng của cơn lạnh các miền cực đới lên cây cỏ. Như tuồng nhiệt độ thấp không có ảnh hưởng nhưng cũng không phải là một điều kiện tốt để hoa lá tô điểm muôn màu.

Nhiệm vụ của các chất sắc chưa được học hỏi kỹ càng. Tuy nhiên người ta có ý nghĩ chúng đã góp phần vào cuộc chế định cuộc hấp thụ ánh sáng và nhiệt độ của loài thảo mộc. Từ đây chúng có thể có ảnh hưởng lên hoạt động hô hấp và sự tiêu hóa các chất đường. Một nhiệm vụ kỳ lạ nằm trong hiện tượng sinh dục. Người ta biết nhờ sâu bọ, ong bướm mà phần hoa được chuyển từ bông nảy qua hoa nõ. Vậy khi bông hoa tô điểm màu sắc rực rỡ phải chăng là để rủ rê ong bướm đậu vào mình? Từ đây bảo màu sắc là một phương sách để cây cỏ truyền nối giống giòng cũng không phải là một nhận định quá đáng.

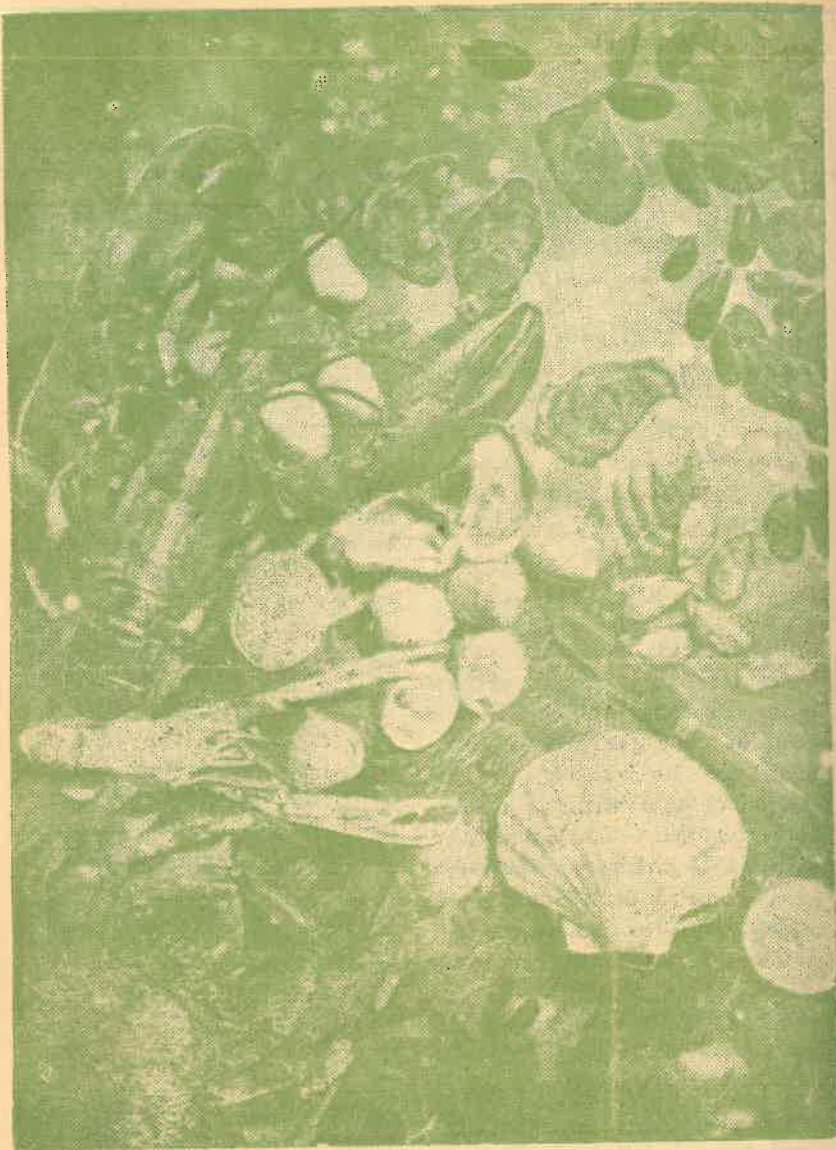
**Chất sắc chi phối màu sắc lâu đời**

Về phần tự vệ, che chở cho thân mình, người ta thấy màu sắc còn quan trọng hơn bên loài động vật. Nhiều loại cá như con cá ô (pleuronectes platessa) thay đổi từ màu trắng, lạt qua hình ô đen theo đáy bể nuôi cá chứa đựng nó. Con mực thay đổi màu theo đáy biển. Trên đất con các kẻ cũng tùy theo nằm trên lá xanh, vàng úa, hay cành xám thân đen mà thay đổi da mình.

Đáng đề ý là màu sắc và phương cách thích ứng hoàn cảnh đã được nhận thấy khắp các loài động vật, ở mỗi trình độ của cuộc tiến hóa, từ tôm, cua, sâu bọ qua cá, ếch và chim chóc. Người ta có thể cho màu sắc cùng cách thay đổi đã là những phương tiện chống lại xâm kích của hoàn cảnh. Có khi theo với cuộc tiến hóa, phương pháp trở nên quá thòi. Một ví dụ có thể đưa ra để chứng thực cho giả thuyết này: con reptentia thuộc loại tôm cua nhỏ, mang trên da một hệ thống điều khiển chất sắc rất là hoàn hảo. Nhưng cơ chế này không ích chút nào cho nó vì vừa mang một

cái mũi dày nó lại vừa sống ẩn núp ở bóng tối. Giáo sư Drach đã chứng minh tổ tiên con reptentia là con natantia, sống cách đây độ 200 triệu năm, chỉ có một mũi mỏng và trong suốt. Con natantia bơi lội ở vùng có ánh sáng nên hệ thống chất sắc rất cần ích. Nay con reptentia chỉ thừa hưởng một cơ chế vô ích từ xưa truyền lại.

Con người cũng vậy, đã thừa hưởng một chất sắc chi phối màu sắc của tổ tiên từ lâu đời: chất melanin. Người ta đoán chất này đã được chế tạo ở một giai đoạn rất xa xăm của cuộc tiến hóa vì người ta đã tìm ra được không những ở các loài động vật hạ cấp như cá, rắn và ếch nhái mà còn ở nhiều loại nấm. Melanin là một hóa chất màu đậm giữa vàng nâu và đen, do các tế bào chất sắc có nhiệm vụ chế tạo. Nguyên liệu là chất tyrosin từ các protêin phân hủy mà ra. Dưới tác dụng của một chất men, phần lớn chất tyrosin biến ra hai chất khác: dopa và kinôn. Melanin không khác gì là một hỗn hợp chất tyrosin còn lại và hai chất dopa, kinôn. Mỗi một khi được chế tạo ra, chất melanin hoặc được tích trữ ngay trong tế bào chất sắc hoặc được chuyển chở lên mặt da.



Động vật muôn màu nhờ chất sắc hay do sự phân tích và nhiều xạ ánh sáng mà ra

**Mắt xanh mắt đen,  
tóc vàng tóc hung**

Chính số lượng chất melanin nẩy trên da đã chỉ định màu da của con người. Da đen, da vàng hay da trắng chỉ khác nhau ở mật độ lớn, nhỏ của melanin trong một phân vuông. Ngay ở con mắt cũng vậy. Người ta thường bảo mắt màu xanh hay màu đen. Thật ra không phải mắt đã thay màu. Trong kính hiển vi mắt xanh hay mắt đen không khác gì nhau. Lòng mắt gồm có 3 phần: lớp ngoài mỏng, lớp giữa dày hơn và lớp trong cùng rất dày. Nếu đem nhiều lòng mắt cắt ra thành mảnh mỏng để quan sát thì tất cả các lớp trong cùng đều giống nhau (trừ những người bị bạch tạng) một đám nâu điều hòa vì có rất nhiều chất sắc. Mắt người chỉ khác nhau ở hai lớp giữa và ngoài cùng của lòng mắt: như ở trên da, tùy theo số lượng chất sắc mà ánh sáng chiếu vào nhiều xạ khác nhau và mắt có vẻ nhuộm một màu gì. Trong kính hiển vi mắt nào cũng nhuộm một màu nâu xám.

Tóc lông cũng cùng một cơ chế mà được xem như là

vàng hay đen. Nếu có người lầy lăm lầy vì chất sắc nâu xám lại sanh ra tóc vàng, mắt xanh thì cũng nên biết thêm nhiều màu sắc rực rỡ của tạo hóa là từ một vật vô sắc mà lại. Đây là trường hợp của nhiều loài sâu bọ phôi trường đôi cánh muôn màu. Thật ra sắc thái chỉ là do sự phân tích và nhiễu xạ ánh sáng của các gân cánh. Nhiều lông chim, vây cá hay các nghêu hên cũng cùng một cơ chế mà hiển cho ta màu sắc tuyệt diệu. Chỉ có một trường hợp đặc biệt màu tóc trực tiếp bị ảnh hưởng của chất sắc là tóc hung đỏ: đây là vì chất sắc melanin bị oxi hóa nên mới biến ra màu này.

**• Kích thích tổ và  
thần kinh hệ**

Nói tóm lại màu sắc trên cơ thể con người là do mật độ chất sắc mà ra, thật là dễ hiểu. Tuy nhiên, người ta còn cần phải tìm hiểu những nguyên do đã chế định mật độ ấy, đồng thời kiểm soát cuộc sản xuất chất melanin để màu sắc suốt cuộc đời không thay đổi trong cơ thể, trừ hai trường hợp: khi người thành già, tỷ trọng melanin trong tóc sụt



xuông nên tóc trở thành bạc, và khi cơ thể chịu đựng quá nhiều ánh sáng, tỷ trọng melanin trong da tạm thời tăng lên nên da trở thành nám đen.

Các nhà động vật học đã thí nghiệm trên các loài động vật hạ cấp như cá, ếch rần, rít và vài loại động vật không có xương sống. Vây cá chẳng hạn chứa đầy melanin trong các tế bào chất sắc. Nếu đem bỏ vào nước một dung dịch năo thùy tức thì các tế bào ấy chươg nở và chất sắc lan ra toàn diện vây cá. Nếu đem thêm vào nước một dung dịch chất adrenalin thì trái lại tế bào chất sắc teo nhỏ dần. Chất adrenalin tác dụng lên cơ thể như khi người ta kích thích thần kinh giao cảm.

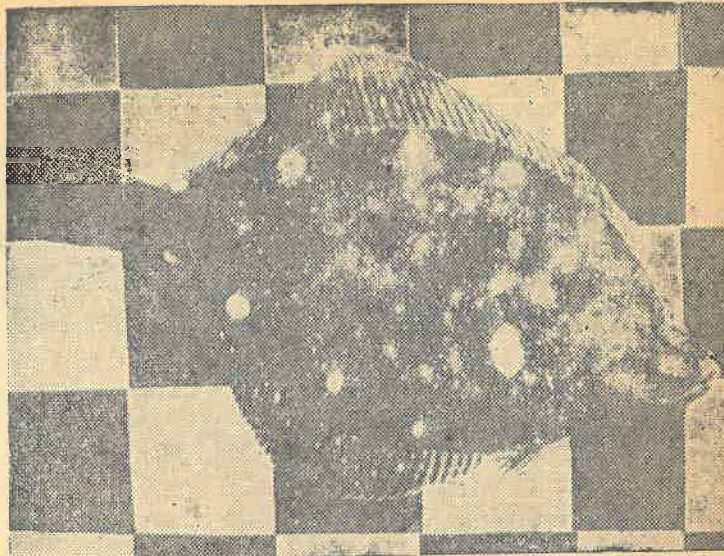
Thí nghiệm này cũng đưa lại cùng kết quả khi người ta áp dụng lên toàn cơ thể cá. Đem tiêm vào cá chất intermêdin là một kích thích tố do lá trung gian của não thùy tiết ra, tức thì tất cả các vây cá trở nên xăm đậm. Trái lại, đem cắt mất não thùy thì vây cá trắng dần vì các chất sắc tụ họp lại ở lớp sâu nhất của da.

Đầy mạnh thêm thí nghiệm, người ta đã tìm ra được một hiện tượng còn quan trọng hơn: đem tiêm adrenalin vào cơ thể cá, như trên đã thầy, tức thì các tế bào chất sắc teo nhỏ lại. Nhưng sau ba ngày thì chất sắc lại bành trướng ra. Ba ngày này tương ứng với đời sống của các tế bào thần kinh chứa trong vây cá. Thì ra, sau ba ngày, hoạt động giao cảm của adrenalin dừng lại, còn chất intermêdin của não thùy vẫn tiếp tục tác dụng lên các tế bào chất sắc. Từ đây người ta đã suy ra cơ chế vừa do kích thích tố vừa do thần kinh hệ điều khiển.

### Vì sao da nằg thì da nám đen?

Trên con người cũng vậy, chất intermêdin có tác dụng sinh melanin: một dạng cho chất sắc các tế bào lan tràn ra, một dạng thúc đẩy tác dụng biến thể tổng hợp chất sắc. Đồng thời, hệ thống giao cảm có tác dụng ngược lại. Những đuôi nhỏ thần kinh ở biểu-bì có nhiệm vụ cơ rút chất sắc. Vậy màu sắc của con người là do tính cân bằng giữa hai tác dụng năo

Như con  
cá kè,  
con cá ô  
thay đổi  
màu da  
theo nơi  
mình  
nằm

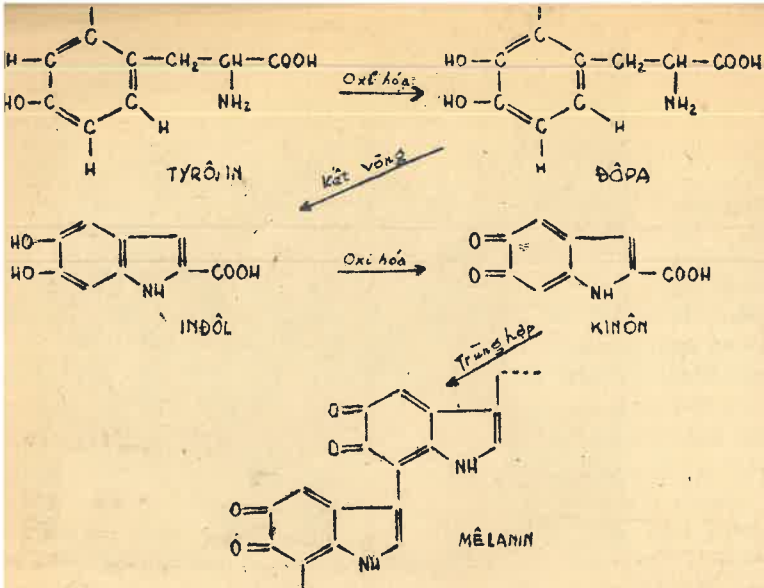


thùy và giao cảm mà ra. Tùy theo tác dụng nầy hay tác dụng kia lấn át mà con người sẽ là đen, vàng hay trắng. Tính cân bằng này là do di truyền định đoạt. Ngay trong nhiễm sắc thể của tế bào đầu tiên, số lượng chất sắc cùng các phân phối đã được chỉ định chắc chắn.

Trên mặt da, một số lượng chất sắc đã chỉ định màu sắc của con người. Tuy nhiên số lượng ấy tạm thời có thể thay đổi. Đây là hiện tượng đã xảy ra khi đem cơ thể phơi mình tắm nắng. Dưới các tia tử ngoại của ánh sáng mặt trời, tác dụng giao cảm tạm thời bị dừng lại, trong lúc ấy tác dụng năo thùy vẫn tiếp tục nên chất sắc được chế tạo ra

nhiều và da trở nên đen hơn.

Bên phía các động vật hạ cấp, cuộc điều hòa màu sắc còn quan trọng hơn nhiều nên một trong những giác quan chính của sinh vật đã điều khiển là đôi mắt. Con cá ô khi biến da thành trên lá xanh là vì cương mô đã thu nhận màu xanh liền chuyển lên não để truyền lệnh cho não thùy hay cho thần kinh hệ giao cảm vận dụng. Con cá ô khi biến da thành đăm đen đăm trắng như ô cờ đăm cũng đã theo một cơ chế nầy. Đem lấy mắt mắt của con cá ô hay con cá kè đi thì chúng hết còn có khả năng thích ứng cơ thể theo hoàn cảnh như trước.



Một giả thuyết cấu tạo chất melanin. Ở đây, chất melanin được trình bày như là một trùng hợp các chất kinôn. (Theo FUZEAU-BRAESCH. Trích La Nature)

Nói chung, hai tác dụng của tia tử ngoại và tia hồng ngoại làm da điều khiển chất sắt trên da các động vật. Nhưng người ta nhận thấy chất intermédin, ngoài công việc chế tạo melanin, còn có nhiệm vụ điều hòa và kiểm soát khác. Các nhà bác học nghi trong hỗn hợp intermédin có một nhóm đặc biệt chỉ chuyên lo về chất sắt. Thì đây, vừa rồi bác sĩ Jan Der Kloot, một nhà động vật học, nhân khảo cứu trên các tế bào chất sắc vàng-đỏ của tôm xám, đã khám phá ra một chất 'A', đặc biệt kiểm soát cuộc chế tạo melanin.

Đời sống của tế bào dần dần nhờ cuộc khảo cứu được đưa ra ánh-sáng. Nói như Martine Regnault, đứng tường khảo cứu màu sắc của sinh vật chỉ là để thỏa tính tò mò khoa học: đây là một phương cách đâm thủng màn bí mật của cuộc sống.

Với ngày xuân, với nhựa cây tràn ra hoa lá, với sinh vật nào nức dưới trời xanh, mây ai nghĩ đến tế bào cũng đang uyển chuyển cự mình, và biết bao giờ ta mới thấy, biết được tế bào đang cùng ta vui Xuân.



★ Anh-Tuấn

1 giờ đêm rồi. Hôm nay tôi phải thường trực và chưa buồn ngủ. Ngoài đường một chiếc xe máy đang chạy, tiếng máy nổ vo vo. Anh hàng phố chắc hôm nay ế hàng nên đã đóng cửa hàng đi ngủ. Cái bar bên trái, đèn cũng đã tắt, duy chỉ còn anh chữa xe đạp vẫn còn đang loay hoay sửa cái Vélosolox, một tay cầm cây đèn dẹt, một tay đang vặn ốc, quần áo be bét những dầu và bụi, mặt anh xám đen... Trời bắt đầu lạnh lạnh, không khí dễ thở và tự nhiên tôi có cảm tưởng là Tết sắp đến nơi rồi, vì không khí những buổi tối Tết như hết hôm nay, mát mát, lạnh lạnh, lòng tôi vui vui nhẹ nhẹ và cũng điềm điềm chút buồn vẩn vơ... Ngồi một mình trong phòng xem bệnh, tôi đem bút ra ghi một vài giòng đề giết thời giờ. Đồng hồ trên vách tí-tách đều, đều quá, nghe rõ quá, thì

ra thời gian vẫn trôi đều, trôi đều theo những cái tí tách kia, không bao giờ ngừng... Một ngày kia tay tôi ngừng viết, tim tôi ngừng đập nhưng cái tí tách này vẫn còn, vẫn còn mãi mãi... Nghi đến thời gian mà tôi không khỏi ghê sợ... Những năm đi học đánh bi, đánh đáo ở trường Trí-Tri Hà-Nội hồi còn nhỏ, rồi học Trung-Học, rồi học thuốc, rồi thi đỗ, rồi đi làm việc... rồi vút một cái và bây giờ đã qua 2 phần 3 cuộc đời... Sao từ tối đến giờ thì giờ đi lâu thế, đêm vẫn chưa hết mà 50 năm lại vút chóng hơn tên bay...

Tự nhiên tôi nghĩ đến những người bao nhiêu năm bị đi đày ải, nay lại được sum họp với gia đình và những người đang sum họp với gia đình đang đợi ngày đi đày ải. Tôi nghĩ đến những người trước kia nhìn tôi



được ngồi phòng có máy lạnh, được vui mắt, vui tai... Ở trên sân khấu mệt lắm. Hôm nọ, tôi cầm cái áo giáp của cô Bích - Hợp đầy mặt đá và kim tuyến... Các bạn có thể tưởng tượng nó nặng bao nhiêu cân không? Các bạn hôm nào vào sân khấu và xin thử khoác cho tôi 5 phút thôi, kính khùng lắm! Và cứ bao nhiêu cân ấy quần đầy người rồi phải nhảy, phải múa, phải hét, phải khóc, phải cười hết ngày nọ đến ngày kia ở kịch trường.

Vì thế thí dụ tôi có tài nữa có lẽ tôi không dám đóng vai trò nào cả vì vai trò nào cũng mệt... Vai trò ông vua giả trên sân khấu hay vai trò ông vua thật trên đời cũng không khác nhau mấy đâu... Ông này thì khổ vài giờ, ông kia thì khổ một vài tháng hay một vài năm... Thật ra, không ai sướng cả.

Nhìn các ông vua ấy múa may sướng hơn nhiều...

Hay thì vỗ tay hoan nghênh, kính phục.

Dở thì chê.

Dở quá và tai hại quá thì...đào chính như ngày 1 tháng 1 vừa rồi và hoan hô cách mạng thành công!

Làm người dân thường, 1000 lần sướng hơn các vua chúa!



## bàn tay nào ... đó em ?

★ TÔ-LÂM

*bàn tay nào đưa em vào lối mộng  
bàn tay nào ve-vuốt tóc em đầy  
bàn tay nào xoa ngực em xúc động  
bàn tay nào đưa em lên ngàn mây?  
Bàn tay nào đưa em đi chơi trăng  
bàn tay nào tìm chốn đêm mờ máy  
bàn tay nào ghi vai em bán-khoản  
bàn tay nào đan tay em ngẩn-ngại ?*

*— Ừ, bàn tay này  
bàn tay này đây  
bàn tay gán-guộc bạo  
từng đốt ghi tháng ngày*

*bàn tay thuở xưa quen ôm vú mẹ  
thì bây giờ mùi sữa ngọt hồ phai  
bàn tay thuở xưa say tìm vú mẹ  
thì bây giờ đang lớn... trong áo ai!  
Bàn tay phiêu-lưu khắp cùng ngô-ngách  
dù quần xoắn áo cài  
dù mây cau môi mỉm  
cổ gọi những gì em mê em say...  
Ba năm sau bàn tay ra trận  
xô lũy, phá đồn,*

*gậy gùn, gậy hãn  
khỏa lấp tử-thì  
sang thành bình-địa*

*rồi trở về đây tay vắng bàn tay  
(tay tôi bị cưa vì trúng đạn kẻ thù)  
Em hay tin này em khóc  
dịch hay tin này dịch mừng  
vì tay này ngàn lần cho nhà đạn  
là có ngàn thân địch võ-tung.  
Em ơi !*

*này em ơi !  
bàn tay đó giờ không còn nữa !  
rồi bàn tay nào đưa em lên ngàn mây  
bàn tay nào xoa ngực em xúc động  
và... bàn tay nào...  
bàn tay nào làm em mê em say ?  
Tôi sợ mất em*

*khi vừa mất bàn tay !  
Nếu quả thực ! thì chiến-tranh này  
Làm tôi mất trọn cả hai  
(mất cả em và...)*

*mã cả bàn tay !)*

# MÙA XUÂN



## với thi nhân

**N**ĂM Mèo đi, Rồng bay  
đền với chúng ta, Xuân lại về,  
mang nguồn sông cho cỏ cây,  
tô màu tươi thắm cho hoa lá  
và đem sự sum-hợp cho mọi  
gia-đình.

\* Từng ngụm rượu, các cụ  
già lòng không tránh khỏi nỗi  
lâng - lâng khi tưởng nhớ  
những mùa Xuân cũ. Với lứa  
tuổi đôi mươi, Xuân là cả một  
mùa ru tâm-hồn vào mộng  
đẹp!

Ở thành-đô, những câu đối  
Tết đây đây chung-quanh cụ  
đô. Nơi quê, từng nhà một,  
hai bên cổng là nơi đều  
trương câu đối.

Câu đối Tết, với văn-nhân  
thi-sĩ, nhất là với nhà thơ  
Trần-Tê-Xương, người có lời  
nói mỉa-mai hơn ai hết:

« Đi dâ đi dẹt khua giày dép,  
Đen thui đen thui cũng lướt là ».

Với Nguyễn-Khuyên, câu  
đối ít châm biếm hơn, luôn  
có nụ cười nhẹ-nhàng kín  
đáo:

## MÙA XUÂN

« Cắm đình cắm áo, cắm pháo  
thăng thiên,  
Cắm tiền xóc đống, cắm búng xa-  
quay,

Cắm xoay thò-lô, cắm tuốt. »  
« — Có bầu có bạn, có vấn  
cơm xôi,  
có nồi cơm nếp có tệp bánh  
chưng,  
có lưng hũ rượu, có gì ? »

Đó là một hình - thức  
thường Xuân rất tề-nhị!

Thường thức rượu Xuân,  
ngửi mùi hoa lá, lặng nhìn  
câu đối; nhưng không đọc thơ  
Xuân, thật là thiếu sót!

Khác với nhạc-sĩ, Xuân với  
con người thi-sĩ càng dịu-  
dàng, duyên -  
dáng và phong-  
phú hơn.

Bây giờ, mời  
các bạn nâng  
cốc rượu lên,  
uống một ngụm  
rồi nghe các  
thi nhân thời  
tiên chiến còn  
sốt lại bàn về  
thê - sự, cảnh-  
vật phức - tạp  
của mùa Xuân.

Trước hêt  
là nhà thơ

Nguyễn-Vỹ, người thi-sĩ có  
khá nhiều bài thơ đáng làm  
tài-liệu lịch-sử dưới triều  
Ngô-đình:

« Xuân về còn cả tan thương!  
Xuân về còn cả sầu vương-vấn  
lòng!  
Nghe những tiếng náo-nùng đê  
khóc,  
Những mờ hoang rêu mốc âm-  
thầm.

Mồ ai lạnh-lèo ai nằm,  
Không nhang, không khói, không  
trầm, không hoa!  
Nghe những tiếng lệ sa đêm  
vắng,  
Trong những lều dơi nắng dầm  
mưa.

Những người nghèo đói xác-xơ,  
Ngày Xuân không  
một chút mơ  
ủ lòng!

...Tiếng pháo nổ  
vang rền đất  
nước;

Nghe nặng-nề  
bi-đát làm sao!

Ai vui Xuân  
có vui nào!

Bao nhiêu ai-  
oán khóc chào  
đón Xuân!...

(Xuân Thông  
Cầm — 1954)



\* Nguyễn-Bằng

Đau thương hơn nữa, mùa Xuân của Nguyễn-Vỹ năm 1950 là mùa Xuân của những chàng trai thất nghiệp; của đoàn người trí-thức khổ-sở quanh năm! Và còn đau khổ hơn thế nữa, khi:

... « Những công nhân quần áo rách cũ mềm.

Mấy ngày Tết có đâu nem với gói?

Ở túp lá bị mưa dầm nắng dọi,

Ăn cà, dưa nhiều bữa đói không cơm.

Kê đi xin, như những xác không hồn,

Năm hấp-hối đêm giao-thừa góc phố ».

(Hoa-Lộ — « Hoang-Vu »)

Một khúc hát mừng Xuân do các muôn hoa vũ điệu, dưới ánh trăng vàng; đề lời ca ấy cho lòng thêm tươi thắm. Nhà thơ Vũ-hoàng-Chương (tác-giả của 2 bài thơ: *Lửa Từ Bi* và *Người với Người* (1) được khai-sinh đúng lúc trong phong-trào đấu tranh kỳ-thị tôn-giáo) đã ghi lại theo nhịp bước, lời ca:

« ...Xuân và Thơ, ta mê đắm,  
Cao lời ca, cho lòng tươi thắm.

Chân rún cho đều!

Tay uốn cho mềm!

Trăng gió êm-dềm

Trông đêm...

Vang trời..

Tin mùa sang.. khắp cùng nơi!

Hương mùa lên... Chúng mình ơi!

(Khúc Hát Chào Xuân)

Hoa của mùa Xuân có: « chân rún cho đều, tay uốn cho mềm, trăng gió êm-dềm » thì, « trong đêm... » đẹp và hạnh-phúc quá bạn nhỉ!

Trong khi mọi người đều tìm vui nơi Xuân, sum-hợp đón Xuân, thì lúc ấy, riêng Nguyễn Bình mùa Xuân thật là chua xót, nhớ thương, đành nâng cốc rượu tiễn người em gái đi lấy chồng:

« Cao tay nâng chén rượu hồng,

(1) « *Lửa Từ Bi* » do văn-phòng chùa Xá-Lợi quay Ronéo pi đờ biển. Và bài « *Người với Người* » đăng trên nhật báo *Tự-Do* ngày 18-8-63 (bị kiểm duyệt bỏ 10 chữ).

Mừng em: em sắp lấy chồng  
Xuân nay.

Uống đi! em uống cho say,

Đề trong mơ sống những ngày  
Xuân qua.

Thấy tình duyên của đôi ta,

Đến đây... là... đến đây là...  
là thôi!

Em đi dệt mộng cùng người,

Lê-loi xuân một góc trời riêng  
anh. »

(Lữ Bước Sang Ngang)

Xuân với khách tha phương, với con người vượt tuyến x cái chề-độ độc-tài, thì mùa Xuân là cả một mùa đau thương nhất. Không được gọi về quê một lá thư trọn vẹn, không một phút giây sum-hợp... Nhà thơ Trương-Phổ, một thi-sĩ nữ phái, cũng uất hận cảnh chia ly mảnh đất mà Tô-tiên đã tôn bao xương máu:

« Lại mùa Xuân nữa khách ly hương,

Xuân biết chẳng ai khách đoạn trường!

Đằm-thắm lòng quê khôn gởi nhận,

Bơ-phờ mái tóc đã pha sương.

Một trời Nam Bắc cùng chung tỏ,

Đôi ngả non sông khéo rẽ đường.

Ngắm cụm mai vàng, bên án sách,

Mơ bông mai trắng cách trùng dương.

(Hồn Xuân 1962)

Bây giờ, ta hãy nghe thơ Xuân của những thi-sĩ quá cô.

Không riêng Xuân đến là ta thường-thức hương-vị nó, mà chính giữa đêm Xuân là cả bài kinh cầu nguyện, hoặc đôi lời cầu Trời, Phật ban phước lành cho con cháu, và việc làm được thịnh-vượng ở năm mới nầy. Hàn-mặc-Tử, một nhà thơ, vì bệnh hủi đã cướp mất sự sống, trong đêm Xuân, chấp đôi tay cầu nguyện:

« Trời hôm nay bình-an như nguyệt bạch,

Đường trăng xa, ánh sáng tuyệt vời bay...

Đây là hương quý-trọng thắm trong mây,

Ngời phép lạ cửa đức tin kiều-diễm.

Câu tàn-tạ, không khen lòng cả phiếm:

Bút Xuân Thu mùa nhạc đến  
vừa khi,  
Khắp mười phương điều lạ trở  
hoài nghi :  
Cây bằng gấm, và lòng sông  
toàn ngọc ;  
Và đầu hôm một vì sao liền  
mọc,  
Ở phương Nam mầu nhiệm  
biết ngàn mô !  
Vì muôn kinh đồn-dập cõi thơm  
tho,  
Thêm nghĩa-lý sáng trưng như  
thất-bảo.  
Ta chấp hai tay lạy qui hoan-  
hảo,  
Ngửa trông cao, cầu nguyện  
trắng không-gian.  
Đề vừa dâng, vừa hiệp bốn  
mùa xuân,  
Nở một lượt giàu sang hơn  
Thượng-đế.. »

(Đêm Xuân Cầu Nguyện)

« Ta chấp hai tay lạy qui  
hoan-hảo ; ngửa trông cao,  
cầu nguyện trắng không gian » !  
vẫn là một hình-ảnh đẹp, cái  
đẹp tâm-hồn như đêm cầu  
nguyện ở chùa Xá-lợi.

Và những cô gái Hời không  
về nơi tháp cũ, những Chiêm  
nữ không cười khi mùa Xuân  
sang, hay nơi tháp Chàm ấy

vì mang nặng mỗi hận ngàn  
năm (?) mà mùa Xuân đã về,  
tháp vẫn còn ú-rủ. Ta hãy  
nghe nhà thơ Chê-Lan-Viên,  
người thi-sĩ mang nặng tâm  
hồn về dân tộc Chàm, kể đêm  
Xuân điêu tàn nơi tháp lạnh :

Trên đời lạnh tháp Chàm cao  
ú-rủ,  
Hay hận xưa muôn thuở vẫn  
chưa nguôi.  
Hay lạnh-dạm, Hời không về  
tháp cũ,  
Hay Xuân sang, Chiêm nữ  
chẳng vui cười.  
Bên tháp vắng còn người thi-  
sĩ hỡi !  
Sao không lên tiếng hát đi  
người ơi.  
Mà buồn-bã âu sầu trong đêm  
tối,  
Người vẫn nằm há miệng đón  
sao rơi ».  
(Điêu tàn)

Vì thế, nhà thơ họ Chê,  
còn luôn sầu đau, tủi hận  
khi Xuân về :

« Tôi có chờ đâu có đợi đâu,  
Đem chi Xuân lại gọi thêm sầu.  
Với tôi tất cả như vô nghĩa,  
Tất-cả không ngoài nghĩa khổ  
đau ! »

Trái với nhà thơ họ  
Chê, Xuân với Thê-Lữ là  
chiếc thuyền xuôi dòng, đôi  
hàng lau nghiêng mình in bóng,  
cô thiếu-nữ ngân-ngờ cùng  
nhìn con chim én lẻ bạn  
lượn về :

Chân gió nhẹ lướt qua làn sóng,  
Nắng chiều Xuân rung động  
trên cành.  
Mấy hàng lau yếu nghiêng mình  
Cô em bỗng ngân-ngờ tình vì  
đâu.  
Đặt mái chèo ngả đầu trên gối,  
Trông mây chiều phơi phới bên  
kia.  
Hỏi xem mây có duyên gì,  
Mà con chim én đi về lưng-lơ.  
Trên vừng trán ngây thơ trong  
sáng,  
Vần-vơ qua một áng hương  
buồn,  
Giây lâu cô vẫn như còn,  
Lâng lâng trong gọi tâm-hồn  
lên cao.  
Tiếng diều sáo nao nao trong vắng,  
Trời quang mây, xanh ngắt  
màu lơ.  
Thuyền tôi nước đầy hững-hờ,  
Hàng cây lặng đứng trên bờ  
trông mong.  
Ấy dăm-dăm mơ-màng chi đó,  
Hời cô em gái má đỏ háy háy.  
Hời cô thiếu-nữ trông mây,

Thần-thơ nhìn chiếc én bay lên  
trời... »

(Hồ Xuân với Thiếu Nữ)

Khác với nhà thơ Thê-Lữ,  
Huy-Cận với đêm Xuân có  
ánh trăng vàng vờn cây, gió  
mơn hoa lá và là mùa của  
tuổi thanh xuân :

« Đêm Xuân nhẹ, gió vừa mơn,  
Cây tròn ánh nguyệt trái vờn  
bóng xanh.  
Khuya này mưa động đầu cành,  
Đồng trăng lục nhạt càng thanh  
lỗi gần.  
Trăng êm có gió thanh tâm,  
Hương rừng tỉnh dậy ái-ân  
xuống đồng.  
Đêm Xuân không-khí say nồng  
Nghìn cây mờ ngọn muôn lòng  
hié phơ. .  
Khuya này trong những mạch  
đời,  
Máu thanh xuân dậy thức người  
héo-hon... »  
(Lữ Thiêng)

Chết mắt ! Giờ giao-thừa đã  
điêm. Tôi và bạn hãy đốt nén  
hương lòng để tưởng-niệm tổ-  
tiên và những anh hùng liệt-sĩ  
đã hy-sinh cho đất nước, khi  
chúng-ta đang ở trong mùa  
Xuân chiến-đấu.



# xuân dân tộc

★ MAI THỊ PHƯƠNG-TRINH

(Vinh-Điện)

Máu ngừng đổ. Xuân về trên đất nước  
Dưới trời Nam, dân tộc hưởng thanh bình  
Diệt bạo tàn, đem lại ánh quang vinh  
Ôi ! các vị Anh hùng cao cả ấy !

Sét Cách-mạng đánh cường quyền đồ gậy  
Giết hung thần — Cứu muôn vạn sinh linh  
Nay Xuân về trong nhựa sống an lành  
Toàn dân nguyện ghi ơn Cương liệt-sĩ

Và hôm nay, tiếng reo cười hoan-hỷ  
Đón Xuân về cùng nắng đẹp phương Nam.  
Xác pháo, màu hoa thắm nhuộm ven đường  
Tình, dân tộc chứa đầy bao ý sống

Non nước yên vui dưới vòm trời cao rộng  
Dựng bóng cờ — Viết hai chữ Tự-Do.  
Xuân đã về với khúc hát câu hò  
Chào Cách-mạng — Mừng chiến công rạng rỡ

Đón Xuân về, mừng máu dân ngưng đổ  
Lũ cường quyền về địa-ngục tanh-hôi  
Ánh sáng công bằng chiếu rọi ngàn nơi  
Gương các vị Anh-hùng — Dân ngưỡng mộ !



(Tiếp theo P.T. 119)

Đã qua, sự hăng hái  
bồng bột của một cậu học trò,  
bây giờ là sự hối hận đau khổ  
của một đứa con bị cha mẹ rầy la,  
thấy cha mẹ buồn rầu lo nghĩ.  
Nhưng biết làm sao được ? Cùng  
một lúc, Quỳnh và Tố, người  
đồng tình với Tuấn, cũng cho biết  
là có nhận được thư của cha mẹ  
la mắng về vụ bãi khóa... Ông  
Độc-học cũng có viết thư về cho  
cha mẹ Quỳnh và Tố, bảo phải  
đánh đòn khi hai trò về quê nghỉ  
hè..

Thì ra, hầu hết phụ huynh học  
sinh bốn lớp lớn đều được thư  
báo cáo và khiển trách của ông  
"Đĩa-réc-tua". Mấy kẻ khởi  
xướng phong-trào đều nhận tội

với cha mẹ, điều đó đã đành. Chỉ  
oan-ức cho đa số nghe theo  
lời bạn bè mà bãi khóa, bây  
giờ cũng chịu hậu quả chua cay.  
Có điều đáng khen là các cậu này  
bị mắng oan, nhưng không hề thù  
hận tui khỏi xương, và gặp nhau,  
trao đổi cho nhau xem thư của cha  
mẹ, chỉ cười khúc khích với nhau,  
như đã cùng nhau thông - cảm  
trong cơn nguy biến.

Tuy nhiên, ngoài mặt các trò cố  
giữ vẻ điềm-tĩnh, không sợ sệt,  
ông Độc-học và các giáo sư Pháp,  
Nam, cũng không tỏ ra triệu chứng  
gì khác thường, không khí học  
đường hai tháng sau buổi bãi khóa  
vẫn yên tĩnh, không chút xao  
động, nhưng trong lòng các học

sinh, — nhất là mấy cậu « thù phạm cuộc bãi khóa », — đều áy náy không yên.

Ngày cuối niên khóa, 30-6-1927, bỗng dưng có một chuyện xôn xao kinh hãi. 12 cậu khởi xướng hoặc tham gia cuộc bãi khóa, bị gọi từng người lên Văn phòng ông Đốc-học. Quỳnh và Tuấn bị gọi lên trước tiên. Ông Tổng giám thị đưa cho coi biên bản của *Conseil de Discipline* (Hội đồng Kỷ luật) quyết định đuổi các trò. Tuấn được hai ông Giáo sư Pháp và một ông Giáo-sư Nam bênh vực, xin cho ở lại, nhưng những ông khác nhất thiết đòi đuổi ra khỏi trường. Mặc dù kỳ thi lục-cá-nguyệt, Tuấn được điểm tốt, và được sắp vào hạng thứ 6 trên 40 trò, Quỳnh được đứng thứ 5, Tố thứ 12, nhưng cả ba đều bị ghi vào học bạ :

« *Mauvais esprit. Renvoyé de l'Ecole par le conseil de Discipline, pour avoir fomenté la grève scolaire en Avril 1927* »

(Đầu óc xấu. Bị đuổi khỏi học trường, do quyết định của Hội đồng Kỷ luật, vì đã khởi xướng cuộc bãi khóa tháng Tư 1927). Chữ ký của ông Đốc-học Henri Deydier bên cạnh con dấu xanh tròn to tướng nằm dưới trang chót quyển học bạ, không khác

nào vòng xích sắt trói chặt tương lai của đời học sinh, khó vẫy vùng ra được.

Đêm ấy về nhà, Tuấn bỏ ăn, đi lang thang ra bãi bể, ngồi dưới gốc cây phi lao, nghe gió rì rào trên cành cây, và sóng biển ào ạt vào bờ như vang dội triền miên của tiếng lòng nức nở...

Tuấn nằm trên bãi cát đến nửa đêm không muốn về nhà trọ. Ngó lên vòm trời đầy đặc những ngôi sao, Tuấn mơ màng suy nghĩ đến ngày mai, không tìm được lối thoát cho tuổi thơ còn ngu dại. Chưa nghĩ đến tương lai xa vời, chỉ lo cho niên khóa sắp tới, Tuấn sẽ học đâu được nữa vì còn một năm đệ tứ niên mới hết khóa Trung học, lẽ nào một chàng trai 17 tuổi đành phải từ biệt mái trường, với chút học thức dở dang, đi phiêu lưu vô định ?

Cha của Tuấn có vào trước đó nửa tháng, đem theo nhiều lễ vật để « kinh Quan Đốc học », lo lót cho con. Tuấn đã xin cha đừng đến ông Đốc, vì Tuấn đã biết từ trước, ông Đốc không « ăn hối lộ », và Tuấn quả quyết với cha rằng: Tuấn sẽ không bị đuổi. Tuấn nói thật với cha, tin tưởng rằng Tuấn học khá, sẽ được lên lớp. Cha Tuấn tin con, vui vẻ trở về tỉnh

nhà. Không ngờ sự thế hôm nay đã ra như thế !

Tuấn buồn quá, đi trên bãi bể dưới ánh trăng mờ, mãi đến Gành Ráng, nơi đây Tuấn tìm được một tảng đá bằng phẳng. Tuấn nằm xuống, ngủ lúc nào không biết.

Tuấn sực tỉnh giậy vừa lúc mặt trời đang ló lên ngoài khơi, một mảnh tròn to lớn, đỏ tươi, long lanh trên mặt bể. Chung quanh, những tia nắng tỏa ra thành hình rẽ quạt, chiếu khắp bốn phương. Tuấn ngồi dậy, ngắm cảnh, say mê, quên được chốc lát rằng mình là một đứa học trò đã bị đuổi khỏi trường, vì cuộc bãi khóa.

Chiều, trở về thành phố, Tuấn đến thẳng nhà Quỳnh, mới biết hầu hết bạn bè ở các tỉnh xa đã mua vé xe về quê từ lúc sáng sớm. Tuấn do dự không muốn về, sợ cha mẹ buồn.

Cậu học trò bị đuổi không dám đi chơi ngoài phố. Cậu muốn đến nhà trọ hai cô bạn Trâm và Anh, nhưng mắc cỡ, không dám đến. Cậu lại vừa bị bà chủ nhà rầy la về vụ bãi khóa. Ồ, sốt cả ruột... bãi khóa... bãi khóa... ai cũng mắng nhiếc cậu về vụ bãi khóa... ! Nhưng ai có biết đâu rằng cậu làm, cậu chịu, nào có ăn

thua gì đến ai, mà ai cũng hành hạ cái tinh thần cậu vì hai chữ bãi khóa... đã cũ rích từ hai tháng qua !

Tuấn nằm co trên ván, ngoài chái sau, trùm chiếc chiếu để đừng ai thấy cậu khóc. Tuấn tức mà khóc, giận mà khóc, buồn cho thân phận mà khóc, chứ thực ra không phải khóc vì bị đuổi sau vụ bãi khóa.

Thình lình có tiếng O-Vui, em gái ông chủ nhà, đến đập khẽ bàn tay trên chiếu, gọi :

— Cậu Tuấn, có cô Trâm cô Anh tới kiếm cậu kìa.

Tuấn lau khô nước mắt, hất chiếu ra, ngồi dậy. Trâm và Anh bèn lên đứng ngoài hè, không dám vô nhà.

Tuấn vui mừng được gặp hai người bạn gái, nhưng nét mặt cậu hôm nay sượng sùng, mắt cả vẻ tự-nhiên. Tuấn hỏi :

— Trâm và Anh chưa về Phù-Cát sao ?

— Tụi em tính sáng mai mới về. Trường anh đã về Quảng-Ngãi rồi chứ

Tuấn gượng ghịu lát đầu :

— Không muốn về đâu hết.

— Sao vậy, anh ?

— Bị đuổi, về tỉnh họ cười chết. Cha mẹ rầy la làm sao ?



— Cần gì anh. Đuổi trường này thì anh ra Huế học trường Pellerin của các ông Cổ - đạo, cũng được vậy.

— Trâm và Anh vừa thi đỗ, nghỉ hè xong có tính ra Huế thi vào Đồng Khánh không?

Anh lắc đầu buồn :

— Em muốn đi Huế nhưng nhà em nghèo, cha mẹ em chỉ cho đi học đố *primaire* rồi xin làm trợ giáo đi dạy học ở trong tỉnh, cho gần nhà.

— Còn Trâm?

— Em cũng vậy.

Tuấn càng thêm buồn, lắc đầu khẽ bảo :

— Tôi cũng... lo kiếm việc làm đỡ ở đâu đó một thời gian, không thêm đi Huế.

— Anh là con trai, cứ đi học nữa đi! Còn lo cho tương lai chớ.

— Nếu Trâm và Anh đi ra học Đồng Khánh, thì tôi cũng ráng xin cha mẹ tôi cho đi Huế, học Pellerin. Trâm, Anh không đi, tôi cũng không muốn đi. Ra ngoài ấy xa lắc, nhớ nhà nhớ bạn, học gì nổi.

Ba người bạn trẻ làm thình, cúi mặt xuống đất, suy nghĩ. Bàn tay của Anh mân-mê chiếc nón lá. Trâm bảo :

— Chiều, anh lại nhà tụi em,

được không?

Tuấn gật đầu :

— Ừ, chiều tôi đến.

Tuấn nở nụ cười gương :

— Bữa nay khỏi làm Rédaction...

Anh cũng mỉm cười rất dễ thương :

— Làm thơ chơi hi!



Chiều Tuấn đến nhà trọ hai cô bạn đang chờ, tóc bỏ xòa hai bên vai, còn ướt. Hình như Trâm và Anh vừa mới tắm, hay gội đầu. Cả hai đều mặc áo cụt trắng, quần đen. (Nữ sinh đứng đắn thời bấy giờ không bao giờ mặc quần trắng ban ngày). Hai cô bạn mời Tuấn ăn bánh-trán nướng với đường phôi, rồi Anh đưa Tuấn xem một bài thơ :

— Tụi em dạo này rảnh, tập làm thơ nhiều hơn trước, nhưng đọc lên thấy kỳ cục quá, không hay ho gì hết, anh Tuấn sửa giùm cho tụi em đi.

Bài thơ : KHUYẾN BẠN

*Khen ai khó nhọc đã thành công,*

*Dẫu bị chi chi cũng vững lòng.*

*Đề lại học đường gương tuấn tú,*

*tú,*

*Rời đây xa cách, kẻ chờ mong...*

Trâm cười :

— Anh coi, hai đũa em làm cả buổi mới được 4 câu đó.

Anh tiếp lời :

— Dở-ợc, anh sửa lại cho hay đi.

Tuấn :

— Đề vậy tự nhiên hay hơn. Sửa chi nữa.

Tôi họa lại chơi, hi?

Trâm :

— Dạ, anh họa đi.

Tuấn loay-hoay một lúc lâu mới được bốn câu họa vắn, trao cho Anh. Trâm và Anh chụm đầu lại đọc :

*Bãi-khóa hô-hào đã mất công,  
Qui-nhơn cách biệt thật đau lòng.*

*Trường xưa, bạn cũ, tìm đâu  
nữa,  
Một bóng từ nay... hai nhớ  
mong.*

Trâm Anh, cười rử-rượi, rồi lấy bút chép lại cả hai bài thơ, mỗi người trên mỗi quyển tập riêng, trong đó chép lại nhiều thơ hay trong quyển Quốc Văn trích diễm của Dương-Quảng-Hàm.

Trâm bảo :

— Anh làm một bài nữa đi, bài hát cú, rồi tối nay tụi em

thức họa lại.

Tuấn lắc đầu :

— Lo buồn đủ thứ, làm không ra thơ đâu.

Anh :

— Kệ mà, cứ làm đi, anh. Đừng buồn.

Tuấn chán ngán lắm nhưng muốn làm vui lòng Trâm và Anh, Tuấn bảo hai cô bạn đi ra sân chơi, để Tuấn ở một mình trong nhà, ráng sức làm thử xem có được không.

Tuấn ngồi viết, sửa, bỏ, viết lại, xóa, bỏ, rồi lại viết. Mãi thật lâu, hơn một tiếng đồng hồ mới nguệch-nguọc xong 8 câu, đem ra sân trao cho Trâm và Anh. Hai cô nữ sinh đang tưới nước cho mấy cây cau, và mấy bụi bông, vội vàng bỏ đôi thùng nước, ngồi trên đôn gánh đọc :

*Từ nay cách biệt mái trường ơi!  
Ta sẽ phiêu lưu một góc trời.  
Nước mắt, thương Nôi, lòng  
uất-ức,*

*Tình xa, nhớ bạn giọt châu rơi.  
Vắng đôi hình bóng trong non  
nước,*

*Thương chiếc buồm ai giữa  
biên khơi.*

*Chép lại mấy vần làm kỷ niệm  
Họa chẳng còn nhớ chuyện xa  
xôi!*

Tuấn làm xong, xem đi xem lại, muốn đòi vài chữ, sửa một vài câu, nhưng rốt cuộc, cứ để vậy trao cho Trâm và Anh.

Hai cô bạn thoát tiên mừng rỡ đọc to lên, nhưng đến câu thứ ba, và câu thứ tư, Trâm tự nhiên ứa nước mắt rồi cả hai không đọc nữa. Hai người vừa xem nốt mấy câu sau, vừa cắn một chéo áo vào môi, nín khóc. Tuấn, chàng trai thơ mộng, lúc nào háng hái kêu gọi bãi khóa, bây giờ cũng ngồi gục đầu xuống bàn, khóc thút thít một mình

Trâm và Anh đứng dậy đi ra giếng, ngồi bên gốc cây khế sùm-sề lí-tí những chùm hoa nửa tím nửa trắng rụng lấm tẩm trên sân. Hai cô khóc ầm ục, Anh gát cằm trên đầu gối, cúi mặt xuống, Trâm dựa vào gốc khế, cầm chéo áo đưa lên cắn trong miệng, một cánh tay chùi nước mắt.

Tuấn ra về, ghé lại gần hai người :

— Thôi, ngày mai Trâm và Anh ra xe về sớm, tôi chúc Trâm và Anh lên đường bình yên, về Phủ Cát nghỉ hè vui vẻ, hi.

Anh ngược mắt nhìn lâu vào mắt Tuấn, không nói được. Cả hai cùng ngượng. Anh khẽ bảo :

— Sáng sớm mai, 5 giờ anh ra bến đưa tụi em lên xe...

Tuấn gật đầu :

— Vâng. 5 giờ hi ?

— Dạ, 5 giờ xe chạy.

Tuấn gật đầu một lần nữa, rồi bước nhanh ra đường...

(còn nữa)



— Anh chờ cứng ngoài này, vì anh thích ngắm những giọt mưa thu rơi rả-rích trên đại-lộ.

## dòng lệ xuân

★ THI THI HOÀI-MỘNG

(Qui-nhơn - 63)

Như sân ga buồn sau giờ tiễn biệt  
Ta lang thang về những phố không đèn  
Vời tiếng hát lẫn theo dòng sông biếc  
Ta thu hình như một con mèo đen !

Bước chân nhỏ thương mùa Xuân dĩ-vãng  
Nụ cười thơ còn lại chút âm thừa  
Hồn lạc lỏng bên phương trời phiêu lãng  
Uống đau thương từng nét bút say sưa !

Ta sẽ đi tìm em trong tiếng hát  
Giữa rừng phong buổi ấy lá dong sầu  
May thu xanh lệ u hoài tan tạc  
Em bây giờ có còn nhớ ta đâu !

Ta vẫn nhớ đường trăng vào lối mộng  
Mắt em buồn vời vợi bóng non xa  
Thơ huyền diệu hôn lặn môi chín mộng  
Hồn bàng khuâng ta niu những khung ngà

Rồi em đi sầu lên chen mái cỏ  
Mây tím hoàng hôn, tinh tú đại khờ  
Ta đã mất em trong từng nhịp thở  
Vội trở về nhỏ lệ xuống thành Thơ !

Rừng ôi Rừng ! buồn xưa còn vọng đó  
Nửa môi cười rử mộng ấp bờ vai  
Nhớ thuở xưa ta viết bài thơ nhỏ  
Gởi về trong vơi giọng lệ Xuân dài !



# TÌNH BƯỚM

★ Minh-Đức

**T**ừ ngày bướm mới chỉ là một chiếc trứng chưa bằng hạt sương, bướm mẹ đã linh cảm rằng đây không phải một chiếc trứng tầm thường. Sau này nhất định không là một con sâu, một con bướm tầm thường.

Nhờ kinh nghiệm của những lần sinh nở trước, vì thế bướm mẹ hết sức đề ý giữ gìn, chăm sóc đến chiếc trứng bé nhỏ ấy.

Quả như bướm mẹ đoán, chiếc trứng nở thành sâu thành nhộng rồi thành bướm, mà bướm quả đã không tầm thường.

Bướm cần kén chậm hơn các anh chị cùng lứa đề bướm mẹ

chờ sốt cả ruột. Khi vừa ra khỏi kén, bướm bị hoa mắt vì ánh sáng mặt trời và bùng tai vì những tiếng reo mừng của các anh chị đang vây chung quanh.

— Trời, bướm đẹp, bướm đẹp quá.

Mà bướm đẹp thật, tuy đôi cánh còn non mềm, màu sắc chưa đậm đà, chỉ có một tí bụi phấn thừa sót dính ở mình, nhưng ai mới nhìn cũng nhận rằng nhan sắc của bướm đầy hứa hẹn.

Đáng tiếc không phải là giống bướm cái đề lưu truyền cái đẹp ấy lại cho hậu thế.

Bướm chỉ là một chú bướm đực.

## TÌNH BƯỚM

Mỗi ngày bướm lớn hơn một tí, bướm cũng tự biết rằng mình đẹp, chẳng thế mà các bướm bà, bạn của mẹ mỗi lần đến thăm là cứ khen rồi cả lên. Lắm bà còn ác mồm bảo, có lẽ không phải là con của mẹ bướm. Làm như mấy hôm ấp trứng có cơn gió to nào thổi đến chỗ mẹ bướm những chiếc trứng của giòng họ nhà ai.

Thật vô lý, mẹ vẫn bảo mấy hôm ấy trời lặng gió.

Các bà bao giờ cũng lắm điều nhiều chuyện nên mỗi lần nghe tiếng đập cánh của các bướm bà từ đâu vườn xa là đằng này có tiếng cánh đập nhẹ của bướm đi tìm chỗ tránh.

Các bà mà họp nhau lại thì giống gì cũng như giống bướm, cũng chỉ đề nói xấu nhau, hoặc là khoe khoang giòng họ. Nghe nhút cả đầu.

Đời còn bao nhiêu chuyện đáng xem, đáng nói. Một nét sao băng vạch lên trời, một bóng nắng làm tươi màu lá, một mùi hương lạ của bông hoa vườn ai nở muộn. Những chuyện ấy đối với các bà đâu có đáng nói. Các bà chỉ toàn nói chuyện ghen tương giữa một nụ hoa với hai bà bướm hoặc bà này có đôi cánh mướt đấy nhưng bằng sao được với đôi cánh của bà kia v.v...

Mỗi lần nghe những câu chuyện

vớ vẩn ấy bướm chỉ muốn bỏ ra đi, đi thật xa để tránh cái thế giới bé nhỏ mà ai cũng biết ai, và ai cũng chỉ muốn đìm ai xuống đáy giếng.

Cũng có vài lần vô phúc, không tránh kịp bị các bà ấy níu kéo, lắm bà còn trẻ nên rất nhí nhảnh, bạn của mẹ tức cũng ở vào vai dì, thế mà gặp bướm là nhìn không chớp mắt rồi khen lấy khen đề.

— Chao ơi, cậu có đôi cánh nhưng sao mà duyên dáng. Hoặ là :

— Hai diềm hồng trên đôi cánh như hai hạt trai, giá trời cho tôi được như thế.

Đại khái toàn những lời khen tặng làm bướm ngượng vô cùng. Các bà già gặp bướm thì lên mặt kinh nghiệm dạy đời.

— Cậu ấy đẹp giai như thế kia tha hồ mà làm khổ mọi người.

Vô lý, có phải trời sinh ra đẹp chỉ để làm khổ những kẻ khác đâu, định luật nào bảo thế. Mỗi lần các bà bướm nói nhiều quá thì mẹ bướm phải tìm cách nói sang chuyện khác vì biết rằng bướm không bằng lòng.

Nếu bướm đẹp đâu phải lỗi ở bướm. Nếu trong lứa trứng ấy chỉ toàn những con bướm nâu màu

đất ruộng, riêng mình bướm có đôi cánh nhung đen huyền, điểm hai chấm hạt trai hồng óng ánh. Nào phải do bướm tự chọn được đôi cánh ấy.

Mẹ bướm rất kiêu hãnh mỗi lần bay đi đâu cùng với bướm. Ai cũng ngoái lại nhìn hai mẹ con?

Nhưng tính bướm rất kỳ lạ, không giống các anh chị em tí nào, bướm thích bay đến những chỗ vắng lặng, đậu lên cành cây, xếp đôi cánh nhưng lại rồi cứ thể lìm dim suy nghĩ hăng buôi.

Ở tuổi ấy đáng lẽ chỉ biết ăn uống nô đùa, bướm không như thế.



Bướm ở xứ mặt trời nhưng thường nghe mẹ với các bướm bạn hay nói đến tuyết và bướm cũng chỉ mơ được trông thấy tuyết. Bướm hỏi mẹ tuyết nó ra thế nào. Mẹ bảo :

— Tuyết rơi không lên tiếng, thường vật gì rơi cũng gieo xuống một thứ tiếng động nhẹ hay nặng chỉ trừ hai thứ, tuyết với nước

mắt của loài người. Nhưng là những người đau khổ ngấm ngấm, khổ, không biết than với ai nên mới khóc không lên tiếng. Người khác, khi họ khóc thì bù lu bù loa và những giọt nước mắt cũng âm-ĩ không êm lặng như tuyết nữa.

Bướm hỏi :

— Sao mẹ biết nhiều thế ?

— Tại mẹ già rồi nên có kinh nghiệm, chúng ta ở đây là ở trong vườn người.

Mẹ bướm không quên dặn con hãy coi chừng có lăm người rất hay đuổi bắt những con bướm đẹp.

— Đề làm gì hở mẹ? Chúng ta có hại gì đến họ đâu.

— Đề ép xác khô chơi thế thôi, họ đồn cất đủ màu. Có người lại tiêm thuốc vào thân bướm, rồi đóng kim lên từng xác bướm vào hộp kính, chưng bán ở cửa hiệu. Hình như giá đắt lắm.

Nghe mẹ nói, lòng bướm hoang mang không hiểu tại sao loài người lại có thể ác đến thế. Mẹ bướm vẫn dặn con, tốt hơn hết là nên tránh xa loài người. Với các con khác, tầm thường chẳng bị ai để ý, mẹ bướm không cần lo lắng, nhưng bướm là cả một nguồn lo âm-ĩ trong lòng mẹ.

Một hôm bướm đi chơi đâu về hỏi mẹ :

— Yêu là thế nào mẹ nhỉ.

Mẹ bướm ngờ ngác nhưng rồi cũng phải giảng :

— Yêu là khi gặp ai mà lúc về, lòng cứ bâng khuâng thao thức, đêm ấy mình không ngủ hoặc có ngủ cũng chỉ theo toàn hình ảnh kẻ mình vừa gặp, đêm ngày mình chỉ mơ ước được nhìn nét mặt, được nghe giọng nói, đến khi gặp thì mình vụng về lúng túng.

Nghe mẹ giảng, bướm hiểu được ngay, bướm tự hỏi xem mình đã có lần nào yêu ai chưa. Nhưng chưa, đời bướm chưa gặp ai mà về nhà thao thức như mẹ nói. Thế cũng may. Mẹ bướm còn khuyên con hãy nên tránh những bông hoa quá đẹp, các cô nàng thường vắn hờm hính, lăm khi không tâm hồn. Hẳn vì bao nhiêu tinh túy đã đặt cả vào phần xác nên phần tâm hồn đành bị bỏ quên đi chẳng.

Một lần khác bướm đi chơi về hỏi mẹ.

Hy sinh cho ai là gì hở mẹ ?

— Là quên mình mà chỉ nghĩ đến ai.

— Thế còn thất vọng.

— Thất vọng là khi mình chờ đợi một sự gì mà nó xảy ra khác hẳn với ý mình muốn.

Tuy đã tạm bằng lòng những lời giảng đơn sơ của mẹ, bướm còn hỏi thêm một câu :

— Thế mình yêu rồi thất vọng rồi mới hy sinh hay là hy sinh, thất vọng rồi yêu hay là yêu, hy sinh rồi thất vọng.

Mẹ bướm kêu trời vì những câu hỏi phức tạp của bướm. Không phải bướm cầu kỳ nhưng bướm muốn biết trong ba thứ tình cảm ấy, thứ nào cần đặt lên trước.

— Tùy đấy.

Mẹ bướm chỉ biết có thể chứ không thể nào giảng hơn, không hiểu con nhất đầu ra những câu hỏi cầu kỳ như thế. Mẹ bướm làm sao hiểu nổi những sự tiến triển xảy ra trong tâm hồn con.



Mùa xuân về từ mấy hôm nay. Làng bướm xôn xao vì tin đồn sẽ có cuộc triển lãm muôn hoa trong dịp Tết, bầu hoa hậu.



Bướm hỏi mẹ, mẹ bảo đây là cuộc thi nhan sắc cả muôn loài hoa. Khi người ta đẹp thì người ta muốn khoe cái nhan sắc.

Lòng bướm cũng đâm nôn nao mong chóng đến ngày ấy. Bướm bây giờ không còn là chú bướm bé nhỏ chỉ biết ăn xong ra đùa với nắng trên mấy đám cỏ xanh.

Bướm lớn rồi, đôi cánh huyền càng ngày càng thắm màu, mịn và mượt như nhung tơ, hơi co-cúp một tí ở phía đầu cánh, giống hệt như hai cánh hoa.

Đậu lên cành lá, ai mới trông đều nhầm tưởng có một bông hoa kỳ lạ, vừa chớm nở. Nhưng lòng bướm vẫn chưa hề biết yêu. Chưa có bông hoa nào hân hạnh được bướm đề ý đến.

Hắn vì bướm đẹp nên mới khó tính chẳng ?

Bay đi đến đâu cũng chỉ nghe bàn bạc về chuyện triển lãm ở vườn Ngự-uyên nhân dịp xuân về.

Mẹ bướm dặn các con hãy coi chừng, những bông hoa trong cuộc thi nhan sắc lắm khi chưa hẳn đã là đẹp nhất. Nếu muốn tìm nhan sắc thật, đúng nghĩa, thì phải vào trong rừng xanh núi rậm, đây mới là nơi mà các cô nàng phô bày đầy đủ cả sắc lẫn hương. Những bông hoa được đưa ra cho mọi người cùng ngắm

thường vẫn bị gò ép trái mùa hoặc hữu sắc vô hương, hầu hết đều ít tình cảm.

Thấy con cứ nôn nao, mẹ bướm không ngừng giảng luân lý sợ con rơi vào cạm bẫy của cuộc thi nhan sắc.

Ngày thi chưa đến, cửa vườn còn đóng im ỉm, cấm ai lạ vào xem, chỉ những người mang hoa đến dự thí mới được vào, đi phía cửa nhỏ. Khệ nệ từng chậu hoa cố sức nhẹ nhàng sợ bị động đến thân hoa.

Cửa chỉ đóng với loài người chứ với chim, bướm thì cửa nào cũng xin chịu thua. Các chú bướm, cô chim tha hồ mà đập diu, tíu tíu.

Trong số chim bướm ấy, cố nhiên phải có chàng bướm nhưng huyền.

Vào đến vườn, bướm như bị ngay một thứ hào quang đập vào mắt. Bướm phải đậu lại trên một cành cây, lặng yên tìm sự bình tĩnh rồi mới tiếp tục bay đi ngắm nhan sắc các cô nàng.

Bay khắp vườn, bông hoa nào cũng chúm chím, cũng rục rỏ, cũng duyên dáng.

Thấy mấy chú bướm lượn bay, các cô nàng cố lấy vẻ đài các kêu ầm lên.

-- Sao lại hờ hênh đề cho ai cũng ra vào được.

Các cô nàng làm như mình đã là hoa khôi rồi.

Lời mẹ bướm nói đúng, bướm bay khắp vườn mà chưa gặp bông hoa nào vừa ý. Trước sự phô trương nhan sắc thì hình như có gì đang làm hạ giá trị của nhan sắc xuống chẳng ?

Không vì thế mà nản lòng, bướm vẫn bay vẫn lượn vẫn nhìn ngang dọc khắp nơi. Có lẽ nào lại không tìm được một bông hoa vừa ý.

Bay khắp hết, từ vòng trong ra vòng ngoài ở mãi tận cuối vườn, bướm hơi thất vọng bồng giạt mình vì một tiếng thở dài, nghe nảo nuốt.

Quái lạ, trong lúc các cô nàng đều đang nao nức phô trương nhan sắc sao lại có tiếng ai thở dài. Bướm tự hỏi, rồi bay ngay đến phía ấy.

Đây là một gốc hồng nhưng khá đẹp, nhưng cái đẹp bên muôn nghìn cái đẹp khác cũng khó mà phân biệt được. Đẹp còn phải lạ, phải hiếm có, phải đặc biệt chứ đẹp suông thì chỉ được ban giám khảo nhìn phớt ngang mà thôi.

Cố nhiên khi nhan sắc đứng bên đồng lộ nôi, nhan sắc phải

được giải nhất vì còn ai đâu cho ban giám khảo cân nhắc lựa chọn.

Trong bầy con sen con đỏ suốt ngày gánh nước, bỏ củi thì cô khâu được vào hạng nhất nhờ có đôi bàn tay không bị công việc nặng làm rám chai.

Bướm đứng lặng ngắm bông hoa hồng một lúc rồi mới lên tiếng. Giọng bướm ngập ngừng, lần đầu tiên bướm nghe có gì hơi lạ trong lòng mình khi đứng trước một bông hoa.

-- Sao cô buồn, sao cô thở dài trong lúc mọi người đều vui.

-- Em không đẹp.

-- Bậy nào, cô kém gì các cô khác.

-- Anh bảo thế chứ đẹp mà cá mè một lứa thì có nghĩa lý gì.

Bướm mỉm cười vì câu nói, hẳn cô nàng không tầm thường như các bạn đồng quê.

Bướm lại hỏi:

-- Cô có mong chiếm được giải nhất không ?

-- Có chứ, bông hoa nào lạ chẳng mơ ước được chức hoa khôi, cũng như người thiếu nữ nào lại không mong được chụp ảnh, được phỏng vấn, được tiếng khen là đẹp nhất làng, nhất huyện, nhất tỉnh, nhất xứ.

Bướm thấy vui vui khi nghe cô nàng nói. Có lẽ đây là lần đầu tiên bướm gặp một nụ hoa mà câu chuyện khá sâu đậm chứ không ngoài vài câu xã giao nhạt nhẽo.

— Nếu được giải nhất thì cô sẽ làm gì?

— Em sẽ sung sướng, em sẽ... em sẽ... Rồi cô nàng mỉm cười mơ mộng, bỗng cô nàng nhìn lại bướm chăm chú.

— Trời ơi, anh đẹp quá, nếu có cuộc thi nhan sắc loài bướm chắc anh phải giật giải nhất.

— Loài bướm chúng tôi thích tự do, ai muốn điều khiển thì phải đợi giết được chúng tôi mới có thể... nói đến những chuyện ấy.

Hoa nhìn mặt nũng nịu:

— Anh làm em sợ quá, nhưng anh có đôi cánh giống hệt như cánh hoa của chúng em.

Bướm cúi nhìn mình rồi nhìn hoa:

— Ừ nhỉ.

— Nhất là nét hồng ở đầu cánh, giống hệt như màu da của em.

Bướm lại cúi nhìn so sánh.

— Ừ nhỉ. Chắc chúng ta có họ hàng với nhau.

— Trời, giá trời cho em đôi cánh ấy để ghép khéo léo vào da

thịt em thì ngày mai em sẽ ăn giải nhất.

Bướm cúi nhìn đôi cánh của mình một lần nữa:

— Ừ nhỉ, giá tôi cần đôi cánh mang ghép vào da thịt cô.

Bông hoa sáng ngời lên vì ham muốn. Trông cô nàng đẹp lạ, nhưng rồi cô nàng tiu nghỉu ngay.

— Nói chơi thế chứ làm sao em có được đôi cánh ấy, trừ phi có phép tiên.

Cô nàng lại thờ dài, giống hệt như tiếng thờ dài ban nãy làm bướm se lòng.

— Nếu tôi biểu cô đôi cánh thì cô nghĩ sao?

— Ấy chết em đâu dám, rồi anh lấy gì mà bay đi đây đi đó.

— Không bay thì bò. Tôi sẽ ở dưới gốc cây hồng, tôi sẽ được nhìn cô mãi mãi. Nhưng trước khi tôi phải về qua nhà thăm mẹ tôi, báo cho mẹ tôi biết.

— Mẹ anh biết chắc sẽ ngăn cản không bằng lòng.

— Tôi lớn rồi, có quyền định đoạt cuộc đời tôi chứ.

— Mẹ anh sẽ ghét em.

— Mẹ tôi hiền lắm.

— Mẹ chồng với nàng dâu có mấy khi thương nhau.

Cô nàng làm như khi nhận đôi cánh rồi thì sẽ là vợ của bướm.

— Vì không tìm hiểu nhau.

Bướm giả lời hoa:

— Anh đừng về, anh về thế nào mẹ anh cũng sẽ giữ lại, sẽ không cho anh đến đây nữa.

— Thế thì để tôi tìm hiểu bảo với một bà bạn của mẹ tôi vậy.

Bướm bay đi một lúc rồi trở lại trong lúc ấy bông hoa đang thả hồn tưởng tượng đến ngày mai mình sẽ được giải nhất. Sẽ được đặt trên đài cao, tất cả muôn hoa đều ghen tị. Suốt mấy ngày có hăng vạn người đến ngợi khen.

Hoa cảm thấy sung sướng như đang được sống trong những phút vinh quang ấy.

Tiếng đập cánh nhẹ nhàng của bướm làm hoa giật mình rồi khỏi giấc mộng. Cô nàng chỉ lo bướm đổi ý. Từ nãy đến giờ hoa quên không hề nghĩ đến sự hy sinh đau đớn của bướm. Nhan sắc vẫn đi đôi với tính ích-kỷ chẳng?

Trái lại, chú bướm si tình mãi nghĩ đến sự vui sướng của hoa mà quên nghĩ rằng đời bướm chỉ có đôi cánh là đáng quý nhất. Mất đôi cánh là mất hết, là cái chết sẽ chờ đợi.

— Nhưng chết có nghĩa lý, cái chết của ta sẽ làm cho một

kẻ sung sướng và bao nhiêu người vui mắt.

Bướm bay sà vào lòng hoa, cố lách mình vào giữa hai cánh hoa, tự cắn cho đứt một cánh, rồi đến cánh thứ hai.

Khi đôi cánh ghép khéo léo xong thì bướm kiệt sức nằm lịm đi không còn biết gì nữa cả.

Hoa sung sướng quên cả kẻ đã hy sinh cho mình, cô nàng biết rằng bây giờ thì giải nhất nàng nắm chắc trong tay, và hoa hơi cáu vì thấy bướm nằm mãi không chịu đi chỗ khác.

— Ờ hay cái anh này.

Bướm dần dần tỉnh trong cơn đau đớn ê òm.

— Thôi anh đi xuống ngay, nhớ người ta thấy.

Hoa đâu biết rằng bướm không nhắc được một bước, hoa ngung nguây cố nghiêng mình hất bướm xuống đất.

Bướm từ trên lòng hoa, trước khi rơi xuống đất còn bị mấy cái gai nhọn sượt vào da thịt. Lúc tỉnh giậy chỉ có mẹ bướm lo lắng bay lượn chung quanh. Mẹ buồn rầu kể cho con nghe rằng hoa được giải nhất, được bày ở nhà vua trong ba ngày tết. Cô nàng rất hờn hĩnh nên ai cũng ghét.

Càng hay mẹ ạ, thế là con đã yêu, đã hy sinh và đã thất vọng.

(Paris, 1964)

# Xuân đoàn kết, Tết trong tù

Ông Ngô - đình - Diệm chấp chánh 9 năm thì tôi bị ở tù gần 4 năm và đã được ăn luôn 4 cái Tết trong tù.

Tôi không nhớ rõ 4 cái Tết đó khác nhau những gì. Nhưng có điểm giống nhau là Tết nào cũng nhớ nhà đau đề. Nhứt là đêm 30 Tết sao thấy lòng đau nhói mỗi khi nhớ tới vợ, con và nghĩ tới mối lo âu của những người thân yêu nhứt trong đời. Giờ phút này chắc họ cũng nghĩ tới mình nhiều hơn hết. Mà không nghĩ tới mình sao được khi chặt mốt đồng nào đi chợ Tết đều thay vì mua đồ về cúng ông bà, lại chỉ nghĩ món gì Ba thích, Ba thèm, Ba đợi, ngay cả những món đồ xa-xỉ nếu bớt đi thì sẽ thừa thãi cho con...

Nhà tôi cách Đê-lao không quá 100 thước mà sao tôi cảm thấy xa xôi muôn dặm.

Tôi vẫn đi trong thời gian mà cứ đứng ở không gian cho đến nỗi trải qua 3, 4 năm trời mới vượt được trăm thước.

★

Nhưng chỉ buồn nội đêm Giao thừa, qua mừng Một Tết thì không còn ngày giờ để buồn nữa. Thầy chú ngày thường nghiêm khắc bao nhiêu thì ngày Tết lại dễ dãi bấy nhiêu. Anh em tù ngày thường nhiều khi cũng rầy rà xung đột vì tánh

★ Thiếu - Sơn

## XUÂN ĐOÀN KẾT

tình, vì tư tưởng hoặc vì những chuyện không đâu nhưng ngày Tết thì lại vui vẻ, thuận hòa, yêu nhau tha thiết.

Ai cũng xa cửa, xa nhà, xa cha mẹ, xa vợ con nên ai cũng thấy phải đoàn kết chặt chẽ với nhau cho ấm áp cõi lòng và cho đời bớt khổ.

Hơn nữa, trong 3 ngày Tết phần nhiều sự thăm nuôi được dễ dàng không hạn chế nên những người nào có thân nhân ở gần thường được kêu tên cho gặp mặt và nhận đồ nuôi. Những món quà xuân ở ngoài đời đưa vào, họ nở nào thường thức một mình mà không chia sẻ cho anh em, nhứt là những người không được thăm nuôi ngày đó?

Theo kỷ-luật nhà tù thì mỗi phòng đều riêng biệt, tù nhân phòng này không được tiếp xúc với tù nhân phòng khác. Nhưng ngày Tết thầy chú nhắm mắt cho tù nhân qua lại thăm nhau. Ngoài ra, sáng mừng Một Tết mỗi phòng đều cử một phái đoàn lên làm tuổi thầy chú và được thầy chú cho phép đi làm tuổi lẫn nhau. Họ cũng chúc nhau như ngoài đời thiên hạ chúc nhau nhưng có điều họ không chúc nhau giàu sang và phú quý. Họ chỉ chúc nhau mau

chăm dứt đời tù tội và mau ra. Có mất tự do người ta mới thấy tự do là quý. Nhưng khi được sống ở ngoài đời người ta lại hay dễ mất tự do vì những mưu toan ích kỷ, vì những hành động điên cuồng do lòng tham xúi dục.

Những lời chúc nhau của các bạn trong tù chắc chắn là tha thiết và cao thượng hơn những lời chúc nhau của thiên hạ ở ngoài đời.

Dường như vào khoảng năm 1956, Đê-Lao tôi ở được tiếp, đám nhân-sĩ và tướng-lãnh Bình Xuyên. Thầy chú đã cho chúng tôi hay trước là những người tù sẽ tới được liệt vào hạng nguy-hiêm. Họ sẽ ở căn phòng kế phòng chúng tôi. Chúng tôi tuyệt-đối không được thông-đồng, tiếp-xúc và tiếp-tế cho họ. Nếu chúng tôi vi-phạm kỷ-luật thì sẽ bị trừng-trị thẳng tay.

Chiều hôm đó khi chúng tôi còn đương đi bách bộ trong sân thì có mấy ông tù được dẫn tới ở văn-phòng Thầy chú. Cuộc tiếp rước coi bộ long-trọng và nghiêm - trang đau đề. Chúng tôi nhìn ra thấy lù-lù có những bộ mặt quen thuộc, mà quen thuộc nhiều hơn hết là hai anh Trần-văn-Ân và Hồ-hữu-Tường.

Tôi đứng xa liếc mắt đưa tình với anh Ân nhưng rồi cũng mon men lại gần anh Tường và nói nhỏ vừa đủ nghe: «Phi Lạc sao lạc vô đề lao?»

Vậy mà anh còn đủ sáng-suốt trả đũa tôi cái rụp. Anh trả lời: «Vô đây đề kiểm anh».

Anh Tường là người tôi rất phục mà không ưa. Anh học rộng quá, anh biết nhiều quá, anh lý-luận hay quá và anh nguy-biến cũng rất tài. Một số trí-thức mê anh như diều dờ. Nhưng phần-đông không hiểu nổi anh vì phần đông giản-dị mà thấy anh khúc mắc, phần đông thực-tế mà thấy anh viễn-vông.

Tôi cũng giản-dị và thực tế như phần đông nhưng thỉnh-thoảng cũng thấy thích-thú được nghe anh lý-luận viễn-vông. Hơn nữa, đóng vai Phi-Lạc anh Tường đã sang Tàu thuyết-khách và bỡn cả với hai ông bá-chủ Nga và Mỹ, tôi là đồng-bào của Anh tôi cũng tò-mò muốn biết anh, gặp anh và nghe anh. Ở ngoài đời khó gặp anh lắm vì anh cứ mắc hoai. Thành-linh anh lạc vô Đề-Lao là nơi tôi đã trần-nhậm trước anh. Tuy hai cảnh-ngộ khác nhau, ăi, ở riêng biệt, nhưng tôi có ưu-thế hơn anh ở đây nên tôi vẫn kiểm thể lên-lút gần anh đề giúp đỡ

anh và cũng đề trả-thù anh luôn thề. Hai chữ «trả thù» có một nội-dung rất hữu-ái. Tôi chỉ muốn nói rằng ở ngoài đời anh chạy bận rất nhiều nên chẳng mấy khi anh có nhà đề tiếp tôi.

Trái lại ở đây anh bắt buộc phải nằm một chỗ trong một căn phòng có cửa sắt luôn luôn bị khóa. Tôi có cảm-tưởng như chính tôi nhất anh vào đó đề lâu lâu tôi xẹt qua thầy cho các anh một món đồ gì hay chỉ nhovn miệng cười tình với các anh cho các anh đỡ buồn và đỡ tủi. Những lúc đó anh Tường âu yếm nhìn tôi, tôi cũng âu yếm nhìn anh. Chúng tôi truyền cảm sang nhau bằng một đường lối giản đơn, thẳng thắn, không khúc mắc và cũng không viễn vông. Ở ngoài đời người ta có thể ghét bỏ nhau, chửi bới nhau, đánh nhau và giết nhau vì những bất đồng về tư tưởng hay chánh kiến. Ở trong tù người ta quên hết và chỉ nhớ tới cảnh ngộ và số phận của mình nên người ta đã thật sự yêu nhau giữa những bạn bè đồng cảnh ngộ.

Ở ngoài đời, anh Tường là người tôi kính nhi viễn-chi nhưng không có gì là ác cảm.

Người tôi ghét nhất có lẽ là anh Trần-văn-Ân.

Trước khi anh tham - chánh làm Tổng - Trưởng Thông - Tin trong chánh-phủ Nguyễn-văn-Xuân năm 1948, tôi vẫn mến anh vì anh thông minh, hoạt bát, viết được và viết hay. Khi anh làm Tổng-Trưởng Thông-Tin chính anh ký giấy phép cho tôi ra tờ Công Lý cùng với những giấy phép ra báo cho các đồng nghiệp khác. Nhưng sau đó trên nửa tháng chính anh lại ký giấy đóng cửa một loạt trên 10 tờ báo trong đó có tờ Công-Lý của tôi. Tôi lên bộ phận kháng thì anh không thèm tiếp tôi. Tôi không ghét anh sao được? Vậy mà khi anh vào tù, tôi thấy thương anh hơn ai hết. Tôi thương anh vì thấy anh nhiều tuổi và yếu đuối hơn hết thầy các anh em.

Tôi cảm thấy tinh thần anh xuống quá và đề lộ ra ở sắc diện thật là tiêu tụy và bèo nhèo quá đỗi.

Có những anh tôi chỉ quen sơ, biết tiếng và không biết mặt, nhưng lần lần rồi cũng quen hết, thân hết và thương hết. Anh Nguyễn-hữu-Thuần vui vẻ và hay cười, anh Lê-văn-Ngọc, mập mạp tròn quay, anh Thiệu-Tướng Thành, anh J.B. Đồng, 2 anh hai ống vó «tở bà» mà lại chỉ ham thuốc Govap,

anh Trĩnh-Khánh-Vàng hay nhắc tới kháng-chiến như cộp nhỏ rừng. Tôi không thể nhắc hết mọi người nhưng tôi nhớ hết tất cả, cả những anh em phía quân nhân như các anh Tư Hiền, Tư Cốc, Ba Lô, v.v... Dường như các anh chỉ được ăn một cái Tết ở Gia-định với chúng tôi, rồi các anh phải vô Chí-Hòa, ra Tòa lãnh án và đi Côn-đảo.

Như tôi đã nói ở trên, Tết là dịp cho chúng tôi gần nhau hơn hết, kỷ-luật bớt gắt gao, thầy chú thêm nhân đạo.

Chính trong dịp gần Tết, anh Trần-văn-Ân đã nói riêng với tôi: «Phải chi lúc này mình ở ngoài đời mà ra báo Xuân thì vui biết mấy».

Một người như anh Ân đã tranh đấu từ ngày còn làm sinh viên ở Pháp, đã tham gia biết bao nhiêu phong trào chánh-trị, đã có hồi đắc thời, đắc vị mà chối bỏ cả tình nghĩa bạn bè, anh đi tù cực tả qua cực hữu rồi vào tù với một tội danh mà anh không lấy làm hãnh diện.

Nhưng chính nhờ được ở tù mà anh thấy rõ cái bản ngã của anh. Anh làm gì cũng thất bại mà chỉ có một nghề anh có thể thành công được là nghề viết báo. Với cái học thức của anh, với cái thông minh của anh, với



những kinh nghiệm của anh, anh có thể là một tay cự phách trong làng báo với điều kiện là anh phải là một ký giả thuần túy, không dùng tờ báo để mưu lợi, cầu danh. Như thế, anh sẽ không có quyền ký tên cho phép chúng tôi ra báo nhưng không bao giờ anh nỡ có lòng muốn đóng cửa báo của anh em đồng nghiệp.

Tết năm đó, anh Ân nghĩ tới báo Xuân là anh đã tìm ra chân lý và tìm thấy lòng anh.

Mới đây tôi tìm vô Chí Hòa gặp lại anh Ân, anh Tường và một vài anh em khác.

Chúng tôi nói chuyện với nhau rất nhiều nhưng chắc chắn là không thiết tha âu yếm bằng

hồi đó. Hồi đó, chúng tôi là những người biệt lập hẳn với thế giới bên ngoài.

Bây giờ tôi đã được tự do và các anh cũng sắp được tự do. Tết này các anh sẽ tự do đọc báo Xuân. Chúng tôi có những bạn chung và có bao nhiêu bạn riêng. Chúng tôi phải chia tâm hồn ra nhiều mảnh để chia cho mỗi người một tí, một tí thôi.

Nhưng chúng tôi đã ăn Tết trong tù và sống những ngày xuân đoàn kết.

Chắc chắn là những bài học đoàn kết ở trong Tù không đến nỗi vô ích cho chúng tôi khi được sống lại với đời!



★ CÓ THÀNH TÍCH

*Nhà hài hước Huê-Kỳ Mark Twain, một hôm đến thăm cỗ viện tàng ở Philadelphie, lúc ra về ông kể chuyện lại :*

*— Tôi xúc động đến rơi lệ khi nhìn thấy thanh kiếm của Tổng Thống Washington.*

*Có người hỏi ông :*

*— Làm sao ông biết đó là thanh kiếm của ông Washington. Người ta có móc vào đó một tấm bảng hay sao ?*

*— Không, tôi nhìn thấy nó là tôi biết ngay, vì tôi đã thấy nhiều thanh kiếm như thế ở những cỗ viện tàng khác.*

P. C.



RẤT LÝ THÚ  
DƯỚI THỜI

ngô - đình - diêm

★ Nguyễn - Ngu - Í

Chế độ độc tài gia đình trị họ Ngô đến năm 1959 đã làm mọi người nghẹt thở. Bạn Lê-Thanh-Thái (tức nhà tiểu thuyết Thái-Tâm-Canh) đã phải lớn tiếng «Mắng Tết Kỳ Hợi» (1959) bằng bài thơ 8 câu 5 vần. Một bạn khác bèn họa lại, dưới nhan đề «Đợi dao kẻ cõ». Ông chủ nhiệm Phê-Thomas cũng cao hứng họa cho vui bớt nỗi hậm hực riêng mình. Bài thơ của Nguyễn-Vỹ đã được làm bản kềm, nhưng rồi bị... đục bỏ vì bị kiểm duyệt xóa hết. Nay, xin công bố đề bạn đọc cùng thưởng thức những vần thơ «trái cựa» đầy ần ý thâm trầm. Tưởng nên nói

trước với bạn đọc là bài xướng của Lê-Thanh-Thái được đăng ở tạp chí Bách Khoa, số 52, ngày 15-2-1959, bài họa của tôi ( Nguyễn - Ngu - Í ) được đăng ở báo Nhân loại số 6, ngày 20-2-1960, còn bài họa của Nguyễn-Vỹ thì mãi đến nay mới được đăng trên mặt báo... Phê-Thomas này. Sau khi bị kiểm duyệt bắt đục bỏ, anh Nguyễn-Vỹ tức mình vút luôn, không giữ lại. Anh cũng chẳng còn nhớ một câu nào. Nay tôi lục lại trong hồ-sơ riêng của tôi, đọc lại thấy lý thú, xin đăng tải sau đây để bạn đọc thưởng thức:



# tuần của tình yêu

★ LÂM-VỊ-THÚY

(Trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

Chủ Nhật.—

Buổi sáng trời mưa tôi trở dậy  
Soi mặt mình bằng phiến gương đen  
Chợt thấy hình em sâu đóng bụi  
Nỗi đau này em nghe chẳng em.

Thứ Hai.—

Thành phố chừng như quên giấc ngủ  
Tôi đi không kỷ niệm che đầu  
Không em làm ấm vòng tay lạnh  
Không những ngày khi chưa biết nhau.

Thứ Ba.—

Tôi dẫn tôi vào trong lớp học  
Mây lên màu trắng áo thiên thần  
Bàn tay tôi ấp trên trang sách  
Trông dáng ai mà thương cổ nhân.

Thứ Tư.—

Sao em không là em thuở ấy  
Để mỗi chiều tôi đón cổng trường  
Đường xưa còn dấu chân em đầy  
Gót nhỏ giờ vui mộng viễn phương.

Thứ Năm.—

Nghìn thu nào mưa bay mãi đây  
Xa nhau chung một ánh trăng gầy  
Nửa đêm nghe tiếng xe về vội  
Tôi đốt đèn lên ngồi ngắm tay.

Thứ Sáu.—

Ôi người đi đã về hay chưa  
Còn đây từng tháng đợi năm chờ  
Còn đây một nét môi cười đó  
Em vượt tâm tay, tôi bỏ vợ.

Thứ Bảy.—

Người yêu, người yêu, người yêu ơi  
Mùa xuân, mùa xuân, mùa xuân rồi  
Hồn tôi muốn khóc làm sao đó  
Em của người ta, tôi của tôi...



## CHUYỆN TÌNH

TRUYỆN NGẮN

★ Nguyễn-Thu-Minh

HOÀNG triu mến đưa tay vuốt nhẹ lên má, lên mái tóc huyền óng mượt của Lan năm bỏ xóa vung vãi trên mặt gối trắng tinh, đầu nghiêng vào lòng gối đầy vẻ ngây thơ, man dại, cái man dại cao đẹp quá đã làm cho Hoàng càng thêm ngây-ngất, say sưa, cùng xen lẫn một ít xót xa khi Hoàng nghĩ lại những sự việc xảy ra vừa qua!

— Bỗng một nỗi buồn man mác từ đâu hiện về.

Hoàng nghĩ đến ngày mai... đời anh, đời Lan rồi sẽ đi về đâu, vui hay buồn, có còn đẹp mãi như hôm nay hay cũng như trăm ngàn chuyện tình trên cõi đời này, chợt đến chợt đi để rồi không ai cần buồn nhớ lại hoặc tìm biết lý do.

Nhìn Lan say giấc mà ngậm ngùi, anh không ngờ rằng trong cuộc sống đầy dẫn vật, lăm lăm ưu tư sâu khỏ này anh lại gặp Lan, có được một người-yêu như Lan. Nhất là sáng nay, trong lúc anh mất hết niềm tin thì Lan từ đâu hiện đến, như một vị thiên-thần đem tin-yêu, hy-vọng lại cho anh. Thế mà anh đã...

Có tiếng trở mình thức giấc của Lan làm dứt ngang những ý nghĩ, anh vội mỉm cười âu yếm:

— Em ngủ ngon không?

Lan chớp mắt nhìn Hoàng nhòen miệng cười, đáp:

— Cám ơn anh, anh dậy hồi nào thế. Xem hộ em mấy giờ đi, anh!

Hoàng liếc nhìn đồng hồ đã ở bàn, trả lời :

— 11 giờ rồi, em ạ. Em định về ư ?

Lan không đáp câu hỏi của Hoàng, mà vội vã vung trời dậy, nói như hốt hoảng :

— Chết rồi ! Không khéo trễ mất. Em lo quá !

Tiếng lo, Lan kéo dài rồi tắt lịm như thăm oán-trách, thất vọng, khiến Hoàng hơi bối rối hỏi :

— Liệu có chuyện gì sao, hở em ? Anh có làm điều gì phật lòng em chăng ? Nói cho anh rõ đi, đừng giấu anh...

Lan khẽ lắc đầu :

— Chẳng có chuyện gì đâu. Anh đừng buồn nghĩ... vô ích, thêm khổ thân, đời anh đã lắm đau buồn nhiều rồi ! Em phải về nhà chờ đúng giờ, vì đã hứa với Ba, Mẹ trước khi đến thăm anh, là em sẽ về trước 11 giờ. Em sợ ba, mẹ mong đấy thôi.

Tuy nói vậy, và cố làm ra vẻ bình tĩnh như không có chuyện gì xảy ra, nhưng trên nét mặt, dáng dấp của Lan đã biểu lộ nỗi lo lắng, buồn khổ trong lòng Lan. Thấy thế, Hoàng càng thêm lo ngại, thắc mắc, buồn hỏi :

— Em hứa chắc là không có việc gì xảy ra cho em chứ ?

Lan mím môi, ngập ngừng trả lời :

— Vâng. Anh tin em. Không có gì đâu. Bây giờ em phải sửa soạn về cho đúng giờ... Không chừng chiều, rồi em sẽ kiếm cách đến thăm anh, anh bằng lòng đón em không ?



Trong một tiệm giải-khát, chỉ còn hai người khách là Thành và Liêm đang ngồi uống «la-de», trò chuyện với nhau như sau :

**Thành.**— Cậu và tớ uống thêm một chén nữa đi ! Về sớm làm gì. Mình muốn cậu và tớ hôm nay phải thật say mới được.

**Liêm.**— (gục gặt đầu) Uống thì uống, ngại gì. Tớ cũng chả muốn về vội.

**Thành.**— (đưa cao ly) Vậy thì hoan hô ! Uống cậu. Say cho quên, quên, quên hết, quên hết !

**Liêm.**— (thở ra) Tao không cho rằng sẽ quên hết đâu, chỉ đỡ đau khổ thêm, dần vặt, thăm thía hơn thì có.

**Thành.**— Ồ, vậy càng hay. Không quên được thì nhớ !

**Liêm.**— (suy nghĩ một lúc) Đời chó má thật. (đưa ly lên miệng nốc một hơi, quay lại cô chiêu-dãi-viên đang ngồi nhìn ra đường cái một cách thêu não) Này, cho hai chai 33 nữa, cô.

**Thành.**— (đần đờ) Tao có một chuyện...

**Liêm.**— (nói như cướp lời) Lại một chuyện... (cười chua chát) Chuyện gì mà ?

**Thành.**— (cẩn môi) Chuyện của tao. Nhưng mày hãy chịu khó ngồi nghe, tao mới nói...

**Liêm.**— (mím môi) Thì nói ra đi ! Úp mở hoài. Tao chả chịu nổi.

Hai người đều im lặng nhìn nhau, và cùng thở dài.

**Thành.**— Mày có thể cho rằng trên đời này như thằng tao mà lại phải đau khổ vì tình cảm không ?

**Liêm.**— Mày ngớ ngẩn rồi. Sao lại không. Tình cảm mới là điều quan-trọng. Tao, mấy đều là nạn nhân.

**Thành.**— Hời đùa mầy chơi, chứ tao đang gặp phải một chuyện rất khó giải quyết. Chúng mình sống vì tình cảm nên mới khổ. Số là tao có một người yêu, nàng rất dễ thương, nói về sắc... đẹp, thì nàng cũng có hạng

với Saigon này lắm. Nhưng, đời có lắm cái nhưng mới một chứ. Chúng tao đang sống trong êm đẹp, thì vào một sáng, nàng đột ngột đến với tao, rất yêu thương, rất cao quý và cũng rất là lãng mạn, tao nói chữ lãng-mạn có đóng khung ! Mày nên tìm hiểu chữ đóng khung đối với tao, vì tao không muốn làm mất đi sự thiêng liêng của nàng ở lòng tao. Tao dành cho nàng một chỗ ngồi xứng đáng trong tao. (suy nghĩ...)

**Liêm.**— (lấy thuốc lá ra mời Thành rồi đánh diêm châm hút, bình tĩnh nhả khói lên khoảng không) Tao tôn trọng... Rồi sao nữa ?

**Thành.**— (lại thở dài) Nàng không tỏ một tí gì khác lạ ngoài tình yêu thương tha thiết đối với tao. Cho mãi đến lúc nàng sắp sửa từ giã tao để ra về thì đáng dấp hơi hốt hoảng, nét mặt khá u sầu. Thấy vậy, tao cố gặng hỏi nhưng nàng nhất định không nói gì. Thế mới « giận » chứ. Rồi còn bảo với tao, hứa với tao nhiều điều yêu thương, chung tình. Càng hứa, nàng càng ứa lệ, ghen ngào...

(Ngừng một chút. Thành lại tiếp, giọng tha thiết).

Nhưng, tao nhắc lại chữ nhưng... giữa tao và nàng gặp

gỡ sáng hôm đó lại là lần cuối cùng. Đến bây giờ tao vẫn mang trong lòng nhiều thắc mắc và chua xót, lẫn nhớ thương. Tao vẫn tưởng thế là yên chuyện, mà nghe chứ... (thở dài).

Đột ngột chiều hôm kia tao gặp một cô bạn thân của nàng, cô ta bảo rằng nàng đã có chồng và đã một con. Chuyện lạ nhất là cô ta cho tao hay rằng nàng không mấy hạnh phúc, đứa con nàng sinh đầu lòng rất dễ thương và có một điều nữa là nàng nhờ cô ta trao lại cho tao lá thư, nhưng phải để đúng một năm sau mới trao...

(Nói đến đây, Thành móc túi lấy ra một lá thư đưa cho Liêm).

Cậu hãy cầm lấy xem. Ngày mai hay ngày kia rồi trao lại mình cũng được. Đừng để rơi mất hay đưa người khác xem nghe không. Kỷ-niệm độc nhất trong đời tao đấy.

Liêm.— (do dự) Mày mà còn ngại tao nữa sao? Tao xem ngay bây giờ rồi trả lại mày, khỏi phải sợ mất (cầm thư định mở ra xem).

Thành.— (đưa tay cản) Không nên xem ở đây, cậu nghe lời mình đi. Thiêng-liêng mà! V lại, mình cần cậu đọc kỹ rồi giải đáp hộ mình xem sao.

Liêm.— (cười) Chuyện có thể mà mày cứ làm ra vẻ bí ẩn.

Thành.— (ng nghiêm nghị) Thì mày hãy xem xong đã... (hất hàm bảo Liêm) Uống cạn ly đi cậu. Bây giờ chúng mình về là vừa.

Liêm.—Ừ, về thì về, tao cũng khá mệt! Đời chó má thật. Thăng lớn hiệp thăng bé, thăng giàu hiệp thăng nghèo. Mạnh hiệp yếu. (cười hà hà) Kết cuộc thăng nào rồi cũng ăn ngày 3



bữa, chết chôn xuống đất là hết. Có gì.. gì đi nữa cũng chả ai đem theo được! (Vỗ vai Thành, nhướn mắt nói tiếp)

À, mà mày đã say chưa? (cười) Ồ, tao nói cho vui thôi, nếu say thì tao, mà đầu còn nhìn rõ mặt nhau, đầu đứng dậy nôi đề ra về!

Thành.— Mày nói hơi nhiều rồi đó! Về thôi.

Liêm.— (nhếch môi) Tao mà say? Nếu tao say được đã là phước vì... sao, đồ mày đoán (cười lớn).

Thành.— (điều Liêm ra khỏi quán) Đừng giả vờ làm thế, thiên hạ nhìn chường, mà ạ. Thà mày thật say nằm ngã ra đề tao dìu về, chứ nửa say nửa tỉnh tao ghét lắm.

Liêm.— (cười sặc sụa) Cậu cũng cho là tao giả vờ say à? Tốt lắm! Tao không giận mày đâu. Đồ mày thử giả vờ như tao được. (kề miệng vào tai Thành) Nửa say nửa tỉnh mới chửi đời được. Vô tội vạ mà ạ (?) Hồi sáng tao vừa chửi thăng bí thư cho lão già sờ tao. Mày thử tưởng tượng trong chín mươi năm này, nó hết nịnh hót, bỏ dỡ người này đến người kia, đến nỗi vợ, con nó, nó cũng hy sinh... tuốt lượt

cho ông lớn, thế mà hôm nay lạ ư giảng đạo đức, với tinh thần cách mạng, mới chó chú! Nó tưởng rằng làm như vậy là che lấp đi văng lăm thối tha. Nhưng nó đã nhầm, càng làm bộ trong sạch bao nhiêu lại phơi bày mặt thật xấu xa, bí ði của nó bấy nhiêu. Một công chức quèn như nó mà có đến hai ba bà vợ, con cọng lại chừng mười một, mười hai đứa thì làm gì có đủ đề tậu năm bảy dây phố lầu, tiền gửi ngân hàng có đến vài chục triệu?...

Thành.— (thần nhiên nhìn Liêm cười nửa miệng) Đời mà cậu! Nhưng nói thế vừa rồi, không nên cho ra nhiều nữa. Bây giờ tao đưa mày về và nhớ sau khi xem xong lá thư phải cho tao ý kiến nhé! Trông ở mày đấy

Liêm.— Ồ, được! Ước gì đời mày thật sung sướng, hạnh phúc! Tao thương mày quá!

Thành (đưa tay bắt tay Liêm, siết thật mạnh) Cảm ơn mày đã nghĩ đến tao... nhưng đời này thì...

Cao-nguyên, ngày tháng năm 196...

Chị Hoàng-Anh mến,  
Trời Cao-nguyên dạo này đã

bắt đầu trở lạnh, và buồn nên càng làm cho em nhớ thương nhiều đến chị, đến Saigon... Em ao ước ngày trở lại quá, chị ạ. Sống ở đây thâm thoát đã hơn một năm rồi đấy. Một năm cách biệt chị và mang lắm bận khoăn, đau thương ở lòng em. Nhưng, biết sao hơn, khi một bên hiểu, một bên tình, mà với em, bên nào cũng quan trọng — riêng người-lớn là nghĩ khác, và thường dùng đến uy quyền để lấn áp tình cảm !

Mong chị hiểu mà thương đùm em bạc phước, không may trong cuộc đời này. Em khổ lắm chị ơi. Nhất là em đã đối với Huy tất cả sự thật, trước khi từ giã cuộc đời con gái. Chị biết không, Huy hoàn toàn không ngờ, ngay cả buổi sáng hôm đó. Tội nghiệp Huy cứ thắc mắc, mà không dám nói ra một lời nào. Em nói với Huy chiều ấy em sẽ lại thăm... cứ ở nhà đợi em, và Huy đã tin thật. Nhưng chiều hôm đó thì như chị đã rõ, em đâu còn là em nữa, hoàn toàn khác lạ rồi. Mà dù có trở lại thăm Huy cũng chẳng nói được gì !...

Bây giờ nhắc lại mà ngậm-ngùi! Hy-vọng rằng Huy sẽ có một ngày nào đó thấu rõ sẽ tha

thứ cho em. Và ít nhất trong lòng em, lòng Huy còn giữ được một ý-nghĩa cao-đẹp.

Thời-gian yêu nhau, gần nhau tuy ngắn ngủi, không trọn vẹn nhưng có thể tạm nhận là đầy-đủ hạnh-phúc — nếu Huy chịu khó suy-nghĩ kỹ, đừng vì ham muốn hẹp-hòi. Em nói vậy mà vẫn sợ Huy giận, dù chỉ giận trong ý-nghĩ.

Mãi quên không tin chị hay là em đã có cháu rồi, kháu lắm ! Cháu đã hơn ba tháng chị ạ. Có dịp về Sài-gòn, em sẽ đem cháu về để chị nhìn cháu cho biết. Đỡ chị cháu giống ai nào? Giá có Huy đâu đây để nhìn cháu, chắc là sẽ «ghét» em lắm !

Lạy trời cho Huy vẫn mãi mãi ghét em, để em được giữ tròn bổn-phận làm vợ.

Nếu có dịp gặp Huy, chị đừng nhắc gì về em nhé! Thời-gian sẽ làm Huy quên là hơn. Em cầu mong thế lắm. Cho phép em ngừng đây, và hẹn chị thư sau.

*Đứa em của chị,  
KIM-LOAN*

Ngọc trầm-tĩnh đánh diêm châm thuốc hút rồi chậm rãi nói:

— Đấy, câu chuyện chỉ có thế. Nhưng với cậu, cậu nghĩ thế nào ?

Tôi hơi dẫn-đo đáp với tất cả chân thành:

— Mình xin thành thật cảm ơn cậu đã không ngại cho mình nghe câu chuyện này... dù rằng tên những nhân vật trong chuyện có khác, nhưng tóm lại vẫn là một... có thể là cậu chẳng hạn !

Ngọc mỉm cười chua-chát:

— Tùy cậu nghĩ thế nào thì nghĩ. Nhưng, còn một điều nữa là cậu chưa cho mình biết...

Tôi nhìn Ngọc, tiếp lời:

— Mình xin nói thêm cho rõ một chút nhé ! Và chắc cũng là điều mà cậu còn phân-vận, thắc-mắc...

Này nhé, dù là Hoàng, Thành, Huy, hay cậu vẫn là một ; Lan, người-yêu-của-Thành hay Loan cũng vậy — nghĩa là cậu nói đến chuyện lòng của cậu... Đấy là điều thứ nhất. Còn điều thứ hai là.. xin lỗi cậu nhé ! Buổi sáng mà người yêu của cậu đến thăm đó, chính là ngày đám cưới của cô ta đấy. Một đám cưới hoàn toàn bị ép buộc của gia-đình !

Nói đến đây, tôi hơi ngập ngừng một chốc rồi tiếp:

— Và điều thứ ba, điều này mới quan-trọng... là đứa con đầu lòng của nàng !

Ngọc nghe đến đây vội nói với một giọng buồn rầu, khó hiểu hơn bao giờ hết :

— Thật vậy cậu ạ ! Mình vẫn không hiểu nổi. Sao mà lắm sầu khổ cho mình thế ! Đời đã không mấy vui, đẹp đối với mình, tưởng đâu vừa đủ, ai ngờ thêm oan trái nữa !...

Tôi không ngờ một người con trai như Ngọc lại có thể khóc được. Những giọt nước mắt ấy mới giá trị làm sao, chân thành làm sao.

Ôi là cuộc đời !

Trước nỗi đau thương của Ngọc, tôi chả biết làm gì hơn là im lặng chờ đợi tâm hồn của Ngọc lắng xuống, rồi trang trọng an ủi... nhưng chưa kịp thì Ngọc đã nói trong niềm cảm xúc của lòng:

— Đứa bé ấy mới là điều quan trọng ! Ai sẽ là người hiểu nó ? Đáng cho nó nhận lấy đây. Đỡ trời biết !

Tôi hơi ngạc nhiên, hỏi:

— Tại sao lại khó biết. Cậu phải nhận lấy tất cả trách nhiệm về sau này, còn gì nữa.

Ngọc lắc đầu khó hiểu:

— Mình cũng không hiểu nổi cậu ạ. Đứa bé chỉ giống mẹ, và ngày mà nó ra chào đời, tính với ngày nàng từ giã tuổi-con-gái để lên xe về nhà chồng sáng hôm đó, vẫn vẹn chín tháng mười-ba ngày đúng !

Tôi và Ngọc im lặng nhìn nhau, lắc đầu.

Trời Saigon hôm nay buồn hơn bao giờ hết !

★  
(1/64)

## TRONG THI-CA

### tiền chiến

### và hậu chiến

★ Trần-Quán-Kiệt

**KHOI** mở tiếng thơ.— Nói theo lẽ thường, tiếng thơ do ở mạch cảm xúc của thi nhân sáng tạo nên. Nhưng chúng ta muốn tìm tận nguồn gốc phát xuất ra tiếng thơ thì thật là một việc tìm hiểu vô cùng khó khăn có thể khó tìm hiểu hơn vấn đề triết lý. Bởi vì triết lý phát hiện khi con người biết suy niệm, con người sơ khai sống trong lòng hang thẳm, giữa rừng núi thâm-u tranh đấu với mãnh-thú mà sống-xem thiên nhiên, vũ-trụ đầy vẻ sợ hãi, như sợ thần linh, cho đến lúc hợp thành bộ lạc, tiến dần đến xã hội ngày nay, phải trải qua nhiều thời kỳ, thời lệ thuộc thiên nhiên, thời lệ thuộc quân quyền, thời phân định, xã hội, và đến nay,

con người giải quyết chính với định mệnh của con người. Nhưng không vì thế mà thi ca và triết lý không tương hợp, hồ tương lẫn nhau đề cùng vương lên đạt đến cõi huyền nhiệm, đạt thành những viễn tượng lớn.

Thoạt đầu tiên, Tiếng Thơ đã bàng bạc trong không gian bao la, thi nhân là người mở rộng chân trời cảm thông huyền diệu của cõi Tâm Thức con người, đây cái đà dự phóng theo những hoài vọng về hướng tồn thế. Trong thơ có một viễn tượng, những chân trời được phơi mở mênh mông cùng với những nguồn mộng thiên thu bay dậy lên theo nhịp điệu tuần hoàn của đất trời. Mỗi thời đại có một vài thi nhân

xuất hiện, vài người đó đạt tới cõi trường mộng, hoặc nhờ ở sự suy niệm vô cùng, hoặc tự nhiên có một *Tâm Thức* lớn, hoặc đau thương vô hạn trong cuộc đời mà đạt đến tinh thể mộng ngàn của thi ca.

Ở Trung-Hoa, thời kỳ có thi ca theo các nhà văn-học biên soạn là thời kỳ Khuất Nguyên với khúc Ly Tao. Thần thoại Hy-lạp với nàng Sappho là người thơ đầu tiên trên quả đất nghệ thuật này. Thi ca Việt-Nam hiện tính chất phong phú trong ca dao, nhưng bài thơ hay đầu tiên, chúng tôi cho là bài thơ TỰ THÁN của Nguyễn Trãi ví đời mình như chiếc thuyền bên sông.

Tiếng thơ của loài người là một sự cảm-thông giữa định mệnh con người với nhau, và con người với vũ trụ huyền bí. Tuy nhiên chúng ta không có cách gì định nghĩa được tiếng thơ, một khi tiếng thơ đã đạt được tinh thể của nó. Đó là màu Khánh Vân của tâm thể người. Còn theo loại thi ca xã-hội, đó là xương máu của nhân gian, là tất cả sự liên quan chần chịt giữa con người xã hội với nhau. Ở trong tiếng thơ có bản chất hào hoa, có nguồn suối ngọt của thiên nhiên, có nét hào hùng của người tranh đấu tồn vong, và cũng có khi chỉ

là một âm vang ngân dài bất tận thiên thu, đó là mạch sống vĩnh cửu của nhân loại.

Điểm cốt yếu của tiếng thơ là mạch nguồn thanh xuân, nó như mùa xuân phơi phới trong thời tiết luân chuyển. Mùa xuân tràn đầy nhựa sống, cây cỏ này mầm tươi, hoa trái ứng sắc trời, vạn vật cùng hồi sinh miên viễn với thời gian.

Tiếng thơ Xuân trong thi ca hiện đại theo sự phân định lịch sử thông thường chia ra làm ba thời kỳ :

- Thi ca Tiền chiến
- Thi ca Dân Tộc Kháng chiến
- Thi ca Hậu chiến.

Kể là phân chia theo triều lịch sử như thế, nhưng tiếng thơ chính thực của con người, không phải luôn luôn phân định giòng cảm xúc như vậy. Thi ca Dân Tộc kháng chiến có một tính cách đặc biệt hơn hết, tiếng thơ đó chúng ta thấy phát nguồn tự trong lòng đất nước đau thương hòa niền rung cảm lên, với những thi sĩ lỗi lạc : Hoàng Cầm, Quang Dũng, Yên Thao, Vũ anh Khanh. Hữu Loan... còn rất nhiều nhà thơ dân tộc nữa nhưng chúng tôi không có tài liệu đích xác nên không đề cập đến được. Thi ca

dân tộc kháng chiến biểu lộ lên một sức sống vũ bão, bất khuất của truyền thống dân tộc. Nhưng cũng có một bầu không khí hắc ám của nó vương quá nhiều tính chất hiện thực, và trong lúc say sưa với sự tranh đấu dân tộc đó, người thi nhân đôi khi đã có những ý nghĩ tàn bạo, quên mất cái *Tinh* của con người, đó mới chính thực là lẽ sống ở đời... Nhiều lúc họ cuồng ca trong bầu lửa sục, máu nóng, trước mặt họ chỉ thấy toàn là quân thù, xác giặc, nhưng kẻ đầu sỏ gây nên cuộc tàn sát đó họ không thấy, những tư tưởng oan nghiệt giết người họ không được bình tĩnh để nhận ra, họ bị ảnh hưởng khốc hại vô cùng... tôi muốn nói đến thứ *văn chương hiện thực xã hội*. Đôi khi chúng tôi muốn hỏi lại trong *Tiếng thơ* vấn đề tranh đấu cho nhân dân, nói *Tiếng Nói* của Nhân Dân thể hiện ra sao cho phải điệu của linh-hồn đất nước, cho thuận với nguồn sống của loài người?

Ở đây, chúng tôi xin tìm lại *Tiếng Thơ* của thi nhân *Tiền-chiến* và *Hậu-chiến*!! Vài nét đậm của khuôn mặt thi-nhân. Mỗi người tôi đề cập đến sẽ có một giá trị riêng biệt không liên quan đến nhau. Vì tâm hồn thi nhân là một tâm hồn đơn độc,

mang nặng một nỗi buồn lớn, trong định mệnh của riêng mình. Mỗi tâm hồn đó, thật sự của tâm vóc nó, y như lời của Huy Cận đã bảo :  
*Hồn đơn chiếc như đảo rời  
đậm biển  
Suốt một đời như núi đứng  
riêng tây.*

(LỬA THIÊNG)

\* **Ý Xuân trong thi ca tiền chiến.** — Những trào lưu nghệ thuật, hay những khuynh hướng thi ca đều có ý biểu hiện một đặc tính cá biệt của nó. Nhưng thật sự thì bao nhiêu sự đòi hỏi cố gắng trên phương diện kỹ thuật đều phải hòa lẫn trong chất thơ. Và bản chất của thi ca thì không cần đến lắm, những thứ kỹ thuật của lý trí tìm thể hiện đó. Nhạc thơ, thể điệu phải tùy theo mạch nguồn cảm xúc mà tự nhiên trào ra. Sự phân định nghệ thuật giữa thi ca tiền chiến và hậu chiến là một sự phân định của *lý trí*, trong khi thi ca là cái nguồn mạch của cõi *Tâm Thức* con người. Đó là một vấn đề cần suy niệm lại đối với những người có óc phân chia nghệ thuật, và người viết văn học thi ca hôm nay. Đối với kẻ làm thơ không cần phải bàn đến nó nhiều. Vì càng bàn đến khuynh - hướng nghệ thuật, chúng ta càng xa lệch

cái nguồn mộng thi ca thêm.

Thi ca tiền chiến người ta mệnh danh là thi ca lãng mạn thật ra thì nó đủ hết mọi tính chất nghệ thuật trong đó có Tượng trưng, Hiện thực, và cả Siêu Thực như bài « Hư Vô » của Xuân Diệu, hay nguồn thơ Siêu hình bàng bạc trong tập *Lửa Thiêng* của Huy Cận v.v...

Sau đây là những ý tình Xuân của các thi sĩ thời tiền chiến.

**Phạm huy Thông :** Ngày nay ít có ai nhắc đến nhà thơ họ Phạm. Thơ của người phảng-phất như một điệu Nam-ai trên phiếm nhạc Tỳ bà trong vở kịch « Anh Nga » và hào hoa ngang-tàng với Tiếng Địch Sông Ó, hay huyền diệu, ảo mỹ tuyệt vời trong « Tây Thi ». Dưới đây chúng tôi xin trích một bài thơ giới thiệu với bạn đọc :

**KHÚC TIÊU THIÊU**

*Ngồi dưới liễu du - dương ta  
nhẹ nhấc  
Cây nhà tiêu đồn-đập nhạc mơ  
hồ,  
— Gió ngang mơn hàng cây  
chưa tỉnh giấc  
Bình minh Xuân êm ái như lời  
mơ*

*Kìa Tây Thi sao mầu chưa đượm  
trắng  
Anh tới đây chưa kịp gọi hồn  
tiêu  
Em đã sớm cong mình trên  
nước lặng  
Cho nước trong ngược về dáng  
yêu kiều.  
Đừng rủ vội...! giờ im còn tắm  
tối  
Cầu Nhược-gia chưa kẻ bám  
tre lần...  
Quãng lụa thắm bên nguồn  
đừng rủ vội  
Em lên nghe anh gọi tiếng chim  
thần !  
Em hay chăng ? ngày xưa khi  
vua Thuấn  
Chùm môi thiêng say thời khúc  
tiêu này  
Phượng sánh Hoàng, từng không  
theo nhịp ướn,  
Ngàn muôn chim giao cánh  
chập chờn bay  
Đờn suối bỗng lên cung và chạm  
chứa  
Những câu ca tươi sáng ánh  
u-uyên  
Nợ trúc đào quên thu đưa thắm  
nở  
Gió trên trần diu-dặt ngát  
hương tiên.  
Ngày nay, cạn lời khua trong  
ống rỗng*



Không bao giờ thấy nữa, cảnh  
huyền xưa  
Suối thờ ơ, bây giờ lười cảm  
động  
Chim xa xôi lạ điệu tiêu-thiếu  
ca

Tiêu chẳng khiến giới đêm kia  
thời tới  
Hơi xuân qua vẫn lạnh...nhưng  
cần chi?  
Vì mỗi lần rung hơi anh đắm  
thời  
Em lắng nghe lời trúc hơi Tây  
Thi.

(TÂY THI)

Không khí thơ trữ tình, gợi  
đến cho ta lòng hoài-vọng mênh-  
mang đến một khung trời mộng  
ảo xa xăm, sống trong giấc mơ  
tài-tử giai-nhân tao-nhã. Thơ  
Phạm huy Thông toàn được xử  
dụng bởi một Lết pháp nhẹ-  
nhàng mạch thơ chuyển-điệu chơi-  
vơi, và tứ thơ khoáng đạt biểu  
lộ tâm hồn hào-hoa của người  
thi sĩ lớn.

**Vũ-đình-Liên.**— Nói đến  
thơ xuân trong thi ca tiền chiến,  
chúng ta không ai quên được bài  
thơ «Ông Đồ» của Vũ đình  
Liên. Bài thơ mang nặng tính  
chất dân tộc thâm-trầm xuất hiện  
giữa buổi giao thời của đất nước

mà cái học Tây, hay nói đúng  
hơn, cái văn-minh vật chất Tây-  
Phương ò-ạt mất dần những hình  
ảnh, những tinh hoa nghệ thuật  
của đất nước chúng ta xưa.

**ÔNG ĐỒ**

Mỗi năm hoa đào nở  
Lại thấy ông đồ già  
Bày mực Tàu giấy đỏ  
Bên phố đông người qua  
Bao nhiêu người thuê viết  
Tấm tắc ngợi khen tài  
Hoa tay thảo những nét  
Như phượng múa rồng bay  
Nhưng mỗi năm mỗi vắng  
Người thuê viết nay đâu?  
Giấy đỏ buồn không thấm  
Mực đọng trong nghênh sào  
Ông Đồ vẫn ngồi đấy  
Qua đường không ai hay  
Năm nay đào lại nở  
Không thấy ông Đồ xưa  
Nhưng người muôn năm cũ  
Hồn ở đâu bây giờ.

(TINH HOA)

**J. Leiba.**— (Lê văn Bái) Ông  
đã chết trong thời tiền chiến vì bị  
bệnh. Thơ ông mang nặng tư tưởng  
Phật-giáo, buồn đả đặc như một  
kiếp người nhiều cam khổ. Với  
chủ đích tìm lại các nhà thơ có  
chân tài bị lãng quên, hoặc bị  
người đương thời ngộ nhận xem

thường. Chúng tôi xin giới thiệu  
bài « Hoa bạc mệnh » của người,  
với một tấm lòng khắc khoải vì  
Xuân.

**HOA BẠC MỆNH**

tháng ba, hoa bạc mệnh  
tàn trước mọi cảnh xuân.  
(dịch thơ xưa)

Người đẹp vẫn thường hay chết  
yêu  
thi nhân đầu bạc sớm hơn ai  
ba xuân, muôn thắm thêu cảnh  
biếc  
bạc mệnh hoa kia đã rụng rồi!  
Héo trước trăm hoa, hoa bạc  
mệnh  
đang xuân, đề khởi thấy xuân tàn  
chứa xuân vì biết tình hoa thể  
xin kiếp sau đừng nở thế gian  
Hồn kết gió hương trời nhược  
thủy  
cánh viển mây thắm động thiên  
thai  
hóa thành những giọt mưa  
thơm ấy  
tươi nở trăm hoa đã héo rồi!

**Nguyễn-Vỹ :** Một trong  
những thi sĩ tiền chiến còn giữ được  
nguyên vẹn bản chất của thi nhân,  
và hoạt động văn nghệ, sáng tác  
thi ca hăng hái nhất trong thời  
này. Điều tôi muốn nói về ông,  
đó là đời sống thi sĩ của ông. Có

người làm thơ toàn những lời  
thanh nhã, nhưng đời sống thì  
vùi trong lớp bùn nhơ, trong  
người thơ của ông chúng ta  
khó tìm thấy vết nhơ đó.

Từ thời tiền chiến quyền  
« Thi Nhân Việt-Nam » của Hoài  
Chân Hoài-Thanh đã tỏ ra thiếu  
thiện cảm với hai nhà thơ, đáng  
lẽ tâm vốc và tâm hồn thơ của  
họ đáng đề cập hơn nhiều, đó  
là Nguyễn Vỹ và Lan Sơn. Cho  
đến ngày nay, trong lớp bạn trẻ  
vừa bước chân vào công cuộc  
sáng tác, có kẻ đã vội làm cái việc  
phê phán nghệ-thuật thi ca của  
ông... vì ảnh hưởng tai hại do  
bài phê bình của Hoài Chân và  
Hoài Thanh mà ra cả. Quyền thơ  
Hoang Vu ra đời có cái sức sống  
mãnh liệt vừa cô đơn của nó, của  
một người đã trải qua những  
ngọn triều lịch sử biến động, luôn  
luôn cô độc khắc khoải tìm về con  
đường sáng tạo nên lẽ phải ở đời.

Nghệ thuật thi ca, với những  
sự phân chia ra nhiều khuynh  
hướng, chia ra nhiều thứ kỹ thuật  
như, loại thơ Tự Do, Thơ Đường  
Luật, Thơ Mới vân vân... chỉ  
là những lối nói bóng bẩy của  
nhà phê bình, mang rất nhiều vẻ  
tiểu xảo. Điều cốt yếu là thi ca  
và cuộc đời. *Con người sống*

cho ra thơ và thơ là lẽ sống, nghệ thuật kỹ thuật chỉ là những phương thuật để chở mảnh hồn thi sĩ lên cao. Cho nên chúng ta ngày nay khi đề cập đến tác phẩm của người đi trước thì nên tìm đến nguồn thơ tìm ăn sức sống trong cuộc đời, trong cõi lòng của họ để tránh khỏi phải cái phê bình nghiệt ngã thậm tệ vô ý thức.

Tập *Hoang Vu* có rất nhiều bài thơ gợi ý Tình Xuân, chúng tôi xin trích một bài sau đây :

**ĐÊM TRINH**

Đêm nay tôi không muốn ngồi  
gục bên đỉnh trầm,  
Nghe rượu cười trong ly,  
Nhạc quay cuồng trong khóm  
Thời gian động trên mí.  
Tôi muốn về bên giếng tốt,  
Khu vườn âm u,  
Quê hương hoang vu  
Không một dấu vết  
Tôi không muốn dẫm lên những  
mặt trời đã chết,  
Không vương những nắng to đã  
kết  
Vòng hoa trên cổ áo quan tài,  
Đã lạnh rồi, những mùa xuân  
chết yếu trong Thiên thai  
Nhặt làm chi những phím hương  
đỏ gầy,  
Màu máu hoàng hôn  
Màu xanh rợn hoang hồn,

Hình bóng thời Homère quẽ  
cuồng trong nhạc lửa !

Thôi, vươn lên chỉ hình hài eo  
lả nữa !

Tôi không muốn đem nay cười  
nghtềng giữa,

Tôi đập tung cánh cửa

Ngạo ngễ của thành sấu

Tên lính gác nhe răng cười,  
rừng rợn đôi mắt sấu

Đề tôi đi !

Đề tôi đi !

Trời không mây, không gió,

Tôi không áo, không chăn

Tôi về quê hương không cửa,  
không ngõ

Tôi về có phương không lửa,  
không trăng

Mịt mù thăm thẳm,

Mênh mông biên giới của Đêm  
Trinh !

Tối đen một giếng thăm

Rực rỡ ánh quang minh

Tôi với tôi

Không hình, không bóng

Tôi với tôi

Không thơ, không mộng.

Tôi với tôi,

Lồng lộng giữa Hoang Vu !

(Đêm giao thừa Nhâm Dần 1962)

Không khí rừng rợn mơ hồ,  
huyền hoặc của bài **Đêm Trinh**  
gợi cho ta nhớ đến bài thơ

“ Con Quạ Đen ” của thi sĩ  
Edgar Poe, một thi nhân lỗi lạc  
của Mỹ quốc.

**Vũ hoàng Chương.** — Chúng ta không nói đến địa vị và tình cảm trọn vẹn của chúng ta đối với sự nghiệp thi ca của nhà Thơ họ Vũ. Ngày trước tình cờ tôi đọc được một số báo ngoài Bắc — dường như trong tờ Văn Nghệ đã phê bình chỉ trích thi tập Hoa Đăng của ông. Theo chúng tôi nghĩ, những người theo đuôi tư tưởng Duy vật làm sao hiểu được tiếng thơ Siêu-hình của ông mà bàn luận chỉ trích. Có một thời gian mà người ta ngỡ “ Tố Hữu ” lớn hơn Ông. Tố Hữu thần tượng của thi-sĩ miền Bắc hiện nay, có đạt được đến độ trầm-thống như bài thơ “ **Mộng Đẹp** ” chan chứa tình xuân sau đây :

**MỘNG ĐẸP**

Tin mùa xuân vỡ chiêm bao  
Liềm treo lệch bắc trắng vào  
đầy song  
Mây Đăng vương khói A phòng  
Đê mê nửa gối hàn phong giạt  
mình  
Trai thơ gái nhạc đêm quỳnh

Giữa chừng vui sáo ly đình véo  
vòn

Tiêu tương nhòa nẻo phần son,  
Trắng tay : ngỡ lạ màu non  
nước Tân

Canh gà vang lối dương trần  
Còn nghe nước nở thu phần  
tiếng ai,

Chiều chẵn sức nức hương  
nhài,

Xác con hồ điệp chưa ngoài  
giường thu.

**Thi-ca hậu chiến.** — Từ ngày văn-học hiện-sinh thời vào mảnh đất nhỏ bé Việt nam, không khí thi ca hậu chiến đã hầu như thay đổi hẳn. Tiếng Thơ, có người đã không muốn đề cập đến, họ cũng làm thơ, nhưng họ lắm lúc không công nhận đây là một loại Thơ — có tính chất như thi ca thời tiền chiến. Con người xã hội hôm nay, nhất là người làm nghệ thuật, với tâm trạng khắc khoải, với sự cô đơn phi lý, với tư-tưởng ảnh hưởng ở các trào-lưu văn-học thế giới đã trải qua hai thời kỳ thế chiến. Nhất là trận đệ nhị thế chiến, một chiến tranh phi-lý của loài người, ý nghĩa về cuộc đời, về thân phận con người đã hoàn toàn thay đổi, nếu không nói là tâm trạng của con người xảy ra

những phản kháng mãnh liệt với chính mình, cũng như với thực tại xã hội. Người ta mệnh danh cho những ý nghĩ đó là những luồng tư tưởng nhân bản. Con người Siêu Nhân, từ bỏ Thượng Đế, trọn quyền định đoạt lấy số phận mình! Từ đây tiếng thơ hôm nay vì một phần nhận thức đó mang một tâm trạng phản kháng thường trực, ít có người giữ được nhịp điệu luân hoàn tâm hồn trước những cuộc biến động lịch sử, những kinh động tâm hồn, thêm vào đây kỹ-nghệ cơ giới đè nặng trên tâm hồn người, làm lúc thì nhân đánh lạc mất mộng ngàn của Tiếng Thơ chung. Con người sống giữa thiên nhiên, trong xương máu, tâm hồn người có nhựa sống của thiên nhiên, con người đã mất thiên nhiên, mất một nguồn suối trong mát, ngọt lành và Tiếng Thơ cũng như đời sống đã thiệt mất cái Nguồn sống vô tận quý báu đó! Tiếng thơ hậu chiến của chúng ta cũng đã lạc mất cái nguồn sống đó ít nhiều, nhưng thi nhân là người bình thản nhất. Thi nhân là người giữ lại được cái đời sống tinh thần cho cuộc đời, một khi tiếng thơ đã đạt được cái tinh thể của nó. Và bây giờ chúng ta cùng tìm đến bản chất của thi ca hậu chiến trong mỗi người thơ hôm nay. Những người đã đóng góp nguồn

thơ của họ sáng rực lên trong thời buổi này, và tiếng thơ của họ, con người của họ đã đi vào lịch sử văn học hôm nay một cách đường hoàng bằng tài thơ của họ. Chúng tôi muốn nói đến họ, ở đây không những thu hẹp trong câu chuyện về ý xuân của thi ca hậu chiến, chúng tôi muốn nói đến cái sức sống, cái tiếng thơ mãnh liệt của ngày hôm nay. Chúng tôi muốn nói đến Bùi Giáng, Nguyễn Sa, Thanh Tâm Tuyền, Trần Dạ Từ, Vương Tân, Hoàng anh Tuấn, Viên Linh, Hoàng Trúc Ly, Nguyễn-thu Minh, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Cung Trầm Tưởng, Hoài Khanh, Quách Thoại, Đỗ quý Toàn, Sao Trên Rừng, Tô Thùy Yên, Trần Đức Uyển. Những khuôn mặt đẹp của thi ca hiện đại.

**Quách Thoại và Trăng Thiểu Phụ.**— Người thi-sĩ mang quả tim chân thành của mình sống những giờ phút đau thương vô-hạn, giữa lòng cuộc đời, đó là Quách Thoại. Chúng ta cố gắng cảm thông tiếng thơ của người.

**TRĂNG THIỂU PHỤ**  
 Đã mấy đêm trường tôi không  
 ngủ

Nằm thao-thức nhớ mảnh trăng  
 thu  
 Đã biết bao lần tôi tự nhủ  
 Rằng cho tôi chết giữa âm-u.  
 Cứ sao trăng sáng ngoài kia nhỉ  
 Làm động tình tôi giữa buổi đêm  
 Tôi nhắm mắt nằm không dám  
 nghĩ  
 Sợ nhìn trăng lạnh rớt bên  
 thêm.

Tôi muốn phùng tôi luôn mãi  
 tới  
 Xin trăng đừng chiếu lướt qua  
 song  
 Tôi muốn hôn tôi chìm lạc lối  
 Cho tàn chết hết cả hoài mong  
 Cơ khổ cho tôi còn nuôi mộng  
 Làm đau chấn gối giữa đêm thu  
 Chỉ tội hồn tôi thêm nao động  
 Mà thương mà sợ mảnh trăng  
 lu.

Tôi sợ ngày mai trời sẽ sáng  
 Trăng thu mơ mộng sẽ không  
 còn  
 Tôi gặp mặt người người đã  
 bán  
 Cả mùa xuân đẹp thưở sắc son.  
 Chao ôi trăng hơi trăng thu đẹp  
 Trăng của lòng tôi hay của ai  
 Tôi mở hồn thơ — thôi khó  
 khép  
 Cứ cá lên trăng tiếng thở dài  
 Và cho tôi ngủ cho tôi ngủ

Thao thức làm chi mãi thế này  
 Trăng tội tình chi mà ấp ủ  
 Mảnh lòng thi sĩ quá thơ ngây  
 Bởi đâu lệ nhỏ lăn trên gối  
 Tôi thấy cô đơn lạnh lắm rồi  
 Tôi biết đời tôi e hấp hối  
 Mà trăng thì sáng tận trên đời  
 — Không người thiếu phụ đứng  
 bên tôi.

**Nguyễn Sa.**— là thi-sĩ tiên phong trong luồng thi ca tự-do. Thơ ông biểu lộ tính chất hào-hoa của một nghệ-sĩ phóng khoáng. Đây là bài "Tiễn biệt" trích trong tập thơ Nguyễn Sa.

**TIỄN BIỆT**

Người về đêm nay hay đêm mai  
 Người sắp đi chưa hay đi rồi  
 Muôn vị hành tinh rung nhẹ nhẹ  
 Hay ly rượu tàn run trên môi ?  
 Người về trên một giòng sông xanh  
 Trên một con tàu hay một ga  
 móng mênh  
 Sao người không chọn sông vắng  
 nước  
 Hay nước không nguồn cho sông  
 đi quanh-  
 Sao người đi sâu vào không gian  
 trong

(bức tường vô hình nên bức  
tường đầy mênh mông)  
và sao lòng tôi không là vô tận  
cho gặp gỡ những đường tàu đi  
song song...  
người về chiều nắng hay đêm  
sương

người về đò dọc hay đò ngang ?

Câu thơ sẽ là lời hò hẹn  
nhưng nói làm gì tôi xin khoan !  
Nhưng người về đâu, người về đâu  
đề nước sông Seine bờ ngõ chày  
quanh cầu

sao người không là vì sao nhỏ  
đề cho tôi nhìn trong đêm thâu ?  
Sao người không là một cung  
đàn

cho lòng tôi mềm trong tiếng than  
khi trăng chày lạnh từng chân tóc  
khi gió se trùng muôn không gian  
Sao người không là một con  
đường

Sao tôi không là một ga nhỏ  
mà cũng có những giờ gặp gỡ  
Cũng có những giờ chia tan ?

Người về lòng tôi buồn hay lòng  
tôi vui ?  
áo không có màu nên áo cũng  
chưa phai

tôi muốn hỏi thăm người rất nhẹ  
tôi đưa người hay tôi đưa tôi ?  
(Paris — 1954).

**Sao Trên Rừng.** — Thơ anh  
đăng rất nhiều trên các báo văn học  
nghệ thuật, như Bách-Khoa, Thế  
kỷ hai mươi... Dưới đây, chúng  
tôi xin trích một điệu thơ lục-bát  
mang nhiều tính chất thần thoại :

**ĐÊM KHƠI**

lênh đênh thuyền dạt xa miền  
nửa đêm bùng tỉnh man thiên  
một trời  
trắng lên Thượng Đế đi rồi  
hỏi mây thái cổ con người vẫn vì  
lối mòn cỏ mộ xanh rì  
ngoài ra còn chẳng có gì nữa sao  
đảo buồn thổi gió lao xao  
ngàn xưa còn tiếng thì thào  
biển khuya

**Viên Linh.** — Anh đang in  
tập thơ *Hóa Thân*, một tập thơ  
dựng lên "cối âm trên  
đương thế". Người làm thơ ở  
đây đã say sưa với không khí  
Lục-bát Viên-Linh. Điệu thơ lục  
bát thâm u như đôi mắt sâu  
buồn của anh. Chúng tôi trích  
bài thơ "Chiếc xe đò cũ sơn màu  
vàng" để giới thiệu với bạn đọc  
tiếng thơ lục bát này :

**CHIẾC XE ĐÒ  
SƠN MÀU VÀNG**

Lệ tôi dấu tích tôi mòn

Lên cao tiếng biển xưa dồn  
ngón tay  
Xuống rồi queo ngã nào đây  
Quán thừa buồn tạt bụi dầy  
ghế con

Ra rồi dốc đá chọn von  
Trông trường giang rộng nghĩ  
còn quanh co  
Thôi qua con lộ sương mù  
Hồn im nghe chiếc xe đò về  
không.

**Trần đức Uyển.** — Thơ anh  
phần nhiều đăng trên báo Ngàn  
Khơi, anh có một không gian rộng  
trong tâm hồn thơ, một sức sống  
mạnh và hăng hái trong việc tranh  
đấu cho lý tưởng Phật giáo vừa  
qua. Không gian rộng trong tiếng  
thơ của anh mênh mang gần với  
hồn thơ Huy-Cận :

**EM**

Mây cao tiếp đỉnh non mù  
Trông cho em ngủ thiên thu  
mộng sầu  
Chim vàng vỗ cánh bay mau,  
Khoảng nghe tiếng động trên lầu  
thinh không.  
Rừng xanh ngổ vết thương hồng  
Chiều se mấy nhánh dòng sông  
về trời  
Hồn xưa nghìn kiếp trong tôi,  
Bỗng rưng rưng khóc tôi ngột  
phân vân

**Hoàng anh Tuấn.** — Bây  
giờ mỗi nhà thơ mang rất nhiều  
bản chất nghệ thuật thi ca. Không  
phải cái tân kỳ nhứt thời, bản  
chất đó đã giao hợp được nguồn  
sống tinh thần bốn phương. Cái  
vẻ đặc biệt về Hoàng anh Tuấn  
là thơ 8 chữ của anh. Không  
khí trừ tình biểu hiện tính chất  
hào hoa của thi tài anh. Thơ lục  
bát của anh cũng mang mang  
tính chất đó. Chúng tôi xin trích  
bài thơ "Nhớ xuống" vừa có  
không khí trừ tình vừa siêu hình  
sau đây :

**NHỚ XUỐNG**

Nước xuôi buồn là mái chèo,  
Hai hàng mi gọi đò hiu xuống  
ngày  
Nhớ gần buộc gót chân mây  
Ngàn ngơ vạt áo chiều dài khe  
canh  
Buồn theo mộng nhỏ đi quanh  
Hằng trăm lối rộng độc hành  
về khơi  
Tóc thôi lưu bước sông dài  
Thuyền xưa clot lạc ra ngoài  
mất xưa  
Tuy còn nguyên điệu chèo thơ  
Khoang tình đã lặn cơn mưa  
gối đầu  
**Cung Trầm Tưởng.** —  
Không có lúc nào nghệ thuật thơ  
Lục-bát được các nhà thơ say

sua hơn lúc này. Thơ lục bát nếu không đạt được thì người làm thơ viết thành về chứ không ra thơ, nhưng nếu đạt được hồn thơ chất thơ và nghệ thuật lục bát thì chân trời thi ca mở rộng mênh mang, hồn thơ sâu thẳm, mang tất cả nguồn viễn-vọng ngăm trong những vần điệu 6, 8 của nó. Anh Cung-Trầm-Tường là một trong những người muốn mang một bản chất mới vào thơ lục bát. Dưới đây bài « Khoác Kín » của anh.

**KHOÁC KÍN**

Chiều đông tuyết lũng thâm u  
Băng khuâng chiều tới tiếp thu  
trời buồn

Nhớ ngày tàu cũng đi luôn  
Ga thôn trơ nổi băng nguồn  
héo hon

Phương xa nhịp sắt bon bon  
Tàu đi dưới tỉnh núi còn vọng  
âm

Sân ga mái giọt âm thầm  
Máu đi có nhớ hồi tâm đêm nào

Minh tôi với tuyết non cao  
Với cồn phố tỉnh chốn nào tịch  
liêu

Tôi về bước bước đăm chiêu  
Tâm tư khoác kín sợ chiều lạnh  
thêm.

**Đỗ Quý Toàn.**— Phần

nhiều anh viết thơ tự do. Tiếng thơ của anh rất lạ, rất thơ, đó là điều khác biệt hơn những người làm thơ tự do ở đây, tôi muốn nói đến cái không gian rộng của Đỗ Quý Toàn. Xit đọc bài thơ nhỏ của anh :

**MỸ CHÂU**

Ngựa trắng nằm phơi thân trên  
mõm đá xanh  
Ngựa hồng lang thang vào bèo  
cát

Mây nổi bọt đầy trời  
Mỵ châu ôi Mỵ châu  
Biên đau quận sóng xô găm vỡ  
đá.

**Nguyễn Thu Minh.**—

Anh Nguyễn Thu Minh, rất giàu hồn thơ, tiếng thơ của anh vươn lên những chân trời mênh-mông, cố thực hiện một tiếng thơ chính-thực.

Trong buổi xuân về, chúng tôi xin trích đăng bài Tình Xuân sau đây để giới thiệu cùng độc giả.

**TÌNH XUÂN**

Sáng hôm nay, lòng tôi rung  
động.

Bởi những bước chân đi...  
Khi tình đời mở rộng,  
Hỡi mùa xuân đang sống!  
Trong sóng mắt em tôi  
Bao nhiêu hận cũ vơi rồi  
Say xuân đất nước say trời tự  
do.



Cười đi em đừng bắt anh hẹn  
hồ,  
Đừng bắt anh kẻ lẻ  
Vui đi em, xuân nay bùng thế hệ  
Ngày mai bắc lại nhịp cầu là  
xong

Môi em thắm, má em hồng  
Tình anh vẫn nở giữa giòng  
thời gian

Tay em nâng chén giao hoan  
Mừng xuân hội hiệp rộn ràng  
ý thơ

Hôm nay hoa lá dưng cờ  
Bình minh nở đẹp đậm bờ xanh  
xanh!

Sáng hôm nay anh gửi cả tình  
anh

Lên nền trời cao rộng,  
Mà lòng anh cơ chừng như  
gợn sóng,

Bởi những hy-vọng vờn quanh  
Xuân về nắng rực mùa xanh

Lời hay ý đẹp suốt lành vượt ve.  
Đến đây anh kẻ các em nghe!  
Tình xuân đẹp mặt mẹ hiền  
Việt-nam.

**Trần Dạ Từ.**— Có người  
bảo với chúng tôi, thời Tiền  
chiến người ta đua nhau chép và

thuộc lòng thơ Xuân-Diệu, thời này thì chép và thuộc lòng thơ Trần-Dạ-Từ, câu nói ấy không phải là câu nói ngoa, vì thơ Trần-Dạ-Từ, bài nào cũng chan chứa hồn thơ.

Chúng tôi xin chép bài thơ « Khi Người Tình Đến » bài thơ lục bát mà anh bằng lòng nhất.

**KHI NGƯỜI TÌNH ĐẾN**

chân nào ngủ lối son tươi,  
Sầu thơ đại đã đầy vơi một giòng.  
dáng chiều đỏ một vườn không  
Sầu ra nửa ngõ còn trông nuôi về.  
môi cười vết máu chưa se  
cành hoa gạo cũ nằm nghe nắng  
hiền

anh nằm nghe bước em lên  
ngoài song lá động trên thềm áo  
bay.

**Bùi Gióng.**— Ngoài những vần trầu tượng, thơ Bùi-Gióng còn mang-máng tính chất bình dân, chúng tôi xin giới thiệu vài bài sau đây :

**GIÓ BẢO TÂY NAM**

Giọng người đồ xuống bến  
xanh  
Đời vui đón hội sao đành sớm  
tan

Bước chùng gió bảo Tây Nam,  
Rừng sâu giếng cạn bóng hoang  
liêu thành

Hải hùng bị kịch đời tranh  
Trùng quan vó ngựa tể nhanh  
trong mù

*Thân người nát ở phía sau  
Ngàn năm mắt khép khổ đau  
khôn hàn.  
(Mưa nguồn)*

**OTHELLO**

*Đất trong mạch cỏ đau ngấm  
Tuần linh cảm nước vơi tâm  
chia xa*

*Tường vi thôi hện giang hà  
Rớt trong máu lệ từ ta lệch  
đường*

*Liễu mơ màng gió quân vương  
Đi trời hy vọng thu trường đoan  
ngân*

*Rừng vang ở lại ao đầm  
Một giây phút cuối mây sầm  
lãnh giăng*

*Mù khơi nghiêng nát thảng băng  
Mâu ban sơ hiện giá băng băng  
giờ*

*Nhìn chi bờ cõi chiêm bao  
Khởi từ mê loạn lời nào xăm  
lặng*

*Rừng cô tịch ngóng ruộng băng  
Bụi tuông từ giữa gò lặng điêu  
tàn*

*Giấy từ oan nghiệt hỗn mang  
Đim hoa ngập dưới trắng vàng  
thiên thân*

*Dâng nhau bất tuyệt ban đầu  
Sầu thao thiết đập nhịp cầu gãy  
ngang*

(Ngàn thu rớt hột)

Chúng ta còn nhiều mùa xuân,  
còn nhiều tiếng thơ sẽ xuất hiện,  
vì dân tộc Việt là dân tộc

thi sĩ, chúng ta không bao giờ  
mất nguồn xuân vô tận, cũng như  
tiếng thơ xuân tràn ngập trong  
lòng người để nuôi sống tinh thần  
dân tộc Việt. Tiếng thơ gom tụ  
gió hương bốn trời tạo thành *Tâm  
Thức* lớn trong nhân gian. Thi  
ca hiện đại nói chung cả ba thời  
kỳ trong lịch sử văn học đất  
nước, tiếng thơ Việt đã  
giữ được trong tâm thế con người  
một nguồn mộng lung linh, một  
sinh khí bất tận, và đến hôm  
nay triều thơ suy niệm vương lên,  
mở rộng chân trời, giao tiếp với  
ngàn sao với thiên nhiên sông núi,  
khơi mở lần trong cõi vô thức  
những viễn tượng huyền ảo, đặt  
trước định mệnh loài người hôm  
nay — giữa hư vô và vĩnh viễn  
một cầu vòng giao nối :

*Hồn say vọt ngọn cầu vòng  
Tìm trong nắng đọng tia hồng  
má môi.*

LÝ QUỐC SINH

Những kẻ nào vong bản, trong  
khi tìm hiểu chưa thấu đáo trường  
tận nguồn suy niệm của thi ca  
Việt đã vội lên án thi ca hiện đại  
là thứ thơ than mây khóc gió, dù  
kẻ ấy có một kiến thức rộng rãi  
đến đâu, học được bao nhiêu thứ  
từ trường Tây phương trước khi  
nói đến Tiếng Thơ Việt hiện đại  
cũng nên tìm hiểu và học thuộc  
lòng bài “Thằng bé chẵn trâu”  
của Trần Trọng Kim rồi hãy bàn  
đến thi ca Việt. ● ★

*Bừng tỉnh dậy, mai vàng bên khung cửa,  
Mim cười duyên, phơ sắc, nét đoan trang.  
Oanh bên thềm, cất tiếng hát ca vang,  
Xuân đã lại. Ồ ! sao mau chóng quá.*

*Hiu hắt thời, gió mơn cành, hoa, lá,  
Se se rung, rung cả liễu bên hồ.  
Hoa muôn màu, phơ sắc, nở thi đua,  
Trời xanh thắm, lững lơ đôi én liệng.*

*Cỏ non xanh nhuộm nắng hồng : lưu luyến  
Bướm tung bay, tô điểm một khung trời.  
Hương xuân nồng, ngào ngọt tỏa nơi nơi,  
Làn mây trắng xa vời, thoang thoảng hiện.*

*Theo gió xuân ta gửi lời yêu mến,  
Chúc xuân tươi, trẻ đẹp mãi không già.  
Chúc Bắc Nam dân Việt khắp mọi nhà,  
Tình thân ái, đậm đà thêm mãi...*

*Nam Trung Bắc, sơn hà cùng một giải,  
Sớm thanh bình, nối lại mối tình xưa.  
Cho thỏa lòng sớm ước lại chiều mơ  
Của bao kẻ đợi chờ... mong ước... muốn..*

*Xuân trở lại, hồn ta như lời cuốn  
Theo gió xuân bay lượn bốn phương trời.  
Theo hương xuân lan tỏa khắp nơi nơi  
Theo nắng mới, sáng ngời « Xuân bất diệt »*

**T**HƯỜNG nghe nói Rồng hay Cù, thầy hình vẽ mà chẳng hiểu nó ra sao. Đèn chừng đọc sơ qua sách Âu-Mỹ, gặp chữ *Dragon*, chúng tôi nhận sự cách biệt giữa Rồng tây và Rồng ta xa lắm.

Rồng tây là một con thú dữ dần, tượng trưng cho hung ác, như trong truyện « *Thánh George và Con Rồng* » mà nhiều người đã biết.

Rồng ta và Tàu, thì còn ai lạ gì ? Nhưng các em hậu tiến như chúng tôi cần tìm tòi thử xem tại sao người ta quý trọng nó. Rồng chạm, khắc, thêu, dệt, v.v... để chừng-diện đồ-vật nghiêm trang oai-vệ. Rồng năm móng là biểu hiệu vua chúa ; Rồng bốn móng để cho bầy tôi. Đám cưới thì Rồng thay thê cho nam, còn Phụng cho nữ ; một tích xưa cho Phụng và chim chúa.

Theo tục truyền, Rồng là một thần linh ngự trị vũ trụ và nhứt là ngũ hành. Vì lẽ ấy, hình nào có vẽ Rồng thì luôn luôn phải kèm mây phủ xung quanh và hơi nước phún ra khỏi miệng nó. Rồng cai-quản bà Thủy, cho nên biển cả, sông suối đều xem như thuộc dưới quyền của Rồng.

Chúng tôi dọ hỏi nhiều cụ già về nguồn gốc Rồng trong

mỹ thuật và văn-nghệ Việt-Nam. Nhưng không được rõ đích xác về cái hình thù quái dị của thú ấy.

Nên nhớ rằng văn hóa Việt Nam phát sanh từ văn-hóa Trung-quốc gần 98 phần trăm. Vậy, thì sự tích Rồng cũng do Trung Quốc nhập giới. Theo tục truyền của Trung-Quốc, Rồng mọc sừng nai (lộc) đầu lạc-đà, mắt yêu quí, cổ rắn, bụng sáu, vây cá, móng phụng-hoàng và lõ tai trâu, nhưng mà thính-giác của Rồng lại nằm trong sừng, chớ không ở trong lỗ tai ! Các nhà mỹ thuật Việt Nam không theo sát kiểu mẫu cổ-diễn ấy, mặc dầu hầu hết đều đồng ý về cái gốc Trung-Quốc của Rồng.

Những tác-phẩm xưa kia nêu Rồng có cái đầu giống cạp hơn là giồng lạc là ; sừng của Rồng Việt-Nam ôm-o hơn sừng của Rồng Nhật-Bổn ! Rồng Việt-Nam thiếu lỗ tai và luôn luôn có râu cắm mọc ở môi trên, chi tiết này không tìm thấy được ở bất kỳ con nào trong số thú vật đã gợi ý sáng tạo ra hình Rồng. Cái chòm râu cắm mà người ta nhè đem gán lên môi trên của Rồng Việt-Nam hằng gặp trên miệng cá ở sông và ruộng Việt-Nam. Người ta dựng cơ rằng chòm râu ấy phù hợp với khung



# R Ò N G

cảnh sông suối, nước nổi mà Rồng điều khiển.

Lật qua sách Tàu, một vài cụ Đồ nho thuật rằng thuở Phục - Hy (cách đây hơn 28 thế-kỷ trước Giê-su giáng-sanh, tức là 4763 năm !), ông vua tỏ sáng lập Trung-Quốc xưa kia, ông vua đại-tài hiển thánh ấy đã chính tay mình vẽ ra hình Rồng theo kiểu mẫu sông tự-nhiên mà ông gặp và ngắm ! Có thể mới được chớ !

Thêu dệt gì cũng xong, miễn là giải cho xuôi cái tích Rồng. Nhưng ai hoài nghi cũng chả sao. Ta có thể cho rằng hình Rồng là yêu tố tượng trưng cái siêu phạm.

LÀ LOẠI  
GÌ ?

★ Đặng-công-Dũng

Người ta nhắm hình kỳ-nhông kỳ-đà gì đó mà vẽ, rồi thêm sừng, râu, vây, cổ, miệng, tai — mỗi phần của một loại thú. Đó là kết hợp tất cả loài thú lớn có oai và có ích trong thế gian này !

Rồng còn chia nhiều thứ nữa: con giao, con lột, con

cù. Giao có bốn móng và, trước khi lên một ngàn tuổi nó có bướu dưới cổ mà lông gáy nó che khuất đi. Thê thường người ta không mô-tả con giao đứng-đắn và nó chỉ lẩn lút trong các mỹ phẩm. Sợ đưa nó ra chán chường thì sai lầm bị nó quở trách mà khôn ! Tu đắc đạo cho đủ một ngàn năm rồi thì giao mới hóa Rồng. Không ai dám mô-tả quyết định hình con giao hay là con cù, song lẽ có sự đồng ý về vài đặc điểm. Chẳng hạn như con giao hay là con cù không mọc sừng như Rồng; cả hai con thú không có dọc vảy khởi từ sọ đầu chạy dài theo sòng lưng, và hai con không râu-ria để tượng trưng là chúa sông-biên.

Giao và cù thường được chưng ra trong một trạng thái biến hóa từ một cây còi ra con Rồng, chẳng hạn, chỉ cần cho nó ra cái đầu và một phần mình đó mà thôi, vì nhà mỹ-thuật chẳng hạn tưởng trọn thân thể của nó ra sao cả ! Rồng là biểu hiệu của vua chúa và quý-tộc; giao và cù thuộc hạng dưới bệ, cho nên chỉ được dùng làm trang điểm cho đồ vật

của dân chúng mà thôi.

Cổ tích về Rồng trong nước ta đã trùng điệp. Chẳng hạn như Lạc-Long-Quân của họ Hồng Bàng (2874-237 trước J.C.) có người cha là nòi Rồng; ông chiêm đoạt vợ của người anh họ, vua Đế-Lai bên Tàu; và bà này sanh roo trứng, nở ra roo hoàng-tử ! Năm chục theo cha về biển, thành ra Long-Quân, thủy-thần; năm chục ở lại với mẹ, và một hoàng-tử trong số ấy xây dựng lên họ Hùng Vương, trải mười tám đời vua kế tiếp đều thích



ở đáy sông hơn là ở cung điện. Thành thử người ta ít nói vua chết, mà nói bóng bẩy rằng : « *Rồng đã chầu trời* ». Và muốn nói đến thái-bình : « *Rồng nằm yên, cá lội thành-thoi* ! » Rồng nghĩa là vua.

Trở ra Bắc-Việt, ta nghe nói đến Sông Cái. Sông này chứa nước đỏ đỏ : Hồng Hà. Đời vua Y-Tôn, quân Tàu xâm lăng nước ta; tướng Tàu là Cái Biên, thầy sông Cái bị chướng ngại vật lập đày, bèn dùng thuốc súng bắn nổ tung tán. Sự nổ ấy làm thương tổn một-Rồng nọ ẩn-dật dưới đáy sông; và bởi vết thương không lành cứ để máu chảy; nhuộm nước sông đỏ vấy. Tục còn truyền rằng đất-đai Việt-Nam chỗ nào cũng có Rồng ngự-trị, cho nên kỹ-sư Pháp khó khăn lắm mới bắt cầu, đắp lộ được một ít mà thôi ! Vì hề đụng chạm đến mình Rồng, thì tai họa chẳng nhỏ nhen đâu, né ! Rồng nổi dậy trả thù dữ-dội lắm ! Có người cho rằng đường-xá trong nước Việt-Nam quanh co, uốn éo như thường thầy, là vì kỹ-sư phải lo tránh khỏi những chỗ phỏng đoán là thuộc về Rồng.

Nhiều bà Việt-Nam — cũng có những cô gái — tò mò tin rằng con cá chép tu luyện ba năm thì hóa thành Rồng ! Muốn hóa thành Rồng, cá

phải qua ba cửa (*Vũ môn tam cấp*) trước một ban giám khảo toàn là thủy-thần-tiên cả. Cho nên có bà nội trợ cần thận không dám mua cá chép lớn quá cỡ, nhưt là thứ cá màu đen, sợ e xoi lầm Rồng non thì mang họa ! Tích « ngư hóa long », là vậy đó.

Thường-lệ theo Rồng, về Rồng, chạm Rồng, người ta hay cho nó ngậm chữ « Thọ » viết theo Hán. Trên đầu Rồng có chữ *nhâm*, để phân biệt khỏi các giống rắn khác là ác quỷ. Có khi ta thấy hai Rồng tranh một trái châu; và móng nó phải bám luôn một trái châu, nếu để rơi, thì từ thần hiện về đòi mạng chủ món đồ ấy.

Nhiều chỗ ta xem Rồng ngó Thái-Cực (Mặt Trời), và người ta cho rằng có khi Rồng nuốt sòng mặt trời nữa. Hết Trời, thì tới Trăng. Người ta vẽ hai con Rồng châu rìa chụ Hạng Nga (*Lưỡng long triều Nguyệt*) !

Xưa kia mỹ-thuật đều chú ý đến Rồng. Từ ngày có bom nguyên-tử, đèn nay và mai sau nữa, Rồng sẽ lùi vào lịch sử. Cho nên bài này nhắc lại chuyện Rồng là để quý bạn đọc cho vui ba ngày Tết.



# xuân chung

★ MY-SON ( Đà Lạt )

Tôi đi giữa sa mù thành phố núi,  
đèn mờ như sao  
Mười người đi qua. mười người  
cúi  
Ngoại nhân giờ đây cũng da vàng  
lửa máu dăng sau  
Dài chín năm ác mộng bàng  
hoàng.

Tôi đi giữa lạnh lùng đô thị,  
giữa vòng kẽm gai  
Xa người vì mắt nhìn nghi-kỵ  
Mưa giăng trên phượng-phổ  
nghẹn-ngào ngày chẳng ngày mai  
Chiều giới-nghiêm đô-thị đượm  
sầu.

Tôi đi giữa muôn vàn tiếng hét  
giữa đoàn thanh-niên  
Súng thứ bảy vui như pháo Tết  
Người vùng lên ánh mắt thay  
lời, hôn người chưa quen  
Làn sóng uy-linh ngút tận trời

Tôi đi giữa mùa Xuân thơm  
ngát, Tỏ-quốc trong lòng  
Giữa hồi chuông chùa ngậm  
thánh-thót  
Và tượng người Cứu-Thế đang  
tay Đầy mùa Xuân nồng  
Đi ta vào ánh sáng tương-lai

**N**guồn-gốc Tết Nguyên  
Đán, hay nói ngắn hơn là Tết,  
có từ đời Ngũ - Đế, Tam-  
Vương.

Đời Tam.Vương, nhà Hạ,  
chuộng màu đen, nên chọn  
đầu tháng Dần là tháng đầy  
năm để ăn Tết

Nhà Thương, thích màu  
trắng, lấy tháng Sửu (tháng  
chạp).

Nhà Châu, ưa sắc đỏ, chọn  
tháng Tý (Tháng mười một).

Các vua chúa nói trên, theo  
ngày giờ, lúc mới tạo thiên  
lập địa : nghĩa là giờ Tý thì  
có trời, giờ Sửu có đất,  
giờ Dần sinh loài người mà  
đặt ra ngày Tết khác nhau.

Đền đời Đông Châu, Khổng  
Phu.Tử ra đời, đổi ngày Tết  
vào một ngày nhất định : vào  
tháng Dần.

Nhưng sang đời Tần, ngày  
Tết dời lại tháng Hợi (tức  
tháng mười).

Cho đến khi mà Hán trị vì  
thiên hạ, ngày Tết lại được  
đặt vào tháng Dần (tức tháng  
giêng) cho đến ngày nay.

Đền đời ông Đông-phương-  
Sóc, ông cho rằng ngày tạo  
thiên lập địa có thêm giống  
Gà, ngày thứ hai có thêm Chó,

★ B. Diêu

t  
h  
i  
ê  
p  
m  
ừ  
n  
g

X  
u  
â  
n  
c  
ủ  
a

n  
g  
ư  
ờ  
i

T  
à  
u

ngày thứ ba có Heo, ngày thứ tư sanh Dê, ngày thứ năm sanh Trâu, ngày thứ Sáu sanh Ngựa, ngày thứ bảy sinh loài Người và ngày thứ tám mới sinh ra Ngũ cốc.

Vì thế, ngày Tết thường được kể từ ngày Mồng Một cho đến ngày Mồng Bảy.

★ Thiệp chúc mừng

Tâm lý chung là ai ai cũng muốn bình an, sung sướng, giàu sang, được danh vọng, oai quyền. Vì thế trong thường ngày, khi gặp nhau thì tay bắt mặt mừng; khi xa cách thì thơ từ thăm hỏi. Những khi ngày Xuân ngày Tết thì việc chúc tụng được coi như là thói quen phải có. Chúng ta chúc nhau những gì, chúng ta cảm thấy phân vân khi phải đứng hàng giờ trước những đồng thiệp muôn màu muôn vẻ.

Vậy tôi xin phép các Bạn để được lần lượt phân tích phần nội-dung các tấm thiệp đó dựa theo tài-liệu của E. CHA-VANNES: « De l'expression de vœux dans l'art populaire Chinois ».

1.— TRANH VẼ : Con Phụng với con Rồng :



( hình 1 )

tượng trưng : câu « Long Phụng trình tường » (điểm lành)

LONG : (rồng) vật linh thuộc nhà Vua; ám chỉ UY-QUYỀN tối cao.

PHỤNG : chỉ vẻ đẹp quý-phái.

2 — TRANH VẼ : Con Voi, trên lưng có cắm cái Giỏ cắm

cây kích và cái Như-ý

tượng trưng : « Kiệt tường như ý » (điểm lành).

VOI : tượng, phát âm giống với tiếng Tường (tốt lành, phước).

KÍCH : phát âm giống Kiệt, vì cùng phát âm là (kie)

3.— TRANH VẼ : Cái bình, Yên ngựa và cái NHƯ-Ý

tượng-trưng : « Bình an như ý ».

YÊN : An

CÁI-BÌNH : bình đồng âm với tiếng bình (Bằng).

CÁI NHƯ Ý : chỉ sự ước mong, thường làm bằng ngọc, ngà dài : 0m32.

4.— TRANH VẼ : Hai đứa trẻ; đứa cầm bông sen, đứa cầm hộp ản.

tượng trưng : câu : « hòa hợp lưỡng thần tiên ».

Hai đứa trẻ : lưỡng thần tiên

Bông Sen : (Hà) đồng âm với Hòa.

Hộp ản : hạp là cái hộp đồng âm với tiếng Hạp (hiệp)

5.— TRANH VẼ : Cá chép



( hình 5 )

vượt khỏi mặt nước trước cái cửa thành để « LONG MÔN ».

tượng trưng : câu « Lý ngư khiêu Long môn » (chúc thi cử đỗ đạt).

Cá chép vượt vũ môn tam cấp là ngụ ý lọt qua được ba kỳ thi.

6.— TRANH VẼ : Con dơi ngậm chữ THỌ có tụi cột hai đồng tiền.

tượng trưng : câu « Phúc thọ song toàn ».

CON DOI : tên chữ là Phúc hoặc Bức, đồng âm với tiếng Phúc là Phước.

Tiếng này giọng Tàu phát âm là (Fu), (Fu) lại đồng âm với tiếng PHỮ (giàu có) v-

thề con dơi còn chỉ sự giàu có.

**HAI ĐỒNG TIÊN :**

hai = song

tiên = đồng âm với chữ

**TUYÊN** (toàn)

7.—**TRANH VẼ** : Hai bánh xe lẫn có cây bút lông xuyên qua giữa.

tượng trưng : Thành công như ý.

**BÚT** : phát âm là **BẮT** đồng âm với chữ **TẮT** (chắc chắn)

**BÁNH - XE** : xe = xa = **TRUNG**, đọc là Trúng.

Hai chữ hiệp lại: Tắt trúng.

8.—**TRANH VẼ** : Ngoài phong bì vẽ cái hộp mở có con nhện thông chỉ xuống.

tượng trưng : « Khai phong báo hi ».

ý muốn nói: mở thư sẽ có tin mừng.

**CON NHỆN**: (tri thù): tượng trưng cái Hi.

vì có câu: Tri thù báo hi.

9.—**TRANH VẼ**: Một con cò và đám bông sen.

tượng trưng: câu « Nhất lộ liên thăng » (theo con đường tiền chức).



( hình 9 )

Bông sen : tiếng chữ là liên, liên lại đồng âm với liên là liên, luôn luôn.

Con cò : tiếng Hán là Lộ, lại đồng âm với Lộ (đường đi) (hoạn lộ) vì chữ SEN đọc đồng âm với SEN là (Thăng).

10.—**TRANH VẼ** : « Đứa con trai cời lân »

tượng trưng : « Chúc Quý Tử », vì :

**LÂN** : chỉ sự hiền lành hòa bình và cũng tượng trưng « Con Quý », vịnh theo Bài thơ Lân chỉ trong Kinh thi.

11.—**TRANH VẼ** : Đứa trẻ cời lân, một tay cầm bông sen, một tay cầm cái SANH.

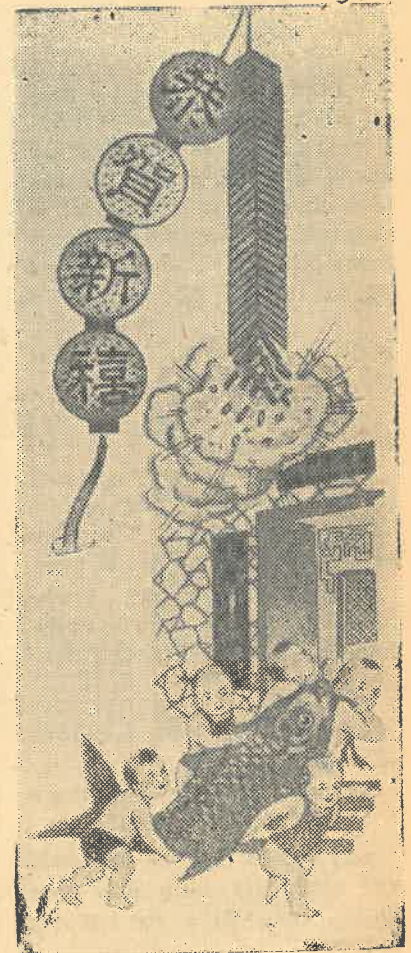
tượng trưng : « Liên sanh quý tử » (sinh nhiều con quý).  
Sen : tiếng chữ là Liên, đồng âm với chữ Liên là liên, luôn luôn.

Đứa trẻ cời lân : tượng trưng quý tử.

Sanh : cái kèn ngày xưa, đồng âm với tiếng Sanh là sanh sản.

12.—**TRANH VẼ** : Năm đứa trẻ lôi con cá chép.

tượng trưng : câu Lâm môn, Ngũ tử đoạt kim ngư, (năm vị



( hình 12 )

tiên mang giàu sang lên cửa)

Con cá : tiếng Hán gọi là Ngư, giọng Trung-Hoa phá,

là Yu, đồng âm với tiếng ĐU  
là Dư Dã, hữu dư giàu có.

13.— **TRANH VẼ**: Ông già  
trần sợi, phía trước có đĩa  
nhỏ dâng trái đào.

tượng trưng: «Chúc Thọ».

Trái đào: biểu hiệu sự sống  
lâu vì lấy tích Bà Tây-vương-  
Mẫu nói cây bần đào «ba ngàn  
năm mới nở bông, ba ngàn năm  
mới đơm trái», ai ăn được  
trái thì thọ đời đời.

14.— **TRANH VẼ**: Trái phật  
thủ, trái đào, trái lựu

tượng trưng: chúc Tam đa:  
đa phú, đa thọ, đa nam (từ)

Trái phật thủ: tượng trưng  
sự giàu có vì tiếng Phật, giọng  
Trung-hoa đọc là Fu, gần  
giống với tiếng Phú là giàu.

Trái lựu: tượng trưng  
nhiều con vì trái lựu nhiều  
hột, mà chữ «từ» là «hột»  
cũng có nghĩa là con.

15.— **TRANH VẼ**: Cây tùng  
và đôi hạc;

tượng trưng: «Chúc thọ»  
«Tùng Hạc trường xuân».

Cây tùng: là xanh mãi mãi  
với cảnh giá lạnh của mùa  
Đông, biểu hiệu sự trường  
sanh.

Con Hạc: do câu «thọ như  
quy hạc» tóm lại, mây lời  
chúc tụng bằng cách biểu diễn  
bằng tranh ảnh thật đầy ý  
nghĩa, chứng tỏ dân tộc Á-



(hình 15)

đông rất ham chuộng các chữ:  
**PHƯỚC-LỘC-THỌ**.

Nhưng, với cái nhìn ngày  
nay, tất cả những lời đó là  
viển vông là hảo-huyền, không  
mây phù hợp với quan niệm  
mới của con người hiện đại.

Ngày nay, việc lựa chọn  
thiệp không còn mây ai tìm  
hiểu nội dung nữa và việc làm  
đó chỉ còn như là thói quen  
mỗi khi Tết đến. ● ★

## XUÂN



với **HOA**

★ *Cổ Thủy-lan*

**M**ÙA xuân là mùa của  
hoa, xuân chẳng có hoa, xuân  
bất thành xuân. Vì thế, mỗi lần  
xuân về lại với nhân-gian vũ trụ,  
đâu đâu hoa đua nở trập trùng, nào  
mai vàng chói sáng, thược dược,  
tường vi, hoa đào, cúc trắng...

Trăm màu muôn sắc, mỗi loài  
mỗi vẻ. Thế nhân thường ví hoa  
như người đàn bà, con gái. Sự  
so sánh ấy cũng đúng một phần  
nào.

Màu hoa tươi tốt, hương  
hoa ngọt ngào, hương sắc của  
hoa dễ làm say đắm thế nhân;  
khêu nguồn thi-tứ. Song thật ra  
cũng có lắm thứ hoa chẳng  
những bề ngoài trông xấu xí  
khó thương, còn bề trong lại

còn độc địa, gớm ghê, khiến  
người đời phải lánh xa, không  
dám tới gần.

Ở Nam-Phi-Châu, có những  
nơi đầy rừng hoang rậm-rạp.  
Có một loại hoa rất xinh đẹp,  
mỗi cái lớn bằng bàn tay, chung  
quanh có những cánh xanh xanh,  
lợt lợt, giữa chen nhị đỏ, đầu  
vàng.

Những hoa này thường mọc  
trên một cái dây, quấn vào thân  
một cây nhỏ. Hoa trông thiệt là  
đẹp, nhưng nếu ai sờ hái đến nó  
thì phải bị độc chết, không thể  
nào cứu cấp được.

Người ta không biết nguyên  
nhơn nào loại hoa này có nhiều  
chất độc, đến nỗi giết chết

người một cách dễ dàng như thế.

Theo lời thổ dân tại chỗ bảo rằng loại hoa này không có chất độc giết người trong cánh hoa. Song ở trong những hoa ấy thường ẩn núp một thứ ruồi kỳ lạ, độc địa, hễ khi ai đụng nhầm hoa, bị nó cắn nhầm, thì thể nào cũng phát mụt ung-độc thúi thối, thúi xương rồi chết. Không có thứ thuốc nào cứu được.

Kẻ nào bị độc hoa rồi, thì mình nóng ran lên, mặt mày đổi sắc, xanh xám một cách lạ thường như đất sét xanh, đôi con mắt thì lơ-đờ. Bàn tay hái hoa bị một lỗ hổng lỗ to bằng đồng năm cắt, tròn quây, đỏ ửng. Qua tám ngày sau, chỗ lỗ dần dần lớn ra rồi chết. Khi mà độc đã thấm vào máu biến màu da càng ngày càng xám ngắt.

● **Loại hoa ăn thịt**

Có những loại hoa, hương nó rất thơm, thơm bay lan rộng cả một vùng lớn.

Và vì mùi hương thơm của nó, quyến rũ nên có nhiều loại sâu bọ, say sưa ngây ngất nhảy vào ngửi hương vị ngào ngạt của nhụy hoa, nhưng khi sa vào giữa nhụy hoa rồi, thì cánh hoa

liền khép lại, cho tới khi nào xác sâu bọ biến tiêu mất hết, cánh hoa mới nở toang ra lại.

Loại hoa này thường mọc ở các xứ về ôn đới và nhiệt đới. Người ta kêu tên loại hoa này là đrô-sơ-ra (droseras).

Ở bên Pháp cũng có thứ hoa loại này, nhưng người Pháp kêu là rô-sô-li (rossolis). Trong những hoa ấy người ta thường gặp những sâu chết khô, bị tiêu trong nước nhụy hoa.

Vì trên thứ hoa ấy có những cái vẩy nhỏ, và ở đầu mỗi vẩy thường nhiều ra một thứ nước trắng trắng mà các sâu bọ trông thấy tưởng là hột sượng. Khi chúng nhảy vào uống sượng đó thì liền bị mấy cái vẩy hoa kẹp cứng lại. Những con sâu ấy bị một thứ toan (ác-xít) trong nhụy của hoa làm tiêu ra đồ ăn để nuôi lấy thân cây. Sau mỗi khi bắt được một miếng mồi, và làm cho tiêu hóa mất rồi, những vẩy hoa nở trở lại để bắt lớp mồi khác.

Những loại hoa kể trên, chẳng biết ở Việt-Nam mình có không, nhưt là những nơi rừng rậm, đồi cao. Muốn tránh khỏi tai hại, tốt hơn là khi gặp một loại hoa lạ đẹp ở một ven rừng sâu nào, các bạn đừng nên bẻ

hoa là hay hơn cả.

Vì người đời thường có tánh thích hoa đẹp, bẻ hoa thơm, mỗi lần đi chơi, thấy nhà ai chỗ nào có hoa đẹp nhiều, thường hay bẻ đại — yêu hoa nên tránh bẻ hoa, kẻ biết yêu hoa, chỉ ngắm hoa khoe hương sắc cũng đủ thỏa lòng rồi, cần chi phải hái, để gặp loại hoa giết người phải khổ không ?

● **Lại một giống hoa khác ăn người**

*Một nhà thám hiểm bị một giống hoa mọc ở trong rừng Phi-luật-Tân ăn mất trong giây lát.*

Trong một tạp-chí Pháp, tôi thấy kể một chuyện giống cây thần ăn người ta và thú vật ở trong rừng hoang rậm rạp ở đảo Ma-da-gát-ca. Đúng là một thực vật quái dị kỳ hiếm có trên thế-giới, trừ ra ở đảo này, có lẽ ngoài ra không có xứ nào có nữa. Nhưng rồi một thời gian sau lại thấy trong một tạp chí khác bảo ở Phi-luật-Tân cũng có giống cây lạ đời đáng sợ ấy nữa. Chỉ khác một điều vì xem đã lâu, nên tôi nhớ chừng như giống cây thần ở đảo Ma-da-gát-ca ăn người bằng những cái lá có nhựa ở dưới gốc, còn giống cây thần ở Phi-luật-Tân ăn người bằng cái

hoa không lồ ở trên ngọn.

Tờ báo ấy kể chuyện lại: Một nhà thám hiểm người Pháp có tiếng tầm lừng lẫy khắp năm châu, gót chân táo bạo của ông đã đi cùng khắp những nơi núi cao, rừng rậm, nào Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, Châu Phi, đều có đến cả. Biết bao lần ông gặp ác thú, độc xà, không biết bao nhiêu quái tượng kỳ quan nguy hiểm, ghê gớm, nhưng ông nhờ có khí giới hộ thân, và những trí lực mà ông thoát được nhiều lần nguy hiểm đến tánh mạng.

Ông mê say những cuộc thám



hiềm, đầy huyền bí lạ lùng của những nơi rừng sâu núi cao, không một gót người dẫm đến, tuổi càng ngày càng lớn ông cũng không nghĩ dưỡng sức, dưỡng già. Ông vẫn tiếp tục đi theo tiếng gọi của rừng thiêng ở những miền xa lạ.

Một lần chót, ông định đi thám hiểm miền Châu Úc và miền Đông Châu Á là những nơi ông chưa được đi tới. Thế là ông và đoàn tùy tùng đáp tàu qua tận nơi nhất định thám hiểm của ông.

Trước hết, ông đến một cái đảo nhỏ nằm về phía cực-nam của quần đảo Phi-luật-Tân. Mấy ngày trường, ông len lỏi khắp trong đảo, không gặp cái gì lạ. Sau cùng ông đi sâu vào đám rừng hoang rậm rạp thì ông chú ý thấy một giống cây cao ước một trượng, lá rất dài, hình giống như lá chuối, mỗi cây chỉ trổ một cái hoa rất lớn, chùng bằng cái bánh xe, màu đỏ lợt mà cánh rất nhiều, chung quanh cái hoa có tám chín cái lá rất lớn, dài từ 10 đến 14 thước, ở đầu lá có vô số những râu tua tua nòn nà, trong suốt rủ xuống lòng thòng, xa trông đẹp đẽ như bức sáo ngọc vậy.

Trông qua cái cây dị kỳ, nhà thám hiểm rất mừng, cho đó là một kỳ quan trong trường thực vật của thế giới, gần một đời thám hiểm, chu du khắp rừng xa núi lạ, chưa được trông thấy

loại cây ấy lần nào, ông đứng xem không nháy mắt.

Rồi muốn có cái kỷ niệm đem về đề khảo cứu hay lấy giống loại hoa lạ lùng, đề khởi phụ công lặn lội tới đây, vì vậy ông định hái hoa — ông bèn leo lên cây, chuyền ra gần đóa hoa, rút dao tu dặt bên lưng ra định cắt cuống, nhưng chưa kịp xuống tay, thì đã thấy những râu tua tua ở đầu mấy cái lá mọc chung quanh đóa hoa, bỗng đều dựng lên, cuốn lấy mình ông.

Bây giờ ông không khác nào con ruồi sa vào lưới nhện, ông vùng vẫy đề được thoát thân, nhưng những sợi râu tua quấn chặt ông lại khẹp vừa giữa lòng như bó vào muôn lớp chỉ hồng, ở ngoài không trông thấy thân hình ông nữa.

Những kẻ tùy tùng theo ông nhìn nhau kinh ngạc chẳng biết làm sao, kẻ muốn đốn cây cứu ông, nhưng rồi lại sợ bị cuốn luôn lên vào, nên tua nhau chạy đi tìm dân bản xứ nhờ cứu giùm nhà thám hiểm. Nhưng họ bảo vô phương giải cứu vì — họ cho rằng cái hoa ấy quái ác ăn thịt người và thú vật, dân trong đảo biết rõ nên tránh xa nó, chỉ những người không biết lại gần, rồi hái nó là bị nó cuốn ăn liền — Trong một giờ thật huyết đều tiêu cả, chỉ còn lại xương mà thôi. Ăn xong hoa nở lớn ra đề chờ những con thật khác.

của  
người anh

SINH VIÊN  
HẢI NGOẠI

gửi có

EM GÁI

Quê Nhà

★ Hùng

(Sinh viên đại học Canterbury  
Christchurch, New Zealand)

XUÂN đã đến ở quê nhà.

Xuân đã đến trong lòng anh, trong lòng tất cả Sinh-viên Việt-Nam ở Hải-ngoại.

Xuân năm nay cũng như bao mùa Xuân khác, chúng anh cùng đề tâm hồn hướng về quê hương, hướng đến người dân Việt, hướng đến mái gia đình, và hướng về những người em gái nhỏ.

Năm ngoái, Nguyệt viết thư khuyên nhủ và an ủi chúng anh, năm nay anh viết bức thư trả lời, gửi về riêng Nguyệt và cho tất cả những người em gái nhỏ, hiền hòa và đáng mến.

Ngày các anh ra đi, lúc từ gia đình, bạn bè, quê hương, các anh đã tự hứa trong lòng sẽ đem hết tài năng và trí óc để làm rạng danh người trai đất Việt, và ngày về đủ khả năng để nhận lãnh trách nhiệm mà người trai thế hệ chúng anh phải gánh vác.

Những ngày xa nhà, chúng anh đã may mắn có thể nhìn nước Việt-nam và người dân Việt-Nam với cặp mắt khách quan, rồi cuối cùng các anh phải cảm hờn tự hỏi: VÌ SAO ?

VÌ SAO NƯỚC VIỆT ?  
VÌ SAO NGƯỜI DÂN VIỆT ?  
ĐIỀU TÀN VÀ HẬU TIẾN ?

Anh không bi quan vì cuộc đấu tranh, vì tương lai chưa định đoạt, anh chỉ thương cho người dân phải khổ, người trai phải hy-sinh, và một thế hệ thanh niên, thanh nữ cố quên một dĩ-vãng oai hùng sống cuộc đời chờ Định-mệnh.

Không, ngày mai không thể thế này mãi Nguyệt a.

Vì thế, những ngày ở hải ngoại chúng anh đã cố tranh đấu nhiều, tranh đấu để thắng cái yếu hèn của sa ngã và căm dỗ, tranh đấu để chứng tỏ cho người Ngoại Quốc biết rằng, người trai nước Việt không dốt, không hèn.

Người trai nước Việt đã tự hào có một dĩ-vãng oai hùng thì sẽ hãnh diện có một tương lai mà chính mình đã đem cả lòng hăng say của tuổi trẻ góp tay vào xây dựng.

Nhưng muốn có một ngày mai, muốn còn hy vọng, chúng ta phải liều lĩnh thay đổi nếp sống cũ, thay đổi những thành kiến, thay đổi lẽ lối suy tưởng và triết lý của cuộc đời.

Mùa XUÂN này, chắc trời sẽ trong mãi, hoa Anh Đào sẽ nhuộm hồng cả lối đi, gió thổi nhẹ làm tươi lên làn môi, làm dịu mái tóc và tâm hồn của thế hệ chúng ta.

Và rồi, chúng ta sẽ bắt tay vào việc lạc quan hơn, làm việc nhiều hơn, và cùng nắm tay tự hứa :

«Chúng ta sẽ hy sinh hạnh phúc cá nhân, những niềm vui vị kỷ, hy-sinh thế hệ này, quên mình đi để góp tay vào xây dựng, và phụng sự cho người Dân Việt, để nâng cao mức sống hầu chóng thoát ra khỏi vòng hậu tiến ».

Như thế chúng ta đã sống không thừa, sẽ chết không thẹn và Tô-tiên đất nước có thể tự hào nhận chúng ta là những người con của đất Việt.

Nguyệt ơi, Xuân này sẽ là mùa Xuân bất tận của chúng ta, hoa mai hồng sẽ nở trong lòng Nguyệt, nắng dịu của miền Nam sẽ sưởi ấm lòng những cô em gái của chúng anh, để cho các em đời tình yêu vị kỷ ra tình thương đất nước, giống nòi và nhân loại.

Anh dừng đây Nguyệt nhé, Tết này anh gửi về quê hương tất cả tình thương, gửi đến người dân Việt niềm thông cảm đấu tranh, và riêng Nguyệt với tất cả những cô em gái nhỏ của chúng anh lòng tin hy vọng vào một ngày mai Vui Đẹp, và nhiều nở trường để phụng sự.

Nguyệt ơi...

HÙNG



甲辰春  
到處林溪未洗塵  
了涯此日又逢春  
故園松菊三更夢  
祖國山河兩地人  
悲憤莫堪傷往事  
冤仇須解補前因  
心誠自有蒼生主  
雨順风和月一輪

富林

## xuân giáp Thìn

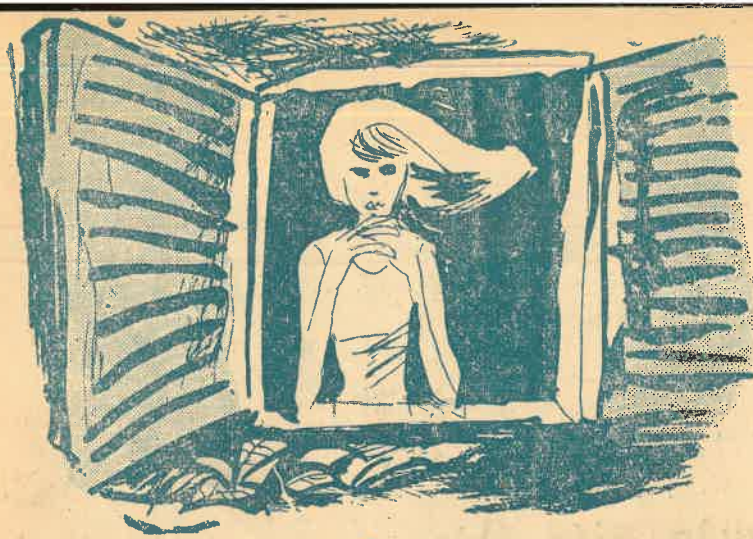
★ SONG THU

Đào xư lâm khê vị tây trần  
Thiên nhai thử nhựt hựu phùng Xuân  
Cố viên tùng cúc tam canh mộng  
Tô quốc vân sơn lưỡng địa nhân  
Bi phần mạc đề thương vãn sự  
Oan cừ tu giải bồ tiền nhân  
Tâm thành tự hữu thương-thương chủ  
Vô thuận phong hòa nguyệt nhứt luân

### DỊCH :

Non sông còn nhuộm trần ai  
Bồng đầu Xuân đến gọi người tha-hương  
Mộng xưa từng cúc đầy vườn  
Vầng mây chia xẻ đôi đường nước non  
Nhắc chi chuyện cũ đau lòng  
Oan cừ cởi mở cho xong nợ đời  
Tắc thành cảm động đất trời  
Mưa hòa gió thuận sáng ngời trăng Xuân.

★ SONG THU



## HAI LỜI MỘNG

\* Nguyễn

Ngày 1-10-62

Trên đường đi học về. Oanh, Thu-Tâm, Hằng-Nga... tam nương đồng hành. Nga nhìn cây sao, đêm nhỏ nhỏ... lá rơi... lá rơi... bên đường..

— Nè Nga, tôi với con Tâm kẻ nàng nghe lâu rồi, giờ « trả lẽ lại chuyện nàng đi.

Nga lơ đãng :

— Hà, chuyện gì, Oanh ?

— Chuyện... ày... mà... !

— À thôi, hiểu rồi, Cái chuyện — Nga cười nhẹ — cũ từ ngàn xưa... mà vẫn mới đến vạn đại đó hả ? Còn lâu.

Thè là con nhỏ đây nãy lên :

— Thôi đi nàng ơi, tôi dám cuộc với nàng không cô bé nào lên đèn đệ nhị cấp mà không có... gì được ! Không chừng thời-đại bây giờ còn tiên bộ hơn nữa kia, Nga nhớ xem, từ đệ nhất đèn đệ nhị mà không lần nào... rung động sao ?

— Oanh nói bạo quá đi, may mà đường trưa vắng người.

— Thật sao ? Nó quả quyết làm Nga... sờ sờ là... Đề nhớ xem.

— Không, thật mà Oanh. Có vài chuyện vớ vẩn, Nga quên hết rồi, đâu có thè nói

## HAI LỜI MỘNG

là « rung động » được, phải không Oanh ?

Nó phác một cử chỉ nghi ngờ :

— « Nữ chúa mơ mộng » mà. Ai tin cho.

— Ai nói với Oanh nhiều mơ mộng thì nhiều... đó ?

— Thì Oanh mới nói, với lại Tâm nữa.

Phải làm sao cho hai con nhỏ hết nghi, không nó cứ dò xét mãi, đèn bực mình.

Nga cười dịu dàng :

— Oanh, Tâm nè, có người cho là con gái thật đẹp hay thật xấu thường nghiêm trang nhưng hơi đẹp thôi, lại lẳng lơ...

— Tại sao ?

— Vì tuyệt đẹp thì kiêu-kỳ thật xấu cũng là cách để được chú ý, chỉ có đẹp ít thôi mới cần có nhiều « anh » để được liệt vào hàng giai nhân.

Tâm gật :

— Ủ, cũng có lý chứ Oanh ? Nhưng rồi sao ? Nàng định đưa bọn này tới đâu đây ?

Nga, giọng chậm-rãi :

— « Mơ mộng » mà Oanh gán cho Nga đó cũng là một

nhân sắc, nhân sắc của tâm hồn. Chỉ những ai mơ mộng ít thôi mới buông trôi tình cảm chứ những người lẳng mạng tuyệt đích thường cô đơn.

— Vậy ra họ « khô khan » lắm à ? Khó tin chưa.

— Không, trái lại chớ Tâm. Chỉ vì họ sẽ không thể tìm được đôi tượng đó thôi. Nga của hai nàng cũng thế. Ai cảm được Nga xây mơ ? Nhưng Nga chỉ dệt mộng... mình Nga thôi, không cần đèn « đồng-minh ».

Chao ơi, Oanh nó cười phá lên :

— Ô ! Sao lại không cần « đồng-minh » ? không cần « đồng-minh » thì xây... quái gì được !

— Được chớ !

Tâm cãi. Lại được một đồng-minh. Nhớ là không giống với... « đồng-minh » trên đầu đó. Nga quay sang Tâm :

— Oanh thì nó...bắt hợp tác rồi, còn Tâm nó thích gia nhập hội « xây mộng không cần đồng-minh » của Nga ?

Cô à làm bộ khó nghĩ :

— Tôi biết làm sao đây bây giờ. Theo đũa này bỏ đũa kia, tội nghiệp. Thôi thì



Tâm đứng... trung lập vậy.  
Hai bỏ chịu không ?

Nó làm Nga sốt ruột :

— Nghĩa là... Tâm không theo hẳn cũng không bỏ hẳn nàng nào ; nghĩa là... đứng trước hai thái-cực, Tâm thấy cần áp dụng thuyết « Trung-Dung » ông Hào mới giảng hồi sáng, nghĩa là...

— Nè, nghĩa là...

Oanh đưa mấy móng tay như mụ phù-thủy trong phim Ấn-Độ bầu chặt tai Tâm một cách ... triu mên.

— Ái Oanh, buông ra. Nghĩa là bây giờ Tâm theo Nga rồi vài năm sau xin ly khai hội để nôi gót Oanh cho đúng với vai trò « trung-lập ». Oanh buông Tâm, cười thích thú. Lập tức, tai bên này của Tâm lại được vài cái vuốt ve êm ái ! á ! á ! cho đáng. Ai biểu muốn có đôi, Nga tặng thêm cho đủ đôi chớ sao.

— Mặc kệ hai bỏ. Nga vẫn « giữ vững lập trường ».

Nói vậy chớ cũng hơi buồn. Có hai con bạn « nôi khô » lại nữa bỏ Nga bỏ vợ. Con Oanh lại còn trên :

— Chừng nàng khai tử hội, nhớ mời bọn tôi đến nhé !

— Đã nói còn lâu. Thôi bye-bye.

Nga rẽ vào nhà. Khiết reo lên vừa giờ cao phong thư.

Nét chữ trông lạ. Phân vân.

— Biết rồi, của «Hậu Nghệ», Hằng Nga hết chôi nhé !

—Soạt. Chết, Oanh nó «xung công ». Tức chưa. Ở nhà trừ



ba má, quyển « trường phổ ban kiểm soát » ra, ai đọc trước thư Nga giận phải biết. Dù không phải thư... quốc cấm đi nữa, không tự mình mở cửa lòng trước thì còn thú vị gì.

« Nguyễn Sinh », Tâm dở trang cuối đọc. Lạ quá !

Hằng-Nga,

*Có lẽ Nga ngạc nhiên ? Nhưng tôi vẫn mong mới và tin tưởng sự ngạc nhiên nhất thời sẽ vĩnh viễn nhường chỗ cho niềm cảm thông sâu đậm.*

— Chà, « cậu », vào để được chớ. Tâm phá ngang.

— Hằng Nga ạ, không hiểu sao đến giờ này tôi mới nghĩ đến việc tìm một người bạn thơ văn mà lại không thích tìm nhau qua các nhịp cầu tìm bạn. Vì từ lâu tôi vẫn cho duyên văn nghệ chỉ đẹp khi có một sự dun rũi của hóa công. Thế nên, khi được địa chỉ, Nga nhờ người thân phụ trách một tập báo giới thiệu-riêng, tôi hồi hộp viết thư này...

—«A». Ba đưa cùng kêu. Bất ngờ quá « Anh chàng » là một nhạc sinh đương cầm viện Q.G.A.N. chà, chữ ký...nhạc sĩ ghê chưa, chữ S vẽ vờn giống

cái khóa sol tẻ. Bọn nó nhìn Nga cười mím :

— Sao ?

— Sao là sao ?

— Hồi thư không ?

— Không.

Nói vậy chớ Nga cũng chưa biết.

**Đêm 8-10**

Boong... Boong... 11 giờ. Nghĩ gì mà nghĩ mãi. Kề cũng thi-vị, như ngày trước nàng Mộng bất ngờ được thư chàng Hàn. Hay Nga « phiếu lưu » một chuyên xem, để biệt tâm-lý bọn họ thế nào. Sao thấy nhát-nhát là. Bây giờ mới vỡ lẽ nhá. « No news is good news », cái phớt tỉnh của người Anh vậy mà tuyệt. Thôi cô ngủ, mai sẽ hay.

**Ngày 5-10**

Có một giờ nghĩ « permanent ». Nga làm « ăn sĩ » dưới gốc liễu, lại bị bọn nó... đột nhập vào vùng... tròn địa. Tâm đề-nghị bắt thăm xem nên đáp hay không. Thôi thì tùy « sự dun rũi của Hóa Công » vậy. Bất ba lần. Vẫn «đáp» Ông Trời muốn thế thật sao ? Dù không thật cũng dễ thoát tay bọn nó.

Làm đêm nay không « hóa bướm » sớm được. Khó viết quá đi. Sao với anh Lâm, anh Ngọc, Nga dễ nói ghê. Thì cứ là nhõng-nhẽo. Giờ thầy khó lạ. Rồi cũng xong. Viết, xóa, rồi viết. Vạn sự khởi đầu nan! Cái khó ban đầu của các cô gái « nhà lành », chớ sau này các cô viết còn « lâm ly » hơn cả các cậu nữa. Nghĩ thế Nga bỗng đâm khó chịu, muốn xé thư ngay. Nhưng thôi, nhất-định không bao giờ để Sinh vượt giới hạn, nếu thầy nguy Nga xin « kiêu » ngay. Thích cái là sai con Tâm bỏ thư nó ngoan ghê, không bù mọi lần, cứ chần chờ. (Mãi lúc giờ xong, nó cười dòn tiết lộ: Hai thăm đều viết « đáp » như nhau. Hèn gì nó giả bộ rộng-lượng cho Nga « ăn gian » bắt đền 3 lần có tức chưa chớ. Nhưng thôi, lỡ rồi.

### Ngày 27-10

Ban sáng đi chợ về bực ghê, một cậu cứ theo lái-nhái. Lên « cyclo » cho rảnh. Ý chừng cậu này chưa « kinh-nghiệm » trong nghề chắc. Sao mà nhạt-nhẽo, vô duyên. Phải có con Oanh, con Tâm, Nga nói bọn nó « mời » cậu lại Nga dạy cho « méthode »... tán gái. Nói vậy

chớ Nga mà dám à. Nhưng sao con trai nó ngốc ghê. Nhiều cậu trong tiệc-tùng, dạ hội cứ « tán », huyền-thiên. Họ tưởng làm vậy là các nàng mê sao chớ, Nga biết phần nhiều các cô đi nhien cả Nga nữa. Chỉ thích những chàng lăm lăm, lý lý nhưng lịch-sự và « galant » một cách kín đáo hơn kia. Có gì đâu; chỉ « tâm lý » tí xíu thôi, là các nàng kiêu không hờ các bố bạn mền của Nga. Nga vẫn chê các anh Nga tẻ, chớ Nga mà là con trai, « một cây » về khoa ấy chắc rồi. Chợt nhớ đến Sinh. Chà, nói tài ghê, rồi bị chinh phục không hay đó, con trai coi vậy mà đáo-đẽ lắm chẳng chơi đâu. Lại lần quần rồi. Nga bật cười khê. Chết, ông phu quay lại...

### Trưa ngày 2-11

Hôm nay suốt đường này chỉ có của cô, tôi hơi lười, định để mai sợ cô mong. Nga cảm ơn và một câu nói chợt đến khiến Nga không nhịn được cười: « mỗi lá thư chứa đựng một bầu tâm sự nóng hổi, phát chậm e nguội mất. » Hoan hô! Nga mà ở xứ ông ta, Nga bầu gặp ông ta

là người phát thư gương mẫu nhứt nước, nhứt thế giới, nhứt... không gian và thời gian. Để tôi đọc, gặp gì. Được vài phút. À quên, để tôi « nguội » mắt còn gì. Rồi lại phụ lòng người phát thư, chớ Nga mà... đâu có sớt-ruột.

Nào, thử coi « bầu tâm sự » này... « nóng hổi » bao nhiêu độ C.

« Sinh trả thư, Nga có mong, có giận Sinh! Xin lỗi nhé... »

Không biết. Nếu cần, vẫn giận được như thường. Chỉ xin lỗi là giỏi. Nga làm sao vậy? Nhớ hôm nào đang trông anh Lâm, đâm... ghét ghét thư anh chàng. Bây giờ thì có còn « ghét ghét » nữa không? Chắc là còn, nhưng lại cộng thêm... thêm cái... gì không biết nữa à?

### 9 giờ đêm

Nga với tay tắt chiếc đèn ngủ hồng nhạt. Trăng tò mò ghé nhìn, Nga hờn-hờn dẫu mặt vào gối. Sao đêm nay Nga chỉ muốn âm thầm buồn!

Có lẽ thư Sinh hồi chiều gây cho Nga một xúc động, nhẹ nhàng thôi. Ôi những trái tim mới lớn, những mảnh hồn

chim non đang khao khát yêu thương, đôi khi không sao cả mà muốn được đau yêu, được khóc lên để được người thân yêu vỗ về, chịu chuông! Nga thấy Sinh ngây thơ làm sao, mặc dầu Nga kém tuổi « người ta ». Con gái vốn khôn sớm hơn con trai kia mà. Kề cũng lạ. Có lẽ tại họ hơi hơi ích kỷ không biết ai ngoài mình, trong khi « kỷ » đối với người con gái là cả gia đình, thân tộc, những người yêu mền... Và sự chú tâm đến người khác cộng với cảm quan bén nhạy thiên phú giúp họ sớm « hiểu đời » hơn. Nga biết Sinh tìm ở Nga vừa là một người chị chịu chuông Sinh, vừa là đôi tượng để anh chàng mơ mộng hão. Hơn nữa, tâm hồn dễ rung cảm ấy cũng như phần nhiều các văn nghệ sĩ thường thích « cô bạn nhỏ » để... chuyện vãn vợ... vãn vợ thôi, không có gì cả. Tình cảm ấy rạo rục gây thơ và vô tội quá, vô tội như nụ hoa chỉ tha thiết đòi hé cánh, Nga nữ nào bóp nát. Thôi thì Nga kh ông khó tánh với Sinh nữa, Nga sẽ để mặc hoa lớn dần trong trong, trắng, cho hoa tô đẹp cuộc đời. Hơn nữa, Nga mền và thương hại tâm hồn đa cảm như Sinh vì ở

con gái Á Đông nào không chan hòa một tình thương bao la? Ngay cả khi họ yêu một nửa tình yêu đó chính là lòng thương cao đẹp của người mẹ, người chị. Nga không hiểu sao lại có những như Alphonse Karr đã nói « người đàn bà trung trinh nhất, chỉ muốn sống với một người nhưng vẫn muốn có nhiều đàn ông khác vì họ... ». Riêng Nga « chỉ muốn sống với một người nhưng lại muốn có nhiều người cảm thấy hạnh-phúc vì Nga ».

Ừ, nhân loại đau thương nhiều... có thêm một người

sung sướng là bớt đi một con thuyền trong bể khổ... và Nga thiếp đi, mơ một giấc mơ sáng.

**ngày 30-11**

Bầu trời mùa Đông ngày ngát xanh. Đẹp làm sao, chỉ nhìn cũng đủ thấy đời đáng yêu rồi. Có lẽ hôm nay được tin đó. Nga cười mỉm. Chắc cậu xây nhiều mộng đẹp lắm. Nga thì những lần chợt nhớ đến Sinh như lần này, chỉ mỉm cười vui vui như nghĩ đến một việc thiện thôi.

(còn tiếp)



★ **ĐĂNG TRÍ**

Nhà sinh-vật-học danh tiếng Forel, một hôm đến Đại-học-đường Sorbonne (Pháp) để thực hành một cuộc thí-nghiệm về ếch nhái theo sự phát-minh của Franklin. Forel có đem theo một con ếch chết, gói trong giấy.

Trước mặt hàng trăm sinh-viên, Forel đang nói thao-thao, bỗng ông ngừng lại và thò tay vào túi lôi ra một gói giấy. Ông trịnh trọng mở ra, nhưng gói giấy kia không đựng một con nhái mà đựng một khúc bánh mì kẹp nhân.

Forel, ngỡ-ngác, nhìn đám sinh-viên và nói chầm-chậm :

— Ô quái ! Thật là một điều khó hiểu ! Tôi nhớ và tin chắc rằng tôi đã cố ăn thứ gì lúc này ở quán cà-phê...

trong

màu

hoa

xuân

★ TUỆ-MAI

(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

Đà Lạt... anh đào hé nụ  
đón người thơ

nhưng sao nghe ơ hờ  
bước đi dưới hoa

Hoa run rây :

— Có còn say đắm ?

cho lá đàn nét nhạc mong chờ.

Đà-Lạt sớm chiều sương lạnh  
như xưa...

như lòng thơ

sớm chiều cô quạnh

đầu xuân xao.. vẫn chỉ là mơ

Đà Lạt yêu người thơ

như mình yêu nét tròn của Mộng

đẹp bao nhiêu

Hình Ảnh Mong Chờ.



★ Hoàng - Thăng

## NHỮNG NGƯỜI

này, một hôm tới nhà anh để mời anh về nhà ăn giỗ.

Hoài sống một mình và rất rảnh nhưng ít khi anh tới thăm bà con lắm. Có khi hằng năm anh không đến một nhà ai. Chỉ những ngày giỗ kỵ anh mới tới mà thôi. Nhiều lần anh bị phiền trách, nhưng anh chỉ cười xòa nói: « Kề ra tôi cũng chẳng bận gì, nhưng sao tôi lười quá đi. Ngay đến chuyện giải trí như đi coi hát bóng mà một năm nay rồi tôi cũng chưa từng bước chân tới một rạp hát nào ».

— « Tại sao vậy? » — « Tại lười đi! » Hoài cười đáp.

Hoài còn định nói thêm: « Nhưng nếu ngồi uống la-de ở một nơi nào mà có «ambiance» thì tôi có thể dám ngồi từ 12

giờ trưa tới 12 giờ đêm được lắm! », nhưng anh lại thôi.

Khi Hiền tới tìm anh, cô em họ có đi cùng với hai cô bạn gái — Hoa và Linh. Hai cô này cùng học một lớp với Hiền.

Hiền giới thiệu Hoa và Linh với anh. « Hai bạn em thích văn nghệ và muốn làm thơ lắm. Nhất là Hoa! » Hiền đã nói với anh như thế.

Hoa có khuôn mặt bầu bĩnh như búp-bê nhưng ít nổi. Còn Linh thì trái ngược lại, cô gái này rất ưa nói chuyện và cũng chính nhờ có Linh mà buổi gặp sơ giao không đến nỗi tẻ nhạt.

Hoa muốn Hoài dạy nàng làm thơ. « Hoa đọc mấy bài thơ của anh, Hoa rất thích! »

## CON GÁI



thăm anh vào những buổi chiều chủ nhật để nói chuyện.

Hoa nói nhưng Hoài nhất định từ chối. Bởi chính anh cũng chỉ là một chàng « thi-sĩ tài tử », thỉnh thoảng hứng chí « đề » được một hai bài rồi gửi đăng báo mà thôi. Anh

đâu có tài mà « dạy » người khác làm thơ được.

Dù không được mãn nguyện, nhưng Hoa và Linh vẫn tới

Không muốn mấy cô em gái phiền, Hoài đành hy sinh buổi chiều chủ nhật — đáng lẽ là đi

## HAI MƯƠI

« bát » phở để tiếp khách. Và nó đã thành thông lệ.

Bữa nay, thấy nét mặt Hoa và Linh như phảng phất có một

chuyện gì quan trọng — có lẽ liên quan tới Hoài — nhưng hai người còn ngập ngừng nên Hoài vội hỏi trước :

— Chắc Hoa và Linh có chuyện gì quan trọng muốn nói ?

Hoa cười không nói gì nhưng lại thúc khuy tay vào tay bạn. Linh liếc nhìn Hoa rồi cũng mỉm cười không nói.

Hoài băn khoăn :

— Chuyện gì thế Hoa ? Cứ nói đi, vui hay buồn ?

Hoa lên tiếng :

— Chẳng vui và cũng chẳng buồn. Chỉ hơi lạ một chút thôi.

— Chuyện gì mà kỳ vậy ?

Hoa mở cặp lấy ra một phong thư. Trước khi trao cho Hoài, nàng nói :

— Không biết anh có cười bọn em không ; sau khi anh hiểu rõ chuyện này.

Đây là lá thư của một người con trai xa lạ gửi tới bọn em.

Hoài ngạc nhiên :

— Người ta đâu có biết địa chỉ của các cô mà gửi thư ?

Hoa cười :

— Tại bọn em. Nguyên một sáng chủ nhật, trời mưa quá không biết đi đâu, không biết làm gì, Hoa mới bàn với Linh

thảo một bức thư gửi « đại » cho một « cái tên » nào đó ở Đà Lạt.

Hoài vội hỏi :

— Tên ai ?

— Đức !

— Rồi sao nữa ?

— Khi bọn em gửi thư đi rồi tưởng rằng mình cũng chỉ đùa thôi và không có ai nhận thư cả, không ngờ lại có thư trả lời.

Hoài tròn xoe mắt :

— Có thư trả lời ?

— Vâng. Có thư trả lời.

— « Họ » nói sao ?

Hoa chìa lá thư :

— Anh cứ đọc đi. Rồi cho biết ý kiến

Hoài cầm lấy mở ra coi. Anh thấy :

*Mến gửi Hoa, Linh.*

*Tôi thật không ngờ lại nhận được thư của Hoa, Linh trong lúc tôi đang buồn hết sức. Lá thư của Hoa, Linh tới tay tôi như một phép lạ, đã gạt bỏ hẳn nỗi buồn man mác của tôi nơi xứ lạnh này. Và từ giờ phút đó tôi thấy cuộc đời của mình tươi đẹp quá. Đà Lạt như sống tung bừng, hoa như đua nở hơn trước. Trời như trong xanh, cao vút.*

*Đúng như lời Hoa, Linh đã*

*viết, lúc đầu tôi ngạc nhiên hết sức. Tôi tưởng như mình mơ. Chẳng lẽ người ta lại gửi làm thư cho mình, nhưng ở đây không có ai tên Đức cả, ngoài tôi ra.*

*Như vậy chính tôi là kẻ được nhận thư rồi.*

*Hoa, Linh đừng ngạc. Dù chúng mình chưa quen biết nhau, nhưng sau khi đọc xong thư của Hoa, Linh, tôi cảm thấy chúng mình đã quen nhau từ lâu lắm rồi. Nếu nói theo các cụ thì chúng mình quen nhau từ kiếp nào kiếp nào đấy.*

*Nói vậy Hoa, Linh đừng cười nhé ! Cười Đức giận da !*

*Mới là thư đầu nên chưa biết nói gì nhiều, mong Hoa, Linh bỏ qua cho và xin hứa thư sau sẽ viết nhiều.*

*Mến,  
ĐỨC*

Hoài đọc xong nhưng anh vẫn cúi nhìn lá thư. Anh nghĩ tới mình. Mới cách đây nửa tháng anh có nhận được một lá thư của một người con gái xa lạ.

Hôm đó, đang làm việc, chợt người đưa thư trao anh bao thư đề tên anh. Nhìn nét chữ con gái, không có tên người gửi,

anh không biết là của ai.

Bởi nét chữ xa lạ quá và rất đẹp.

Hồi hộp bóc ra xem anh thấy :

*Kính gửi ông Hoài,*

*Có lẽ ông ngạc nhiên lắm phải không ? Bởi vì người viết thư đây ông chưa biết là ai cả ! Vâng, thưa ông đúng thế ! Và để ông khỏi ngạc nhiên, tôi xin giới thiệu qua về tôi, rồi tôi sẽ nói lý do thư này đến ông và biết ông.*

*Tôi tên là Mai, 22 tuổi, Đệ Nhị, quê ở Đà Lạt, gia đình ở Saigon.*

*Đã nhiều lần đọc văn ông tôi đã có nhiều cảm tình với những tác phẩm đó của ông. Bởi vậy, các tạp chí kỳ nào vắng văn thơ ông tôi cảm thấy buồn lạ. Ông cho tôi được phép khen ông một câu, ông giới quá tôi rất phục ông. Vậy một đọc giả mạo tài ông, mong ông một điều, ông sáng tác nhiều đề đăng trên các tạp chí để tôi được thưởng thức trong lúc rảnh rỗi.*

*Ông đừng ngạc nhiên về vụ tờ mờ dưới đây nghe ông.*

*Nhiều lần muốn đến thăm ông lắm nhưng còn ngại, với lại một người ăn nói vô duyên như*

tôi e ngại không dám hầu chuyện với văn sĩ. Nên đành im vậy, chỉ biết gập trong tác phẩm thể này ông đừng giận.

Tôi biết nhà ông rồi, nhưng tôi đoán ông không bằng lòng cho tôi tới đâu. Vậy ông trả lời tôi đi, tôi không cho ông địa chỉ đâu, nhưng ông trả lời những lời tôi hỏi trên bằng một bài văn, bài thơ, để tôi biết là ông bằng lòng hay không bằng lòng.

Tôi đoán xét nhiều quá nhỉ? Nếu không được gặp ông tôi xin lâu lâu được viết thăm ông.

Đến đây khá dài, xin ông cho dừng bút. Chúc ông sáng tác nhiều và mỗi ngày mỗi hay.

Coi thư xong Hoài đã bàng hoàng, thảng thốt. Mai là ai? Tại sao nàng lại biết rõ nhà anh? Chắc nhà Mai ở gần nhà anh nên mới biết rõ anh như vậy? Nhưng tại sao Mai lại muốn anh phải nghĩ, sáng tác một bài thơ, một truyện ngắn có dính líu tới nàng thì nàng mới tới?

Biết viết gì đây? Viết thể nào? Viết làm gì? Mai là ai? Nàng có xinh không? Có thù gì không?

Niềm băn khoăn day dứt đó

cứ kéo dài mãi cho tới nay, và giờ đây anh lại viết thêm một chuyện nữa. Vì trời mưa! Và buồn chẳng biết đi đâu, chẳng biết làm gì nên Hoa và Linh đã viết thư cho « một cái tên ». Đề thỏa mãn một cuộc vui. Đề cho người khác băn khoăn. Đề mất công trả lời. Rồi biết đâu sẽ nhớ nhung, đau khổ.

Đức nào đó đã là nạn nhân của Hoa và Linh. Và chính anh cũng là nạn nhân của một « Mai » nào đó.

Đời xưa các cụ thường không muốn cho con gái học nhiều. « Học nhiều chúng chỉ viết thư cho trai! » Nhưng bây giờ các cô gái lại viết thư đề làm khổ con trai. Làm người ta ngạc nhiên, băn khoăn cảm động, đợi chờ rồi thương yêu đau khổ.

Chính Hoài có một người bạn thân đã bị một trường hợp tương tự. « Nàng » không viết thư, nhưng mỗi ngày nói chuyện một lần. Không số ngày nào. Bạn anh đã mê giọng nói của người con gái trong ống loa. Nó dịu dàng, trong trẻo làm sao! Và anh đã ghiền nó như ghiền thuốc phiện. Nếu vắng tiếng nói ngày nào, anh không làm được việc gì hết. Mắt chỉ nhìn máy téléphone, tai chỉ đợi một hồi

chuông reo. Nàng nhất định không cho biết nhà, không cho biết số máy điện thoại nhưng khi Noel rớt, nàng gửi mua tặng anh một chiếc cravate rất đẹp. Nàng cho người mang tới với mấy hàng « Đề làm kỷ niệm ».

Chuyện ú tim đó vẫn còn kéo dài cho tới giờ. Người bạn anh đã băn khoăn nhiều đêm không ngủ được vì « con người bí mật » đó.

Rồi tới anh, tới Đức. Tự nhiên Hoài thấy bực mình, không ngờ bạn anh giờ đây lại là những « con bù nhìn » cho mấy cô gái đùa giỡn trêu chọc.

Ngừng đây, Hoài cau mặt hỏi Hoa, Linh.

— Các cô định đùa người ta tới lúc nào? này giờ Hoa, Linh ngồi chờ đợi mãi. Hai người thấy Hoài đọc xong rồi, tay vẫn cầm thư, mắt nhìn xuống nhưng

im lặng kéo dài. Cho rằng Hoài mãi suy nghĩ điều gì đó nên không một ai lên tiếng. Thấy Hoài hỏi một cách cau có, Hoa tủm tỉm cười:

— Bộ anh giận thay cho « người ta » hay sao?

— Hoài nhún vai đáp:

— Tôi đâu có ăn uống gì với Đức nào đó mà tôi giận. Nhưng theo ý tôi các cô nên bỏ cái lối đùa giỡn « làm hại tim nhau » ấy đi.

Tối nói thật. Kẻo ngày ngày đó, chính các cô lại bị khổ đấy. Chơi dao có ngày đứt tay nghe không? Đừng có dại đùa với lửa mà ham!

Hoa và Linh nhìn nhau trong giây lát rồi mới trả lời:

— Anh đừng lo! Đề bọn này tính xem!



### ★ PHẦN CỦA TÔI

Trong một nhà hộ sinh, ba người cha ngồi đợi đề nghe ngóng vợ mình sinh con trai hay con gái.

Bỗng cô nữ y tá hiện ra, nói với một trong ba ông:

— Thưa ông, bà nhà vừa sinh được một bé gái.

Ông ngồi cạnh đứng dậy sừng sộ:

— Sao cô bất công thế?! Đáng lẽ đó là phần của tôi, vì tôi đến trước ông này.

Ông thứ ba đứng dậy hòa giải:

— Thôi đã lỡ mất rồi, đến phần tôi. Tôi sẽ nhường lại cho ông.

# tình đất mẹ

★ H. L. HOÀI-VIÊN-PHƯƠNG  
(Vinh-Bình)

Tôi sẽ gửi vạn nhớ thương về máy gió  
Tôi sẽ đem tiếng yêu nói với non sông  
Tôi sẽ không để cho sầu giăng khắp ngõ  
Không ngồi im để thường thức tiếng tơ đồng  
Tôi sẽ dệt mộng phong-trần trong tâm hướng  
Tôi sẽ nhóm lên ánh đuốc ở tương tai  
Tôi sẽ thực-hiện những gì cho lý-tưởng ?  
Kìa ! Giống Tiên-Rồng thanh-sử mãi dấu phai !  
Anh và tôi, cùng mảnh giang-sơn nước Việt  
Anh và tôi, cùng tiếng nói một giọng cười  
Anh và tôi, cùng trong tim bầu nhiệt-huyết  
Anh và tôi, cùng thể-hệ của đôi mươi  
Giờ không lẽ ai oai-hùng. ai ngoạn mắt ?  
Anh yêu tổ-quốc, tôi thiết-tha chung hoài-bảo.  
Cùng nắm tay tiến bước quãng lộ-trình  
Kìa chim non riu-rit buổi sương-trình  
Chúng vui tiền anh lo tròn sự-mệnh  
Chúng mong mỗi đường dài ta mau đến  
Còn gì vui bằng ? — Anh !  
Ngày đi chim hót mừng đưa tiễn  
Và đón ngày về bao chiến-công  
Những đứa con yêu mùa chinh-chiến  
Mà dang mẹ hiền, ai ? — Núi sông !  
Tình thiêng-liêng là tổ-quốc  
Biết bao kẻ đã hy-sinh  
Để tô đậm nét thanh-bình  
Dù chết chưa tròn nguyện ước  
Kìa tổ-quốc thân-yêu !  
Đang chìm trong biển lửa  
Xương máu đổ đã nhiều  
Lẽ ai hòa chan chứa ?  
Tổ quốc với tình yêu  
Vì hai thiêng-liêng ấy  
Vui tiến bước dập-dìu  
Còn nghĩ gì trai, gái  
Cùng nhau bầu sữa mẹ  
Chung một mảnh giang sơn  
Suối đời từ thơ bé  
Trai gái cũng là con.



Tiếng Nói của  
Gái và Trai  
thế-hệ

## KHÔNG

★ LÊ-THIỆN-THANH

(17 tuổi, Trung-học Tây-Ninh)

Anh,

ANH tưởng rằng tôi yêu anh ư ? Lầm to rồi. Anh tự hỏi nếu không tại sao tôi lại tiếp đãi anh và nhận tất cả những gì anh tặng ? Lại càng lầm nữa. Tôi tiếp đãi anh vì anh đến nhà tôi với tư cách đứng đắn, tôi tiếp anh cũng như ba tôi tiếp anh. Nếu anh có ngồi tới 11g. đêm cũng vậy, tôi không ghét mà cũng không ưa vì tôi có nghĩ gì về anh đâu, tôi còn đang nghĩ về cuộc đời. Tôi nhận

những đồ tặng của anh vì tôi không thể từ chối được.

Lần sau anh đừng làm thế nhé ! Vì một đứa con gái như tôi không bao giờ yêu người qua những tặng phẩm đâu. Tình yêu nếu có tự nhiên đến. Đừng từ cách chiếm và tưởng là mình độc quyền người mình đã chọn, trong tình yêu, người được quyền chọn đâu phải là các anh ? Và cũng đừng chinh phục bằng thế chất.

Đã từ lâu, có lẽ anh đã tuyên

bổ với các bạn anh rằng tôi đã... là gì của anh rồi phải không? Và có vài lần trước mặt bạn của tôi, anh đã giả tỏ ra thân mật với tôi nên từ đó không ai dám đến thăm tôi nữa. Tôi hiểu mệnh khố của các anh, nhưng tôi vẫn tỉnh bơ và không thèm đính chính vì tôi có cần gì ai đâu. Nghĩa lý quái gì hả anh? và yêu mà làm gì?

Tôi không nghĩ tới địa vị và chức tước đâu, tôi chỉ nghĩ đến một tâm hồn hợp, nhưng tôi chưa, và có lẽ không bao giờ gặp, vì tôi chỉ là một lũ-hành khó tính, khó hiểu của đời. Tôi thấy tất cả đều thường, quá sức tầm thường, ngay cả tôi nữa, vì tôi chỉ có hai bàn tay trắng cả tiền tài và sắc đẹp. Nhưng địa vị và tình của anh, chả mang lại gì với tôi cả. Có phải chỉ là sự gần gũi của xác thịt thấp hèn, rồi mang lại kết quả gì hơn là sự chán chường vô nghĩa.

Không phải tôi sợ tình yêu đâu, đã sống thì sợ gì nếu mình muốn? Chỉ tại tôi không yêu được đó thôi. Hình ảnh anh chưa thể giữ nổi một cánh chim như tôi.

Anh bảo tôi điên? Có lẽ đúng, vì tôi đi trốn cái mà mọi người thường tìm đến, và tìm đến cái mà nhiều người bỏ quên: đó là

nếp sống tâm hồn. Rồi anh cởi tất cả bề ngoài đẹp lộng lẫy và cuồng nhiệt ấy chỉ là con số không to lớn. Anh đừng ham muốn những gì ở tôi bằng thẻ xác cũng như tôi không hiểu anh được chút gì ở tâm hồn.

Tôi còn trẻ, đường đi còn dài, tuy không biết con đường mình sắp đi sẽ sáng hay tối, tôi còn mang trí óc tò mò của con nai mới lớn, muốn đi tìm, và hiểu những điều luôn mới lạ khác nên tôi không muốn chọn cho tôi một quyết định quá sớm, đặt trong một thực tại khô khan.

Tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại nói với anh những điều đó. Có lẽ để anh hiểu rõ sự từ chối của tôi hơn, tôi không còn ngại thơ như anh tưởng, vì cuộc đời đã bắt tôi già đi trước tuổi bằng ý nghĩ, nhiều và... nhân thể nói luôn những gì mình ôm ấp.

Tôi thương hại anh đã đặt lầm tình yêu ở một cô gái như tôi. Nhưng tôi tin chắc rằng con người như các anh sẽ mau quên lắm.

Nhớ gì một cô bé "tốc-kê" này, anh hãy quên đi. Hãy để tôi với những ý nghĩ về cuộc đời mà không bao giờ hiểu được tý gì về

cuộc đời, và sẽ mãi mãi là người đi không định hướng, để tìm một sự gì, mà có lẽ không sao gặp được, thỏa mãn được, và hiểu

thấu được.

Xin anh tha lỗi và đừng ghét tôi.

Chào Anh.

## thứ giả hay thứ thật

★ DIỆU HỒNG  
(Cửa-Dại Hội-an)

**T**HẾ là Ph. yêu của tôi đã phụ bỏ tôi rồi, chàng chỉ nêu lên một lý do không đáng kể, làm "điều kiện" để phụ rẫy tôi. Nhìn nhận sự thật quá đậm bạc của tình yêu, đề nặng lên đôi vai thơ sinh bé nhỏ. Tôi đành cam chịu với "số phận" với "duyên kiếp", tôi có cảm tưởng không bao giờ tìm lại được một chàng trai nào trên mảnh phố Hội-An nhỏ bé này nữa, vì trước kia người yêu tôi, đã đưa tôi đi dạo khắp phố, do đây không một đứa bạn nào không biết chuyện riêng tư của tôi. Hồi ấy dù có chàng trai nào thăm yêu tôi, dù muốn tán tỉnh tôi, cũng đành rút lui trước trở lực ấy.

Đôi khi tôi ra đường người ta không thèm nhìn tôi nữa, có lẽ mấy chàng ấy cho việc nhàn tôi

là việc vô ích thôi, vì tôi đã có "bỏ" rồi kia mà.

Bây giờ ôn lại dĩ vãng tôi tự thấy mình quá non dại, gặp đứa bạn nào tôi cũng giới thiệu tên "bỏ" tôi cho người ta biết lung tung, thuở ấy tôi nghĩ: đời tôi chỉ một lần yêu thôi, lòng tôi chứa chấp mối trung thành tuyệt đối, cho tình yêu là một "bất động sản". Tôi cứ cho việc hai đứa học sinh yêu nhau, có kẻ khác biết là việc quá thường, tôi thấy tình tình tôi hồi ấy "chỉ" chỉ lạ, với lại tôi muốn phở biến vấn đề ấy sâu rộng trong bạn bè, với mục đích: khỏi có chàng nào đến tán tỉnh tôi nữa, thêm bạn trí, và nhất là đề phòng chứng "bệnh đa cảm" của người yêu tôi, khi vắng tôi, hết đăng đi "ăn sương" với kẻ khác để trọn vẹn yêu thương tôi, cũng tại vì



tôi quá tin tưởng nơi người tôi yêu cho là « chắc ăn » rồi chứ.

Đến nay trong khi tôi còn kinh hãi, chán chường tình yêu, tôi thấy lòng mình như còn những mảnh nhỏ của mối tình tan vỡ, găm sâu vào tim, óc tôi, vừa lúc tôi mới tiếp nhận một bức thư của một chàng mới trao đến.

Tôi không ngờ mấy chàng trai tài tình đến thế khi vừa biết lòng tôi có chỗ trống, họ điền ngay tên tuổi họ vào chỗ trống ấy, phong thư còn nguyên đó, tôi chưa biết đáp ứng ra sao, tôi không bóc thư ra xem vội, rồi cầm đầu trả lời liền như những lúc trước, nhất là từ khi hình ảnh người yêu tôi đã ngự trị tim tôi, khi ấy có chàng nào trực tiếp trao thư đến tôi, tôi chỉ dùng lời lẽ ôn hòa và lễ độ, đại khái tôi khuyên họ nên xem tôi như bạn bè, và muốn họ cảm thông cho sự thật của tôi, cuối cùng tôi không nhận thư, cũng chẳng nhận lời, song không đến nỗi làm người ta quá thất vọng, vì tôi không tỏ ra đắc thắng, kiêu căng, hoặc vênh mặt tự hào, để người ta phải bực tức, mất cảm tình về bộ mặt khỗ ố của tôi. Có những chàng khác gián tiếp trao thư đến tôi, có lúc tôi xem, có lúc không (dù xem tôi cũng chỉ xem

lén thôi) mấy cái này tôi trả lời bằng một câu hết sức đơn giản và lịch sự, ghi đường hoàng trên một trang giấy trắng như :

« Rất tiếc tôi không thể đáp lại những cảm tình ưu ái mà « đấng ấy » đối với tôi được, vì tôi đã có người yêu rồi » chỉ chừng ấy thôi, tôi trao trả ngay cả phong thư lại người ta một cách êm thấm (dù không yêu, tôi vẫn dấu kỹ người yêu tôi, những lúc tiếp giao với các chàng khác, vì sợ e người yêu tôi cho tôi là kẻ có nhiều người theo đuổi)

Lần này tôi không xem thư vội, tôi muốn để đủ thời gian suy nghĩ, và tưởng niệm một mối tình tan vỡ, giống như người ta « cúng chõng để đi lấy chõng vậy » gọi là lễ « bàn giao » đấy.

Tuy vậy tôi vẫn không sao hiểu nổi lòng dạ của lớp con trai thời đại ra sao ? Họ thay đổi tình yêu quá nhanh, làm tôi ớn lạnh. Trước mắt tôi đây ! Biết bao ân ái, người yêu tôi rót vào tai tôi, chẳng khác nào người ta rót một thứ mật thượng hạng vào thùng, chàng đã ru ngủ tâm hồn tôi :

— Anh yêu em lắm, không thể nào anh xa em được.

— Em cũng rứa chớ bộ á (tôi cũng nụ, trả lời) còn biết bao

nhiều điều gán bó, thế thốt khác có lẽ đến nay chàng sẽ xóa bỏ đi, tên tôi ghi liền sát tên chàng, trên khắp các bia sách của chàng. Chàng dù can đảm xóa bỏ đi kỷ niệm chàng đã khắc sâu, tàn nhẫn thật.

Bây giờ tôi không biết số phận mình sẽ ra sao trước phong thư, hay cũng chỉ thêm một lần tan vỡ lỡ làng, hối hận. Tôi cầm lấy phong bì định bóc ra xem, giây phút phân vân lại hiện đến ám ảnh tâm hồn tôi, tôi lật qua, lật lại mấy lần, như để lựa chọn, ngó ngán thật, có một phong bì, tôi cũng đã

có ý lựa chọn gì nữa... Tôi đưa cao phong bì lên trước mặt, qua ánh sáng, nét chữ trong thư hiện lên, không xem rõ, màu giấy xanh chiếu qua phong bì, làm lòng tôi lại nhớ tờ thư hy vọng từ xưa, mĩa mai thật.

Làm sao tôi tin được, làm sao tôi lựa chọn được, không biết đây « thứ giả hay thứ thật », có thể thứ giả lắm, thời đại của lớp tuổi đôi mươi bây giờ thiết tưởng khó tìm ra thứ thật, thôi cũng liều chứ biết sao hơn, lựa chọn sao cho khỏi lầm.

## Đ Â U

### LÀ TÌNH YÊU CHÂN THẬT ?

★ THUY-HẢI

(Nữ sinh đệ Nhất Đồng-Khánh, Huế)

Đã từ lâu, tôi vẫn theo dõi mục « Tiếng nói gái và trai thế hệ », tôi vẫn cảm thấy thích thú khi đọc những cảm nghĩ của người khác về cuộc đời. Hôm nay tôi ghi nơi đây ít dòng về ý nghĩ của một người con gái chấp chững bước vào đời.

Ở một thành phố như xứ Huế của tôi, vấn đề giao thiệp giữa

nam và nữ chưa được tự do cho lắm. Thiên hạ vẫn dị nghị khi thấy một người con gái đi chơi với con trai. Đã có những lần chị em hay anh em đi chung, người ta đã đồn âm lên là « bỏ bịch » rồi. Một người con trai đến nhà con gái vài lần tức là đã yêu rồi đấy. Con gái đến nhà thăm bạn trai tức là đã « nhận lời ».

Một người con trai muốn làm quen với một cô gái, thiên hạ cho là muốn « nạp đơn », cô gái bằng lòng quen, tức là « nhận đơn ». Nhiều khi thấy mà phiền vì dư luận ấy.

Như chị Kim-Huyền nào đó ở Hội-An, đã có những ý tưởng quá táo bạo, một người con gái mà quen đủ cỡ, có nhiều bạn trai đến nỗi xếp họ vào hạng « écrit », « oral » v.v... thì quả là tay khá bản lĩnh đấy, tôi xin phục lẫn chị Huyền, ở Huế của tôi, ai quen nhiều bạn trai quá, giao thiệp tự do quá, thì không mấy đẹp gì.

Tôi thuộc loại gái không đẹp không xấu, không đọt sống mới nhưng cũng không thuộc loại « què mùa hủ lậu » quá, nghĩa là thuộc hạng trung bình. Nên những người con trai đến làm quen với tôi, tôi vẫn có mặc cảm là họ chẳng thành thật. Tôi không mấy tin ở những người con trai thời đại bây giờ. Họ nói yêu mình, thương mình nhưng thật ra họ nói câu ấy với cả 5, 7 cô gái khác. Giả dối và giả dối. Họ quen mình, tán mình, yêu mình, muốn đưa đón, họ yêu đề chờ có người yêu, đề cũng hãnh diện với thiên hạ, bạn bè rằng ta đây cũng có người yêu.

Họ muốn có « bô », đề dặt đi ciné, đi dạo phố mỗi chiều thứ bảy, chúa nhật, đề cho đời đỡ cô đơn. Chứ thật ra trong thâm tâm họ đâu đã chân thật? Họ yêu mình nhưng đâu dám cưới mình?

Tôi nghĩ rằng người con trai yêu mà dám cưới người mình yêu thì đó mới thật là yêu chứ yêu gì lại làm cho con gái người ta mang tai tiếng, rồi bỏ đi. Không phải tôi tính toán đâu nhưng sự thật là thế. Vấn đề quan trọng trong đời người con gái là lấy chồng. Nếu có người yêu mà suốt đời không có chồng thì đời cũng cô đơn lắm vậy.

Nhất là ở xứ thần kinh nghìn năm cổ kính này, nếu mình quen biết « quá nhiều » thì sau này thật khó kiếm tấm chồng tử tế. Có người đàn ông nào lại không ích kỷ? Ai lại không muốn người vợ mình phải thật toàn vẹn về vật chất cũng như tinh thần?

Và nhất là gia đình người con trai, mấy ai lại thích con dâu là « đọt sống mới » bạn trai hàng tá, người yêu hàng chục? Vì vậy tôi nhận thấy bạn gái chúng mình nên đề dặt trong vấn đề giao thiệp với bạn trai. Và nên nghĩ đến « ngày mai » của mình một chút.



C | H | U | Y | Ê | N | M | Ì | N | H

★ TRÀ KIM LONG

(Quần-nhân, KBC 4744)

**H**ỒI còn đi học, bởi vì bông bột nên mình chưa ý thức được thế nào là nỗi khổ tâm của một gia đình mà mình sẽ phải lo. Mình cứ thấy một cách thiên cận rằng hễ lấy được người yêu về làm vợ, rồi thì hạnh phúc có đây, rồi mình sẽ « đồng cam đồng khổ » đề mà vui cái hạnh phúc tuyệt đối ấy. Cho nên sau khi nhập ngũ một thời gian, mình cưới vợ. Vợ mình chính là người yêu duy nhất của mình hồi còn đi học. Không nói thì hẳn ai cũng biết rằng chúng mình thoải mái đến ngàn nào rồi. Mình cứ nhắm mắt mà đùa với chuyện lập gia đình một cách thích thú. Mình không cần tự vấn xem ở tương lai của mình sẽ phải như thế nào khi mà hiện tại của mình chỉ là một cái « chẳng ra gì » với đời cả. Nhưng chính vì cái mình không cần đó cho nên sự khốn nạn lần lượt đến với mình tàn nhẫn quá! Bây giờ thì như cá đã cắn câu rồi, mình biết

phải làm sao? Lẽ dĩ nhiên, mình phải hết sức cố gắng để làm tròn bổn phận hiện hữu của mình vậy.

Chạy ăn này, chạy mặc này, chạy tiền nhà tiền cửa, tiền thuốc tiền men này. Chao ôi là đủ thứ chạy. Thì như Từ Hải, mình cũng là « một tay gậy dựng cơ đồ ». Nhưng có điều là cơ đồ của mình chỉ vồn vện trong phạm vi bốn bức tường rách nát này mà thôi.

Sự thật thì mình không dám phủ nhận cái hạnh phúc của chúng mình được. Vợ hiền nhé! Con kháu khỉnh nhé! Dù vậy, mình cứ cảm thấy bức rức khó chịu trong người mãi. Tuy không nói ra vì sợ vợ mình buồn, chứ có người đàn bà nào lại không thích chưng diện với người ta, mà chỉ thích nằm trong cảnh túng trước hệt sau mãi bao giờ? Với số lương tháng khỏi cần đếm, mình thường đem ra áp dụng trong

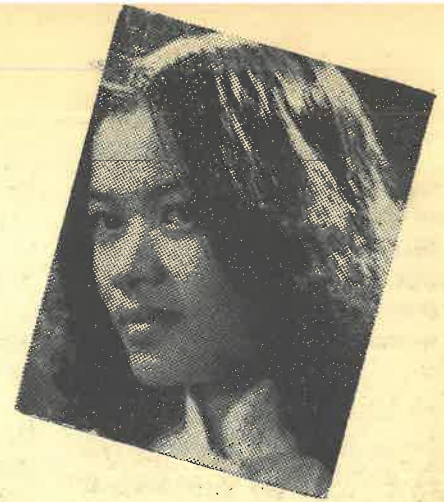
enuyện « ăn trước trả sau » rồi cứ như thế mà tiến hành mãi. Mình không dám gửi thư về xin tiền, ba má mình thêm. Nhưng trái lại, mình còn phải lo cho đứa em trai của mình tiếp tục học hành nữa. Mình đã ý thức được đời mình thì mình phải cố tránh cho em mình cái làm lỗi mà mình đã trải qua mới được. Mình đã khổ thì mình nhất định không để cho em mình phải khổ như mình nữa. Vợ mình muốn cho mình vui lòng nên không phản đối chuyện ấy, mà còn khích lệ mình nữa là khác. Mình cảm động quá! Nhưng mà mình cũng không biết làm cách nào hơn để cho nàng sung sướng (về vật chất) được. Mình nghĩ chỉ còn một cách là phải nhịn nhục tất cả. Mình không hút thuốc, mình không cờ bạc, rượu chè, ấy vậy mà cũng chẳng ra chi.

Hồi chưa có vợ, mình tiêu xài hoang phí bao nhiêu thì bây giờ mình đành cố gắng tằn tiện bấy nhiêu. Vợ mình lại không thích như thế. Nàng sợ người ta cười mình là « kiết » nên cứ bảo mình rằng đừng nên để cho người ta thấy cái chỗ « không hay » của mình làm gì. Chẳng thà ở nhà nàng chịu nhịn nhục, nhưng khi ra đường thì mình phải tỏ ra là rộng rãi mới được. Nàng bảo thế mình cũng chỉ ừ hử gọi là chú

mình nhất định phải « giữ được đồng nào hay đồng nấy » cho vợ con mình nhờ với. Tuy nhiên, điều kiện « sống » không chỉ dễ dàng như mình tưởng. Sống chung đụng với nhiều người, mình cũng phải nhận cái « vay trả » với họ vậy. Hôm nay anh A mời mình một cốc café. Ngày mai anh B mời mình một tô phở... Mình đã dùng hai vai gánh một cái miệng đi hưởng của người ta thì ít nhất mình cũng phải tỏ cho người ta biết không thuộc về cái hạng có « ruột óc hút » chứ! Như vậy, sự nhịn nhục của mình đặt ra đã thành vô dụng rồi. Cho nên, bây giờ thì mình phải nhất định học ôn lại bài vở mà từ lâu nay mình đã xao lãng nó để hồng bước chân ra khỏi cái lãnh vực hiện tại đen tối này. Mình hy vọng rằng ít ra mình phải làm được một cái gì cho ra vẻ một chút để vợ con mình còn có thể trông cậy vào mình mà sống đỡ khổ hơn.

Mình đã dẫm lên cái sự thiếu thốn ấy nhiều rồi. Do đó mỗi lần thấy một đám cưới đi ngang qua, mình phân vân tự hỏi: « họ có sự nghiệp chưa nhỉ? » và rồi, mình cũng tự lo cho họ rằng « người ấy đã tự ý trồng dây thắt họng vào cổ họ rồi còn chỉ nữa? Sợ dây càng ngày sẽ càng siết mạnh lại, đó ai mà gỡ cho ra được? »

# « Trai 63 »



NGUYỄN-THỊ NGỌC-LÊ  
(Học-sinh Trung-học Phan-Rang)

LÂM ! tại sao nói em mãi mà em vẫn lì lợm, thật em cứng đầu lắm nhé. Không đêm nào chị nghe em học cả, bộ em muốn theo mấy thằng « cao bồi » hả, em ?

Không đêm nào em dừng đi đâu thử 10 phút coi, lúc nào cũng vắng mặt em cả. Đêm lần ngày em hút Ruby, đi thọc bi-da, hết bi-da em vào quán « Tuyết-Sơn », chán nản em la cà nơi « Thu Nga ». Không một phim « Cao bồi », nào mà vắng mặt em. Mới có 17 tuổi đầu mà em đòi uống « Bia 33 », bia thường bảo nhẹ.

Quần áo may rần rí trông tòm em quá, thế mà cứ tìm cớ là mua sách này, sách nọ lấy tiền để may toàn là một lũ túm rùm. Không nói thì em làm tới, mà hễ mỗi khi chị nói thì em bảo : chị kỳ quá « trai thế hệ 63 » mà cần

phải uống rượu, hút thuốc đi chơi cho thỏa chí, ăn bận theo « Đợt Sống Mới » chứ.

Còn học là một lẽ, năm này không đậu thì năm tới, năm tới không đậu thì năm tới, chừng đó nó cứ tới, tới với em hồng chìa đó phải không ?

Lâm ! em không nghĩ lại coi, Ba Má còn thì ăn chơi cũng vừa phải thôi chứ. Hồi nào chơi thì chơi còn đến lúc học thì phải học em xem lại coi bạn em có đứa nào tệ như em không ?

Em coi thằng Úc bạn thân nhất của em đó, nó có ham chơi như em đâu, mà nhà nó nghèo nó lại ham học nữa còn em sao mà đầu óc mảy toàn là đá với sỏi phải không Lâm ?

Ba Má còn thì em thế, hơn nữa gia đình cũng trông vào sự

học cho em sau này, em có vợ, có con, em nuôi gia đình em. Chứ bộ em có gia đình em cứ ăn đi chơi, tới bữa cơm dẫn vợ chồng con cái rủ nhau ra kéo ghế phải không ?

Lâm ! Lâm à ! Em có học chắc em hiểu chứ, trong lúc em sung sướng cấp sách đến trường, quần áo đầy đủ, cơm ăn no lòng, em có biết không ? Ngoài kia bao nhiêu kẻ nghèo đói, lang thang nơi đầu đường xó chợ, nơi các quán để tìm một người khách « đánh đôi giày » hoặc bế trẻ để tìm một manh áo che thân, một bát cơm ăn cho đỡ đói, biết bao nhiêu kẻ đang nghèo vì không tiền bạc.

Biết bao nhiêu người ngày làm, đêm học mà họ còn vui vẻ hăng hái, hầu may ra tìm một bằng cấp sau này nuôi sống bản thân.

Cũng như các « Giáo Sư » họ cũng hết lòng tận tâm dạy dỗ em, mong em có một tương lai như họ vậy, mà em đâu có hiểu, em chỉ chơi cho thỏa chí « trai 63 » của em để rồi sau này em ăn năn, em hối tiếc.

Chừng ấy em gõ đầu, gõ tai đó là một sự đã rồi rồi Lâm ạ. Lâm ! những điều chị nói đây, chị yêu cầu em một lần nữa em hãy sáng suốt, đừng lo học, đừng sau này tương

lai sự nghiệp em cũng như ai.

Em thấy khổ như chị không, từng này tuổi đầu mà chị cũng rần đi học mong hầu để tìm một nghề sau này mà nuôi thân, em có thấy chị không ? Một khi hối tiếc là đã rồi, cũng như mỗi ngày ta mỗi lớn, chứ mỗi ngày ta mỗi nhỏ sao ? Lâm em có ghét chị không ? Em có thù chị không ? Dù sao chị cũng là chị của em lúc nào chị cũng muốn cho em, nở mày nở mặt với bạn em. Thôi chị nói cho em biết, từ nay về sau bỏ chơi bời đi Lâm nhé, hãy cố học đi, học cho chăm, chớ ngoan, cho thành tài với chúng bạn.

Chị của em !



— Bà xem, may áo bỏ sát thế này nếu không phải chuyên môn đâu có làm được . . .

## xuân không mùa

★ THU-NHI

(Trong tao đàn Bạch-Ngà)

Có những mùa Xuân chẳng tháng năm  
Rời không pháo văng hương trà bánh  
Trời trong ngan ngát ánh trắng rằm

Có những ngày Xuân không phút giây  
Mai vàng gầy guộc trơ trơ nhánh  
Nhà ai mở tiệc vui sum vầy

Có những cảnh Xuân không điềm hoa  
Lá vàng rơi rụng trong sương lạnh  
Mở hội hân hoan đón thái hòa

Có những sắc xuân chẳng khói trầm  
Văng tà áo đẹp vờn kiêu hãnh  
Hoa nở trong lòng mái tóc râm

Có những hương xuân tỏa ngạt ngào  
Dù đèn vặng bóng người lễ Thánh  
Vẫn thấy tâm hồn vương nao nao

Có những nàng xuân đẹp diễm kiều  
Ấm thầm lặng bước trong áo ảnh  
Khởi nguồn sinh lực đám con yêu

Đây những cảnh xuân nở khắp nơi  
Hòa trong xác pháo, rượu, hoa tươi  
Cho tôi đốt nén tâm hương nguyện  
Tâm tạo xuân tươi khắp đất trời

Huế 11-1-64

# vui ngày hạnh phúc

★ PHƯƠNG-ĐÀI

(Trong Tao-dân Bạch-Nga)



Ngày hạnh phúc hoa lòng bùng nở  
Buổi vinh quang cõi mở tâm tình  
Đường thẳng bước chân không bờ ngõ  
Tay dang tay đón ánh bình minh

Liễu uốn tơ bay vàng yêu điệu

Reo ca vang khúc nhạc thanh bình

Mùa thơ trắng sáng đêm huyền diệu

Tình đẹp muôn màu xanh thắm xanh

Bát ngát hương say đời dệt gấm

Tuổi tròn hạnh phúc bến yêu thương

Một thiên sử đẹp hoa hồng thắm

Tay nắm bàn tay dựng bước đường

# MỘT NĂM LỊCH-SỬ

★ Ở VIỆT-NAM VÀ THẾ-GIỚI ★

Q  
U  
Y  
M  
Ã  
O



1  
9  
6  
3

VIỆT-NAM

biểu-tình trước đài phát-thanh  
Huế.

Thứ Tư, 15 Mai—22 tháng 4

Ngô-dinh-Diệm (Tổng-thống)  
tiếp phái đoàn Phật-giáo tại dinh  
Gia-long, đề dàn xếp vụ Phật-  
giáo ở Huế, phái-đoàn Phật-giáo  
đưa ra yêu sách "5 nguyện vọng."

Thứ Hai, 4 Mars—9 tháng 2

Phó Tổng-thống Trung-Hoa  
Dân-quốc, Trần-Thành, viếng  
Việt-Nam.

Thứ Tư, 8 Mai — 15 tháng 4

Chính phủ Ngô-dinh-Diệm bắt  
đầu đàn-áp Phật-giáo. Lựu đạn  
nổ và xe tăng tấn công: 8 người  
chết và nhiều người bị thương  
trong đám 5000 Phật-giáo-đồ

Thứ Hai 3 Juin — 12 tháng  
4 nhuận

Phật-giáo đồ biểu tình ở  
Huế. Chính quyền địa phương  
của Ngô-dinh-Cần ra lệnh đàn áp:  
54 Phật tử bị thương.

**Thứ Ba, 4 Juin — 13 tháng 4**

Ngô-dình-Diệm lập Ủy ban liên bộ, gồm Phó Tổng-Thống Nguyễn-ngọc-Thơ, hai bộ-trưởng Nguyễn-dình-Thuần và Bùi-văn-Lượng, đề nghị cứu với ủy ban Liên Phái Bảo-vệ Phật-giáo về các biện pháp thi-hành 5 nguyện vọng của Phật-giáo.

**Thứ Sáu, 7 Juin—16 tháng 4**

Ủy ban Trung-ương « Phong-trào Liên-dối Phụ-nữ » của vợ Ngô-dình-Nhu phổ - biến một thông-cáo chủi Phật-giáo và các sư-tăng.

**Thứ Ba, 11 Juin—20 tháng 4**

Thượng-tọa Thích-Quảng-Đức 52 tuổi, tự thiêu tại góc đường Phan-dình-Phùng — Lê-văn-Duyệt, Sài-gòn, để chống lại chính phủ Ngô-dình-Diệm đàn áp Phật-giáo.

**Thứ Tư, 12 Juin — 21 tháng 4**

Thượng-tọa Thích-tĩnh-Khiết, Hội-chủ Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam, từ Huế vô Sài-gòn để chỉ huy phong trào bảo-vệ Phật-giáo.

**Chủ Nhật, 16 Juin — 25 tháng 4**

Ủy-ban liên-bộ của chính phủ Diệm và Ủy-ban Liên-phái Bảo-vệ Phật-giáo ký một bản « Thông Cáo Chung » để giải quyết vấn đề Phật giáo. Vài giờ sau, biểu tình

học sinh bị cảnh sát đàn áp. Một học sinh chết.

**Thứ Tư, 19 Juin — 28 tháng 4**

Đám ma Thượng Tọa Thích-quảng-Đức. Chính phủ Diệm triệt đề cấm dân chúng tham gia.

**Thứ Tư, 26 Juin — 6 tháng 5**

Tình hình căng thẳng đến cực độ. Hòa-thượng Hội-chủ Thích Tĩnh-Khiết gửi thư cảnh cáo Tổng-thống Ngô-dình-Diệm.

— Phong - trào Thanh - niên Cộng-Hòa ra một thông cáo ký tên Ngô-dình-Nhu, phủ nhận bản « Thông cáo chung » của chính-phủ Ngô-dình-Diệm ký với Ủy Ban Liên-phái Bảo-vệ Phật giáo.

**Thứ Hai, 1 Juillet — 11 tháng 5**

Thông cáo thứ hai của Phong trào Thanh Niên Cộng Hòa đã kích Phật giáo. Đại-diện Phật giáo phản đối.

**Thứ Ba, 16 Juillet — 26 tháng 5**

Một số đông sư tăng biểu tình trước tòa Đại sứ Huế-Kỳ, phản đối Đại-sứ Nolting.

**Thứ Tư, 17 Juillet — 27 tháng 5**

Biểu tình rầm-rộ tại Saigon. Hàng ngàn sinh viên Phật tử bị bắt giam, đánh đập khắp nơi trong thành phố.

**Thứ Ba, 23 Juillet, 3 tháng 6**

Ni-cô Diệu-Huệ, mẹ của Bửu-Hội, tuyên bố sẽ tự thiêu để bảo vệ Phật-giáo.

**Chủ Nhật, 4 Août — 19 tháng 6**

Đại Đức Thích-nguyên-Hương tự thiêu tại công-trường chiến sĩ tỉnh Phan-Thiết.

**Thứ Năm, 8 Août — 19 tháng 6**

Đại sứ Việt-Nam tại Hoa-Kỳ, ông Trần-văn-Chương, thân-sinh của Trần-lệ-Xuân, tuyên bố phản đối những lời lẽ vô lễ của con gái ông đối với việc Thượng Tọa Thích Quảng Đức tự thiêu.

**Chủ Nhật, 11 Août — 22 tháng 6.**

Nữ sinh Mai Tuyết An tự chặt một ngón tay để phản đối vụ đàn áp Phật-giáo.

**Thứ Ba, 18 Août — 24 tháng 6**

Đại Đức Thích Thanh Tậ tự thiêu tại Huế.

**Thứ Tư, 14 Août — 25 tháng 6**

Dân chúng biểu tình ở Huế.

**Thứ Năm, 15 Août — 26 tháng 6**

Ni cô Diệu Quang (27 tuổi) tự thiêu tại Ninh-Hòa.

**Thứ Sáu, 16 Août — 27 tháng 6**

Thượng tọa Thích Tiêu Diêu (Thích Thiện Huệ) 71 tuổi, tự

thiêu tại Huế.

**Thứ Tư, 21 Août— 3 tháng 7**

— 0 giờ 20 phút, lực lượng chiến đấu của Ngô đình Diệm và Ngô đình Nhu tấn công các chùa ở Saigon, và ở các tỉnh. Các linh tự sư tăng và cư sĩ Phật giáo toàn quốc bị bắt, bị giam, hoặc bị thủ tiêu.

— 6 giờ, Ngô đình Diệm tuyên bố lệnh giới nghiêm toàn quốc. Hàng nghìn người bị bắt giam nơi các hầm kín ở Saigon và ở Huế.

— Đại-sứ Trần văn Chương từ chức.

**Thứ Năm, 22 Août — 4 tháng 7**

Ông Cabot Lodge, tân Đại sứ Mỹ, đến Saigon.

**Thứ Sáu, 23 Août — 5 tháng 7**

Bộ trưởng Ngoại giao Vũ văn Mẫu, cáo đầu từ chức.

**Chủ nhật, 25 Août — 7 tháng 7**

Sinh viên học sinh biểu tình trước chợ Bến-thành, Saigon. Lực lượng cảnh sát đàn áp. Nữ sinh Quách thị Trang bị bắn chết.

**Thứ Tư, 28 Août — 10 tháng 7**

Cambodge tuyệt giao với chính phủ Ngô đình Diệm.

**Thứ Năm, 5 Septembre — 18 tháng 7**

Sinh viên học-sinh lại biểu tình.

**Thứ Năm, 19 Septembre — 2 tháng 8.**

Văn phòng Liên Hiệp Quốc ghi vào chương trình nghị sự Đại hội về vụ chính phủ Ngô đình Diệm xâm đoạt Nhân-quyền tại Việt-nam.

**Thứ Bảy, 5 Octobre — 18 tháng 8**

Đại đức Thích quang Hương tự thiêu tại Bồn-Binh, Saigon.

**Thứ Tư, 23 Octobre — 7 tháng 7.**

Phái đoàn Liên Hiệp Quốc đến Saigon, điều tra về vụ đàn áp Phật giáo.

**Chủ nhật, 27 Octobre — 11 tháng 9.**

Đại đức Thích Thiện Mỹ tự thiêu trước nhà thờ Đức Bà, Saigon.

**Thứ Sáu, 1 Novembre — 16 tháng 9.**

Quân-đội cách-mạng đảo chính ở Saigon. Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng, (Chủ-tịch Trung-tướng Dương-văn-Minh), tuyên-bố truất-phế Ngô-đình-Diệm.

**Thứ Bảy 2 Nov. — 17 tháng 9**

Ngô đình Diệm và Ngô đình Nhu chết. Các Sư tăng, Sinh viên Học sinh, Trí thức bị giam cầm dưới thời Diệm được trả lại tự do.

**Thứ Hai, 4 Nov. — 19 tháng 9**

Chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng công bố bản «Hiến ước tạm thời số 1» chỉ định Thủ tướng chính phủ lâm thời.

**Thứ Ba, 5 Nov. — 20 tháng 9**

Ngô đình Cần bị bắt ở Huế. được đưa vào Saigon.

**Thứ Tư, 6 Nov. — 21 tháng 9**

Thành lập chính phủ Lâm thời Nguyễn ngọc Thơ.

**Thứ Sáu, 8 Nov. — 23 tháng 9**

Các nhà cách mạng và tù nhân chính trị của thời kỳ Diệm bị đày đi Côn đảo đều được hồi hương.

**Thứ Tư, 21 Nov — 6 tháng 10**

Hội nghị các tướng lĩnh Huế Kỳ họp tại Honolulu, bàn về tình hình tân chế-độ Việt-nam.

**Thứ Sáu, 13 Décembre — 28 tháng 10.** Đại-Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc thông qua vấn đề xâm phạm Nhân-quyền ở Việt-Nam.

**Chủ-nhật, 15 Décembre — 30 tháng 10.**

Đại-sứ Trần-chánh-Thành đi Pnompenh đề thảo luận về việc nối lại ngoại-giao với chính-phủ Cambodge.

**Thứ Năm, 19 Décembre — 4 tháng 11.**

Ông Mac Namara, bộ-trưởng Quốc phòng Mỹ, sang Việt-Nam đề bàn tính với Trung

tướng Dương-văn-Minh về chương trình hành động quân sự trong năm 1964.

**Thứ Sáu, 20 Décembre — 5 tháng 11.** Lần đầu tiên, Sinh viên và học sinh biểu tình chống chủ trương Trung-Lập.

**Thứ Năm 2 Janvier 1964 — 18 tháng 11.**

Trung-tướng Dương-văn-Minh, Chủ tịch Hội-Đồng Quân-nhân Cách-mạng, khai mạc Hội-đồng Nhân-sĩ.



## Những biến cố quan trọng trên Thế-giới trong năm 1963

- |  |  |
|--|--|
| 20 Janvier — ông Adenauer đến Paris.                         | Hiến-Pháp xứ Yougoslavie (Nam Tư.  |
| 8 Février — Đảo-chính ở Irak.                                | 10 « — Công-bố bản Tuyên Ngôn Hòa-bình (Pacem in Terris) của Giáo-Hoàng Jean XXIII |
| 14 « — Ông Wilson được bầu làm Chủ-tịch đảng Lao động Anh.   | 15 Mai Phi-hành-gia Cooper (Mỹ) bay vòng quanh quỹ đạo.                            |
| 14 « — Phóng vệ tinh Syncom (Mỹ).                            | 16 « — Tướng De Gaulle viếng nước Hy-Lạp.  |
| 15 « — Tướng De Gaulle bị mưu sát.                           | 16 « — Chính phủ Fanfani (Ý) từ chức.  |
| 1 Mars — Tổng đình công thợ hầm mỏ ở Pháp.                   | 3 Juin — Đức Giáo-hoàng Jean XXIII tạ thế.   |
| 31 « — Chấm dứt cuộc tổng đình công thợ sấp chữ nhà in ở Mỹ. | 16 « — Nữ phi-hành gia Nga, bay quanh quỹ đạo.                                     |
| 7 Avril — Công bố Tân  |  |

16 « — Thủ Tướng Ben Gourion (Israel) từ chức.

30 « — Đức Giáo hoàng Paul VI kể vị Jean XXIII.

9 Juillet — Nước Đại Malaya thành lập.

26 « — Động đất lớn ở Skopje.

1 Août — Bầu cử Tổng Thống ở Argentine.

5 « — Hiệp - định ngưng các cuộc thí nghiệm nguyên tử ở Moscou.

13 « — Nổi loạn ở Brazzaville.

14 « — Chủ tịch Quốc hội Algérie, Ferrhat Abbas từ chức và đứng qua phe đối lập.

27 « — Người Mỹ da đen biểu tình ở Washington chống chánh sách kỳ thị chủng tộc.

29 Septembre — Đại - hội Vatican II.

1 Octobre — Quân - đội đảo chính ở Honduras.

15 « — Adenauer từ bỏ ghế Thủ-tướng Tây Đức.

16 « — Thủ-tướng mới, của

Tây-Đức Ludwig Erhrad, lên cầm quyền.

17 « — Low Home thành lập Tân chánh-phủ ở Anh

16 Novembre — Đại Hội Liên-Phi nhóm tại Addis Ababa, Thủ đô Ethiopie.

22 « — Tổng Thống Kennedy bị ám sát.

24 Décembre — Huyết chiến giữa người Hy-Lạp và người Thổ nhĩ-Kỳ ở đảo Chypre.



VỢ. — Ô hay! đi dạo mát với tôi mà sao ông cứ nhìn nhỏ như mặt khỉ ăn gừng vậy?

## hoài vọng

✱ THANH-NHUNG (Tokyo)  
(Trong Tao đàn Bạch-Nga)

Những làn mây nâng hồn xa biển cả  
Rặng thùy-dương thăm thẳm lời chia tay  
Mắt luyến lưu đàn em đại thơ ngây,  
Vàng trán thâm trầm chiếc hôn của Mẹ;  
Vòng tay cha biến tôi thành nhỏ bé  
Phút sau cùng hồn ở lại quê hương.  
Xa vắng làm sao tiếng gọi lên đường  
Chân trời lạ bỗng đứng trở thành vô-nghĩa.  
Những bước đi trong điệu buồn thăm thía  
Kéo tôi rời thế-giới-mộng ngày xưa,  
Và con chim trong sân gió đợi chờ  
Giang cánh rộng chở đi niềm lưu-luyến  
Rời cũng nương theo nhịp đàn gió chuyền  
Xứ lạnh âm thầm tiếng nấc về tim.  
Trong gió trong mây nghe tiếng êm đềm  
Của thương nhớ bay sang từ quê mẹ.  
Trời Đông-kinh có mùa thu nắng hé  
Có những chiều buồn mây xám đậm chiều  
Nhưng tìm đâu nghìn lá gió đập đầu  
Và trắng sáng những đêm sâu rất lạ,  
Trời Đông-Kinh có mùa thu rộn rã,  
Có muôn màu tô diêm phố tươi vui;  
Nhưng tìm đâu hoa lá nở ven đời  
Nhưng tà áo phất phơ thăm ước hẹn.  
Niềm thương nhớ không làm sao đè nén  
Nên Đông-kinh rồi cũng thấy điêu tàn.  
Ôi áng mây nào vượt bể mênh mang  
Xin chớ lấy hồn tôi về xứ mẹ.





# THÔNG

★ Đại-Đức  
THÍCH-LIÊU-MINH

hồn người Việt : đã thai sinh ra nền văn hóa khiêm từ, trí tuệ, linh động, Đức-hậu tằm tiếng suốt mấy nghìn năm.

Kính thưa đồng bào,

Chúng ta rất hân hạnh là được sinh trưởng trong một quốc gia mà văn hiến trên 4000 năm hưng thịnh, truyền thống giòng dõi hồng lạc Tiên Rồng : Một nhân chủng giàu mỹ-đức, đầy ưu-ái, phong-phú, ý-chí hào hùng, truyền cảm tình vi bén nhạy.

Vài thăng diềm trên đây đã là nguyên tố quan yếu trong vấn đề kiến lập nền văn hóa nước nhà qua sự dung-hòa học thuyết tiên nhân, nuốt trọn cỗ kim Đổng phượng. Đề tiêu hóa thành thịt, thành xương, thành huyết quản, chạy rần trong linh

Nền văn hóa ấy là mạch sống chính của dân-tộc, sự cường thịnh của giống nòi đã un đúc các anh hùng cái thế như : Nguyễn-Huệ, Lê-Hoàng, Hưng-Đạo, Trần-Quốc-Tuấn... Là những Alexandre, những Napoléon đất Việt, đã vùng lên lập quốc, chống xâm lăng, mở mang bờ cõi từ sông Dương-tử đến mũi Cà-Mâu, đã bao lần đánh bại quân Tàu, cứu giống nòi đập tan Quốc hiệu « Xích quỷ » (loài quỷ đỏ), Giải phóng nhục nhả quốc hồn. Khai quang những thuần trình dân Việt kiến tạo đô thị Thăng-long, mà kỹ sư là Hòa Thượng Vạn-hạnh, một tác-phẩm

# CẢM GIỮA ĐỒNG BÀO PHẬT - GIÁO và THIÊN-CHÚA GIÁO

Đại-đức Thích-Liêu-Minh, 26 tuổi, là quản-đốc, Giáo-sư nhiều Phật-học đường miền Nam, là Giảng sư giáo-hội Phật-giáo V.N. và cố-vấn Tổng-liên-đoàn học sinh Phật-tử V.N.

cực kỳ quý giá, trong thế giới thời bấy giờ, bởi tác phẩm ấy ý nhị vô song, đã tổng hợp được cở kim thánh y. Về giao tế với Đại-bang, ta đã đường hoàng thẳng phục họ, điều vinh hạnh nhất là ta đã làm thầy vua Trung hoa trong các thời nước Tàu cực thịnh, ấy là thiên sư Dục-Giám, hòa thượng Phụng-Đình mà tiền sử đã chứng minh thật sự, đã xuất khẩu thành thi một cách xuất-thần siêu việt, Tống triều kinh sợ, nay danh sử vẫn còn vang ấy lại cũng là các nhà sư : Sư Đỗ-Thuận... đã lột xong nhãn hiệu dân « suy vưu » (giống người xấu xa tội lỗi) do xâm lăng Trung quốc đặt ra. Những việc trên

đã làm cho vẻ vang nòi giống, bao cường quốc gần ta phải khiếp uy danh không những không dám vãng lai đô hộ mà có lần phải đón mời Nguyễn-Huệ sang cống dâng Công-Chúa (thời vua Càn-Long nhà Thanh), mong cho quốc thể được an toàn khỏi bị nước ta thôn tính. Trong thời gian ấy, từ thế kỷ thứ 11 đến cuối thế kỷ thứ 17. Nếu tìm hiểu về anh hùng và cường quốc Đông-phương, tất không phải là Ấn, Nhật, Trung-hoa, Mã-lai hay Nam-Dương, Miến-điện mà có lẽ là ở Việt-Nam, qua nhiều sử sách như đã xác nhận vậy, và trong thời ấy cũng chỉ có ở Việt-nam ta mà thôi.

Nhất là cái thời đại Lý Trần (1010—1413) thời đại văn hóa đạo đức nước nhà cực thịnh — bởi người dân sống đúng theo nền đạo lý của Phật-đà, vua tôi hiền từ như những vị chơn tu trong thiền viện, ngục hình lao xá như không còn người lai vãng, và phần lớn đã biến thành trường học hoặc nhà mát v. v.

Thư đồng bào,

Chúng tôi cũng như nhiều cha cố chân tu, không hay làm việc kẻ công hay hoài cớ, trong dịp xuân về cùng vạn vật đem lại nguồn vui, ánh sáng cho mọi người n... Bởi bản lai dân ta — Người Việt thật — giống người còn nguyên vẹn bản chất tiên long, chưa bị lai căn hay văn hóa đời phong du-nhập. Con tim và khối óc vẫn giàu mỹ cảm trinh trơ, những người ấy — Những tiên nhân ta — việc làm của họ như một chim đại bàng bay trước gió, không hề không gian và hậu thế một vết tích gì (1) Vì ấy là người của nguồn sống tình thương, của lẽ phải, của hạnh vô trụ vô công kỹ, vô danh. Nhưng hoàn cảnh lịch sử quá quanh co, nên chúng tôi khơi lại vài điểm son chói lợi, để nói lên bản chất của giống nòi.

Kính thưa đồng bào,

Bản chất dân tộc ta như thế, song khi văn minh cơ khí tràn ngập cả địa cầu, nước ta cũng chịu chung số phận. Sau tám mươi năm đô hộ của người Pháp, suốt thời gian ấy, văn minh của họ đóng góp vào xứ ta một phần khá quan trọng, Ngoài những áng văn xây dựng, những kiến trúc quy mô thiện-xảo ra, theo mưu hoạch thâm cay chánh trị, họ đã cho khai sinh và du-hóa một thứ văn minh không lành mạnh, ấy là văn minh đời phong bại tục, đề đầu độc lớp tuổi xanh, làm giảm tiềm lực (Force latente) dân tộc trong đất nước, những độc-kế ấy thấy không thành công, họ cho thêm vào loại văn minh khác nữa, đó là thứ văn minh chia rẽ Bắc-Nam-Trung, gây kỳ thị trầm-trọng trong ba xứ Việt, họ đào tạo một loại Việt-gian nguy hiểm, chuyên dùng mưu độc kế, gây chia rẽ trong dân lành nhưng giống Lạc-hồng đầu óc quá, không đam mê, ít chia rẽ như họ đã nghĩ lầm. Sau cái chết cụ Phan-chu-Trinh (1926) những lớp thanh-niên đã ý-thức được, vùng dậy phản đối, lên án họ khắp nơi — xem phổ-thông các số cũ, mục « Tuần chàng trai nước Việt » — thất bại hoài,

nhưng vốn gian-hùng nổi tiếng giàu mưu-độc tinh-vi : Họ bí mật nhập nội một loại văn-minh chia rẽ, mới. Văn-minh mới này — Loại đặc-biệt — đồng bào đã thấy rõ, ấy là văn-minh gây « kỳ thị Tôn giáo », một thứ thuốc độc rất ít thấy ở cuộc đời. Họ đã thành công nhiều. Họ khai tử « Không-Mạnh » ở Việt-Nam gần toàn diện. Tiền bán thế-kỷ Hai-mươi, câu « Tử viết » (lời đức Không-dạy). Trong các học đường đã vắng ngắt, luân thường và đạo nghĩa, khuyến đảo như hoàn toàn. Phật-giáo khắp nước nhà chỉ còn là một phong trào « phục vụ cho xác chết » thần, ma cùng đồng cốt, vậy thôi, các chùa Thiền trong toàn quốc phần lớn chẳng mấy ai nhớ đến câu « Phật ngôn » (lời đức Phật dạy). Lớp tuổi xanh — lớp rường cột của giống giòng — Lâu ngày phần đông theo hấp lực (Force d'attraction) của tời tục, đam mê, phóng đảng, thích tân thời. Các cao trào cách mạng họ chẳng đoái hoài, phụng thờ Tờ-tiền, họ cũng lợi lạt, đền chùa lảng miếu đã xiêu vẹo, bảo tháp linh hùng, thành nơi hện

hồ... ! Nhưng sự kiện trên đây các nhà mô phạm, bậc anh hùng ái quốc đau khổ nát tâm hồn.

Lịch sử tuy đã cáo chung, nhưng sự kiện nguy-kịch trên vẫn còn tái-diễn trong trào chế độ Ngô-triều. Vấn đề kỳ-thị Tôn-giáo được họ Ngô vun bồi và củng dưng nhất, để làm lợi khí chính trong vấn đề tiêu diệt Phật-giáo Việt-Nam.



Thư đồng-bào ! Lịch-sử dân tộc Lạc-Hồng đã hân hoan lật qua trang mới, những sinh hoạt, những nếp sống đã đòi chiều, đang vươn lên, đang tiến mạnh trong tình thương. Những sản phẩm của gian tà vừa khai tử, nhưng nhiều nơi ở làng mạc, khu Dinh-diễn, một ít người như vẫn tiếc nuôi, cứ diễn tiến gây đau khổ cho giống nòi. Hơn vài tháng nay trong đất nước, nhiều nơi xảy ra những vụ tàn

sát hoặc vu oan, mà cứ gán rằng đó là « lý do Tôn-giáo » thật nhục cho Tôn-giáo quá. Bởi không Tôn-giáo nào lại có chủ trương như vậy, mà nếu chủ trương như vậy thì đâu còn là nghĩa Tôn-giáo, cho nên những việc hôm nay, những việc không hay xảy ra ấy là những kẻ gian hùng núp trong hình thức Tôn-giáo, chứ không phải là người cầu giải thoát mà vào Tôn-giáo, hay người vì cứu chúng sinh mà vào Tôn-giáo là người độc ác, mưu vinh danh trên xương máu giống nòi tìm kế tiêu diệt Tôn-giáo mà vào Tôn-giáo. Mà những hình thức Tôn-giáo là những lợi khí tế nhị nhất trong việc thực hiện âm mưu tằm tối của họ. Nhan nhản khắp nơi họ đã dùng lợi khí ấy mà bịt mắt, bịt miệng dân lành giữa ban ngày, lừa gạt đủ mọi thứ. Tình trạng buồn thảm của Tôn-giáo ngày nay ở Việt-Nam ta, là chỉ vì các hạng người đó. Sau vụ không hay ở Duy Tân Bình Tuy, ngày 4-1-64, tôi, Thượng Tọa Huyền-Minh, Đại Đức Thanh-Long, đại diện Ủy-ban Liên-Phái Phật-giáo Việt - Nam cùng các Đại-Tá đại diện Tổng-trưởng An-ninh đi điều tra và hòa giải việc ấy, mà sự đau lòng như đã lan rộng trong nhân dân, các ký giả nhiều nhật báo

đã nhiệt tình đến chùa Ấn-Quang Cholon tỏ ý tìm hiểu sự thật, và xin tôi có bức tâm thư trên báo chí. Ngày 10-1 tôi đã viết một bức tâm thư khá dài, nói hết nỗi lòng khoắc-khoải trước những việc xót xa cùng sự dung-hòa cảm thông đoàn-tụ các Tôn giáo trong một nhà, mà nhiều báo trong cũng như ngoài nước đã đăng trọn hoặc trích một đôi phần. Trong bức ấy, tôi đã viết lên rằng vấn đề kỳ thị Tôn-giáo là sản phẩm đặc biệt nhất của chế độ cũ vừa qua, chứ hoàn-toàn không phải là chủ trương của Thiên-Chúa-giáo, hay một Tôn-giáo nào khác. Những kẻ âm mưu thâm hiểm ấy, họ đã không sống đúng theo bản-ý của Thánh-hiền, mà lại còn là người phản-bội TĐ-tiên nòi giống. — Bà Âu-Cơ sinh trăm trứng, phải chăng toàn thề quốc dân ta đồng là con một mẹ, trong xã-hội Việt-Nam ta ngày nay? Ta nghi kỵ, thù-oán nhau, chém giết nhau, phải chăng ta tự-ý bày ra việc tiêu diệt nòi giống? Tiêu diệt anh em ruột của ta — nhục nhã. — Nhục nhã nhất là với TĐ-tông, với ngoại-quốc những tiếng chửi mắng, những giọng thù-hờn, cứ

nhả ra trên đài phát thanh, trong lời thề thốt! Trên đây đất thân yêu, như một giang phòng kính cần của ông bà ta, đã đổ bằng xương bằng máu tạo thành, để lại cho cháu cho con. Chúng ta đây thừa hưởng. Nhưng gian phòng ấy tại sao không tu chỉnh cho huy hoàng, chỉ vì một lẽ không thông cảm nhau hay vì người xúi dục mà cứ đánh nhau cho tuồng xiêu vách đổ, rồi một ngày kia gãy cột tan kèo phải chăng chỉ có « ngư ông đắc lợi ». Đồng bào đã thấy nhiều, suốt hai mươi năm trời, gian phòng nước nhà bị xục rục, máu xương và thi-thề giống nòi ta, đã chứa ngập cả núi rừng, tiếng chửi mắng, tiếng thề thốt nếu có hình, chắc đã đầy tràn vũ-trụ!

Lịch sử giống nòi sao mà tan thương đến thế?! Chắc không phải ở trời ở Phật mà chính ở lòng ta, vì quyền lợi, vì gì... gì? mà quên mất lời trăn trở — lời di-giáo của ông bà mà không thương nhau, không đùm bọc nhau, cảm kính nhau, hay vì quá thương nhau, bảo thủ nhau, vì lẽ sống nhau, mà gây đau khổ cho nhau, đề cứ giết nhau, giết mà chơi, giết mà giết, giết, giết hết, phải chăng ham sống đến nỗi sợ không còn ai

được sống? Đồng bào tưởng lại việc nội chiến của nước nhà, mỗi tuần qua bao nhiêu người chết, bao nhiêu người than thở chào đời? Gia đình tan nát và nghèo túng khắp toàn dân.

Một câu chuyện thương lòng mà tôi không bao giờ quên được:

Một ông già nơi đồng quê, phải di-dàn, mà tôi được biết; là sau vài tháng gia đình bị tiêu điều, ngày một bữa cơm, và cuối cùng ông không nỡ nhìn thấy đoàn con chỉ chút, sống điều linh, đói nhục, ông tự tử. Ôi! Những chuyện thương tâm như vậy, thật không phải ít! Phải chăng những triều đại không sáng suốt, đã xây thành trì và ngôi vị với nước mắt và xương máu của anh em?

Thưa đồng bào, ngày Xuân không phải là ngày của chúng ta nêu lên những đau buồn, những thống khổ, nhưng phải nói lên đề định hướng cho ngày mai. Trước khi sự thanh lọc chưa tuôn về kịp cùng toàn dân trong đất nước, các nhà lãnh đạo trong hai tôn-giáo, đều đã đồng-thanh khẩn thiết, kêu gọi sự ý thức của lịch sử giống nòi, hãy nhớ sống đúng theo tinh thần của tiền nhân giao-phố, và những lời vàng của các đấng giáo chủ khắp

Á-dông, ấy là khí-giới tối cần, đề ta tiêu diệt giặc Tham Sân Si trong lòng ta và nhân-loại để làm lại nguồn vui, lẽ sống, ánh sáng và gìn giữ đức quang minh. Vì nguyên tố ấy, là sự sống còn của vạn loại, và cũng là nguyên-tố chính trong việc cải cõi đời thành cõi thánh, cõi hiền, cõi Phật, trái lại.

— Hay thành thật và kính mến nhau ấy là lời của đức Giáo hoàng Phao-Lô đệ Lục.

— Hay thông cảm nhau. Hòa thuận nhau, ấy là lời của đức Tăng-thống Thích-Tịnh-Khiết.

— Ngu Tăng này không dám nói gì lên, cuối lời, chỉ một lòng

thành thật nguyện Phật, trời, ông bà gia hộ đồng bào, mong đồng bào nhớ nhau : « nguyên chúng ta là con đồng một mẹ ».

Kính thư,

Sa-Môn : Thích-Liêu-Minh  
(Phật học đường Nam-Việt)

1.— Một hôm vua Dũ-Tôn nước ta (1706-1729) làm lễ hạch ngài hương-hải Thiền-sư : « thế nào là ý của Phật » Ngài đáp : Nhận quá trường không, ảnh trâm hàn thủy. Nhận vô di-tích chi ý, thủy vô lưu ảnh chi tâm : Nhận liêng giữa không, bóng chìm đáy nước. Nhận không để dấu ở lại, nước chẳng lưu bóng làm chi.



✱ GAN DẠ PHI THƯỜNG

Hàng năm, vòng đua Buffalo ở Ba-Lê có tổ chức nhiều cuộc đua xe hơi cũ (stock-cars). Xe đem ra đua phải là loại xe ra đời trên 20 năm. Xe đua phải có mui dày bằng « tôn » và tra cần trước, cần sau rất chắc chắn.

Khi đua, các tay-đua được phép tìm cách hại nhau, ủi nhau, húc vào đuôi xe nhau cho lật, chệt nhau v.v... nghĩa là tìm đủ cách hại địch thủ để dành phần thắng cho mình. Thật là một cuộc đua tối nguy hiểm. Nhiều chiếc xe đang chạy bị húc, lật 3, 4 vòng rồi văng dầy chạy như điên.

Anh-hùng vòng đua này là một người Pháp tên Paul-Dua. Nhiều địch-thủ thấy Dua là khiếp vía. Chàng đã có lần về nhì với chiếc xe còn 3 bánh.

Paul-Dua tuyên bố : Mỗi năm tôi vào năm nhà thương trung bình hai tháng. Và cũng trung bình mỗi năm tôi làm nát 100 xe hơi và làm hư 400 chiếc khác.

Đó là một người xem cái chết như trò chơi !

tháng năm dài

✱ N. TUYẾT-ANH  
(Đà-nẵng)

Đưa con gái trĩu sầu  
Chiều nay nhìn nắng nhạt  
Mà nghe hồn rung đau  
Mà nghe tình tan tác

Mắt gầy chiều nghiêng bóng  
Người ta đi xa rồi  
Nó quay về mòn mỏi  
Tóc vương dài lên môi

Xưa người ta yêu nó  
Làm thơ trong âm thầm  
Tình yêu không tiếng nói  
Buồn đi vào thâm tâm

Đưa con gái hững hờ  
Đã quan niệm tình yêu  
Là xây trên nhung lụa  
Là gắm hoa mỹ miều

Người ta không có gắm  
Đề kết hoa tình yêu  
Đề cài hoa lên áo  
Đưa con gái tự kiêu

Người ta về cúi mặt  
Mưa võ vàng tâm tư  
Lối mòn cây lá rữ  
Hoàng hôn giăng sa mù

Nhưng mỗi chiều phai nắng  
Tâm hồn nghe cô liêu  
Đưa con gái chợt hiền  
Thế nào là tình yêu

Cuộc đời như vô nghĩa  
Khoảng thời gian xa nhau  
Tìm quên trong sách vở  
Khi gió tràn đêm thâu

Đưa con gái trĩu sầu  
Ghi vào lòng nhật ký  
Chuyện tình yêu mưa ngâu  
Xa cách đường thiên-lý,

# PHẬT-GIÁO và CÔNG-GIÁO

## NÊN ĐOÀN KẾT

### để chống chủ-nghĩa duy-vật



Linh-mục Fernand Parrel, giám đốc văn-phòng xã-hội Việt-Nam là một nhân-vật rất có uy-tín trong Hội Truyền-giáo Việt-nam. Ông ở xứ ta đã lâu năm, nội tiếng Việt rất thông-thạo, viết Việt-văn rất trôi chảy, và hiểu thấu đáo các vấn đề tôn-giáo và xã-hội Việt-nam. Phở-Thông Tạp-chí hân-hạnh đăng bài sau đây của Linh-mục, cùng một lúc với bài của Đại-dức Thích-Liễu-Minh, chứng tỏ ý-chỉ đại đoàn kết tôn-giáo trước hiện tình trầm trọng của nước nhà. Chúng tôi cảm-động nhận-thức thiện-chí rất đáng khen của Linh-mục Parrel, cũng như của Đại-dức Thích Liễu-Minh.

PHỞ-THÔNG TẠP-CHÍ

★ Linh-mục PARREL

Có lẽ không có hình thức chiến tranh nào đáng buồn hơn, ác liệt hơn và do đấy đáng tránh hơn là hình thức chiến tranh, mà trong đó các tín đồ tôn giáo này nổi dậy chống với tín đồ tôn giáo khác. Hình thức chiến tranh này cũng kinh tởm hơn cả nội chiến.

Bởi vì, trong chiến tranh tôn giáo, người ta chém giết nhau, không phải vì một ý thức hệ thuần túy, hoặc vì một lý do chính trị mà vì một chủ nghĩa thần bí, một tâm trạng cuồng tín, có sức chiếm đoạt toàn vẹn con người và biến nó thành ác quỷ.

Nhưng than ôi ! trải qua lịch sử, nhân loại đã lắm phen phải chịu đựng những cuộc tàn sát ghê tởm và kỳ dị đó. Âu-châu đã từng ném tai họa kinh khủng ấy và hiện còn giữ một kỷ niệm đau xót, ngay ở những đền đài tráng

## PHẬT GIÁO VÀ CÔNG GIÁO

lệ nhất và những ngôi đại thánh đường nguy nga, đồ sộ nhất. Tại Á-Châu, tai họa ấy cũng xảy ra nhiều lần. Những pho tượng bị tàn phá ở ngôi đền Angkor Vat là cả một bằng chứng sống động. Gần đây hơn, hẳn chúng ta còn nhớ những biến động đẫm máu bùng lên tại Ấn-độ vào 1946 giữa tín đồ Hồi-Giáo và Bà la môn. Những cuộc biến động ấy lại tái diễn trong những ngày vừa qua. Còn về những cuộc xô xát Do Thái và Á Rập, thì tình hình hiện càng thẳng đến mức mà chỉ tia lửa nhỏ cũng đủ là bùng cháy cả một kho bom đạn đầy ắp.

Ở Việt-Nam ta, cách đây vài tháng, nếu hàng giáo phẩm Công giáo không lên tiếng kịp thời, nếu Đức Giáo Hoàng không đích thân can thiệp để rao giảng hòa bình và nếu về phía mình, các vị lãnh đạo Phật giáo không minh xác rằng họ không có gì phải phân nân về Giáo Hội Công Giáo và đồng thời nếu họ không tỏ ra có tinh thần sáng suốt, biết phân biệt một vài cá nhân Công giáo với Giáo Hội Công giáo thì một cuộc chiến tranh tôn giáo hẳn đã không tránh khỏi. Nhất là khi một số báo chí Tây phương hoặc vô tình hoặc hữu ý đã tung ra những luận điệu sai lệch, có tính chất kích động một cuộc chiến tranh tín

ngưỡng mà hậu quả là chỉ có lợi cho Cộng sản.

Nhưng may mắn thay ! Con giông tố đã qua ! Bầu trời tôn giáo đã trở nên quang đãng. Niềm thông cảm giữa hai bên Công Giáo và Phật Giáo ngày càng hiển hiện. Và giờ đây, bổn phận của mỗi người Công giáo cũng như Phật Giáo là duy trì cũng cố hòa khí giữa những người cùng chung lý tưởng : duy trì đạo lý và đề cao sự tối thượng của tinh thần.

Từ nay, tinh thần hữu đó càng dễ thắt chặt hơn, vì không khí bất hòa đã tan biến, vì tinh thần bao dung và hòa ái đối với các tôn giáo được đề cao tại Công đồng Vatican, vì các Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII và Phao-lô VI đều được toàn thể thế giới kính mến và khâm phục, vì mọi người càng ngày càng cảm thấy phải mở đối thoại và sau hết giữa Công giáo và Phật giáo vốn có một địa hạt cộng thông.

Địa hạt cộng thông này chính là các nguyên tắc từ bi hỷ xả, bác ái, vị tha, bao dung và bất bạo động vốn là những nguyên tắc mà những tín đồ chân chính, Công giáo cũng như Phật giáo không thể không tuân giữ.

Nếu tín đồ của hai bên đều chân thành noi theo các quy tắc

vàng ngọc đó, tất không thể xảy ra va chạm, xô xát. Nếu vạn vật có xảy ra những sơ suất, va chạm, người ta cũng sẵn sàng tha thứ cho nhau để đi tới một giải quyết êm đẹp. Dù thuộc tín ngưỡng nào, đã là con người thì không ai tránh được lầm lỗi trong lời nói cũng như trong hành động. Điều quan yếu là cần có một tâm hồn rộng rãi, một nhận định sáng suốt để đừng biến những lầm lẫn cá nhân thành một kích động quần chúng lớn lao.

Thái độ khoan dung (1) đối với người Công giáo chân chính là biết yêu thương mọi người như mình kể cả người thù như lời Chúa Ki-Tô dạy: « Chúng con hãy yêu nhau như Thầy đã yêu thương chúng con », nghĩa là yêu đến chết trên cây thánh giá, bởi vì « không có bằng chứng yêu thương nào đẹp đẽ hơn sự hy sinh tính mạng vì kẻ mình thương. »

Thái độ khoan dung (1) đối với người Phật tử chân chính là tuân theo lời Giáo huấn của Đức Phật, biết từ bi hỷ xả, lấy đức báo oán, tôn trọng sinh mạng của mọi chúng sinh, kể cả loài cầm thú.

Trong chuyến đi Bình Tuy vừa qua, tôi đã có dịp đàm đạo

với một cao tăng và chúng tôi đã cùng thừa nhận rằng giữa Công giáo và Phật giáo vốn có một nền luân lý tương đồng nên không có lý do gì lại xô xát nhau để làm tổn thương đến nền luân lý mà bên nào cũng chấp nhận và cố võ.

Nói đến Tôn Giáo, tức là nói đến Tinh thần, đến Thiêng liêng. Dù Công giáo hay Phật giáo mọi tín đồ chân chính đều tin tưởng vào Tinh thần, hơn nữa vào sự tối thượng của Tinh Thần. Đó là một gạch nối quan trọng giữa hai bên.

Trong giai đoạn hiện tại, chúng ta, Công giáo cũng như Phật giáo, đều cùng có một kẻ thù chung. Đó là chủ nghĩa duy vật vô thần (chúng tôi nói chủ nghĩa, chứ không nói cá nhân) đang nỗ lực để tận diệt mọi thứ tôn giáo. Để chống lại hiểm họa này, chúng ta phải đứng dậy, cùng nhau liên kết thành một mặt trận tinh thần chung.

(1) Trong bài diễn văn đọc vào dịp « ngày Tôn giáo thế giới » vừa qua, ông Mai Thọ Truyền, Phó chủ tịch Đại Hội Phật giáo Thế giới đã bài xích tiếng « khoan dung » và đề nghị dùng tiếng « hòa hợp » (accommodement) để thay thế.

Điều làm cho người Công giáo cũng như Phật giáo không thể chịu được, chính là việc cướp mất linh hồn con người, bởi vì chính nhờ linh hồn — chứ không vì thể xác và các dục vọng xấu xa — mà con người cao cả và giống hình ảnh Thượng-đế.

Cho nên, chúng ta hãy đoàn



### ★ MÃNH LỜI

Hôm đó Winston Churchill phải nói trên đài phát thanh, nhưng vì vui câu chuyện với bạn, nên suýt phải đến trễ.

Ông gọi một chiếc tắc-xi và bảo người tài-xế đưa gặp mình tới đài B.B.C.

— Tôi không thể đưa ông đi xa được. Người tài-xế nói với khách.

— Sao thế ? Churchill hỏi.

— Là vì hôm nay, tôi phải nghe ông Churchill nói chuyện.

Ông biết ông Churchill không ? Đó là một nhà hùng biện đại tài của nước Anh !

Được người khen ngợi, Churchill như mở cờ trong bụng rút tờ bạc 1 Anh-kim đúi vào tay anh tài-xế :

— Thế này thì chắc anh bằng lòng chứ ?

Người tài-xế nhìn ông khách, nở một nụ cười đàng-dĩm, và đặc ý :

— Vậy xin mời ông lên xe kéo trễ, ông Churchill ạ.



# ÔNG TÁO

là ai?

**TẠI SAO MỖI NĂM,  
ĐẾN 23 THÁNG CHẬP,  
ÔNG TÁO LÊN CHẦU  
TRỜI ?**

Trong các bạn đọc giả, cũng còn có người chưa rõ sự tích thế nào mà phần nhiều chúng ta, đến ngày 23 tháng chạp, lại làm lễ đưa ông Táo lên chầu Trời.

Đáng lẽ là nên gọi hai ông Táo và một bà Táo vì chuyện ấy xảy ra trong ba người.

Xưa, xưa lắm — trong các

tích thần thoại, khi nào cũng in trong trí rằng thật xưa lắm — ở nơi địa hạt nào chẳng biết, chắc là ở đâu bên Tàu, vì sự mê tin của người Việt ta cũng cho từ bên ấy mà qua, có một người tên là Trương tử Quách không được rõ lắm — mà tích truyện cho biết rằng Tử Quách là một người thông minh trí-tuệ đủ ngón điệu của tài tử là: cầm, kỳ, thi, họa. Tử-Quách chẳng có nghề gì hết, lúc đó kinh tế khủng hoảng e chưa sinh ra — nói thật nghiệp không bằng nói vô nghiệp đúng hơn — vô nghiệp như Tử Quách cũng đủ no ấm mà đánh đàn, ngâm thơ sung sướng như tiên, như thánh. Tử Quách có một cái nhà tranh nhà nhỏ đủ che mưa nắng. Chung quanh nhà, lại có miếng đất trồng lúa bắp, sắn khoai

tùy ý, gần nơi vườn của Tử-Quách có cái rừng đủ thứ, khi nào cần đến, Tử Quách xách cung ná đi bắn đem thịt về ăn, áo quần thì cũng không lo, có vợ ở nhà chăm nom may vá, vì Tử-Quách đã có vợ rồi.

Vợ Tử-Quách không phải như hạng vợ đời nay, hề chồng đi vắng thì lại đèn chọi em đánh tứ-sắc hay có khi đi... mà không ai biết. Vợ Tử Quách cũng chẳng biết thoa phấn, tô son, diện áo bành bao, như các cô Việt Nam tân thời, mà cả ngày chăm nom làm lụng, lo cho chồng không thiếu thốn cái chi.

Chồng tài sắc, vợ hiền lành, có lẽ còn cặp vợ chồng nào sung sướng như ở trên trời đất. Thế mà hai vợ chồng Tử Quách không lấy cảnh đầm ấm ấy cho là vui, vì trong chời tranh chỉ có hai vợ chồng trợ trợ mà thôi.

Năm này qua năm khác, Tử Quách muốn có con, mà chẳng thấy mới phát buồn. Người buồn hay tìm trò giải trí, có kẻ giải trí bằng giọng tình-tang của đờn, có kẻ giải trí bằng bài thi câu hát, có kẻ giải trí bằng cách làm bạn với ả phù dung, có kẻ giải trí bằng sòng

đồ bạc, Tử-Quách giải trí bằng tiệc rượu say sưa.

Tử-Quách uống rượu: không phải uống một đôi ly cho bỏ gận cốt hay để ăn cơm cho ngon, Tử Quách uống cho bao giờ say vùi quên được nỗi buồn, uống cho đến khi không còn thấy cái ly, bầu rượu mới thôi. Một lần, hai lần, người vợ hiền lành không dám nói, nhưng thấy chồng càng ngày càng đi xuống vực sâu, quá thương chồng mà phải tỏ đôi lời can gián. Nhưng những người đánh bạc, hút thuốc phiện, uống rượu, thường cho cứ chỉ mình là có lý, và không muốn cho ai nói phải trái với mình. Vì vậy mỗi lần vợ Tử-Quách, có nói đến, Tử-Quách chửi rủa, và gia đình Tử-Quách không được yên tịnh như lúc xưa nữa.

Một hôm vợ chồng rầy rà thế nào đến nỗi Tử-Quách đuổi vợ đi.

Quá thương chồng, vợ Tử-Quách bước đi không sao khỏi rơi lụy. Biết đi đến đâu bây giờ? Nhà cửa không có, cha mẹ bà con chẳng còn ai, vợ Tử-Quách liền vào rừng, đâu có gặp thú dữ cũng không tiếc gì thân nữa.

Nhưng may, vào đó vợ Tử-Quách lại gặp được một người đi săn đem về ở, mãi lâu vợ Tử-Quách buộc phải lấy người ấy để ăn đậu ở nhờ; thế mà trong lòng cứ tưởng nhớ đến luôn Tử-Quách, chẳng biết người đã chưa bỏ thói xưa, hay là có no cơm ấm áo không?

Cái khổ lòng của vợ Tử-Quách khi ấy kể sao cho xiết.

Ngày lụn, tháng qua, đã mấy năm trời hai vợ chồng Tử-Quách chẳng có tin tức gì của nhau hết. Một hôm — đêm ấy là đêm 23 tháng chạp, tiết đông trời mưa gió lạnh lắm, người đi săn nói với vợ ở nhà để mình đi kiếm thịt. Bước ra đi đã lâu, vợ trông hoài không thấy, nóng lòng đẩy cửa ra xem, thì giết mình, ngoài hiên có một xác người đứng đó, áo quần không đủ che thân, vợ Tử-Quách nhìn một hồi mới rõ đó là chồng mình.

Hai vợ chồng cũ tái ngộ, sự vui mừng chẳng biết lấy gì đong! Tử-Quách mới kể nỗi tình mình, khi vợ đi rồi cũng còn uống rượu, mãi đến khi bán nhà cửa, bán áo quần, túng cùng mới biết hồi hận, rồi nghĩ đến vợ hiện, bước chân đi tìm để xin lỗi, vợ Tử-Quách thấy chồng khôn khéo,

vừa khốc lóc vừa đi quạt lè sười, dọn đồ ăn mà không tưởng rằng mình có ông chồng thứ nhì đang đi săn bắn.

Một tiếng gọi cửa, vợ Tử-Quách giết mình, nếu để người đi săn thấy được, thì chắc là không toàn tánh mạng cả hai người; liền nhẹ đẩy cửa sau đem Tử-Quách ra trốn dưới đồng tranh, rồi mới đi vào mở cửa cho chồng.

Người đi săn đã bán được một con thú, định thui ăn liền, lại đi ra sau, để lên đồng rơm mà quẹt lửa. Đồng rơm cháy, Tử-Quách chẳng dám hô môi, khi thấy lửa lên cao, vợ Tử-Quách liền nhảy vào chết theo chồng, chàng đi săn, không cứu vợ được, bực mình cũng đưa thân cho ngọn lửa thiêu luôn.

Ba người chết, nhưng hồn lên thăm Trời, Ngọc-Hoàng liền thấy lòng trung nghĩa của ba người nên phong cho chức Đồng trụ tự mạng định phục tảo phụ thân quân Trương xử gia, để ằng năm khám xét công việc trong gia đình mà tâu lên cho Thượng-Đề.

Vì thế mà mỗi năm đến ngày 23 tháng chạp là ngày ba người ấy chết, dân mê tín thường hay làm lễ tiễn chân để cho các ngài làm tờ tâu cho kha khá. ★

Ta mơ thành cái kẹo  
 Nằm gọn trong túi ai  
 Ta mơ thành chiếc lông  
 Ghép vào cánh chim bay  
 Ta mơ thành giọt nước  
 Hòa theo giòng Đại-dương  
 Ta mơ thành chiếc lá  
 Ôm gió tung muôn phương  
 Người ấy đi về xứ  
 Chim kia bay về vù  
 Đại dương trôi về xứ  
 Gió cuốn lá về xứ

Ta sẽ theo người trở về quê hương  
 Màu tre xanh, màu áo của yêu đương  
 Các anh họ Nguyễn đón chờ  
 Các em Lê, Trần mến thương  
 Chung quanh ta ngọc ánh Triều dương

Ngồi ánh Thái dương  
 Ta sẽ theo chim đến nghĩa trang Trung Việt  
 Cay nấp hóm hóm từng mảnh xương yêu  
 Ta lặng quý đáng đời vòng hoa nhớ tiếc  
 Một góc trời Nam rưng rục khói hương chiều

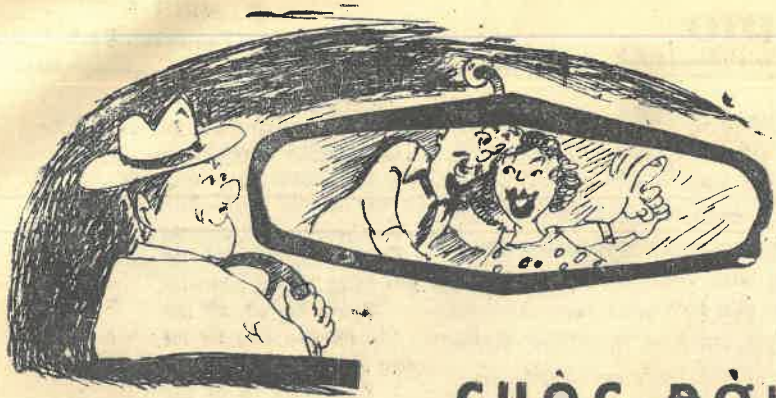
Ta tìm về nhà ai  
 Có gốc na, gốc ổi  
 Vuốt ve từng chiếc lá xanh rờn  
 Ta sẽ đón chờ đêm ấy tối  
 Đón những vì sao

Có vì sao nơi nào đẹp hơn.  
 Ta sẽ hái cành hoa ngâu, hoa lý  
 Cài lên ai mái tóc xanh xanh  
 Ta sẽ ra tìm nương dâu nương bí  
 Hoa quả thân yêu trĩu đất lành

Nhưng! ta không là cái kẹo  
 Để cùng người về quê hương  
 Ta không là chiếc lông  
 Để theo chim, tìm đến xứ yêu đương  
 Ta không là giọt nước  
 Hòa vào giòng Đại-Dương  
 Cũng không là chiếc lá  
 Tung gió bay muôn phương

Nơi đây xa xôi lắm  
 Đêm đêm chờ mộng về  
 Gối chăng ôm hôn tử  
 Buồn lên, buồn lê thê.





## CUỘC ĐỜI trong tấm kính chiếu hậu

\* Trọng - Tấn

### XI. — ĐI « DIỆC » MỘT CUỐC ĐẦU NĂM

TÔI nghe nhất định không sai. Rõ ràng là nàng đã nói với tôi câu này :

— Ê, đi « DIỆC » không anh ?  
Bữa đó là đêm 30 Tết. Hầu hết những kẻ nào có gia đình đều đã rút lui về nhà để lo sửa soạn đón Xuân. Ngay cả đến các đồng nghiệp tôi, chỉ trừ một số ít những kẻ còn cần chạy tiền vào giờ cuối cùng để sắm sửa lễ vật cúng ông bà thì phải xách xe chạy thôi ; ngoài

ra ai cũng cảm thấy cần phải rút lui về tổ ấm trong giây lát sau một năm trời làm việc quần quật. Tôi là một kẻ tứ cố vô thân, chuyên sống cảnh cơm hàng, cháo chợ, vợ... không có. Bởi vậy tổ ấm của tôi chỉ có thể là chiếc Tắc-xi. Sống như thế kẻ ra cũng tiện : Thân quyến tôi sẽ là tất cả mọi người ; mái nhà tôi sẽ là cái mui xe bốn ngựa, có thể mở ra được để ngắm trăng sao, nếu có ; bàn thờ gia tiên của tôi sẽ là cái « *táp-lô đờ-bo* » (Tôi chỉ cần nhắm mắt lại để tưởng tượng ra cái cảnh khói hương nghi ngút là đủ thấy ấm cúng rồi !).

Không biết nên cho câu chuyện ăn Tết hi hữu này của tôi là chuyện hên hay xui ? Có điều chắc chắn là năm xảy ra câu chuyện này, tôi đã có dịp được sống với những rung cảm vô cùng đặc biệt.

Nàng là một thiếu-nữ không đẹp nhưng cũng không xấu lắm. Nàng có vẻ đang đứng đón xe ở một góc phố thiếu ánh sáng gần đường Công-Lý. Lúc đó vào khoảng 10 giờ đêm. Xe tôi chạy ngang qua chỗ nàng đang đứng đợi, và tôi đã đậu xe lại theo đúng tư cách của một anh tài xế Tắc-xi có lương tâm nghề nghiệp.

Nàng đi gần lại cửa xe tôi và mỉm cười thốt ra câu nói trên :

— Ê, đi « DIỆC » không anh ?

Tôi không hiểu gì cả, nhưng vẫn nổi máu nghệ sĩ lên, gạt đầu bừa đi. Đạo đó tôi nghe giọng Nam chưa được rõ cho lắm, nhưng vì ít khi muốn làm mích lòng các bạn khác xứ, tôi luôn luôn cố gắng tìm cách dựa theo nét mặt của những người này để đoán ý nghĩ của họ.

Tôi còn đang phân vân chưa hiểu « *đi diệc* » là đi gì thì nàng đã lẹ làng mở cửa xe trước bước lên ngồi ngay cạnh tôi. Tôi vội vàng bảo nàng :

— Ấy, sao cô không ngồi phía sau có tiện hơn không ?

Nàng cười tình với tôi :

— Thôi để em ngồi trên này cho vui.

Nàng lại thở dài nói tiếp :

— Năm hết Tết đến rồi mà còn lang thang, buồn quá anh hả ?

Tôi không hiểu nàng định dùng câu nói đó để đề cập đến hoàn cảnh của tôi hay của nàng ? Nàng tự than thân trách phận về cảnh sống lang thang của nàng hay là thương hại giùm cho kiếp sống không nhà không cửa của tôi ? Tự nhiên tôi thấy mến nàng và đột ngột hỏi một câu, lẽ ra tôi không có quyền hỏi :

— Tên cô là gì ?

— Tên em là « *Tư Đờ-Gôn* ».

Kỳ lạ quá ! Tôi trông nàng chả có vẻ lai tí nào cả mà sao nàng lại có cái tên Tây như vậy. Tuy nhiên, tôi cũng chẳng muốn tò mò quá làm gì. Chợt nhớ ra bản phận tối thiểu của người lái xe, tôi vội hỏi :

— Cô về đâu ?

— Kê, anh cứ đi vòng vòng quanh vùng này cũng được rồi !

Tôi tự nhủ : « *À, thì ra « đi*

diệc» là đi dạo mát. Kề ra cũng tạm gọi là lý thú. Minh đang cô độc lắm, tự nhiên lại có người đẹp vừa phải, ngồi bên mình để lái xe dạo quanh phố phường, âu cũng là một điều an ủi đáng kể. Tôi cho xe chạy từ từ như một khách nhân du. Nàng đề tay lên thành xe, lộ đầu ra ngoài như muốn tìm kiếm một người quen nào đi ngoài phố thì phải. Tôi vẫn lảng lạng không nói gì và tự ý lái xe trên các phố vắng.

Thình thoảng tôi lại thấy nàng thò tay ra ngoài vẫy vẫy. Đoán chừng nàng muốn gọi ai, tôi cho xe chạy chậm hơn nữa. Nhưng rồi nàng lại bảo tôi:

— Thôi chạy đi, anh!

Cái trò «vẫy vẫy» và «thôi chạy đi, anh!» diễn ra đến 4, 5 lần, khiến cho tôi đâm ra hơi ngạc nhiên. Mặc dầu vậy, tôi cũng không muốn tìm hiểu làm chi cho mích lòng một người mà tôi thấy hơi miên mẫn. Xe chạy theo kiểu đó có cả giờ đồng hồ. Tôi vẫn ngậm tăm không nói gì với nàng cả. Có lẽ tại vì tôi hơi buồn cho số phận lang thang của mình.

Nàng thử dài bảo tôi:

— Chán quá! Hay anh lái xe về ngã đường đi Thủ-Đức xem sao?

Phải chăng đây là một nữ thi nhân sầu muộn đang cần đi tìm thi hứng vào một buổi tối gần Giao-Thừa đề sáng sớm hôm sau còn tiện có sẵn đề tài khai bút? Tuy làm cái nghề toàn «dầu mỡ», thật đấy, nhưng tâm hồn tôi lại là loại tâm hồn của các con người thích sống trong mơ. Do đó, tôi rất tôn trọng những phút thiêng liêng của tất cả những ai được coi là nghệ-sĩ.

Xe chạy đến gần cầu Bình-Lợi mà tôi vẫn còn phân vân vô cùng với hai chữ «*đi diệc*» của người thiếu nữ. Có lẽ «*đi diệc*» không có nghĩa là đi dạo mát đâu. Hay là cô ta nói «*đi dượt*» (đi tập dượt) mà tôi nghe không ra, chẳng? Đề thử xem lời đoán của tôi có đúng hay không, tôi bèn hỏi:

— Hay cô muốn tập lái xe?

Nàng thần thờ đáp:

— Cũng được!

Có lẽ tôi đã đoán đúng ý nghĩa của hai danh từ bí hiểm đó. Tôi ngồi sát vào cánh cửa xe bên trái, nhường chỗ cho nàng ngồi trước tay lái xe. Nàng nắm lấy vô-lăng và bắt đầu tập lái. Tôi choàng tay qua vai nàng để nắm chung tay lái xe với nàng. Thình thoảng tôi lại buông tay ra cho nàng tự do điều khiển chiếc vô-lăng.

Thế rồi, trường dạy lái xe bắt đặc dĩ của tôi cũng đành ngưng hoạt động, vì nàng đã bảo tôi:

— Thôi, em chả lái nữa! Anh cho em xuống đây đi!

Xe tôi vừa đậu ở chân cầu Bình-Lợi thì người thiếu nữ vội mở tung cửa xe ra chạy như ma bắt về phía bờ sông. Thôi chết rồi! Con mẹ này đi xe quýt tiền! Tôi vừa nghĩ vậy vừa đuổi theo nàng, miệng kêu ơ ơ. Đột nhiên, nàng lao mình xuống sông. Không kịp suy nghĩ, tôi đề nguyên cả quần áo phóng mình theo người con gái. Thì ra cô ta tự tử.

Tôi phải vất vả lắm mới kéo được nàng lên bờ. Nhờ trước kia có đi Hướng Đạo nên tôi cũng không đến nỗi kém cỏi quá về phương diện cứu người chết đuối. Trong lúc cấp cứu, vì sợ nàng dẫy dựa, tôi đã phải dìu cho nàng uống nước nhiều lần rồi mới kéo lên bờ. Cả nàng và tôi đều mệt đừ. Tôi bế nàng lên xe, đặt nằm phía bệng sau, lấy một chai dầu cù-là ra thoa bóp cho nàng cùng làm những động tác hô hấp nhân tạo.

Độ vài chục phút sau người thiếu nữ từ từ tỉnh dậy. Nàng bồng nín lấy áo tôi, kéo người tôi sát xuống nàng, khóc sụt sùi:

— Anh tha lỗi cho em! Em biết là tội em to lắm, nhưng vì hoàn cảnh bắt buộc...

— Cô nói sao tôi không hiểu?

Nàng nức nở:

— Em không kiếm được tiền trả tiền xe cho anh, em hối hận quá! Anh tử tế quá!

Tôi xoa tay:

— Thôi, việc đó có gì là quan trọng đâu mà cô đến nỗi phải hủy hoại thân mình.

— Nhưng đêm nay không có tiền chắc em không dám về nhà đâu. Từ chiều đến giờ em cũng chưa ăn cơm.

Qua những câu chuyện tâm sự, tôi đã được biết, người thiếu nữ ấy là một cô gái ăn-sương đón khách giữa đường, mới vào nghề. Thì ra «*đi diệc*» là một tiếng lóng của những cô nàng quen hành nghề đó. Nó có nghĩa là: «*Người chở xe cho các cô đi kiếm khách có quyền chia đôi số tiền mà các cô sẽ kiếm được. Nếu không kiếm được khách làng chơi thì cả anh lái xe lẫn cô gái sẽ cùng «*treo niêu*» luôn.*

Thông cảm hoàn cảnh lang thang của người con gái, và có lẽ cũng là đồng cảnh của mình, tôi đã mời cô gái về nhà cùng ăn một cái Tết nghèo trong căn nhà lá, nhưng rất uay thi vị và ấm cúng. Cả hai chúng tôi ướt như chuột lột, run run ngồi trước đống lửa kể lể chuyện đời với nhau.

# lặng lẽ

★ MẠC-LÊ-KIỀU

Nếu biết chắc ngày mai em phải chết  
Trời âm-u, mây xám cũng buồn xuôi  
Trong tim em muôn kỷ-niệm qua rồi  
Đem gói kín vào vuông khăn tuyết vọng

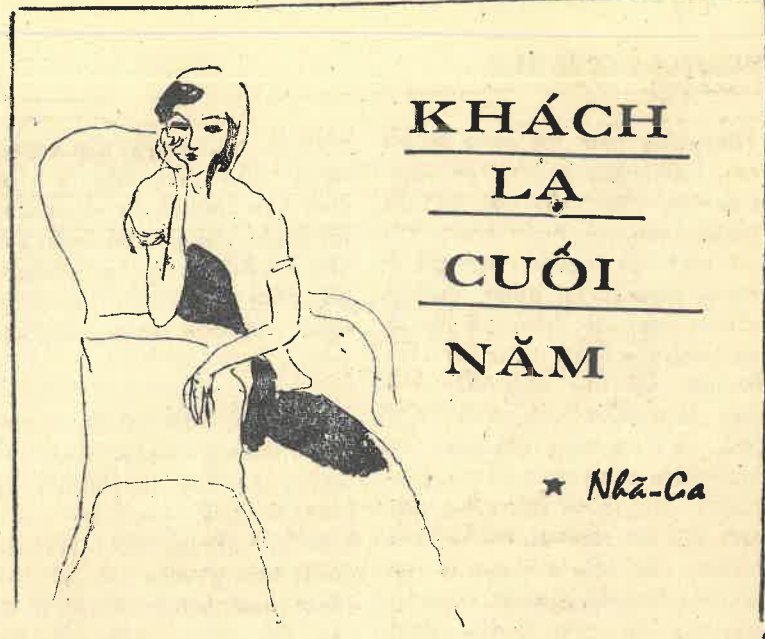
Anh biết đấy, suốt đời em lẻ bóng  
Tháng năm buồn hiu hắt xót xa yêu  
Sợ cô đơn, ôi ! lại vướng mưa chiều  
Chuyện tình ái chỉ mình em lặng lẽ

Nếu phải chết ngày mai ? em chẳng kè  
Có gì vui bảm víu nữa đâu anh ?  
Trót yêu thương, em biết trước không thành  
Vẫn ngu dại, từng đêm đêm tưởng nhớ

Ràng rịt mãi theo em từ nhịp thở  
Buồn theo buồn tiếp nối nhớ nhung thêm  
Tay đan tay ngăn tiếng gọi êm đềm  
Tên anh mãi đi sâu vào kỷ-niệm

Nếu em chết ngày mai anh có đến ?  
Một lần thôi, một lần cuối xa nhau  
Đề ra đi, em thấy đỡ u-sầu  
Vì mãi mãi không bao giờ khổ nữa !

1 - 1964



**T**ÔI mở cửa nhìn xuống đường, buổi chiều xe cộ giăng mắc và hình như đông hơn mọi hôm. Chắc chẳng còn người bạn nào tới thăm tôi nữa đâu ? Vậy mà tôi vẫn mơ ước có một con bạn nào đó đi ngang qua, ghé vào ngồi tán chuyện gẫu thì đỡ buồn biết mấy. Cả một buổi chiều rồi một đêm nay nữa, tôi phải ở nhà một mình. Mẹ tôi đi Đà-Lạt từ tối hôm qua, tôi không rõ mẹ tôi đi công việc gì nhưng tôi đoán chắc nhiều buồn phiền. Buổi chiều khi tắm xong đề sửa soạn đi, tôi thấy mắt mẹ đỏ hoe, chắc mẹ tôi khóc nhiều lắm. Tôi khó chịu, không phải là tôi không thương mẹ. Nhưng tôi sống ghẻ lạnh trong gia đình này trên mười năm. Thấy mẹ tôi mỗi người sống một nơi, tôi sống bên mẹ tôi như một mối thù hằn. Năm nay tôi gần hai mươi bốn tuổi và không có một người bạn trai nào hết. Không phải mẹ tôi nghiêm khắc không muốn cho tôi giao du. Nhưng tôi đã sống thường trực trong một trường sơ, mỗi tuần về nhà một lần. Tôi bỏ học gần hai năm, về ở với mẹ. Nhưng tôi ít đi đâu, thỉnh thoảng mẹ tôi cũng dẫn tôi đi mua sắm, mẹ tôi cũng cho tôi đi chơi. Nhưng tính tôi rút rút và tâm hồn đầy mặc cảm.

PHỒ-THÔNG — 120

199

Tôi tưởng như tôi đang bị bỏ rơi, luôn luôn bị bỏ rơi và ai sẵn sóc, thân mến với tôi thì tôi tủi thân, tôi muốn khóc. Tôi có một hai người bạn gái ở trong trường tu, thỉnh thoảng rồi họ vẫn tới thăm tôi, họ tỏ vẻ thích ngôi nhà tôi ở lắm. Đó là một biệt thự nhỏ nhắn xinh đẹp, đủ chỗ để trồng một vườn hoa, một vài bóng cây mát. Tôi không thích và cũng không ghét nó, ở đây hay ở đâu cũng vậy, tâm hồn tôi chắc sẽ không ảnh hưởng chi đâu. Tôi muốn gọi chị hai lên lâu cho đỡ vắng vẻ tôi thấy chị đang lúi húi dưới bồn hoa, hình như chị đang tía lá sâu cho cây mai vàng. A, thì thì ra mai vàng đã nở, mùa xuân đã tới rồi đây. Bỗng nhiên tôi thấy rạo rức. Hai mươi bốn tuổi sắp tới hai mươi lăm, tôi sẽ thành cô gái già trong biệt thự Xuân Thu này. Xuân Thu là tên mẹ tôi, còn tên tôi là Xuân Đông sao có tên ghép hai mùa oái oăm thế được, tôi ghét tên của tôi, sao mẹ tôi không đặt cho tôi những tên Hiền, tên Thục. Xuân Đông, đời tôi là những mùa Xuân hay Đông đây, sao tôi không tên Lê thị Đông Sầu. Tôi đưa tay ngoắc chị Hai, chị nhìn lên rồi lại cúi xuống, đã điếc mà còn mù sao. Thục mẹ tôi chán

hết sức, thuê người làm vừa đỡ người vừa điếc. Mẹ tôi bảo nuôi vậy khỏi nhiều chuyện, mẹ tôi muốn cái gì cũng buồn thảm hết. Tôi mang áo màu hồng, mẹ tôi cũng nhăn mặt, có gì vui đâu, sao con không đợi ngày cưới...

Tôi bỗng chú ý như có người thấp thoáng ngoài cửa, một người đàn ông, chị Hai liếc nhìn lên cửa sổ rất nhanh, tôi giả vờ kéo màn cửa lại. Người đàn ông đó là chồng của chị. Tôi thấy chị đi ra cổng, mở túi áo rồi dúi vào tay chồng một gói nhỏ. Người chồng vội vã đi ngay. Chị lại trở vào bên khóm hoa, lúi húi. Tôi bỗng tò mò muốn hiểu trong đầu óc chị nghĩ gì, tại sao chồng chị tới mà chị không mừng rỡ nhỉ. Tôi, nhiều lúc tôi cũng mơ ước được quen với một người bạn trai, được yêu một người bạn trai, vừa nghĩ thế tôi đã xấu hổ chết đi được. Nhưng ai cấm tôi được nghĩ thế? Năm nay tôi hai mươi bốn tuổi, sắp hai năm, còn mẹ tôi, mẹ tôi sinh tôi năm mười sáu tuổi. Chắc mẹ tôi cũng đã có một thời kỳ hạnh phúc.

Một lát tôi nghe bước chân chị Hai bước lên lầu, chị tới bật

công tắc điện, tôi nói sao bật điện sớm thế, nhưng chị không nghe tiếng tôi, chị lạng lẽ đi xuống nhà. Tôi bỗng rợn người, có cảm tưởng như tôi đang sống với một bóng ma. Liệu mẹ tôi có về kịp Tết, tôi sợ lắm, nếu mẹ tôi không về, mẹ tôi không về, chị Hai...

Tôi đến tủ lạnh lấy một trái nho tôi mân mê mãi cho tới lúc trái nho mềm nhũn, tôi ném xuống lầu, còn ki ki từ đâu chạy ra chồm vờn một lúc rồi tới ghéech chân vào gốc cây mai đá. Tôi đỏ mặt kéo kín tấm màn cửa và đóng cửa. Tôi ngồi vào bàn, mở cuốn nhật ký ra ghi. Tôi không biết ghi gì cả, cuối cùng tôi viết một giòng, tôi nhìn lại, tôi đã đề ngày tháng lên trên đó. Một ngày cũng sắp qua...

★

Lúc gần tối chị Hai bỗng gọi tôi nói là có người từ Đà-Lạt mang tin của mẹ tôi về. Tôi đi xuống phòng khách, trời có vẻ lạnh, tôi mang áo len đỏ, có mẹ tôi chắc bà không ưa màu này. Người thanh niên ngồi đợi tôi ở ghế sa lông thật xa lạ. Tôi không quen nói chuyện với người lạ, nhất là gã lại là con trai, tôi không biết chào hỏi bằng cách nào nhưng gã lại rất lém lỉnh. Chàng giới thiệu tên

chàng là Tuyên, Tuyên học luật khoa, mẹ tôi đã nhờ Tuyên đánh xe từ Đà-Lạt về, gửi cho tôi một lá thư báo tin là mẹ tôi không về ăn tết được. Mẹ tôi còn gửi cho tôi năm ngàn, bảo muốn làm gì thì làm, mẹ tôi mừng tuổi tôi. Nhưng tôi sẽ làm gì cho hết năm ngàn đó? Tôi sẽ giữ và trả lại khi bà về. Khi nghe tin mẹ tôi không về, tôi thậm nghĩ chắc thầy mẹ tôi đã làm lành với nhau, nhưng Tuyên tiết lộ cho tôi biết không phải vậy. Mẹ tôi hiện đang ở ngoài Nha-Trang với một người tình mới, người ấy là bác họ Tuyên. Tôi choáng váng gần muốn ngất, tôi ôm mặt mà không muốn khóc. Tuyên nhìn tôi ái ngại, chàng nói:

— Tôi được nghe kể rất nhiều về Đông, tại sao Đông cứ sống như vậy được. Đông không thể làm gì được sao?

Sự tủi hổ làm tôi nóng mặt, tôi tránh đôi mắt nhìn của Tuyên thì ra chàng đã biết nhiều về mình. Tôi không dám nghĩ trong đầu một điều gì hết, mắt Tuyên tinh thế kia, chàng sẽ đọc được tất cả. Tuyên lại hỏi:

— Bà má Đông không hợp nhau?

Tôi phải giải thích sao với chàng? Tôi muốn Tuyên ra khỏi nhà ngay, và tôi cũng muốn Tuyên ở lại. Chiếc xe đỏ của Tuyên ở trước sân màu đỏ bóng nhẵn thín, đông quánh. Tôi chưa nhìn thấy ai ăn mặc đẹp như Tuyên, bộ quần áo mùa đông của chàng thật hợp thời, tôi nhìn thấy bộ khuy tay áo của chàng bằng da. Tôi thấy ở các hàng không có bộ khuy áo nào giản dị mà đẹp như thế, Tuyên nói chuyện mà chàng ít nhìn tôi, khi nhìn chàng nhìn chăm chăm làm tôi mất hết mọi cử động. Tôi trả lời với chàng:

— Tôi không biết nữa,

Tuyên nhún vai:

— Tôi cũng không biết.

Ồ Đúng thế, chúng tôi chả biết gì hết, chúng tôi không biết nhưng sự thực là thế trong một lúc, tôi muốn bật khóc, tôi muốn ngã người vào Tuyên để cầu cứu sự che chở hay tôi muốn nài diên chạy lên lầu cao gieo người xuống. Mẹ, mẹ, sao mẹ lại làm thế, ba con đã làm gì? Mặc dù chưa bao giờ tôi nhìn thấy thầy tôi, tôi bỗng nhiên cảm thấy yêu thương thầy tôi không kể siết. Đêm tối xuống dần, Tuyên nhìn trời nói với tôi: Đêm nay đẹp quá. Tôi định ninh là Tuyên sẽ mời tôi

đi chơi. Nếu Tuyên mời tôi sẽ từ chối, bao giờ tôi dám đi như vậy. Nhưng Tuyên mời mình là được rồi. Tôi nhìn Tuyên chờ đợi, Tuyên rút bao thuốc lá cầm trên tay, nhấp nhấp:

— Lăn này về muộn quá, Đông cho tôi ngủ trọ ở đây có được không, tôi cũng có hỏi bà trên ấy. Bây giờ cũng đã tối. Tôi đi chơi quanh thành phố một vòng. Sáng mai tôi lên Đà-Lạt để kịp ăn Tết. Tôi trả lời vâng rất nhỏ. Tuyên đứng dậy. Chàng quên mời mình, tôi cố kéo thêm thì giờ để chàng có nhớ, tôi nói:

— Anh có cần gì không, để tôi kêu chị Hai?

Tuyên lắc đầu, chàng nói cảm ơn rồi chàng thản nhiên đi ra cửa. Tôi nhìn theo dáng đi của chàng lòng xao xuyến. Cảm ơn mẹ đã đem chàng đến với con, cảm ơn sự may rủi. Chiếc xe của Tuyên ra khỏi cổng, đèn pha chiếu sáng choang rồi đi mất hút. Tôi bỗng nhiên thấy vui vẻ lạ thường, tôi quên mẹ tôi bây giờ đang ở Nha-Trang, tôi quên chị Hai đang đứng nhìn tôi với con mắt dò xét. Tôi đi lên lầu, mở cửa sổ và hát một bài, bài chào mừng mà tôi đã học thuộc trong những ngày nội trú.

Bài hát đó không có nghĩa gì hết, nhưng tôi thấy hay vô cùng. Chị Hai gọi tôi đi ăn cơm, tôi bảo tôi không ăn. Chị làm thỉnh đi xuống. Chị ấy luôn luôn làm thỉnh thật khó chịu, nhưng tôi không giận và ghét chị như mọi hôm, chưa bao giờ lòng tôi cởi mở đến thế. Tôi đem nhật ký ra ghi lại, tôi nói rất nhiều, tôi nói tôi yêu tất cả, yêu cả mẹ tôi đang hú hí với nhân tình ở Nha-Trang, yêu cả mùa xuân thứ hai mươi năm. Cuối cùng tôi viết tôi yêu chàng. Thật chớp nhoáng và lãng mạn, tôi lãng mạn hết sức. Tôi không hiểu mẹ tôi đã nói gì tôi với chàng. Chắc mẹ tôi đã nói như thế này. Nó sống thật yên lặng. Nó yên lặng như con thạch sùng trên trần nhà. Chắc mẹ tôi còn nói như thế này nữa. Con đó nó sợ đàn ông. Nó đến đi tu mất. Không đâu mẹ ạ, con không muốn đi tu, con sợ sự chôn sống đó lắm. Tôi tắt đèn lên giường nằm, đêm tối mênh mông nhưng tôi bớt sợ hãi, tôi không còn thì giờ trống rỗng để nghĩ vẩn vơ. Tôi chỉ còn đủ thì giờ để nghĩ về chàng, để nói về chàng. Chị Hai đóng cửa đi ngủ, tôi nghe chị lâu lâu: Khuya rồi mà không về, ai hầu hạ được. Thôi chị cứ đi

ngủ đi, chị ngủ đi, cảm ơn chị, tôi sẽ mở cửa cho chàng. Bây giờ chiếc xe của chàng đang đảo quanh thành phố, đêm sâu và đen biết bao nhiêu, mắt chàng cũng sâu và đen. Liệu chàng có yêu tôi, tôi không cần biết nhưng tôi yêu chàng ghê gớm. Tôi tưởng tượng khi yêu nhau chúng tôi sẽ nói với nhau những gì? Chàng sẽ cùng tôi sẽ ngồi trên chiếc xe màu đỏ đó, tôi sẽ nói về mẹ tôi cho chàng nghe. Mẹ tôi cũng có một cuộc đời, tôi cũng có một cuộc đời, những cuộc đời sẽ ràng buộc nhau, sẽ trách nhiệm nhau. Nhưng mẹ, con đã xấu hổ vì mẹ nhiều quá. Tại sao mẹ làm thế, chàng đã nghĩ gì về mẹ?

Tôi chờ mãi chờ mãi mà không thấy chàng về, tôi mệt quá ngủ thiếp đi. Trong giấc mơ tôi thấy chàng cưới tôi, đám cưới thật tung bừng. Nhưng mẹ tôi cùng bác chàng cũng làm đám cưới. Tôi khóc, mẹ tôi bỏ đi. Tôi thấy cả thầy tôi nằm trong chiếc quan tài đỏ, ngay trong tiệc và tôi để tang. Chàng không chịu và chàng đi với với một cô gái khác. Tôi buồn rầu, tôi thất

vọng muốn tự tử. Tôi đứng trên lầu cao loay hoay muốn nhảy xuống, mọi người ở dưới la hét dữ dội, người ta van vỉ, người ta chửi rủa tôi. Tai tôi ù đi muôn lời sỉ vả. Nhưng tôi đã rơi, đã từ từ rơi xuống... Tôi giật thót người tỉnh dậy, muốn tiếng ồn ào vây quanh tôi. Tôi cố gắng định tâm mãi mới nhận ra tiếng còi xe nhận nh òi trước cổng. Tôi vội chạy xuống, chân đất ra sân mở cửa cho chàng. Tuyên lái xe vào sân, chàng có vẻ lạnh. Khi vào vào nhà chàng châm thuốc hút, mùi thơm của thuốc và khói ấm áp cả căn phòng. Tuyên nói:

— Làm phiền Đông quá, chắc Tuyên đã ngủ say lắm.

— Dạ, tôi vừa mới ngủ.

Tôi thấy tia mắt chàng như âu yếm tôi hơn. Tôi đứng yên trước mặt chàng chờ đợi. Chắc chàng sẽ nói gì với mình? Tuyên nhìn vào mắt tôi. Tôi hỏi hộp, nhưng mắt Tuyên đã lảng ra ngoài cửa sổ. Chàng đi tới đó đóng cửa, rồi vươn vai: Buồn ngủ quá. Tôi nói: Đề tôi chỉ buồn cho anh. Tôi đem chàng vào phòng mẹ tôi. Tuyên nhìn quanh phòng một lát, chàng cười:

— Trông ấm cúng lạ, chắc tôi sẽ ngủ ngon, cảm ơn cô.

Không có gì để nói với chàng nữa hết. Tôi nói chào chàng rồi lặng lẽ về phòng mình. Tôi gài chặt cửa lên giường ngay. Nhưng tôi cứ thao thức mãi. Đêm nay có một người đàn ông ngủ trong nhà tôi. Chắc chàng đã ngủ say lắm. Tội nghiệp chàng, cả ngày đường trường mệt mỏi. Chắc sáng mai chàng sẽ vui hơn. Tôi kéo chăn đắp kín người, tôi nằm nghiêng và mơ mộng.

Mùa Xuân vừa rón rén nhìn trộm tôi qua khe cửa. Tôi nghĩ thấy hương thơm tinh khiết của hoa mai. Tôi có cảm tưởng cây mai dưới vườn sáng mai sẽ vàng chói, mùa đông bớt dần lạnh lẽo... Mùa Xuân còn treo giá ngọc ở trên cao.

Buổi sáng tôi dậy sớm hơn thường lệ, vậy mà chàng đã sửa soạn xong, đang ngồi uống trà ở phòng khách. Thấy tôi chàng vui vẻ.

— Đông dậy sớm vậy, tôi đang chờ đề cảm ơn và chào Đông đây.

Tôi bỗng bàng hoàng cả người, chàng sắp từ biệt tôi.

Chàng sắp đi. Chiếc xe màu đỏ của chàng vẫn nằm chờ đợi ở sân. Tôi chưa thấy cành mai vàng nào nở thêm hoa hết. Hình như đêm qua gió còn làm rụng đi nhiều bông, tôi thấy vài điom vàng nym dưới gốc. Chị Hai đã pha trà cho chàng, tôi hỏi chàng đã ăn điom tâm chưa. Tuyên trả lời không cần. Tôi muốn nói với chàng, nhưng chẳng nghĩ ra một điều gì để nói. Tuyên nhấp ly trà:

— Đông ăn Tết ở đây một mình?

— Vâng một mình.

— Gan nhỉ.

Tội buồn bã cúi đầu, chàng ái ngại nhìn tôi, đôi mắt Tuyên bao giờ cũng đầy thương xót. Tôi chịu đựng sự thương xót đó cùng với nỗi tủi thân. Chưa bao giờ tôi thấy tôi tội nghiệp như thế. Đôi mắt đó lát nữa đây sẽ xa rời tôi. Biết đâu xa vời vĩnh viễn. Tuyên đặt ly nước xuống bàn, đứng dậy:

— Tôi phải đi, chúc Đông ở lại vui nhé.

Em không vui đâu anh ơi. Vâng, em cũng cảm ơn anh đã cho em một đêm xuân. Em chưa bao giờ nghĩ và sung sướng như thế này hết. Tôi đưa Tuyên ra tới xe. Chàng nhanh nhẹn mở cửa xe, ngồi vào tay

lái. Tôi mở rộng cổng, Tuyên cho xe chạy ra từ từ. Tôi nhìn theo từng bước xe quay. Tuyên dừng lại, thò đầu ra ngoài:

— Chào Đông.

Chàng cười rất tươi. Tôi cười lại mà buồn rơi nước mắt. Nhưng dù nước mắt có rơi được chăng nữa, chiếc xe của Tuyên cũng đã khuất rồi.



Buổi sáng đã lên cao, Tự nhiên, tôi thấy tôi cần phải bước đi và tôi lừng lững rời khỏi nhà. Tôi không thể trở vào căn nhà. Mênh mông này bây giờ. Dấu vết chàng (hay dấu vết số mệnh khốn kiếp của cha mẹ tôi, của đời tôi) còn trong đó nhiều quá. Tôi bước chậm rãi men theo lề đường, sương sớm còn nhớp nháp trên những thảm cỏ nhưng đã có một vài bông hoa dại nở.

Đi được vài bước, tôi nghe có tiếng chân chạy theo sau lưng :

— Cô Đông. Cô Đông. Cô đi đâu đấy. Không về ăn sáng à.

Chị Hai (lại vẫn chị Hai) đã chạy theo tới sau lưng tôi. Tay chị cầm một bó hoa mai, chắc mới ngắt trong vườn. Tôi dụ dằng bảo chị :

— Thôi chị về ăn trước đi. Tôi không ăn. Tôi đi dạo một chút đã.

Tôi vừa nói, vừa định bước đi, nhưng chị Hai vẫn đứng trơ ra đấy, bộ tịch cầu nhàu, khó chịu. Tôi sực nhớ lại là chị Hai

điếc, không thể nghe thấy câu nói dịu dàng của tôi. Tức mình tôi hét to :

— Chị cứ về ăn trước đi. Kệ tôi. Chị nghe thấy chưa.

Hình như chị Hai đã nghe thấy. Bó hoa nhỏ trên tay chị lung lay. Rất nhiều hình ảnh khác cũng vừa hiện ra và lung lay trước mắt tôi. Tôi cúi đầu xuống, nước mắt tôi dàn dụa từ bao giờ.



*THỎ.* — Gia đình lão cọp nhiều chuyện bí mật lắm cơ, bác cùi xuống đây em nói nhỏ vào lỗ tai cho mà nghe !

## cúc hoa

★ VIÊN-LINH



Gù lưng nghĩ một canh trường

Ở không cũng động muôn  
phương, cõi này

Ầm ầm mưa đổ bên tai

Cúc Hoa, anh ngủ nghìn  
tay kéo đầu.

Gù lưng tinh chuyện nông sâu

Tóc ta rơi rụng hồ châu lệ người

Đầm đầm máu nhỏ thân tươi

Cúc Hoa, em ngủ quên đời quạnh hiu.

Gù lưng đến xứ tiêu điều

Hai vai ác quỷ trong chiều thánh ca

Nơi em trời rộng, cây già

Cúc Hoa, thân thể quê nhà đã tanh.

MÌNH ƠI!

« Cartes postales »

VÀ THIỆP CHÚC

**TẾT**

DO AI BÀY RA ?

TỪ HỒI NÀO ?

**ÔNG** Tú ở tòa báo về, rút trong cặp da ra nào là thư, nào là cartes postales, thiệp chúc Tết, bỏ một đồng bự trên chiếc bàn nhỏ kê gần đầu võng. Bà Tú vội lấy dép và bộ đồ bà-ba cho ông thay để ông đi tắm. Bà ngồi xuống ta-pi, làm giúp cho chồng một công việc mà bà thích-thú nhất, là lựa các phong thư đề riêng một bên, cartes postales và thiệp chúc Tết đề một bên.

Ở phòng tắm vào, ông Tú mở tủ lấy một trái dừa khô, lấy dùi nhọn xoay một lỗ lớn

nơi mắt dừa, rồi lại ngồi võng. Ông cầm nguyên cả trái dừa đưa lên miệng, uống nước ngon lành... Ông lại thấy trên bàn có một quả bưởi, ông hỏi bà Tú :

— Bưởi ngọt không, Minh?

— Em biết mình ưa thứ ngọt-ngọt chua-chua, em mua đúng giống bưởi mình thích đây.

Bà Tú đang ngắm - nghĩa say mê mảy tằm cartes postales của bạn đọc ở ngoại-quốc và trong nước gửi về làm quà cho ông Tú trong dịp

Mình ơi!



Xuân. Bà bỏ đứng dậy lấy con dao gọt bưởi cho ông Tú, rồi ngồi xuống tapis cạnh võng tiếp tục lựa chọn và ngắm-nghia mấy tấm cartes postales... Bà hỏi ông Tú :

— Mình ơi, cartes postales và thiệp chúc Tết bây giờ sao có nhiều phong-cảnh và nhiều kiểu trình bày đẹp quá, Minh há !

Bà lấy một tấm đưa ông Tú xem. Nhưng Ông Tú đang ăn múi bưởi, la rùm lên :

— Bưởi chua quá, em ơi ! Chua kinh khủng !

— Mình đừng ăn vội, để chốc nữa cơm xong, lấy bưởi ăn tráng miệng không chua nữa đâu.

— Sao lạ vậy ?

— Tại Minh vừa mới uống nước dừa ngọt, ăn bưởi nó chua đây. Mình đừng thêm ăn nữa. Nè mình, Minh xem tấm carte postale này có đẹp không ? Ồ, em thích quá.

Ông Tú âu-yêm hỏi :

-- Em thích lắm hả ?

— Em mê, Minh ơi !... Minh cho em mấy cái cartes

postales và mấy thiệp chúc Tết này, để em làm collection nhé ?

— Ừ.

Bà Tú vừa sắp các tấm thiệp Xuân, vừa hỏi tiếp :

— Minh nè, hỏi Minh còn đi học Minh có thích chơi Cartes postales như em bây giờ không ?

— Hồi anh 19, 20 tuổi, ở xứ ta chưa có bán cartes postales nhiều, và đẹp, và rẻ, như bây giờ. Hồi đó, hầu hết là cartes postales ở bên Pháp gửi qua in nhiều màu thật đẹp, nhưng đắt lắm, học trò ít tiền như anh đâu có mua nổi. Còn cartes postales trình bày một vài thắng cảnh ở Sài Gòn, Huế, Hà Nội, in một màu đã không đẹp, mà bán cũng đắt tiền, chẳng có ma nào mua cả. Ở Sài Gòn và Hà Nội chỉ có một tiệm hình lớn của người Pháp in bán nhưng ề lắm.

— Hồi trước, trong các dịp Tết, Noël, người Việt-Nam mình cũng gửi cartes postales hoặc thiệp Bonne Année, Joyeux Noël, để chúc Tết như bây giờ chứ, hả Minh ?

— Ít lắm. Từ 1945 về trước người Việt-Nam ít chơi cartes

de bonne Année, hay Joyeux Noel. Người lớn thì gửi cho nhau những danh-thiệp thường, in đen trên giấy bristol. Còn tụi học-trò, con nít như anh, thì khỏi có gửi «bonne année» đi ! Phong trào chơi cartes chúc Tết, mừng Xuân, mừng Noel trong đám thanh-niên mới nảy nở từ 1945 và thịnh hành nhất, từ 1952, 53, nghĩa là mới trong khoảng 10 năm nay thôi. Lý-do là nghệ-thuật bán-kẽm, và ấn-loát nhiều màu Impression polychrome, offset, v.v., mới được thịnh hành ở xứ ta từ hậu-chiến đến nay.

Chị-ở vừa dọn xong cơm trên bàn. Bà Tú nắm tay ông Tú ngồi dậy.

— Đi ăn cơm Minh.

Bà vừa bới cơm, vừa hỏi :

— Minh à, ai bày ra cartes postales và thiệp chúc Tết, mừng Noel, hả Minh, và các thứ ấy có từ hồi nào vậy ?

— Nói riêng về cartes postales, nếu tìm cho đến nguồn gốc, thì người ta thấy nó xuất hiện lần đầu tiên giữa thế-kỷ XIX. Nói cho đúng, thì vào năm 1869 ở Autriche (nước Áo, thuộc về Trung-Âu, phía Nam nước Đức).

— Người nào bày ra cartes postales hồi đó và trong trường-hợp nào, hả Minh ?

Ông Tú làm thỉnh, gặm cho sạch trơn cái đùi gà, rồi mới nói :

— Người bày ra carte postale, và lần đầu tiên đem ra dùng là một vị Giáo-sư có tính lười viết thư cho bạn. Giáo-sư lười ấy tên là Bác-sĩ Emmanuel, dạy ở trường Võ-bị Wiener-Neustadt ở nước Autriche. Chính trong dịp lễ đầu năm 1869, thay vì viết thư chúc mừng một người bạn ở Đức, theo như thông-lệ lúc bấy giờ, ông Emmanuel lấy một tấm giấy cứng, lớn bằng bàn tay, ông viết trên mặt giấy đó tên họ và địa chỉ người bạn, và trên mặt bên kia vài ba câu chúc mừng. Ông gọi nó là « Thiệp thư », (Carte-correspondance), không cần bỏ trong phong bì, cứ đem đến gửi nhà bưu điện. Việc lễ rằng đây không phải là phong thư dán kín và viết hai ba trang giấy, mà chỉ là một thiệp-thư bỏ ngỏ, viết năm ba giòng chữ thôi, ông yêu cầu nhà Bưu-diện tính nửa giá tiền. Lần đầu tiên thấy một sáng kiến mới lạ, và có lợi cho

những kẻ ít tiền, nhà giấy thép Wiener-Neustadt bằng lòng. Từ đó về sau, ông Giáo sư Emmanuel cứ gửi « Thiệp-thư » bỏ ngỏ, và rẻ tiền hơn, nhất là rất tiện lợi cho ông là người làm bằng viết thư dài cho bạn xa. Và cũng từ đó, ở nước Autriche, nhiều người bắt chước kiểu Thiệp-thư của ông Emmanuel.

Thầy « Thiệp - thư » được lần hồi dần chứng nhiệt liệt hưởng ứng, nhà Bưu điện thâu được nhiều tiền tem, ngày 1-10-1869, nhà Tổng Giám-độc Bưu-điện Autriche liền ký-nghị-định cho loại Thiệp - thư được dùng công khai ở toàn quốc.

« Thiệp-thư » không những được gửi nội trong địa-phương Autriche, mà còn bay sang Đức, Pháp, Suisse, Ý, v.v... Cho đến năm 1873 thì nhà Bưu-chánh nước Pháp cũng bỏ cáo chính thức được dùng Thiệp-thư (cartes-carresponces). Nhưng Bác-sĩ Emmanuel chỉ mới bày ra Thiệp-thư trơn, viết chữ cả trên hai mặt tấm thiệp mà chưa có hình vẽ, chưa in thẳng cảnh cho đẹp.

Bà Tú gắp miếng chả lụa chấm nước mắm chanh ớt bỏ vào chén ông Tú, và thò

thò vào :

— Chả lụa em mua nơi tiệm bà Ba Béo ở đường Gia-long, ngon lắm Minh...

Ông Tú ăn miếng chả lụa :

—Ừ! Nhưng ớt cay ghê!...

Bà Tú tùm tùm cười, gạt ớt ra mâm :

— Rồi sao hở Minh? Đền bao giờ người ta mới dùng thiệp có tranh vẽ, và có in thẳng cảnh?

Ông Tú vừa hít-hà, vừa nói tiếp :

— Năm 1870, một chủ tiệm sách người Pháp ở Sillé-le-Guillaume, tỉnh Sarthe, gần trại lính Conlie, tên là Léon Besnardeau, nhận thấy kiểu thiệp-thư của Bác-sĩ Emmanuel quả thật tiện-lợi, nhưng quá khô khan, y liền bày ra một kiểu thiệp thư mới, một mặt vẽ hình người lính Pháp mặc binh phục rất đẹp trông bộ diện rất « le », mang súng đứng gác nơi biên thù, còn một mặt chứa trắng để viết thư. Léon có óc con buôn, nghĩ ra loại thiệp-thư « ái-quốc » nầy để bán cho 40.000 binh sĩ ở trại Conlie gần tiệm sách của y. Sáng-kiến của Léon Besnardeau được kết

quả tốt-đẹp như ý muốn. Loại « thiệp thư có tranh vẽ » (carte-correspondance illustrée) phát nguồn từ nhà sách Besnardeau năm 1870, được thịnh hành khắp Âu-châu suốt trong thời-gian gần 30 năm!

Mãi đến năm 1889 và 1900 nhân dịp ở Paris có Hội-chợ Triển-lãm Quốc-tê liên tiếp hai năm, nhà báo Le Figaro mới phát-hành lần đầu tiên một loại « Thiệp-thư » có in hình Tháp Eiffel một bên và một bên để trắng, để bán cho khách vào xem Hội-chợ. Thầy lạ, du-khách dành nhau mua quá xá, để gởi tặng bà con thân thuộc và bạn-hữu ở xa, để « lấy le » rằng « ta đây có đi xem Hội-chợ Triển-lãm quốc-tê Paris ».

Bà Tú chan canh vào chén cơm ông Tú :

— Canh chua cá lóc, em nầu không chua đâu, Minh.

Ông Tú cười :

— Không chua, sao em gọi là canh chua... cá lóc?

— Chua ít thôi, vì em bỏ ít me.

Ông Tú và cơm xong, bảo :

— Chua quả xá chua!

Bà Tú nhón một nụ cười rất tinh-tử. Vợ giona nhón.

nhỏ, bà khê bảo :

— Ông Tú của em hôm nay khó tính thế! Không khéo có cô nào bỏ bùa mê cho chồng em rồi chứ gì? Phải không, cưng?

Ông Tú cười ngây-thơ, dễ thương lạ :

—Không có đâu, em! Đừng có nói bá-xàm, anh không nói chuyện nữa bây giờ!

Bà Tú cười :

— Thôi, em không nói bá-xàm nữa đâu. Minh ăn đọt xalát này cho hết chua, rồi nói tiếp chuyện cho em nghe...

— Cũng năm 1900 ấy, một anh nhà buôn người Ý ở Marseille tên là Dominique Piazza, được thư một người bạn thân lập nghiệp ở Nam-Mỹ, tại thành phố Santiago del Estero, nói nhớ Marseille quá, Piazza định chụp ảnh một thẳng cảnh của hải-cảng Marseille, để gởi cho bạn xa. Nhưng năm 1900, nghệ-thuật nhiếp-ảnh mới được phát minh, cho nên chụp một tấm ảnh như thế đắt tiền lắm. Anh ta có đi hội chợ Paris, và có mua một « thiệp thư có Tháp Effel ». Bắt chước theo đó, Piazza vẽ một cảnh Marseille, nhưng làm bản kèm

in một tấm thì đắt tiền quá anh ta liền nghĩ ra cách in thật nhiều, đến 1000 tấm, để còn bán cho du-khách nữa. Anh ta thành công và, ngoài một tấm làm « Thiệp thư có in thẳng cảnh » gửi cho bạn, còn anh ta bán 999 tấm ở ngay Marseille, hốt được bộn tiền. Sau đó, Piazz nghĩ ra cách chụp hình các thẳng cảnh Marseille và in lên thiệp-thư, bằng lối phototypie.

Ngày 4 tháng 8 năm 1901 Piazza phát-hành 3000 «thiệp thư có in hình thẳng cảnh» mà anh gọi là « cartes postales » (Thiệp bưu-chánh) chỉ bán trong mấy ngày hết sạch.

« Carte postale » bắt đầu xuất hiện trên thị-trường từ đó, và do sáng kiến của Dominique Piazza vậy. Nhưng không bao lâu, kỹ-nghệ và nghệ-thuật nhiếp-ảnh và ấn-loát phát-triển mạnh mẽ ở Paris, và các nhà chuyên nghiệp theo phương-pháp của Piazza in ra rất nhiều kiểu « cartes postales », nhiều thẳng cảnh của khắp Âu châu, và mỗi ngày mỗi đẹp, mỗi mới, giá bán mỗi ngày mỗi rẻ vì sự cạnh tranh thương mại cũng như kỹ-thuật.

Dần dần, cái thị-hiệu của

con người cũng thay đổi mau chóng, các thẳng cảnh được thay-thê bằng những hình người. Năm 1903 ở Paris đã bắt đầu xuất hiện những cartes postales in nhiều màu, chụp hình một chàng trai rụt-rè tặng hoa một cô gái. Năm 1905, chàng trai đã đứng «trồng cây si, sát bên người yêu. Năm 1910, dưới hình chàng và nàng nắm tay nhau âu yếm lại còn thêm một vài câu thơ... thân, đại-khái như :

*Tu m'apparus si belle,  
Que te voyant, mon coeur ravi  
Jura de t'être fidèle...*

*(Trông em, em đẹp làm sao,  
Tim anh hồi-hộp, nôn-nao, êm  
đềm  
Trung-thành, xin nguyện cùng  
em)*

Năm 1920, chàng và nàng đã ôm nhau hôn trước mắt khách hàng, trên tấm carte postale đầy sắc màu thơ mộng. Từ 1930-1931, bắt đầu xuất hiện « cartes postales » trên vô số kiểu mới ở Tây-phương; những mỹ-nhân lỏa thê, da thịt nõn-nà, những đường cong tuyệt mỹ.

Bà Tú đây này :  
— Thôi Minh đừng nói nữa !

chụp hình lỏa-thê làm carte postale kỳ cục vậy ?

Ông Tú cười :

— Thê là Em bước thụt lùi 30 năm về trước rồi ! Ngày nay, cartes postales còn nhiều hình lỏa-thê cháy thịt cháy da đó thì sao ?

Bà Tú mắc cỡ; đôi mi mắt chớp lia lịa: Bà ngã đầu úp mặt vào ngực ông Tú cười khúc khích và nhong nhèo :

— Tui hông thèm nghe bỏ nói chuyện đó nữa đâu, Bồ ơi !

Ông Tú tùm tùm cười :

— Thê thì, bồ muốn nghe tui kể chuyện gì bây giờ ?

— Tui muốn Bồ nói về thiệp Bonne année cơ !

— Thiệp chúc Năm mới của người Tây-phương, nào là Bonne Année, Bonne et heureuse Année, Joyeux Noël, Happy Christmas, v.v... đã xuất hiện vào khoảng 1900 cùng một lúc với Hội chợ Triển lãm Quốc tế ở Paris. Những năm 1914-18, có những cartes postales vẽ chiến tranh Pháp-Đức, sau đó lại xuất hiện cartes postales quảng-cáo cho thương mại.

— Còn ở Việt-Nam há Minh ?

— Ở Việt-nam, như anh đã nói lúc nãy, cartes chúc Tết,



mừng Xuân, mới xuất hiện nhiều từ khoảng 1945, nhưng mỗi năm mỗi tiên-triển cho đến ngày nay em cứ ra đường Lê-Lợi thì thấy... đủ kiểu, đủ cỡ, đủ màu, thiên hình vạn tượng.. đến cả những cartes postales về tôn-giáo nữa, những hình Hoa sen, Đức Phật, hình Chúa, hình Đức bà Maria, đức Quan thê Âm bố tát. Loạn xì xả bán !

— Mình muốn ăn dết-xô món gì, Minh?

— Em cho món gì cũng được.

Bà Tú mở tủ lạnh lấy hai hũ yaourt ra để trên bàn, với hai cái muỗng. Bà từm-tim cười, bảo :

— Mình ăn tráng miệng đi. Xong rồi em cho Minh xem cái này đẹp lắm!

— Cái gì đẹp lắm?

Bà Tú cười làm thinh, ra vẻ bí-mật. Ăn xong, bà bảo :

— Mình lên võng nằm đi, rồi em cho xem... đẹp lắm.

Bà Tú ngồi bên chiếc võng, đưa tay lấy trong đồng thư để trên bàn một phong bì đóng dấu nhà bưu điện Vientiane, Lào. Bà rút ra một tấm *carte postale* thật đẹp, đưa ông Tú xem. Xong, bà lật sang phía sau, đọc lớn cho ông Tú nghe :

*Thân-ái tặng anh Tú của em,*

*Một cánh sông nơi đây em thường đến ngồi những buổi chiều thương nhớ, mơ-tưởng đến người Văn-ngệ chưa từng gặp mặt nhưng thiết-tha lòng...*

*Đây, với tất cả chút tâm-tư trìu mến, em cầu chúc Anh một Năm Mới vinh-quang, hạnh-phúc, đầy phấn-khởi đề mãi mãi phục vụ cho Quê-hương.*

*Người em Văn-ngệ ở xứ Phousao*

**HỒNG-MỸ-KHANH**

Bà Tú vớt tấm *carte postale* trên bàn, cười hỏi dồn dập :

— Hồng-Mỹ-Khanh là ai? Là ai, Minh phải nói cho em

nghe... Là ai?... Minh nói mau lên? Là ai??

Bà véo ông Tú trên đùi, trên tay, trên bụng, bà thọc lét khắp nơi, làm ông Tú cười nôn cả ruột, cười lăn qua lăn lại trên võng, cười nhưng không thể nào trả lời được...

Bà cù, bà véo ông Tú đã rồi, bà cười sặc-sụa, rồi bà chạy lên giường nằm úp mặt xuống gôi khóc nức nở...

Ông Tú dỗ bà Tú cả một buổi chiều, bà Tú không nín..

★ *Diệu-Huyền*

## thời gian

★ PHƯƠNG-DUYÊN

*Không hiểu ngày xưa đẹp thế nào*

*Mà ngày chủ-nhật cứ nôn-nao*

*Ra vô đề ngắm xem màu áo*

*Soi chán trong gương mới mặc vào.*

*Rồi phấn rồi son rồi nước hoa*

*Rồi thì đủ thứ như người ta*

*Đề ra đi với trời cao mát*

*Gió thoảng bay tà áo thướt tha*

*Và cũng bây giờ ngày Chủ-nhật*

*Mà sao gương lược biếng soi cài*

*Phấn son như cũng lười trang điểm*

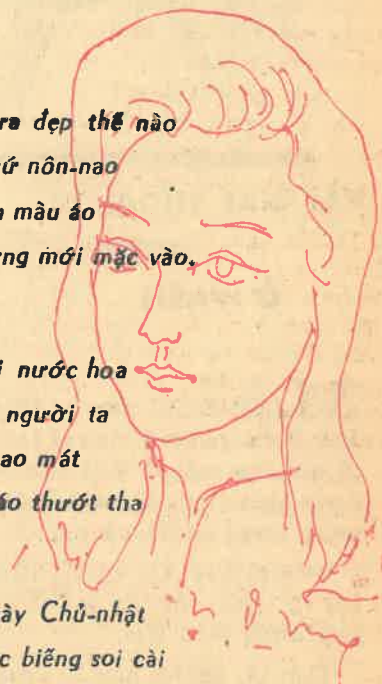
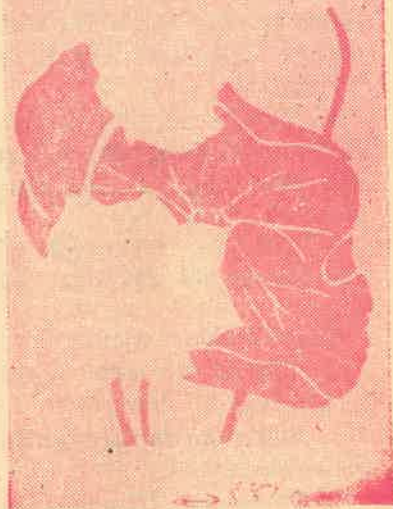
*Màu áo xem chừng cũng nhạt phai*

*Chưa đủ năm — sầu bỗng lên vào*

*Giật mình như giữa giấc chiêm bao*

*Lần tay đề tính chừng năm tháng*

*Ừ oái thương cho kiếp mà đạo.*





## VÀI GIAI THOẠI VỀ cơm Việt - nam ở PARIS

★ Nguyễn - văn - Côn (Paris)

**M**INH-ĐỨC, trong «Bức Thư Paris», Phở-Thông số 118, có nói đến một số Việt kiều ở Paris không hay ăn cơm Việt-nam, trong số đó có tôi.

Về việc này, tôi tưởng nên nói rõ thêm, để bà con bên nhà đừng hiểu lầm.

Thật ra, không hay ăn cơm Việt ở Paris cũng là một việc thông thường, dễ hiểu. Vì rằng đi học, hay đi làm, ở đâu, thì cũng có những quán cơm công cộng (cantine). Ăn ngay tại quán cơm này, (nhứt là buổi trưa) rất tiện, vì khỏi mất công, mà tiền đi-tô-buýt, hay

métro. Hơn nữa, lại rất rẻ, học sinh chỉ phải trả 120 quan cũ, người đi làm ở các công sở 300 quan cũ.

Còn nếu, vào các tiệm ăn Trung-Hoa hay Việt-Nam, thì giá tiền mỗi bữa ăn : ở các tiệm ăn « xoàng », cũng phải mất ít ra 700 quan cũ, còn ở các tiệm « khá » hay « sang », ít ra cũng phải 1500 hay 2000 quan cũ một người. Như thế thì « túi tiền » của học sinh, hay lương bổng của người đi làm, chịu thế nào cho nổi !

Và lại, phần nhiều ở Paris, món ăn nào cũng chỉ « na ná »,

## BỨC THƯ PARIS

rất xa hương vị quê nhà. Chẳng hạn như « Phở », thì người ta dùng « nouilles », một thứ mì dài, cong keo, lạt nhách), còn « nước dùng » thì họ dùng một hai viên « Kub » (tức là bột, trộn vào nước thịt, rồi viên lại để khô, gói vào giấy, và lớn chỉ bằng đốt ngón tay, hay một hạt táo) rồi trên « nouilles », có vài miếng thịt. Thật là cách biệt « Phở Nghi-Xuân » Hà-nội hay « Phở 79 » Saigon rất xa. Đó là chưa kể, khi nào vội hay đông khách, ông « đầu bếp » thêm vào ít nước ! « Phở » đó ăn vào không đau bụng cũng đã là « máu nhiệm » lắm rồi !

Còn thịt kho, thật là « mìa mai », vì chín không ra chín, sùng không ra sùng, một là « quá như » hai là « cứng ngắt », còn « nước mắm » dùng để kho chỉ là một thứ nước rở tiền, pha « lung tung », và để « tăng vị » thứ « thịt kho lai căng » đó, họ đem ra một đĩa giá ngâm dầm, bạn tưởng tượng ăn như thế không sót dạ, sót « hó-bao » sao được ; vì có phải rẻ đâu ! một đĩa thịt kho như thế, giá 400 quan cũ tức là gần 80 đồng bạc bên mình. Vì những lẽ ấy, nên học sinh

hay những người Việt không có gia đình, thường đi ăn cơm ở các quán công cộng.

Nói đến ăn cơm Việt-Nam, tôi lại sức nhớ đến một kỷ-niệm vui khi tôi còn đi học.

Năm 1952, tôi thường gặp anh bạn thân của tôi là anh Sáu, ở phòng ngủ, đường Saint Michel số 3. Anh là một người sinh viên kiểu mẫu, và nhân cách rất đáng quý, lúc nào cũng hiền hòa, và luôn luôn giúp đỡ các anh em bạn.

Chiều ba mươi Tết, thỉnh linh tôi gặp anh ở gần nhà anh. Để gần nhau trong những ngày Tết tha hương, anh mời tôi ăn cơm. Cả « gia-tài » của anh chỉ có một nồi cơm và vài miếng thịt kho. Chúng tôi vừa nói chuyện vừa nấu cơm. Anh Sáu dùng « đèn rượu » (lampe à alcool) một thứ đèn nhỏ bằng nắm tay, đốt bằng rượu 90 độ, mà sinh viên bên này thường ai cũng có để pha trà, hay nấu cà-phê).

Anh để đèn xuống « sang » rồi lom khom thổi cơm. Khi cơm gần chín, thì lại có một anh bạn tới chơi. Nồi còn chõ, anh Sáu cho thêm vào hai nắm gạo, rồi đổ vào ít nước

lạnh. Một lát sau, cơm gọi là chín, nhưng thật ra nửa dưới thì « khê », nửa trên thì sống. Nhưng không sao, vì « về chi ăn uống sự thường », qui nhau là đủ. Chúng tôi ăn cơm với thịt kho mà anh nấu để ăn ba bốn ngày cho khỏi mất thời giờ, và hôm ấy đã là ngày thứ tư, và một ít tôm khô bên nhà gửi qua, ăn xong, « dessert » một quả chuối còn xanh. Giá nếu với bữa cơm chiều Ba Mươi ấy, mà tôi uống vài ly rượu thì cũng có thể « trôi » được, đáng này tôi lại uống nước lạnh.

Khi về nhà, hôm ấy, tôi tưởng phải đi gọi bác-sĩ ngay trong đêm. Nhưng cũng may, đến hôm sau, thì đỡ chỉ tiếc là năm đó, ba ngày Tết tôi phải ở nhà.

Kỷ-niệm ấy ngày nay còn làm cho tôi vui thú, vì tình bạn bè, trong những ngày còn là thư sinh, thật là nồng hậu, và hồn nhiên, và mỗi lần nhắc lại, chúng tôi vẫn còn thấy tất cả hương vị.

Chắc bạn đã hiểu, sau khi đọc mấy dòng viết trên đây vì lý do gì, sinh viên hay Việt kiều không có gia đình ở Paris ít ăn cơm mình. Trong các lý do đó ta có thể tóm tắt là : Vì cơm Việt-Nam ở Paris giá đắt lắm, và có lẽ nấu không ngon bằng nước nhà.

Nhưng nói như thế, không phải là ở Paris cơm Việt-Nam toàn là dở.

Tôi có quen vài gia-đình Việt-nam ở Paris, nấu chẳng khác gì bên nhà, và mỗi bữa ăn « thân mật » vẫn còn để cho tôi thêm cơm Việt-nam. Như thế, thì đâu có phải người Việt « chê » cơm Việt, mà thật ra chỉ tại cách nấu và các da-vị không đúng « điệu ».

Có lẽ một phần đông sinh-viên Việt-nam cũng như tôi, thường ăn cơm trưa, ở quán cơm công cộng cho tiện. Còn bữa ăn tối, tôi xin thú thật là nếu mà tôi cũng « ganh đua » tự nấu cơm Việt-nam thì chắc chắn là chính tôi cũng « chê », chứ còn đâu dám mời các bạn khác đến dự.

Tuy vậy, anh bạn Trần-văn Khê, giáo sư nhạc Việt-nam, có tài đặc biệt kho thịt. Anh nấu một cách dễ dàng rất khoa học, và rất ngon. Khi chúng tôi còn đi học lớp Anh ngữ ở Sorbonne, thì tôi hay lại nhà anh ăn thịt kho. Ăn ngon, hai ba chén cơm còn thêm, và « bụng dạ » chẳng có sao !

Vấn tất vài lời để các bạn biết rằng sự mong mỏi của phần đông chúng tôi ở Paris là có dịp được ăn « phở » ăn nem nướng có khê, chuối xanh nước tương và đủ các hương vị yêu mến ở quê nhà.

**N**ĂM hết Tết tới, chúng ta hoan-lạc bước vào năm Giáp-Thìn, mà biểu-hiệu là con Rồng. Vì lẽ đó chúng ta cũng nên tìm hiểu lai-lịch, sự tích, ý-nghĩa của con Rồng và tác-dụng của nó trong xã-hội Việt-Nam, từ ngàn xưa.

Trước hết, như chúng ta đều biết, tên Hán-Việt của Rồng là Long ; nói một cách khác chữ Rồng do chữ Long mà ra, vì người xưa cố ý đọc sai, để Việt-hóa tất cả những chữ mượn của Hán-ngữ. Thật ra, người Việt thuở xưa, khi còn ở trung-châu

Đắc-Việt, chưa phân biệt được hai chữ L và R, cho nên đến bây giờ mà chữ R vẫn còn bị lẫn với chữ Z, Gi ; do đó mà chữ Rồng người Bắc đọc là Zông, Giông.

Tổ-tiên chúng ta bắt đầu phát âm được chữ R, khi tiếp xúc với người Chiêm-Thành, trên đường Nam-tiến, có lẽ từ thế-kỷ XI, năm 1069, khi vua Chiêm là Chế-Củ dâng cho Lý-Thánh-Tông (1054-1072) ba châu Bố-Chính, Địa-Lý và Ma-Linh, tức là khoảng đất từ Đèo Ngang tới Cửa Việt bây giờ.

Chúng ta chú ý tới sự xuất-hiện

## NĂM THÌN NÓI CHUYỆN



# R Ò N G

\* Thái-văn-Kiểm

hai địa-danh có liên-hệ mật-thiết với sự kiện lịch-sử này là *Rồng* và *Mũi Rồng*, tức *Long Ti*, ở ngay phía dưới Đèo Ngang, giáp giới giữa Hà-Tĩnh và Quảng-Bình.

Bây giờ, nếu chúng ta chiết-tự chữ Long 龍, ta sẽ thấy bên trái có : trên lập 立 dưới nguyệt 月, bên phải có một chữ 龍 tượng hình con rồng. Nhờ phân tích như vậy, chúng ta có thể hiểu rằng đây là một giống vật có đầu, sừng, có râu, có bụng, có nhiều chân, lưng dài uốn éo và đuôi xoắn ốc, thường xuất-hiện với trăng, với mây, với nước.

Xét trong sử sách thời xưa, chúng ta thấy trong *Kinh Dịch*, ở quẻ *Kiến*, có câu : « Hiện long tại điền, thiên hạ Văn minh » nghĩa là rồng hiện ra nơi đồng ruộng, thì cái

về ngoài của thiên hạ được sáng tỏ. Đó là tài liệu xưa nhất có nói tới con rồng.

Tuy là xuất hiện ở Trung-Quốc thời thượng cổ, nhưng Rồng đã bay qua nước Việt, do thần-Lạc-Long-Quân lấy Bà Âu-Cơ, sinh ra trăm giống, tức là trăm bộ lạc, mang tên Bách-Việt như: Việt-Đông, Mân-Việt, Lạc-Việt, Việt-Thường v.v... Hai danh hiệu *Lạc-Long* và *Âu-Cơ*, nếu đem kết hợp lại, sẽ thành một danh-hiệu thứ ba là *Âu-Lạc*, gồm có Tây-Âu của Thục-Phán và Lạc-Việt của Hùng-Vương kết hợp lại.

Sự kết-hợp lịch-sử giữa hai giống *Rồng* (*Lạc-Long*) và *Tiên* (*Âu-Cơ*) cũng là một sự kết hợp *nhân - chủng* : giống người ở miền núi (*Tiên*) hợp với giống người ở miền biển (*Rồng*), và cũng là một sự *kết hợp văn-hóa* giữa hai nền văn-minh của phương Bắc chịu ảnh-hưởng Trung-Quốc



và của phương Nam chịu ảnh hưởng của Ấn-Độ và Nam-Dương Quần-Đảo.

Rồng đã được dân-tộc Việt từ ngàn xưa thâu nạp, trong Tứ Linh : Long Ly Quy Phượng và tôn thờ như vật tổ (animaltotem) ; cho nên người Việt đã có tục-lệ cổ-truyền chạm hình con rồng vào thân thể, trên bắp đùi, để khi bơi lội có thể lẫn lộn với loài thủy tộc, như giao-long, thường luồng, và khỏi bị chúng rượt đuổi. Sách *Hoạt-Nam-Tử* có ghi rằng : Cửu Nghi Chi Nam, lục sự quả nhi thủy sự chúng, ư thị nhân dân bị phát văn thân dĩ tượng lân trùng », nghĩa là : phía Nam dãy núi Cửu Nghi, việc trên cạn thì ít, việc dưới nước thì nhiều, bởi thế nhân dân phải cắt tóc vẽ mình cho giống với loài trùng có vảy. Tưởng nên nhắc lại rằng Cửu-Nghi-Sơn, cách huyện Ninh Viễn, tỉnh Hồ-Nam hơn 60 dặm, là biên-giới tượng trưng giữa hai nền văn - minh phương Nam và phương Bắc.

Tục lệ vẽ rồng nơi thân mình đã chấm dứt dưới thời *Trần Anh Tông* (1293-1341). Một hôm Thượng-Hoàng bảo vua Anh Tông rằng : « Dòng dõi nhà mình vẫn vẽ mình, để nhớ gốc

ngày xưa, nay nhà vua phải theo tục ấy mới được ». Anh-Tông tuy vâng mệnh, nhưng lờn khi Thượng-Hoàng bận việc khác, lần đi không cho vẽ. Từ đấy vua ta mới không vẽ mình nữa, nhưng trong dân-gian, nhất là giới chài lưới vẫn tiếp tục vẽ mình, không nhiều thì ít, cho đến khi tiếp xúc với văn-minh Tây-Phương thì tục-lệ ấy có thể nói là đã bỏ hẳn.

Trong năm 1310, Thượng-Hoàng Trần-Nhân-Tông băng hà. Nhân-dân vô cùng cảm xúc, bèn lũ lượt kéo nhau về Thăng-Long để tỏ tình luyến tiếc và tri ơn đối với bậc Anh-quân đã chỉ huy cuộc kháng chiến anh dũng chống giặc Mông-Cổ. Quần chúng quá đông, đến nỗi các ngõ đường đều bế tắc ; như vậy làm sao đem quan tài của vua ra ngoài thành được.

Vua Trần-Anh-Tông mới đặt văn-đề với vị đại thần coi về Lễ Nhạc Triều-đình, là Trịnh-Trọng-Tử, một nhạc-sư danh tiếng thời bấy giờ. Nhạc-sư bèn sáng tác bản nhạc *Long-Ngâm* (Déclama-tion du Dragon) và truyền cho quân lính tập hát tại sân Thiên-Trì. Khi bắt đầu hát, thì dân chúng lắng nghe bài hát có vẻ mới lạ ; lát sau thì dân chúng ùa nhau kéo tới nơi phát xuất bài

hát đó. Nhờ diệu kế này, mà các ngã đường dần dần thừa người và thừa lúc vắng vẻ, kiệu tang nhà vua mới đưa ra được ngoài thành Thăng-Long, rồi từ từ tiến về nghĩa địa Long Hưng, thuộc làng Tức-Mặc, huyện Mỹ-Lộc, tỉnh Nam-Định, là nơi quê hương của nhà Trần.

Về tên thành Thăng-Long, sử ta có ghi rằng: vua Lý-Thái-Tổ (1010-1028) thấy đất Hoa-Lư chật hẹp, không thể mở mang làm chỗ đô-hội được, bèn cố ý định dời đô về thành Đại-La, tức La Thành. Tháng 7 năm Thuận-Thiên nguyên-niên (1010), thì khởi sự dời đô. Khi ra tới La-Thành, Thái-Tổ lấy cớ có điềm *trông thấy rồng vàng hiện ra*, bèn đổi tên Đại-La-Thành là Thăng-Long-Thành, tức là thành Hà-nội bây giờ.

Những sự kiện trên kia cho ta thấy rằng dân tộc Việt có nhiều liên hệ mật thiết với loài Rồng. Vậy Rồng là gì?

Theo truyền-thuyết thì Rồng có sừng nai, đầu lạc đà, mặt quỷ, cổ rắn, bụng cá sấu, vây cá, móng ó, tai bò, sừng của nó mới thật là cơ-quan thính giác. Trên lưng Rồng có một cái gáy dài (crinière) 81 cái vảy; đuôi nó xoắn như khu óc. Rồng biểu-

hiệu cho bậc đế-vương, thì chân có năm móng. Rồng cũng biểu-hiệu cho đàn ông, còn phượng biểu-hiệu cho đàn bà; cho nên những bức thêu có rồng phượng, kèm thêm chữ Song-Hi, là đề tượng trưng cho sự hôn-nhân. Nơi đầu rồng thường thấy vẽ chữ nhâm 壬 chữ vương 王, miệng rồng có khi ngậm chữ Thọ 壽. Trên mái đình, chùa, miếu, điện, người ta thường đắp tượng hai con rồng châu mặt trắng, tức là « *Lưỡng Long Triều Nguyệt* ». Nếu vật tròn này không có tia sáng chung-quanh và cũng không có vẽ đường cong như chữ S ở giữa, tức là « *Lưỡng Long Tranh Châu* ».

Trên những chén bát, thường vẽ rồng uốn mình, ẩn hiện trong đám mây, đó là « *Long ẩn vân* », nếu thấy rồng và cá dờn nhau dưới nước, đó là « *Ngư long hi thủy* ». Thường khi, ta thấy vẽ con rồng từ trên Trời phun nước xuống và phía dưới sông có con cá nhảy lên đón lấy vòi nước, đó là cá gáy (Lý ngư) có thể biến thành Rồng, do sự tích sau đây:

Theo sách « *Tam Tân Kỳ* », nơi Hà-Tân (Trung-Hoa) có địa điểm tên là Long-Môn, cách Trường-An 900 dặm, có những con cá lớn ở ngoài sông biên, đến nhóm họp nơi cửa có đến vài nghìn con



có gắng nhảy lên thốt đá, con nào lên được thì hóa rồng, con nào không lên được thì gục đầu phơi má, nên gọi là « *bộc tai Long-Môn* » (cửa Rồng phơi má).

Theo sách « *Thủy Kinh Chú* » con cá gáy tháng 3 nhảy qua cửa Long-Môn thì hóa Rồng, con nào nhảy không qua thì gục đầu lui về. Theo sách « *Quảng-Sử-Loạt* », cá gáy nhảy qua ba cấp Long-Môn, ắt có trận sấm sét, đốt đuôi nó thì nó mới hóa rồng (Vũ môn tam cấp lãng, bình địa nhất tinh lôi).

Theo bộ « *Đại-Nam Nhất Thống Chí* » quyền Hà-Tĩnh, thì bên Việt-Nam ta cũng có « *Suối Vũ-Môn* » (Vũ môn tuyền) ở về ngọn thứ 2 núi Khai-Trương, thuộc huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi đây nước chảy thành 3 đợt, có tới vài trăm dặm, trông

như tám lụa giải. Mỗi năm có ngày mồng 8 tháng 4, thì tự nhiên mây móc dày đặc, tục truyền đây là chỗ cá hóa long. Cứ đến ngày ấy là ngày Phật - đản-sinh, các thuyền chài kiêng cử, không có đặt lưới nò ở vùng hạ lưu. Nơi đây cũng có tên là Vụ Tháp Thủy, có nghĩa là chỗ « *nước sa mù ẩm ướt* ».

Cũng theo bộ sách này, quyền Biên-Hòa, ở phía Nam châu Đại-Phổ tức Cù-lao Phố, thôn Bình - Hoàn, huyện Phước Chánh, có đền thờ Lê-Công, Nguyễn-Hữu-Cảnh (Kính), tức Trang-Hoàn-Hầu. Nguyên xưa ông phụng-mạng kinh-lược đất Nông-Nại (Đồng-Nai), mở đất được ngàn dặm, chiêu mộ dân cư, đặt thành thôn ấp. Dân địa phương nhớ ơn lập đền thờ phụng, ở trước mặt đền ngó xuống sông Phước-Giang, tức Đồng-Nai, lấy vũng đá làm thủy thành, dưới vũng đá có con cá gáy to lớn dị thường, vóc dài 6. 7 thước, mỗi khi canh khuya đêm vắng thường đến trước đền bơi nhảy, khi lặn nổi, khi vượt qua thác đá, khi nhảy qua con sóng lớn, như để thỏa chí vẫy vùng.



Sự kiện lịch sử này làm cho ta liên tưởng tới *Cá Thần Bàu Quyển* ở Quảng-Nam, đã xuất hiện trong thời kỳ tranh chấp giữa Phật-giáo và họ Ngô, làm xôn xao dư luận trong nước, vì người ta không thể đem khoa học thuần-túy ra để giải-thích rõ-ràng.

Dù sao chăng nữa, cá chép Long-Môn, cá chép Vũ-Môn, cá gáy Phước-Chính, kể cả *Cá Thần Bàu Quyển*, thấy đều tượng trưng tinh-thần tranh-đấu và ý chí quật cường của các dân-tộc Á-Đông nói chung và Việt-Nam nói riêng, luôn luôn tìm cách vượt qua mọi sự khó khăn để tiến tới một tương lai tốt đẹp.

Ngoài con Rồng chính tông ra, còn có con *Giao* và con *Cù* nữa. Theo Linh Mục Couvreur thì con *Giao* là một con rồng không có sừng (dragon sans cornes), hình con rắn, cỡ nhỏ, có bốn chân, và có nhiều râu trắng lông thồng dưới cổ. Theo Linh Mục Génibrel, con *Giao* là một loài cá sấu (crocodile, caiman).

Về con *Cù*, Ông Eitel cho là « con rồng con có sừng » (jeune dragon cornu). Linh Mục Génibrel cho là một thứ rồng, một quái vật mà nhiều người nói

là có sừng (dragon, monstre fabuleux; d'aucuns disent qu'il a des cornes), Trái lại Paulus Huỳnh-tĩnh-Cửa thì cho là một thứ rồng không có sừng; trong dân gian, người ta tin rằng con *Cù* sống ẩn dưới đất, và chỗ nào có hiện ra tức là sông ngòi.

Theo truyền thuyết thì con *Giao* sống lâu nghìn năm sẽ hóa Rồng; con *Giao* có chân 4 móng, còn chân Rồng có năm móng; dưới cổ con *Giao* có cục bướu; trên đầu con Rồng có một cục u, chứa đựng trí thông minh của nó.

Những nghệ-sĩ Việt-Nam tạo hình con *Giao*, con *Cù*, đều không có sừng, không có gáy (crinière), không có râu, và cũng không có vây. Linh-Mục Cadière nói rằng một ông quan xứ Huế cho biết những đồ gỗ nơi nhà ông đều chạm con *Giao*, vì xưa kia thần dân đầu dăm chạm hình con Rồng, riêng dành cho thần linh vua chúa. Do đó, mà Linh-Mục này đã phiên dịch con *Giao* là serpent-dragon.

Người ta truyền rằng xưa kia có một con rồng lớn ẩn náu dưới sông *Phú Lương*, tức là Sông Cái, trong thời kỳ *Cao Biền* làm Tiết-Độ-Sứ An-Nam (864-874), đời nhà Đường. *Cao Biền* đắp thành Đại-La ở bờ sông Tô-Lịch. Thành ấy bốn mặt dài hơn 1982

trượng, cao 2 trượng 6 thước, đắp một con đường để bao bọc ở ngoài dài hơn 2125 trượng 8 thước, cao 1 trượng rưỡi, dày 2 trượng, trong thành dân-sự làm nhà ở hơn 40 vạn nóc. Sứ chép rằng *Cao-Biên* dùng phép phù thủy khiến Thiên-Lôi phá những hắc ghềnh ở các sông, để cho thuyền bè đi lại dễ dàng; có lẽ đây chỉ là thuốc súng, chất nổ và lựu đạn chăng? Sự công-phá của *Cao Biền* đã làm cho con rồng bị thương nặng và từ vết thương máu chảy luôn luôn, làm cho nước sông Cái đỏ ong, cho nên về sau mới gọi là *Hồng Hà* (Fleuve Rouge).

Ngoài ra, *Cao-Biên* thấy đất *Giao-Châu* hiểm trở, sông núi trùng điệp, nước non hùng vĩ, thường coi điều giấy đi yếm phá những chỗ sơn thủy có long mạch; cho nên các triều đại như vua Lê, Chúa Trịnh, nhà Nguyễn đều phát xuất ở *Thanh-Hóa*, triều Tây-Son phát xuất ở núi *An-Khe* (Bình-Định), nghĩa là ngoài cương- vực của Bắc-Việt xưa kia.

Tuy vậy, *Cao-Biên* vẫn còn để sót vài long-mạch ở hai bên lưu-vực sông *Hồng-Hà* và ngay ở trong lòng sông này, cho nên *Đinh-Bộ-Linh* đã đem xương của

cha ình dấu vào đó, và qua nhiên về sau huyết này đã phát đế-vương trong 12 năm (968-980) và nước Việt đã được thống nhất lần đầu tiên trong lịch-sử.

Đứng về phương-diện khoa-học mà nói, thì con Rồng muốn bay cao, tất phải có cánh; nhưng ta chưa từng thấy hình Rồng có cánh bao giờ cả. Vậy thì nó làm sao để bay? Phải chăng nó có một vòi nước ở nơi đuôi, hoặc dưới bụng, để nó xịt hơi nước ra, với một sức mạnh phi-thường làm cho nó tự cất mình lên, như một phi-cơ phản-lực?

Theo như người xưa mô tả con Rồng, thì chúng ta có thể liệt nó vào loại *Bò sát* (Reptiles) thuộc giống *Thằn-sùng*, *Thằn-lân*, *Kỳ-đà* (Lézards, Sauriens) khác với giống rắn (Ophidiens) không có chân, nhưng tương-tự với giống *Ngọc-ngư* (cá sấu, crocodiliens), là vì nó có thể bơi lội dưới nước.

Giống *Kỳ-đà* có thứ rất lớn đã từng sống ở những thời đại cổ sơ; có thứ biết bơi như *ichthyosaures*; có thứ biết bay như *dinosaures*. Như vậy ta có thể liệt con Rồng vào hàng *pterosaures*, như con *Pteranodon* chẳng hạn.

Vì những giống này, ngày nay không còn thấy nữa, họa chăng những bộ xương đã đào thấy dưới mấy lớp đất sâu, mà nay còn trưng bày trong các Viện Bảo-Tàng Âu-Mỹ, vì không trông thấy tận mắt con vật còn sống, người ta mới tưởng-tượng trong trí óc một quái-vật kỳ dị, có một sức lực phi-thường, để thỏa tính hiếu-kỳ và những ước muốn của giống người yếu đuối, trước những hiện-tượng đe dọa của Vũ-Trụ thời xưa.

Tuy nhiên, ở nước nào cũng vậy, và ngay ở thời kỳ nguyên tử này, người ta vẫn còn tin và thỉnh thoảng nhìn thấy những quái vật trên trời dưới nước như *con quái vật nơi hồ Lochness* (Ecosse), như *con thường luồng ở Vịnh Hạ-Long* thuộc nọ. Tưởng nên nhắc lại rằng : tháng 7 năm 1897, chiến hạm *Avalanche* đi qua Vịnh này, đã gặp một con thường luồng rất lớn, dài chừng 20 thước, đường kính gần 1 thước, bơi lội hiên ngang cách chiếc tàu 600 thước. Ngày 15 février 1898, Hạm-Trưởng Lagrèsille lại trông thấy thường luồng trong vịnh *Fai Tsí Long*. Sau đó, còn nhiều người trông thấy nữa, ví dụ như chiếc phi cơ Air France, trong chuyến bay ngày 1 tháng 10 năm 1936, có

một hành khách tên là Laurent Pelletier đã chụp hình được một giống thường luồng biển rất lớn, khi phi-cơ bay trên địa phận *Ormuz* phía đông-nam *Bender Abbas*.

Muốn đặt tên cho con quái vật này không phải là chuyện dễ ; những nhà bác học đã đề nghị nhiều tên kỳ lạ như là *Pelamis monstrosus*, *Pelamis chloronotis*, *Zeuglodon plesiosauroides*, *Octipobicolor* ; nhưng sau cùng các nhà bác học đã đồng ý gọi con thường luồng biển là : *Megophias megophias Rafinesque Oudemans* .

Trái với giống thường luồng chỉ gây cho người ta sự khiếp sợ, con rồng được xem như giống vật linh ứng đem lại sự thịnh vượng cho dân-gian, vì Rồng phun nước, mà nước là những yếu tố quyết định của những dân-tộc sống nhờ đồng ruộng, cho nên từ ngàn xưa, rồng đã chiếm một tôn trọng trí óc của người dân chất phác, cũng như nó đã là nguồn cảm hứng cho các nghệ sĩ, đua tranh phác họa một cách linh hoạt cầu kỳ, mặc dầu họ chưa trông thấy Rồng thật bao giờ cả.

Danh từ Long và Rồng được nhắc đi nhắc lại hàng ngày trong ngôn ngữ của người Việt, từ

thành Thăng-Long tới Vịnh Hạ Long, từ cầu Long-Biên tới cầu Hàm-Rồng (Thanh-Hóa) từ đảo Bạch-Long-Vĩ tới núi Long-Phụng Quảng-Ngãi), chưa kể vô số địa danh trong Nam như là Bình-Long, Phước-Long, Long-Khánh Long-Thành, Long-An, Tân-Long và Cù Lao Rồng hiên ngang nổi lên giữa lòng sông Cửu-Long hùng vĩ.

Xưa kia, khi trong nước được thái bình thịnh vượng, thì người ta nói là *Rồng năm yên ổn cá lội thành thoi* cũng như khi có người ăn sĩ chưa tìm ra cơ hội để kinh bang tế-thế, thì tự xưng là *Ngọa-Long* (Rồng nằm), như *Đào-Duy-Từ* thuộc nọ. Tiên sinh là tác giả bài «*Ngọa-Long Cương ngâm*» một thi-phẩm gồm 136 câu thơ, theo thể lục bát, để tự ví mình với Không-Minh Gia-Cát-Lượng. Tiên-sinh làm bài ngâm này khi còn chẵn trâu trên đồi, cho một nhà phú hộ tại làng Tùng-Châu, huyện Hoài-Nhon,

nay là Bồng-Son, thuộc tỉnh Bình Định. Vì biết là bất kỳ tài, nên Khám-Lý Trần-Đức-Hòa gả con gái cho Đào và tiến cử Đào cho Sài Vương, nhằm khi Sài-Vương mới thắng được quân chúa Trịnh năm 1627. Chúa đọc bài ngâm của Đào xong, liền cho mời vào. Khi Đào bước vào Phủ-Chúa, thì nhìn thấy chúa ăn mặc thô sơ với chiếc áo lụa trắng, chân đi dép màu xanh, để tiếp mình ở cửa hông (dịch môn). Đào bèn lui ra, không chịu tiến vào nữa. Chúa Sài biết là người siêu phàm bèn vào Phủ ăn mặc chỉnh tề, rồi thân hành ra đón Đào Duy Từ tại trung môn, với tất cả nghi lễ của bậc Vương nghênh tiếp một quân sư thiết thọ.

Sự gặp gỡ giữa Sài-Vương và Đào Duy Từ khác nào cá gặp nước, Rồng gặp mây, dưới bầu trời hoan lạc, để cùng mưu đồ việc lớn cho miền NAM nước VIỆT.

(Bản Nghi-Giang, nguyên-đán. Giáp-Thìn 1964)



*Chợ Tết Quốc*

**v u i x u â n**

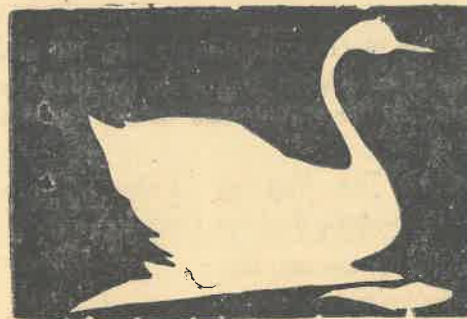
**MƯỠU**

*Gặp xuân ta giữ xuân chơi,  
Mai kia xuân chạy khó lời xuân về.  
Chơi xuân cho mệt, cho mê,  
Cho xuân biết mệt khỏi chê ta già.*

**NÓI**

*Xuân vẫn trẻ cứ sao người không trẻ ?  
Chín mười chưa dễ đã già nua.  
Canh chưa tàn chớ nói chuyện hơn thua,  
Gặp xuân hãy nô đùa cho phỉ chí.  
Một chén rượu xuân say túy-lúy,  
Đắm câu thơ hứng cứ ngâm-ngã.  
Chốn buồng xuân cánh cửa mở toang ra,  
Rước xuân tới để mà ta bế ẵm.  
Cuộc phù thế mặc dài hay ngắn,  
Thú xuân này xin nhẩn - chị cùng em.  
Chơi xuân kéo chết còn thêm,  
Vợ con chưa chắc cũng kem cho mình.  
Vui thay hai chữ xuân tình.*

★ 10 - BE



thể - lệ

giải - thưởng

tao - đàn

Bạch - nga

1 9 6 4

★  
**mục đích**

**GIẢI - THƯỞNG TAO - ĐÀN BẠCH - NGA  
CÓ 2 MỤC - ĐÍCH :**

- I. — Khuyến - khích những Thi.sĩ có chân - tài của Thế.hệ trẻ.
- II. — Nâng cao tinh - thần và kỹ - luật Thơ Việt - nam.

★ ★  
thơ - lạ

I.— Trong mấy năm đầu, giải thưởng Tao-đàn Bạch-Nga chỉ riêng về bộ-môn Thơ theo như mục đích đã ghi trên. Về sau, giải thưởng Tao-đàn Bạch-Nga sẽ có thể mở rộng và có thể tặng cho các bộ môn văn-nghệ khác, do quyết-định hậu lai của Tao-đàn Bạch-nga.

II.— Thơ dự giải phải là Thơ Việt-ngữ và sáng tác theo đúng chủ-trương của bản Tuyên-ngôn Tao-đàn Bạch-Nga.

Đại cương bản tuyên-ngôn ấy như sau đây :

a) về nội dung : Thơ Bạch-Nga là tiếng Thơ thuần túy, thanh tao, cảm-thông với Loài Người và Vũ-Trụ, bao quát dĩ-vãng, hiện-tại và tương-lai. Không chú trọng nhiều về tình cảm cá-nhân riêng biệt của thi-sĩ. Không chấp nhận các lối thơ giả-tạo, ủy-mị, bại hoại, suy đồi — Xu hướng về mục tiêu tư-tưởng và tình cảm trong sạch, cao siêu.

b) về hình-thức : các thể thơ Bạch-Nga, vần liền, liền cách, vần ôm, từ 2 chữ đến 12 chữ, hoặc số chữ không hạn định (xem lại Phê-Thông 105, 106, 107).

Riêng về giải thưởng Bạch-Nga, không nhận các thể thơ Đường-luật, bát cú, ngũ ngôn, tứ-tuyệt, lục bát, song thất lục bát, ca-trù, hoặc các lối thơ không vần, không điệu.

III.— Mỗi nhà Thơ dự giải chỉ được gửi mười bài Thơ chưa xuất bản lần nào, hoặc đã in trong một tập thơ đã xuất bản sau ngày 1-5-1963. Thơ xuất bản rồi cũng chỉ được dự mười bài thôi.

IV.— Thi-phẩm dự giải phải đánh máy sạch sẽ hoặc viết tay thành 5 bản, chữ thật rõ ràng, dễ đọc, không được sửa chữa, thêm bớt, xóa bỏ.

Đánh máy hay chép tay, đều phải dùng giấy trắng khổ 21x27, viết một mặt.

V.— Tác giả có thể ký tên thật, hoặc bút hiệu. Mỗi tác giả chỉ

được ký một bút hiệu mà thôi. Tác giả phải ghi trong thư xin dự thi kèm với tác phẩm :

Tên họ và địa chỉ thật rõ ràng của tác giả.

Có thể ghi thêm về nghề-nghiệp, nhưng không bắt buộc.

VI.— Các Thi-nhân Việt-nam ở Hải-ngoại đều được dự giải.

VII.— Thư và tác phẩm dự giải, xin gửi bảo đảm đến, Thư-ký Thường-Trực Tao-đàn Bạch-Nga.

Tại Tòa-soạn Tạp-chí Phê-Thông, 231 Phạm-ngũ-Lao Sài-gòn.

VIII.— Ngày bắt đầu nhận thư và tác phẩm dự giải : 1-11-1963. đến kỳ hạn cuối cùng là ngày : 1-5-1964.

IX.— Kết quả sẽ được công bố trong Tạp-chí Phê-Thông ngày lễ Trung Thu 1964.

X.— Nhân viên Tao-đàn Bạch-Nga không dự giải.



I.— Có ba giải-thưởng :

một **Giải nhất** : 10 000 \$

một **Giải nhì** : 8.000 \$

một **Giải ba** : 6.000 \$

II.— Các tác-phẩm trúng giải sẽ đăng trong Tạp-chí Phê-Thông và sẽ thuộc quyền sở-hữu của Tao-đàn Bạch-Nga.

III.— Tao-đàn Bạch-Nga sẽ xuất-bản ba thi-phẩm trúng giải in chung thành một tập Thơ : « **Giải thưởng Tao-đàn Bạch-Nga 1964** ». Mỗi tác-giả trúng giải sẽ được tặng riêng 50 quyền đặc-biệt để biếu các bạn hữu.

Sài-gòn, ngày 1 - 11 - 1963



ĐƯỜNG  
THI  
BÁT  
CÚ



• mền gởi chim-hoàng

★ NGUYỄN-VỸ

Lâu quá Chim-Hoàng mới lú lo,  
Cho ta nghe được mấy vần thơ !  
Cũng lời... «ghét-ghét»... bao duyên đáng  
Vẫn giọng vui-vui lắm ỡm-ờ.  
Đã khóc, đã rên tình hậm-hực  
Không chừa, không bỏ cái lơ-mơ ?  
Chim-thần sa cánh trong lồng sắt  
Cảm hận thời gian, dậy tiếng tơ !

• đề «mưa gió sông tương»  
của nữ sĩ Tương-Phổ

Viện sách hương gầy thoảng gió trầm,  
Thu tình thu cảnh lẫn thu tâm.  
Thêm mai gió dật hoa tan tóc,  
Gác khói sương sa lệ nhỏ thăm.  
Vạn cổ riêng mang niềm hận tủi,  
Ngàn thu chung lụy áng sầu ngâm.  
Một tòa Vương giả hương thêm ngát  
Bến nước thuyền ai nặng mái dầm.

Thương-Khách

★ HOÀNG-QUANG-BÀNG

Người  
Tù

69



HỒI KÝ CỦA NGUYỄN-VỸ ★ HỒI KÝ CỦA NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 118)

- BÌNH-NHẬT anh làm nghề gì ?  
— Cái nghề hiện tôi đang làm đây.  
— Thợ cạo ?  
— Phải rồi.  
— Nhưng tôi thấy anh thiếu lương-tâm nhà nghề. Chúng có là anh đã làm tôi chảy máu cảm. Anh nên biết rằng tôi sẽ là người khách hàng siêng năng nhất của anh. Vì râu của tôi cứ cách hai ngày phải cạo một lần. Tóc của tôi, một tuần lễ hớt một lần. Ở đây tù có được hớt tóc không ?  
— Không có kéo thì chịu !...Đề tôi ngoái tai cho anh vậy. Tôi ngoái đã ngứa lắm.

— Ô ! Anh ngoáy tai nữa à ? Anh định đâm thủng lỗ tai tôi để tôi không còn nghe chuyện anh nữa hay sao ?

— Anh đừng lo. Ở trong Lao Mật-thám này tất cả có gần 200 người, nghĩa là 400 trăm cái lỗ tai, anh phải biết, chỉ có một mình tôi ngoái.

— Anh cho tôi xem bộ đồ ngoái tai của anh trước đã.

Đồ-Tề (biệt hiệu Cút Đen) liền moi trong một khe tường khác một gói giấy. Anh mở gói ra, đưa tôi xem :

— Nay, cái móc tai : một chiếc đũa tôi bẻ làm đôi, và tiện một đầu làm cái móc. Nay, cái bông xoe, có cục bông gòn xoe vào êm dáo đề. Nay, cái nạo : một chiếc đũa, tôi chẻ ra thật mỏng. Trong tai anh có bao nhiêu cút ráy khô hay ướt, tôi lấy ra được hết. Anh ngồi yên, tôi ngoái cho anh xem.

Tôi hơi rùng mình. Tuy vào tù còn biết sợ là gì, nhưng lúc Đồ-Tề thọc cái mà anh gọi là cái « móc » vào lỗ tai tôi, thì, trời ơi, tôi lạnh cả người ! Tôi méo miệng để làm dấu-hiệu cho anh biết rằng tôi thấy đau. Đồ-Tề vẫn điềm-nhiên, thọc lần lượt ba cái que vào tai tôi : cái để móc, cái để nạo, cái để xoe. Dù sao tôi cũng phục cái tài của Đồ-Tề, vì sau 20 phút nạo móc, cào cào, trong lỗ nhĩ của tôi, anh ta đã để cho tôi một cảm-giác là lạ, nghe trong tai những tiếng lùng bùng... như tiếng trống nhà Sấm. Tôi cứ lo sợ rằng tai tôi sẽ có thể bị điếc vì những chuyện nhà nghề của chàng Đồ-Tề. Nhưng may quá, tai tôi không điếc, và tôi còn nghe rõ mọi thứ tiếng chung quanh nhà tù. Tôi vui mừng bắt tay cảm ơn Đồ-Tề. Tôi rời lên cầm thấy sạch nhẵn cả râu. Tóc con và lông măng trong thời gian tôi ở trong Ngục-thất Nhật, mọc đầy trên trán và hai bên má, hai bên tai, bây giờ đã được cạo nhẵn-nhụi bằng miếng mẽ chai của chàng Đồ-Tề.

Xong rồi, anh đưa tôi một cái lược : miếng gỗ mỏng, mài thật láng, và dùng mẽ chai khứa thành răng cưa. Cái lược của Đồ-Tề làm rất công phu, phải mất một tuần lễ, theo lời anh nói, mới hoàn thành, và giống y cái lược bán ngoài phố. Có thể nói là đẹp hơn, vì anh ta đã chịu khó dùng mẽ chai khắc trên lược một dòng chữ : *Coiffeur Đồ-Tề* .

Anh ta lấy một chén bẽ đi múc nước đem đến tưới trên đầu tôi, và lấy lược chải láng bóng. Rồi anh dắt tôi đi ngang qua cửa sổ của người lính gác, ngó vào tám kiến treo bên trong. Tôi đứng vuốt ve mái tóc, sờ cằm, sờ gáy, và ngắm nghía một lúc trong gương. Mặt mũi tôi bây giờ bảnh trai ra phết !

Đồ-Tề vỗ vai tôi :

— Cậu có thể ra chơi ngoài phố, không thẹn với các cô tiểu thư tân thời nhé.

Bây giờ đầu chải láng bóng, mày râu nhẵn nhụi, với bộ đồ tây nhều nát mà ông Chánh mật thám còn cho tôi mặc, với đôi giày tây gàn há miệng, áo sơ-mi bản thiu đã bắt đầu có rạn, chiếc cravate rút mồ hôi, tôi bắt đầu làm quen với anh chị em trong nhà tù.

Trước hết tôi muốn đi tìm Lư-trọng-Lư, nhưng người đến bắt tay tôi là chị Mẫn mà tôi đã được biết lúc mới thức dậy ngồi một mình bị mấy người đến trối. Chị Mẫn cho tôi biết chị là một nữ đảng viên đảng Cộng Sản Đông Dương. Chị còn trẻ, ước độ 30 tuổi, y phục theo lối thôn nữ, nhưng trong lúc nói chuyện chị dùng rất nhiều danh từ mới, danh từ mác-xít. Chồng chị bị đày đi Côn-đảo đã lâu, chưa về. Chị mới bị bắt trước tôi 15 ngày. Tay cầm một que đan, chị đan một chiếc áo len cho chị, vừa hỏi han tôi về vụ tôi bị Hiến binh Nhật bắt, vì sao tôi khỏi chết rồi lại bị Hiến binh Pháp bắt, giao cho mật thám Pháp giam vào đây. Trong lúc tôi kể đầu đuôi câu chuyện bằng một giọng khô hài, một số tù nhân lần lượt đến nghe, vây chặt lấy tôi. Tôi kể chuyện đến đâu, họ cười rồ lên đến đấy. Trong đám thính giả đứng vòng ngoài, có Lư trọng Lư nhô đầu lên, cười bảo :

— Nếu tao là Nhật thì Tao mổ ruột mi ra ! ( Mày tao là tiếng chúng tôi thường gọi nhau trong tù giữa bạn bè thân mật).

Tôi ngạc nhiên thấy có cả Khái Hưng trong đám. Tác giả « Nửa chừng xuân » có vẻ mặt già khòm, miệng hơi chu ra, đôi mắt lim dim buồn. Nguyễn Tuân ngồi xa xa, dưới góc cây mai. Tôi bước tới. Tuân đầu tóc bờm xờm, cười nửa miệng :

— Tụi tao cứ tưởng Nhật nó làm thịt mày rồi.

Lư đến gần :

— Hôm nay cho nó ăn một bữa thịt chuột.

Nguyễn Tuân lại cười. Miệng Nguyễn Tuân lúc nào cũng có vẻ cười hiên ngang :

— Còn một gói trong ấy...

Quây lại tôi, Tuân hỏi :

— Đêm qua mày đã ăn gì chưa ?

— Hiến-binh Pháp bỏ tao đói. Mật-thám cũng bỏ tao đói,

— Còn một gói thịt chuột trong nhà. Nhưng không cho mày ăn. Mới vào, bụng đói, ăn thịt nguội đi tả không kịp đâu nhé !

Khái-Hung xen vào :

— Phải làm bài thơ thịt chuột, trưa nay mới cho ăn thịt chuột chứ.

Tôi cười :

— Xem chừng vào đây ông nào cũng tán dương chuột cống dữ !  
Tớ xin đầu hàng vô điều kiện.

— Đầu hàng thế chớ nào được !

— Thi-sĩ mà không biết ăn thịt chuột, uống rượu Vân-diên, thì cho đi ở tù đáng lắm !

Bốn đứa tán gẫu, vui cười có vẻ vô tư-lự, bỗng năm sáu tiếng còi báo động rú lên, vang dậy cả vòm trời. Tù-nhân chạy cả vào xà-lim. Tôi chạy sau chị Mẫn, hỏi chị :

— Không có hầm núp sao chị ?

— Có hầm giữa sân đấy, nhưng để cho nhân viên Mật-thám Tụi mình, họ bắt vào xà-lim hết.

— Nhớ bom thả trúng xà-lim thì sao ?

— Thì chết.

— Trời !

— Nhưng không sao đâu, anh đừng sợ.

— Tôi biết có sợ đi ! Số tôi không bị chết bất đắc kỳ-tử đâu, chị ơi.

Chúng tôi chen chúc nhau vào xà-lim. Chị Mẫn rẽ qua xà-lim phụ nữ ở kế cận. Tôi vừa bước vào cửa, bị hai ba anh chạy sau xô đẩy

tôi xuýt ngã. Nhân viên Mật thám chạy hốt hoảng ngoài sân, lùa vào những kẻ còn lì lợm ở ngoài. Người cuối cùng vừa vào thì hai cánh cửa sắt vừa đóng ập lại cái « rầm ! » vang lên như tiếng bom nổ. Chìa khóa sắt kêu rắc... rắc... rồi kẹt... kẹt... ba lần. Ngồi trong xà-lim, tôi nghe ngoài đường phố tiếng xe chạy và người chạy nhón nhao, tiếng giày, tiếng guốc, tiếng còi xe hơi bí-bon... bí-bon..., chuông xe-đạp leng-keng... leng-keng... còi xe lửa... huýt !... Năm phút sau, cả thành phố Hà-nội im-lìm, không một tiếng động. Người ta chỉ còn nghe tiếng phi-cơ bay vù-vù trên trời... Một lúc lâu... lâu lắm... hồi-hộp .. im lìm,

Trong xà-lim, bốn anh đang đánh tờ-tôm trong một xô. Bên cạnh đói, ba anh làm sòng tài-bàn.

— Tam văn !

— Phóng !... Bát Sách !

— Bát gì ?

— Bát Sách !

— Bát sách à ? Đưa đây !

Người ấy đặt bài xuống mạnh chiếu rách, rung đùi la lớn :

— Xiu bàn ! Hả ! Hả ! Hả !

Anh ta cười, coi bộ sung sướng quá. Anh vừa « ù » một ván bài to, được ăn... 12 cục kẹo cau.

Đánh bài ăn kẹo, kẻ cũng lý thú. Anh ta ngược lên, ngó tôi với nụ cười đắc thắng :

— Này, kẻ thù của Nhật hoàng, Trăm thưởng cho Khanh một cục kẹo !...

Tôi đứng tựa cửa sổ song sắt, miệng nhai kẹo, mắt nhìn ra sân lao. Bảy giờ tôi mới có dịp xem xét sân lao của sở Mật thám Hà-nội Xà lim A nơi tôi bị giam là xà lim chính trị. Bên kia sân, đối diện với xà lim A là xà lim B để nhốt thường phạm gọi là « tù kinh tế ». Ở tít đằng cuối sân, đối diện với cổng giữa, là một xà lim vắng vẻ, tối tăm, có vẻ bí mật lạnh lùng, để giam mấy người tù bị án nặng, và tù sắp bị tử hình.

Ở góc sân có một cây mai, đang Xuân, hoa nở trắng xóa, thật đẹp. Phía sau cây mai là phòng tắm. Nơi cửa chính vào sân có «bốt» lính gác, và kế bên là cái hầm lớn đồ xô, xây bằng xi-măng cốt sắt để nhân viên Mật thám ẩn trú lánh nạn máy bay.

Còi vừa thổi hết báo động thì tụi mật thám từ trong hầm lần lượt chui ra. Một lúc sau, họ mở xà lim A cho chúng tôi ra sân. Bên phụ nữ, chị Mẫn chạy ra trước, tay cầm que len đan áo. Trông thấy tôi, chị cười và cho tôi còi mấy câu thơ chị vừa làm trong lúc báo động : Tôi còn nhớ nguyên văn bài thơ của chị Nữ đảng viên Cộng Sản :

Cái còi nó hú buồn hiu  
Cái còi nó rú, nó kêu thật buồn.  
Nó kêu như kẻ gọi hồn,  
Nó kêu thảm thiết như lòng tôi kêu...

Lưu Trọng Lưu có xem bài thơ trên liền phê bình ;  
—Thơ hôi mùi thịt chuột.

Trong xà-lim tuần, chúng tôi cũng thường làm thơ và họa thơ chơi cho vui. Suốt ngày rủ nhau « thơ thần », nhưng toàn là thơ khôi hài, chỉ đùa chơi cho khuây-khỏa nỗi buồn của những ngày vô-vị. Cũng có lần vì Thơ mà đập nhau, choảng nhau kịch-liệt. Như vụ một anh Cộng-sản làm bài thơ Đường-luật bát cú, chêm-biếm một anh trong đảng « Đại Việt » thân Nhật Anh này họa lại chữ xô Cộng-Sản. Thế là cuộc họa Thơ biến thành họa ầu-đá. Tôi thấy anh em Cộng Sản ở đây cũng đông, và bên Đại-Việt cũng không kém số, và không kém tài. Khẩu khí của ông nào cũng hung-hăng. Liệu bề cang-dáng hai bên không xong, chúng tôi, một đám đông, đứng nơi góc cây mai, lặng lẽ xem họ đánh nhau xáp-lá-cà...

(còn nữa)



★ ... với chàng mai xưa

... Trong đoạn Kiều đem những lý lẽ ra biện bạch khi từ chối lời chàng Kim xin nối lại tình xưa, có câu :

... « Chử trinh đáng giá ngàn vàng  
Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa »...

Tôi chưa được hiểu nghĩa 2 chữ *Mai xưa* ? Theo ngụ ý của tôi, thì ý Kiều muốn nói nhớ lại *Khi xưa* mà thẹn cho mình..., song lại có chữ *Mai* thật khó hiểu quá ! Nhờ bạn đọc giảng-giải hộ. Xin cảm ơn. Nguyễn-công-Chinh (KBC 4720).

★ Sống xa Quê Hương

... Sống xa quê-hương mà được đọc Phồ-Thông và Dân-Ta chúng em cảm thấy như là chúng em ở tại quê nhà. Đó là nhờ những tin-tức xác-thực, thẳng-thần, những đoạn văn giàu tính-chất văn-nghệ và hoàn-toàn xây dựng. Phồ-Thông đã mang đến cho chúng em nguồn an ủi vô tận mỗi khi buồn nhớ cố-hương. Phồ-Thông còn là món ăn tinh-thần rất có giá-trị đối với chúng em, những thân gái dặm-trường giữa xã-hội phồn-hoa đầy vật-chất. Đọc Phồ-Thông lòng thấy phấn khởi và gieo cho chúng em một ý-thức sâu xa đối với đồng-bào, chủng-tộc nó còn nhắc nhở chúng em « một bần-phận đối với tương-lai dân-tộc » mặc dù chúng em là phận gái, sức yếu, trí hèn...

Lê-thị-Hoàng-Huệ  
Nữ sinh-viên  
rue Abel Truchet Paris (17è)

● Thầy trò khiêu-vũ

Kính gửi : Ông Tổng-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục.  
Kính nhờ ông Giám-đốc Tạp-chí Phồ-Thông đăng lên P. T.



Kính thưa Ông.

Chúng tôi là một Thân-phụ của một trong những Nữ-sinh đã dự dạ-hội tại một trường Trung-học ở Nha-trang đêm 4-1-64, do Ông hiệu-trưởng tổ-chức.

Trân trọng kính trình Ông một việc như sau :

Ông Hiệu-trưởng trên đã lạm dụng sự dể-dãi của chính thể hiện tại, đã quyến rũ một số Nữ-sinh Nữ Trung-học Nha-trang từ Đệ-tứ đến Đệ-Nhị tới nhà Ông để Ông dạy nghề « khiêu-vũ » hơn cả tháng nay, (số Nữ-sinh này nói với cha mẹ ở nhà đi học thêm ban đêm). Rồi đem số vũ-nữ này đến dự buổi dạ-hội trên do Ông tổ-chức. Trong buổi dạ-hội này có rất nhiều Giáo-sư ở các trường Trung-Học Nha-trang tham dự, sau cuộc tiệc xong, thầy trò ôm nhau cho đến 12 giờ khuya. Sự việc trên khi chúng tôi được nghe biết thì chuyện đã xong, chúng tôi nhận thấy những hành-dộng trên rất không tốt đối với hai chữ Thầy và Trò, chúng tôi cũng cực-lực phản-đối những hành-dộng ấy.

Nay kính  
Nha-trang, ngày 6-1-64  
**Nguyễn-Ba**

Thân-phụ của một trong những Nữ-sinh đã dự dạ-hội trên

\*\*\*

Các gia-đình nên đón nghe

**Tiếng nói . GIA-ĐÌNH-THÂN-YÊU :**

Trên đài Phát Thanh Quốc-gia mỗi tuần, từ 7g15 đến 8 giờ tối Thứ Bảy, do cô Diệu-Huyền phụ trách.

SẮP IN XONG :

**BƠ - VƠ**

TRUYỆN DÀI

của **MINH ĐỨC**

« Mọi người sinh ra đều bơ vơ ... »

Tác giả xuất bản

## ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ **Bạn Ngọc Lan, Banmêthuột**

Bệnh của bạn khá nặng. Bạn nên đi Bác-sĩ chuyên-môn khoa phụ nữ.

★ **Bạn Hương, Kỳ-Trung**

27-11 Canh Thìn = 25-12-1940

7-3 Mậu Tý = 15-4-1948

18-12 Canh Dần = 25-1-1951

★ **Bạn Hoàng-thanh-Trúc, Tam Kỳ**

19-9 Nhâm-Ngọ = 28-10-1942

30-11 Nhâm-Ngọ = 6-1-1943

★ **Bạn Quỳnh-Anh Saigon**

5-9-1940 = 4-8 Canh-Thìn

★ **Bạn Nguyễn-công-Chinh KBC 4720**

Rằm tháng chạp, năm Ất-vị = ngày Thứ Sáu 27-1-1956

★ **Bạn X. Gia-Định**

N.A.S.A. = National Air and Space Administration (cơ quan quản trị hàng không không gian Mỹ)

★ **Điệp-thanh-Hải, KBC 4969**

Theo Địa-chất học (Géologie), trong đó có khoa cổ-sinh-vật-học (paléontologie) thì Địa-cầu lúc nguyên-thủy là một khối lửa chưa có hình thể rõ rệt do từ Mặt trời tách ra, xoay tròn chung quanh Mặt trời và nguội dần dần, đến nay được 3 triệu năm. Hai triệu năm đầu là thời gian quả Đất nguội dần dần để thành hình thể như ngày nay : nghĩa là có sông, có hồ, có biển, có đại dương, có núi cao, núi thấp, v.v... Thời gian cấu tạo này chia ra 4 thời kỳ : thời kỳ thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư. *Période primaire, secondaire, tertiaire, quaternaire*). Trước tất cả, là thời-kỳ *précambrien* (trước-cambrien) là tuổi sơ khai của Địa-cầu, thời-kỳ này không thể tính là bao lâu vì không có vết-tích gì của Hóa-thạch (*fossiles*), chưa có cây cỏ, sinh vật gì cả. Tóm tắt, thời-kỳ thứ nhất (*primaire*) mặt đất bị bao trùm

mênh-mông vô-tận bởi những đám rậm toàn là rêu, cây đuôi-chùa-  
 dương-xỉ (*fougères, calamites v.v...*) Về cầm-thú thì mới có các giống  
 xoan-tràng (*coelentérés*), ngày nay không có nữa, và các loại san-hô  
*coralliaires, madrépores*, sứa biển, hải-tinh, hải-dờm (*Etoiles de mer,*  
*oursins*) tôm, cua, chuồn chuồn, dán, châu-chấu, cào-cào; rệp, các  
 loài bò sát có vẩy và cao lớn, như loại *dinosaures* (ngày nay không  
 còn nữa...)

Thời-kỳ thứ hai (*secondaires*): Xuất-hiện những loại cây có hoa,  
 có trái, có hạt, và các loại cây thông, cây thùy-dương v.v.. Các loại  
 san hô đã tiến triển, bờ-cạp (xác lớn) các loài bươm-bướm, các loài  
 chim, cá mực, và các loài cá. Thời-kỳ thứ ba (*tertiaire*). Xuất hiện  
 các giống chim và dần dần các loài có vú: ngựa, bò, heo v.v... Que  
 thời-kỳ thứ tư (*quaternaires*) mới xuất hiện các loài khỉ rồi sau mới  
 đến loài người. Nhưng loài người thời bấy giờ hầy còn sơ-sinh,  
 sơ-khai (cách nay vào khoảng 1 triệu năm), thời kỳ còn ăn lông ở  
 lỗ, hoàn-toàn dã-man, không hơn thú vật mấy, và không hề di-  
 tích gì. Mãi đến 500.000 năm trước đây, mới thấy dấu vết của  
 giống người xưa nhất, ở đảo Java, mà Tân-khoa-học gọi là giống  
 « *Pithecanthropus Erectus* ».

25 000 năm trước đây, giống người đã hơi phát-triển hơn,  
 và còn để lại dấu vết ở Cromagnon (tỉnh Dordogne, ở Pháp) mà  
 khoa học gọi là giống « *homo sapiens* » giống người này đã biết  
 dùng đá (mài đá làm ná, làm dao)

4.500 năm trước J.C. biết dùng xương làm các loại kim may  
 áo quần, mũi tên, v.v...

3000 năm trước J.C. mới biết dùng sắt, và từ đây loài người  
 mới bắt đầu « văn minh » đôi chút...

★ **O. Phúc-Thiện, Quảng Ngãi**

27-2 Quý Hợi = 12-4-1923.

★ **Ô. Lâm-trần-Dương, Tòa Hành chính Dalat**

20-10-1943 = 22-9 Quý-Mùi.

★ **Ô. Độc giả Pleiku**

Người Pháp thường viết *Heure H.* và *Jour J.* nghĩa là đến giờ  
 nào đó, thí dụ đến đúng 6 giờ (6 heures), ta gọi 6 giờ là *Heure H.*  
 hoặc đến đúng ngày 10, thì đúng ngày ấy ta gọi là *Jour J.*

# SÁCH BÁO MỚI

★ **Hình Bóng cũ**, Tiểu thuyết của Sơn-Nam

Phù-Sa xuất bản. Truyện hấp dẫn văn gọn gàng, dễ thương —  
 100 trang — 24\$.

★ **Tiểu thuyết thứ năm**, Tuần báo xuất bản ngày thứ Năm  
 Số ra mắt bán 2\$

Quản nhiệm: bà Nguyễn thị Loan, Chủ bút: Thanh Thủy,  
 Thư ký tòa soạn: Nguyễn vương Thế — Tòa soạn 18 Phan văn  
 Hùm, Saigon.

★ **Lễ Tân Phong Tình yêu**

Thơ của Vũ-Thúy — Thụy-Ca, Qui nhơn. 37 bài, 78 trang.  
 Người-hôm-nay xuất bản.

★ **Hoa Tâm Tư**, Thơ của Bà Quý Hương. (1938—1963).  
 Quỳnh-Dao xuất bản.

Phần nhiều là Thơ Đường luật, Lục bát, Tứ-tuyệt liên ngâm.  
 Phong độ cổ thi, dịu dàng, êm đẹp. Quay ronéo. Gắn 100 trang-  
 Giá 70\$

● **Curiosités diplomatiques et Protocolaires du  
 Việt-nam d'autrefois** par Thái-văn-Kiểm.

Ông Thái văn Kiểm là một học giả có viết trong Phở Thông  
 tạp chí, hiện Giám-đốc Đài Vô tuyến truyền thanh Quốc gia, Saigon.

Tập sách mỏng này kể lại những chuyện vui bên lề các cuộc  
 ngoại giao của Việt-Nam thời xưa. Pháp văn lưu loát và lối kể  
 chuyện có duyên, người đọc thích thú.

★ **Văn hóa nguyệt san**, Số 87 (tháng 11-1963) của Nha  
 Văn-hóa Bộ Q.G.G.D.

★ **Giác Hồ** Phi-phẩm.

Thơ của Hoài-Luân. Có hình của tác giả nơi trang bìa sau.  
 79 bài, giá 50\$. Tác giả xuất bản.

## HỖ TÍN

Chúng tôi vui mừng được tin thành hôn của cô Cao-Minh-Nguyệt,  
 ái nữ của Bà Nguyễn-thị-Bé ở Bình-Dương, sánh duyên cùng cậu  
 Bùi-Đức-Hợp, qui nam của Ông Bà Bùi-đức-Phu, Saigon. Xin thành  
 thật chúc đôi bạn trẻ được hạnh phúc viên mãn.

NGUYỄN-VỸ

## Phụng Sự Quý Thân Chủ

Nhân dịp Tân Xuân, hãng B.G.I. với lòng quý mến và tri ân, chân thành kính chúc quý vị Một Năm thịnh vượng, thành công và hạnh phúc.

Luôn cố gắng đền đáp lại lòng tín nhiệm của quý vị, Hãng cải tiến và canh tân không ngừng mọi phương thức sản xuất để đạt đến mức hoàn hảo cả về phẩm lẫn lượng.

Về phẩm chất của các loại giải lao Con Cọp do hãng B.G.I. chế tạo, quý vị nhận thấy các đặc điểm được tăng tiến như sau: La ve Larue ngon thêm và bổ hơn nhờ chuyên viên dày kinh nghiệm và tận tâm, và nhờ hoạt động cần mẫn, linh lợi của phòng thí nghiệm riêng của hãng với các dụng cụ tối tân. La ve « 33 » cũng vậy, hương vị càng ngày càng đậm đà, vượt xa hẳn nhiều loại La-ve Âu Mỹ. Các loại La ve nhập cảng không bao giờ có thể giữ trọn vẹn chất tươi quý giá của La-ve, vì phải chuyên chở lâu ngày qua các chặng đường xa xôi và thời tiết luôn luôn thay đổi. Ở V.N. chỉ có La-ve thượng hạng « 33 » mới được bảo đảm hoàn toàn về « chất tươi đặc biệt » của thứ La ve chế tạo ngay tại chỗ cung cấp từ nhà máy đến người tiêu thụ trong một thời gian tối thiểu và điều kiện thời tiết thuận tiện.

Các loại nước ngọt Con Cọp đều được tinh chế và kiểm soát kỹ lưỡng cho đảm đầy đủ tính chất thơm ngon và bổ khỏe. Hai thứ Xá-Xị Hòa Tiên và Bạc Hà Con Cọp được quý vị hoàn hảo đặc biệt đến nỗi số cung không theo kịp số cầu trong những ngày nóng bức. Các loại Si Rô cũng được gia tăng phẩm chất cho đảm mỗi ngày thêm vừa ý quý vị.

Không những phẩm chất các loại giải lao được gia tăng mà Hãng B.G.I. còn cố gắng về sự trình bày cho thêm đẹp mắt quý vị. Các loại chai mới đã thay thế chai cũ, như chai Hòa Tiên cho Xá Xị Con Cọp, chai Apollinaris cho La-Ve « 33 », chai Hột Gạo rất mỹ thuật cho các thứ Si-Rô Con Cọp mà quý vị thường mua để làm quà biếu, thích hợp và tiện lợi.

Về số lượng hãng luôn luôn giữ vững được mức sản xuất cao, như vậy lòng tín nhiệm của quý vị là một sự khuyến khích lớn lao và cũng là một lý do khiến hãng B.G.I. luôn luôn trung thành với phương châm: «Phụng sự quyền lợi của quý vị thân chủ tận hể».

## Sở-Số Kiến-Thiết Quốc-Gia Giúp nước thêm nhà ta thêm cửa

3 LÔ ĐỘC ĐẮC  
mỗi lô :

**1.000.000\$**

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10\$

THẦN-TÀI CHĂNG VỊ RIÊNG AI  
CỨ MUA VÉ SỐ  
THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

## THƯ LÂM AN THƯ QUÁN

231-233, Phạm Ngũ Lão - Sài Gòn

Điện-thoại : 25 861

Số thương-mại Sài Gòn số 640 A

Số Quốc Gia Danh Bộ 25 129 54 001

- In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ văn phòng bằng Việt, Pháp, Anh
- Hân tự
- In lịch treo — Lịch bỏ túi — Nhân hiệu, bao hộp — đóng sách đẹp
- Cung cấp dài hạn ấn-phẩm, dụng cụ văn phòng cho công sở, tư sở, tại Sài Gòn và các Tỉnh.
- Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu cờ cho các hiệu đoàn, nhân cô áo (étiquettes) lớn, nhỏ đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền không phai.
- ★ Gửi bưu phiếu thanh toán xin dùng Thiếp phiếu mẫu C.H. 1418 (do Bưu điện phát không) chuyển tiền vào Trương mục.

Sài Gòn T/M số 2701

## THƯ LÂM AN THƯ QUÁN

- ★ Gửi tiền bằng cách này không tốn cước mandat và cò thợ chi cả, lại được nhanh chóng và không sợ bị thất lạc.

# HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

# HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC AU MY

# HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Kiểm nhận số 38/Q.C.D.P.BY.T. ngày 22-7-60

## Hãng B.G.I.

Nhân dịp Tân Xuân

Với lòng quý mến tri ân Quý Ngài

Chân thành Kính Chúc Quý Ngài :

Một Năm Thắng lợi, Vượng tài, Thành công  
Vạn sự, Vạn phúc hanh thông.



CUNG CHÚC TÂN XUÂN  
Hãng B.G.I.

TRUNG TÍN  
PHỤNG SỰ

Tiếng reo xen tiếng trống Lân  
Các em nhảy múa vui Xuân tung bồng  
Tươi vui như lúc reo mừng  
Nước ngọt Con Cọp được dùng cả chai :  
Thêm Khôn, thêm Khỏe, thêm Tài !

# THUỐC RƯỢU 39

NGUYỄN AN CỬ

Trị nhức mỏi, phong thấp

BỔ HUYẾT TIÊU PHONG

Mỗi hộp có quế tốt

Uống năm ngày,

Các hiệu thuốc Tàu, Ta

đều có bán

K.N. — BYT/số 26 — ngày 9-5.63

Hãy dùng sơn

## « FALÉKOTE »

của hãng sơn LA PHALENE

Chế tạo bằng nhựa hóa-học : **Épikote** và **Silicone** do một nhóm kỹ-sư chuyên-môn nhiều năm kinh-nghiệm trong ngành sơn nghiên-cứu áp-dụng đúng công-thức Âu-Mỹ.

- **ĐẶC-TÍNH** : Chịu đựng nổi chất hóa-học (như soude và acide), thời-tiết, nước mặn (nước biển).
  - Ky-hỏa (ignifuge).
- **CÔNG-DỤNG** : Sơn xi-măng, hồ tắm, lon hộp đựng thức ăn, nước mắt, sườn nhà bằng sắt, nóc nhà tôle hay tráng goudron, máy móc và dụng-cụ, v.v...
- **ĐẶC-BIỆT DÙNG SƠN TÀU THỦY** (peinture marine) đã được nhiều cơ-quan chính-quyền nhìn nhận : bền và tốt không kém sơn ngoại quốc.

Hãng sơn « LA PHALÈNE »

Văn-phòng : 13, Ngô-đức-Kể — SAIGON

Đ.T. 21.304

Xưởng máy : 270 Bùi-hữu-Nghĩa — GIA-ĐÌNH

EM NHỎ HỒNG!

Hãy cho em uống

**THUỐC BAN HỒNG KIM-QUAN**  
(PAKEMID Q.)

**NHA THUỐC TÂY KIM-QUAN**  
SỐ 170 NGANG THỜI ĐINH THẠNH SAIGON



K.N. số 260 ngày 20-6-63

**KINH LÝ VĂN PHÒNG**  
170, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon  
Điện-thoại : 23.187

**Phạm - văn - Lạng**

Giám - Định Trắc - địa - sư  
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh Giản

SAIGON

**MỸ-DUNG-LÔ**  
*Hồng - Nguyễn*

Làm cho da mặt mịn màng  
Tiêu tan các vết nám đen  
Các thui mụn trên mặt,  
và hờm sảy cho trẻ em  
Nhũ trang **HÔNG-NGUYỄN**  
246, đại-lộ: Nguyễn-Hoàng  
Chợ Lớn

**CƠ BÀN KHẮP NƠI**



K.N. số 242, ngày 20-6-63

**Công - Ty Bảo - Hiểm**

« **LE SECOURS** »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro

Try sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện - Thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Cung chúc Tân Xuân

## Văn - Cầm

Một công-kỹ nghệ gia được tin-nhiệm  
Khai thác lâm-sản—Xưởng giặt máy  
Rạp chộp bóng—cung cấp vật liệu  
135, Đ.I. Hàm-Nghi Saigon — Đ.T 21.284



Cơ sở của Hãng VĂN-CẦM:

● 3 Xưởng giặt ủi máy:

**Giặt, Hấp, Tẩy**

Kỹ lưỡng nhanh chóng

Có bảo - đảm

- NHA - TRANG
- VŨNG - TÀU
- SAIGON, 135, Đại lộ Hàm-Nghi, Đ. T. 21.284



● **BIỆT-THỰ Huyền - Trân**

10, Đường Huyền - Trân Công - Chúa

(Gần Couvent des Oiseaux — Petit Lycée) DALAT

- Nhiều phòng cho thuê giá rẻ, đủ tiện nghi, nước nóng. Có chỗ để xe. Chỗ cho người giúp việc nghỉ không tính tiền.

TINH THẦN SUY KÉM,  
Đàn Ông cũng như Đàn Bà :  
đã có sẵn thuốc

## Bò Thận SAM - NHUNG DƯỢC - TINH

Trữ bán khắp nơi

VIÊN - ĐÔNG DƯỢC - HÃNG  
115 đường Phùng-Hưng — CHOLON

K.N số : 674 ngày 17-1-64

Lò ngói và gạch máy PHÚ - HỮU

## TUILPHUUU

(SÁNG LẬP 1929)

GẠCH BÔNG

CƯ-XÁ TUILPHUUU

Xưởng : Phuhu — Đôngphư — Phuthu — (Cầntho)  
Hãng : kép-đường Phan-Châu-Trình — (Giadinh)

ĐT. 20.715



## CƯ-XÁ TUILPHUUU

Chắc-chắn, Mỹ-thuật, giá phải chăng.  
Trả tiền dễ-dàng, vùng an-ninh, giao  
thông thuận-tiện, đầy đủ tiện-nghi.

**GẠCH BÔNG MÁY ÉP HƠI**

CHIÊM GIẢI NHẤT Marseille và màu không phai lạt. giá rẻ.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TUILPHUUU

**HO,** **Bổ-phế linh-đơn Thụy-Lâm loại A**  
TRJ : Các chứng ho lâu năm, nhiều đàm, ho cảm, ho đàm  
ho gió, yếu phổi, rang ngực, tự nhiên sút cân.

**Bạch-Đới,** **hoàn Thụy-Lâm**  
TRJ : Cứng đầu cơn, ngứa cửa mình, ra huyết  
trắng (các tiệm thuốc Bắc đều có bán)  
Nhà thuốc **THUY-LÂM** 191 Gia-Long, Saigon  
K.N. số 425 ngày 25-9-63

**Gần Đến kinh kỳ,** Bần thần đã dươi, hay là đang  
hành kinh mà đau bụng, uống :  
**Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ».** Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt,  
Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc «**Ông Tiên**» Phú-Lâm Cholon  
K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

**Phong Ngứa,** Ghê chốc, lở loét, gãi tới đầu lan tới đó,  
không phải thoa phết sớ sài ngoài da mà  
hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »**  
30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.  
Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)

## HO! HO!

1) Các chứng ho : Ho Phong, ho đàm, ho siêng Ho rang tức  
ngực, ho lâu ngày, ho sản hậu, nên dùng **HUỆT PHÁT  
PHÒNG LAO THẢO** do Tang Nha chế tạo, đề mạnh Phổi, lành ho.  
2) Yếu Tim, Đau Tim, Thần Kinh suy yếu ! dùng : **AN THẦN  
BỬU** trị các chứng tim đập hồi hộp, mất ngủ xây xẩm chóng mặt,  
Dùng đề an thần định trí, mát gan dễ ngủ.

3) **ĐẠI BỔ LONG PHỤNG TINH** : Thuốc bổ cho người lao  
lạc, lao lực, mệt mỏi đau lưng kém ăn ít ngủ, và các chứng thiếu máu.

4) Bệnh của Phụ nữ : Kinh nguyệt bất thường thiếu máu, mặt  
mét, đau lưng, bạch-đái hạ ít ăn ngủ, nhức mỏi tay chơn quí Bà  
dùng **PHỤ NỮ HÒI XUÂN TỐ.**

5) Bệnh Phong Thấp, đau khớp xương, nhức gân, tê bại, tay chơn  
hay đỏ mồ hôi tứ chi bãi hoài dùng **THẢO LINH SƠN** Di An Hòa.

6) Quí Bà có thai bị bệnh thiếu máu sanh ra ya mửa, bần thần,  
mỏi mệt, thai trắng đau lưng. Quí Bà dùng : **DƯỠNG THAI BẢO  
SẢN HOÀN** Di An Hòa.

7) Ai có bệnh Phong ngứa, ghê chốc, lở loét ngoài da tìm thuốc  
**PHONG NGỨA** Di An Hòa đề lọc máu giải phong.



(Có đề bán ở các tiệm thuốc bắc)

Tổng Phát hành : Nhà thuốc **DI ANH HÒA.**

252A LÊ THÁNH TÔN Saigon — BYT/Kiểm Nhận ngày 18-12-1963

BAN.NÓNG.CẢM.HO  
**Euquinol**

K.N. số 351/BYT 2-8-63



**POLYVIT C<sub>a</sub>**  
**TÉVÉTÉ**  
DÀN BÀ DƯỠNG THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ  
TRẺ EM ỒM-YẾU, ÈO-ỢT, CHẴM MỌC RĂNG  
**THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI**  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-ĐƯỢC

K.N. số 251 BYT/QCDP/18-10-62



**GLUCOCÉ**  
**TÉVÉTÉ**  
**KEO SINH TỐ**  
CHỐNG MỆT-MỎI THỀ XÁC và TRỊ-ỢC  
NGỪA NHIỆM-ĐỘC VI-TRÙNG  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-ĐƯỢC

K.N. số 252 BYT/QCDP/18-10-62